



CAO ĐÀI GIÁO LÝ

MỪNG LỄ VU LAN 2012

KHÁI LƯỢC VỀ
QUYỀN PHÁP

TRUNG
ĐẠO

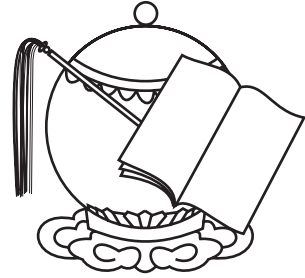
GIAO LƯU VÀ
HỢP LƯU ĐỂ
TRƯỜNG LƯU

PHÁP QUÁN THỂ ÂM
LỤC TỰ ĐẠI MINH
CHƠN NGÔN

CHÙ "HIẾU"
TRONG MÙA
VU LAN

ĐỊA TẶNG VƯƠNG BỒ TÁT VỚI
HẠNH NGUYỆN CỨU VÔT CHÚNG SANH

115

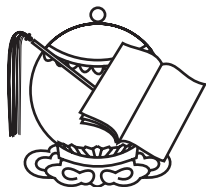


Nội san Cao Đài Giáo Lý số 115

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chữ đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN



Nội san Cao Đài Giáo Lý số 115

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.



CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO - Rằm Tháng 7 Nhâm Thìn - 31-8-2012

CAO ĐÀI GIÁO LÝ



mục lục

GIAO LỮU VÀ HỢP LỮU ĐỂ TRƯỜNG LỮU	4
■ Ban biên tập.	
HỌC THÁNH NGÔN	6
■ Cao Triều Thiên Tâm.	
PHÁP QUÁN THỂ ÂM: LỤC TỰ ĐẠI MINH CHƠN NGÔN	9
■ Giáo sĩ Hoàng Mai.	
KHÁI LƯỢC VỀ QUYỀN PHÁP	16
■ Thiện Hạnh.	
TRUNG ĐẠO	24
■ Hồng Phúc.	
NGƯỜI TÂN TÍN ĐỒ CẦN BIẾT VỀ TAM ĐÀI (2)	35
■ Huệ Nhẫn.	
TÌM HIỂU THÊM VỀ CÔNG PHU QUÁ THÁNH GIÁO	39
■ Đạt Tường.	

ĐỊA TẶNG VƯƠNG BỔ TÁT VỚI HẠNH NGUYỄN CỨU VỚT CHÚNG SANH	43
■ <i>Xuân Mai.</i>	
THÔNG CÔNG	49
■ <i>Đạt Tường.</i>	
ĐỜI ĐÃ SANG TRANG NHỜ ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO	52
■ <i>Công Huy.</i>	
BÀI HỌC TỪ NGƯỜI XƯA	61
■ <i>Nguyễn Đức Hạp.</i>	
ÁNH THÁI DƯƠNG TỎ RẠNG BIỂN ĐÔNG	64
■ <i>Đỗ Tấn Thông.</i>	
THÁNH TỊNH HÒA AN PHỔ HÓA THÁNH SỞ CAO ĐÀI CÓ NGUỒN GỐC PHẬT GIÁO	66
■ <i>Đạt Truyền.</i>	
PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG	70
■ <i>Việt Diệu.</i>	
CHỮ HIẾU TRONG MÙA VU LAN	73
■ <i>Bạch Tuyết.</i>	
VUI HỌC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI TẬP 1	75
■ <i>Trần Ngọc Tâm biên soạn.</i>	
NÉT ĐẸP NHÂN VĂN TRONG THƠ VĂN NGUYỄN TRÁI	77
■ <i>Diệu Thuận tổng hợp.</i>	
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2012 CỦA PHÒNG KHÁM BỆNH PHƯỚC THIỆN CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO	84
■ <i>Kim Trinh.</i>	
TRANG THƠ: TÔI VỀ THẮT	86
■ <i>Công Huy.</i>	
LẶNG LẼ	86
■ <i>Hồng Phúc.</i>	
ĐỌC INTERNET: VIỆN TRẦN NHÂN TÔNG TẠI HOA KỲ	88
■ <i>V.T. sưu tầm.</i>	
KIẾN THỨC DINH DƯỠNG: ĐẬU NÀNH TRONG LĨNH VỰC Y KHOA	91
■ <i>V.T. sưu tầm • Theo Trần Anh Kiệt.</i>	
TRANG GIA CHÁNH: BÌ CHAY	95
■ <i>Bạch Tuyết.</i>	
TIỂU SỬ HIỀN HUYNH XỬ LÝ HÀNH CHÁNH VỤ CHÍ KIÊN - VÕ VĂN LIÊM (1940-2012)	96
■ <i>Giáo sĩ Huệ Ý.</i>	
THEO DÒNG ĐẠO SỰ	100
■ <i>Bạch Cúc.</i>	

Giao lưu & hợp lưu Để trường lưu

Khoảng hai thập kỷ gần đây, trong nhiều lĩnh vực sinh hoạt xã hội tập thể, người ta thường dùng từ ngữ “giao lưu” để chỉ những cuộc gặp gỡ trao đổi, thảo luận, tìm hiểu lẫn nhau về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, lối sống, kể cả về sức khỏe, kinh tế, du lịch, từ thiện, tôn giáo...

Hai chữ “giao lưu” đem lại ấn tượng về những mối quan hệ đa phương nhằm đến sự thông cảm, hiểu biết, hợp tác với nhau giữa các thành phần xã hội, giữa các thế hệ, giữa các đoàn thể trong nước hay quốc tế.

Trong thời đại hiện nay, những tiến bộ không ngừng về giao thông, truyền thông đã làm nở rộ phong trào giao lưu trên toàn thế giới. Xu thế đó phù hợp với văn minh thời đại, với kỳ vọng sống chung hòa bình và tiến bộ của các dân tộc trên thế giới.

Tiến tới giao lưu là mặc nhiên bỏ lại phía sau những thành kiến tiêu cực, những thái độ kỳ thị, đối đầu dẫn đến chia rẽ, thù nghịch...

Trong giải bóng đá Euro 2012 vừa qua, các nhà tổ chức đã nêu lên tinh thần chủ đạo của những cuộc thi đấu là “RESPECT DIVERSITY” (Tôn trọng tính đa dạng). Ông Gillieron (thành viên Ban Tổ chức của UEFA (Union of European Football Associations) nói với khán giả: “Chúng tôi đang ở đây để chào mừng sự đa dạng: đa dạng trong bóng đá và sự đa dạng trong xã hội. Trong thập kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của UEFA và bạn bè của chúng tôi tại FARE¹ (Bóng đá chống phân biệt chủng tộc), bóng đá đã và đang phấn đấu tốt hơn và góp phần cải thiện xã hội bằng cách thúc đẩy khoan dung (tolerance) và tôn trọng đa dạng. (respect diversity).”²

1. Bóng đá chống phân biệt chủng tộc ở châu Âu (FARE: Football Against Racism in Europe).

2. <http://www.uefa.com/uefa/socialresponsibility/respect/news/newsid=1811458.html>

Cốt tủy của khẩu hiệu “Respect diversity” là chống phân biệt và kỳ thị chủng tộc; đề cao cái cao quý nhất, cái giá trị chung giữa cái đa dạng của con người, giữa các loại hình sinh hoạt tập thể.

Cách đây 25 năm, Đức Giáo Hoàng Jean Paul II có sáng kiến mời các vị lãnh đạo nhiều tôn giáo ngoài Ki Tô đến thành phố Assisi (Ý) để cùng cầu nguyện cho hòa bình thế giới. “Tại Paris, Ngày 27 tháng 10 năm 2011, trước một cử tọa quan trọng, các nhà lãnh đạo các tôn giáo lớn ở Pháp (Công giáo, Tin Lành, Chính Thống, Do Thái giáo, Hồi giáo, Phật giáo) đã gặp nhau tại quảng trường Trocadéro, Paris, để kêu gọi hòa bình trên thế giới. Cuộc hội ngộ này do Tổng giám mục Paris và cộng đoàn Thánh Egidio tổ chức, để kỷ niệm 25 năm ngày hội ngộ liên tôn ở Assisi do Đức cố Giáo hoàng Gioan Phaolô II khởi xướng.

“Hòa bình, đối thoại, gặp gỡ, khám phá, tương kính...” là những từ ngữ được lặp đi lặp lại như điệp khúc trong suốt cuộc hội ngộ để ghi khắc ý muốn chung của các diễn giả, muốn bày tỏ cùng một xác tín. Đức Tổng giám mục André Vingt-Trois, Tổng giám mục Paris kiêm chủ tịch Hội đồng Giám mục Pháp, đã hóm hỉnh nhấn mạnh: “Chúng tôi tụ họp nơi đây không phải để so sánh các tôn giáo hay phẩm phục của chúng tôi, hoặc để xóa đi những khác biệt, nhưng chúng tôi

đến đây để bày tỏ ý muốn của các tôn giáo là trở nên những nhân tố hòa bình... Chúng tôi quy tụ để nói lên rằng sự lắng nghe, lòng tương kính là những phẩm chất gắn liền với từng tôn giáo của chúng tôi.”³

Năm 2008, tại một Thánh thất thuộc Hội thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo (Cà Mau), đại biểu 8 Hội thánh và 4 Tổ chức trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã tham gia lần đầu tiên “Họp mặt giao lưu tôn giáo Cao Đài”. Đó là tiền đề khai sinh “TỔ CHỨC GIAO LƯU CÁC HỘI THÁNH VÀ CÁC TỔ CHỨC TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ” mà sau 5 lần Hội nghị giao lưu, đã đạt được đồng thuận nhiều quan điểm, nhiều hình thức hợp tác không phân biệt chi phái, có triển vọng đi đến thống nhất tinh thần trên nền tảng đồng sứ mạng phổ truyền Chánh pháp Đại Đạo, góp phần xây dựng thế giới đại đồng thánh đức. Vô hình trung, tinh thần “Assisi”, tinh thần giao lưu tôn giáo Cao Đài, tinh thần “Respect Diversity”, đã gặp nhau. Có thể nói các dòng chảy hướng về lý tưởng Đại đồng đang giao lưu và sẽ hợp lưu làm thành sức mạnh kỳ diệu biến đổi thế giới khổ đau trở nên an lạc.

Để giữ được niềm tin lạc quan ấy, từng người dân, từng tín đồ và hướng đạo các tôn giáo, cần thấu triệt ý nghĩa 2 chữ

3. <http://gpbanmethuot.vn/content/%E2%80%9Ctinht%E1%BA%A7n-assisi%E2%80%9D-t%E1%BA%A1i-paris>

GIAO LƯU. Giao lưu để HỢP LƯU mới TRƯỜNG LƯU làm nên BIẾN CẢ chan chứa sức sống vô biên bất tuyệt cho muôn loài. Những động thái ích kỷ, đố kỵ, phân biệt ta người chính là ngăn sông đắp rạch tạo ra những ao hồ lẻ loi.

Cơ Đạo bao giờ cũng song hành hai nguồn năng lực Âm Dương, phần Âm tuy thâm lặng dịu dàng nhưng thọ bẩm bản chất bao dung từ ái của Đức Vô Cực Từ Tôn, nên từ lâu đã len lỏi khắp chốn, gieo rắc đức tin cứu độ Kỳ Ba để chị em nữ phái Cao Đài nắm vững vai trò “nữ tướng tài thành”, góp công, góp đức cùng hàng hướng đạo nam phái xây dựng xã hội bình đẳng, tiến bộ. Đó là dòng nước thanh lương “Chung hòa” đang xóa dần những ngăn cách phân ly do bánh xe lịch sử để lại. Ngẫu nhiên hay thiên ý, dòng chảy thâm lặng nầy cũng mang tâm huyết “giao lưu”, nên đã làm trở dậy niềm tự tin, niềm tự hào là con yêu của Đức Từ Mẫu, mạnh dạn bước ra khỏi mặc cảm yếu mềm hay chất phác, lãnh lấy trách nhiệm chung, vun đắp tương lai cơ Đạo.

Những chuyển biến như trên đây đang đánh dấu cơ “Quy nguyên phục Nhất” của Tam Kỳ Phổ Độ. Đó là Thiên cơ, dầu muốn hay không muốn, dù hình thức này hay màu sắc khác, dù khoa học hay tôn giáo, nhân sinh hay tâm linh, tất cả sẽ gặp nhau và phải dung hòa NHẤT LÝ mới kiến tạo được HÒA BÌNH VĨNH CỬU. ■

HỌC THÁNH NGÔN

■ CAO TRIỀU THIÊN TÂM

I. ĐỨC NGŨ ĐẠI TIÊN DẠY:

“Người tu đã cần hạnh, mà còn phải cần ngôn, bởi lẽ một lời dính dấp phải ở lại đáp đến oan trái thì cũng cả trăm năm.”

[CAO ĐÀI ĐẠI ĐẠO, CHIẾU MINH TAM THANH VÔ VI, “TIẾU SỬ HÀNH ĐẠO CỦA ĐỨC NGŨ MINH CHIÊU TR.170, 2010]

1. Trong tam nghiệp: thân, khẩu, ý, cần hạnh là bước đầu của tịnh thân, cần ngôn là bước đầu của tịnh khẩu. Tầm quan trọng của tịnh khẩu được Đức Đông Phương Lão Tổ dạy *“Khẩu khai thân, khí tán”*. Tịnh khẩu là IM LẶNG. Từ im lặng chúng ta tiến đến YÊN LẶNG, tức là vừa tịnh khẩu, vừa tịnh luôn cả năm căn còn lại: nhãn, nhĩ, tỉ, thân, ý. Yên lặng là việc làm trước hết của hành giả khi tu tịnh, Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*Trước xem xét thân, tâm, khẩu, ý,
Sau lặng tìm yếu lý lưu hành.*

2. Trở lại lời Đức Ngũ Đại Tiên dạy:

- Do vô tình mà khai khẩu thì *“Lẽ một lời dính dấp phải ở lại đáp đến oan trái cũng cả trăm năm.”*
- Do cố ý khai khẩu thì *“nhứt ngôn thất đức thiên niên đọa”*.

3. Trong tiểu sử Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Ngài tu nhiều kiếp, kiếp thứ chín là một nhà sư thuần thành, đạo quả sắp tròn xong. Đức Thích Ca Mâu Ni đến ra để thi cuối khóa. Đức Mâu Ni biến hình thành một nữ Phật tử ngoan đạo, thường xuyên lên chùa bái sám, công quả và lâu dần mới ngộ lời của con tim, nhà sư vẫn lặng thinh.

Làm sao giữ được minh thệ? Làm sao không gây thất vọng cho tha nhân? Trong một sát na oan nghiệt, nhà sư khai khẩu:

*“Có chăng kiếp khác họa là,
Kiếp này sợi chỉ trót đà buộc tay.”*

Ô kia! Nữ Phật tử đâu rồi? Trước mặt nhà sư là Đức Thích Ca Mâu Ni tuyên phán:

*“Chờ cho kiếp nữa đủ mười,
Suốt đời đày đọa rã rời tám thân”.*

Trăm mùa lá rụng... Nhà sư chuyển kiếp nữ nhi là Thị Kính. Thị Kính se duyên với chàng Thiện Sĩ. Vì định cắt sợi râu trên cổ chồng lúc đang ngủ mà nàng bị ngờ có ý giết chồng. Tình ngay lý gian, cha mẹ chồng trả Thị Kính trở về cha mẹ ruột.

Lúc từ biệt ngoài cửa, Thiện Sĩ cay đắng muốn ước hẹn kiếp sau, Thị Kính đã giác ngộ lý vô thường đáp:

*“Vì đâu phút hợp, phút ly,
Kiếp này không được, chắc gì kiếp sau.”*

Noi gương Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, hành giả phải luôn luôn cần ngôn.

II. ĐỨC NGŨ ĐẠI TIÊN DẠY:

*“Một khuyên giảm khẩu bố con!
Hai lo báo đáp cho tròn hiếu trung.”*

[THẬP THANH ĐIỀU]

1. MỘT KHUYÊN GIẢM KHẨU BỐ CON

Hành giả cần tịnh khẩu. Giữa khai khẩu đến tịnh khẩu là “GIẢM KHẨU”, con đường này dài hay ngắn?

Đó là đoạn đường biểu diễn bởi hàm số đơn giản: $y = ax^2$, trong đó:

a = nghiệp lực từ các kiếp trước dồn lại,
 x = vọng niệm.

Càng vọng niệm thì y càng dài. Ôn Trên dạy *“vọng sanh niệm khởi lù lù chúng ma”*. Khi có vọng niệm như $x=2$, $a=1$, $y=1x^2=4$;

Khi hết vọng niệm như $x=0$, $a=1$, $y=1x^2=0$.

Mỗi cá nhân là một chủ thể có ý thức, tự do và trách nhiệm, nên đoạn đường giảm khẩu (từ khai khẩu đến tịnh khẩu), Ôn Trên dành cho mỗi hành giả tự quyết.

2. HAI LO BÁO ĐÁP CHO TRÒN HIẾU TRUNG

Thọ tâm pháp là leo thang tiến hóa, học đại thừa để hành Thiên đạo, Đức Mẹ dạy:

*Thang tiến hóa con vừa cất bước,
Bước Đại thừa cố vượt lần lên,
Biết tu tánh Đạo chí bền,
Có giới trau mới trở nên ngọc lành.¹*

Người xưa dạy “*Dục tu Thiên đạo, tiên tu nhưn đạo.*” Cho nên kế tiếp giảm khẩu, Đức Ngô Đại Tiên dạy “*Hai lo báo đáp cho tròn hiếu trung*”, đây là điểm “xử tròn nhân đạo” mà Luật Tịnh Thất quy định. Đức Chí Tôn dạy “*con xem trên Thiên đình có vị Thần Tiên nào mà bất trung, bất hiếu*”.

*“Đã trót đeo đai trăm mối nợ,
Làm sao qua được cửa Thần Tiên.”*

Biết đến bao giờ mới hết nợ, nên Tam Kỳ Phổ Độ cho phép vừa tu nhưn đạo, vừa tu Thiên đạo để cùng một lúc phấn đấu trọn cả hai.

III. KINH: ĐỨC TAM TỔ TĂNG XÁN DẠY TRONG TÍN TÂM MINH:

*Chí đạo vô nan,
Duy hiềm giản trạch.*

Khi sinh thời Đức Bác Nhã Thiên Sư dịch đoạn thi trên là:

*Chí đạo chẳng có chi rằng khó,
Hiềm vì người cau có so đo.*

• Minh: bài thi, phú dạy đạo lý cho người như Minh Tu thân (người xấu chớ nên nói, mình tốt chớ nên khoe...). Tín Tâm Minh: bài thi dạy người tu vững tin “*Phật tức tâm, tâm tức Phật*”, “*Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật đang thành*” theo lời Đức Phật dạy để phấn đấu tu.

• Trạch: chọn lựa. (Mạnh Mẫu trạch lân xử: mẹ ngài Mạnh Tử chọn chỗ ở để dạy con).

• Giản trạch: so đo, chọn lựa. Phân biệt vụn vặt, nhỏ mọn.²

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỳ Mùi (03-10-1979).

2. Minh Lý Thánh Hội, Tường Định, “Từ điển danh từ đạo học”, 2006, tr.135.

Chỉ một vé thơ mà hai câu dường như mâu thuẫn nhau.

– “Đạt Đạo không có gì khó khăn”.

– “Nếu khó là do chính hành giả tự làm khó mình: so đo, cau có”, (câu ở thể giả thiết)

Vấn đề đặt ra để chúng ta tìm giải pháp là làm sao tu dễ và thành dễ.

Không tính đến các yếu tố bên ngoài hành giả đã hội đủ: pháp, tài, lực, địa, thời gian và sức khỏe. Cái khó còn lại là “tâm” của hành giả mà thôi. Đức Tăng Xán khẳng định đó là tâm bệnh:

*Bằng phải trái đua tranh chẳng bỏ,
Ấy bệnh tâm, nê cố vẫn còn...*

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

Hành pháp tuy rất dễ,

Công phu có khó chi,

Chỉ tại tâm không định,

Chánh pháp khó duy trì...³

1. MUỐN DỄ TU, ĐỐI VỚI TỰ THÂN

Hành giả phải thực chứng “quán thân bất tịnh” (thân là ô uế). Mỗi người là một xú bì nang (bao chứa các chất dơ) thì còn tranh hơn thua chi nữa.

Ngài Kim Sơn san sẻ thức ăn khát thực cho một cụ bà, lại bị đứa con bà nghĩ xấu, rồi úp một thùng phân lên đầu. Ngài bình tĩnh đi xuống sông tắm rửa. Có người hỏi “Thầy dư sức đánh cho nó một trận, sao thầy không làm?”

Ngài đáp: “Tôi không chúc dữ cho nó, nhưng luật nhân quả rất cay nghiệt: nó đã gieo nhân xấu, thì sẽ gặt quả xấu, không làm sao tránh được. Còn mỗi người chúng ta, tự mình đã là một thùng phân, nay có thùng phân nào úp lên nữa, thì cũng thế thôi.”

Hành giả cầu tu giải thoát, Đức Ngô Minh Chiêu dạy “*Phải quán xét mình như người chết chưa chôn.*” Vậy thì nghe mà như không nghe: có tiếng khen cũng không cảm ơn, có tiếng chê cũng không phản đối, đó là chỗ “đối cảnh vô tâm”.

3. Thiên Lý Đàn, 20-10 Kỳ Dậu (29-11-1969).

2. ĐỐI VỚI THA NHÂN VÀ NGOẠI CẢNH:

ẨN TU, NHẪN TU.

• Ẩn tu: để việc tu hành ít trở ngại, thật bất đắc dĩ hành giả mới phải ra mặt.

• Nhẫn tu: đứng phía sau, đứng phía dưới, đứng phía cuối. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư dạy:

“Muốn trở về được với Đạo... đứng vào chỗ mà người ta không thích đứng, giữ phần thua, nhượng phần hơn...”⁴

Chúng ta vừa thực hành các việc phải làm trên, vừa cầu nguyện Ông Trên, vì Ông Trên mới dẫn chúng ta đi con đường dễ nhất mà thôi.

IV. ĐỨC CHÍ TÔN DẠY:

“Đạo Thầy đương thời kỳ phôi thai hoảng hóa, phổ độ chúng sanh, bất luận là người nào, nước nào tu theo cũng đặng.

Chớ các con dùng cái hình thức bề ngoài mà truyền bá cho sở hạp với phong tục của các con sao đặng? Thí như nước không biết cúng kiếng thờ phượng, các con ép buộc người ta phải thờ phượng cúng kiếng như các con thì các con mới chịu truyền đạo cho thì trái hẳn với phong tục nước người. Nó không khứng chịu, mà nó không

4. Đạo Học Chí Nam, tr.111.

khứng chịu thì các con không khứng chỉ truyền, ắt cả chúng sanh phải luân hồi trả quả sao các con? Khờ lắm ôi! Và lại sự kinh kệ các con dùng tiếng Nam, rồi các con buộc các nước khác phải đọc giống in như tiếng Nam của các con, làm như con, con mới chịu chỉ truyền sao các con?”

Theo Đức Chí Tôn dạy: Đạo Cao Đài vừa của mỗi dân tộc, vừa của mọi dân tộc; vừa mang cái riêng của mỗi dân tộc, vừa mang cái chung là nhân loại.

Muốn gìn giữ và phát huy văn hóa dân tộc Việt Nam thì người lớn, người trên phải nêu gương cho người nhỏ, người dưới làm theo, trong thực tế có một số nơi làm ngược lại. Những người Việt Nam Cao Đài có trách nhiệm trong vấn đề này.

Mình không tự trọng thì ai trọng mình. Nếu chỉ biết cái hay của người mà không biết cái hay của mình là mất gốc. Chúng ta, người tín hữu Việt Nam Cao Đài vừa gìn giữ và phát huy văn hóa Việt Nam, cùng lúc thực hiện lời Đức Chí Tôn dạy để mỗi dân tộc gìn giữ, phát huy bản sắc riêng. Mỗi tín đồ Cao Đài trên thế giới bình đẳng là con cái của Đức Chí Tôn chứ chúng ta không biến huynh đệ ấy thành người Cao Đài Việt Nam.■



THÁNH GIÁO

Trời có xuân, hạ, thu, đông; cuộc thế có sanh, trưởng, thâu, tàng, mà mùa xuân là mùa vạn vật hồi sinh ấm áp, trải qua mấy lúc đông thiên. Còn trong một đời người, tuổi thanh niên là mùa xuân, là phát huy, là sáng tạo. Do đó, thanh niên cần phải được vun quén, tổ chức, giáo dục, chăm sóc và thúc phát mọi mặt. Người đi trước hãy dọn đường sửa lối cho kẻ theo sau, làm thế nào khai thác những mầm sinh, những khả năng từ thuở thanh thiếu niên, vì thanh thiếu niên là những gì đang chờ đợi kết quả ở tương lai.

Thanh thiếu niên không sống cái sống của riêng mình, không làm cái làm của riêng mình, mà phải làm và phải sống cho đại chúng. Bất cứ một gia đình, quốc gia, xã hội và nhân loại nào, dầu ở quá khứ, hiện tại hoặc vị lai, phải ý thức và kỳ vọng ở thanh thiếu niên; chẳng khác nào cây, đem hột đi ương lên thân cây con, tùy sự chăm sóc, kết quả của cây xấu hoặc tốt, phần lớn do chủ vườn chăm sóc.

ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, NGỌC MINH ĐÀI, 29-12 BÍNH NGỌ (08-02-1967).■

PHÁP QUÁN THẾ ÂM

Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn

Bài nói chuyện tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo nhân kỷ niệm ngày Thành Đạo của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

■ GIÁO SĨ HOÀNG MAI

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là vị Cổ Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai đã tu chứng đắc thần thông quảng đại, vì nguyện lực đại bi nên Ngài hiện thân làm Bồ Tát để cứu khổ, ban vui cho chúng sanh.

*Nguyện lành Quan sát cõi trần gian,
Văng vẳng Âm ba tiếng khổ nàn,
Tử trước Bồ đoàn không tịnh tọa,
Nhành dương Tát độ cảnh đời an.¹*

Với thần thông vô lượng, Đức Bồ Tát có khả năng biến hóa ra muôn ngàn thân, ngàn tay, ngàn mắt để cứu khổ chúng sanh.

*Thần thông biến hóa tự nhiên,
Một thân hóa được ra nghìn muôn thân.
Mắt trông khắp hết cõi trần,
Lắng tai nghe thấu xa gần bốn bên.²*

Tùy theo hạnh nguyện của Bồ Tát và tâm tưởng niệm của chúng sanh, Đức Bồ Tát được xưng tụng với rất nhiều danh hiệu khác nhau. Tất cả lời xưng tụng danh hiệu Đức Bồ Tát đều được bắt đầu bằng hai tiếng Nam Mô. Nam Mô có nghĩa là quy y, quy mạng, chí tâm hiến dâng đời mình cho Đức Phật.

Chúng ta thường cầu nguyện Ngài qua câu niệm: Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Quan hay Quán là cùng một chữ viết, nhưng tùy theo điệu tiếng bằng, tiếng trắc mà đọc, tùy theo nghĩa mà sử dụng.

- **QUAN:** Quan sát (ngoại quán = nhìn ra ngoài).
- **QUÁN:** nội quán = nhìn vào trong tâm để thấu suốt và lắng nghe bản thể tự tánh, tức là Như Lai tạng tâm, đó cũng chính là bản thể của chúng sanh để tùy duyên cứu giúp.
- **THẾ** là cõi đời, Phật gọi cõi hữu tình thế gian.

1. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, 25-7 Quý Sửu (23-8-1973).

2. Tham khảo Nguyễn Đăng Thực, “Tư tưởng Việt Nam”, 1964, tr.233.

• **THẾ ÂM:** Âm thanh, tiếng kêu cứu, tiếng cầu nguyện niệm tưởng phát ra từ chúng sanh nơi thế gian, trong cõi ta bà (sa bà). Âm thanh thế gian trong kinh Pháp Hoa – Phẩm Phổ môn gắn liền với Tâm Hạnh cứu độ của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát bao gồm âm thanh khắp 10 pháp giới từ cõi Phật, Bồ Tát, Thinh Văn, Duyên Giác, Trời, Thần, Người, cho đến Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa Ngục. Với “Nhĩ căn viên thông” Bồ Tát có khả năng quan sát và thấu suốt âm thanh của thế gian, không có tiếng kêu nào Ngài không nghe, không có âm thanh nào Ngài không hiểu, không có tâm niệm nào Ngài không thông.

• **BỒ TÁT:** nói đủ là Bồ Đề Tát Đóa, Bồ đề là giác ngộ, Tát Đóa là chúng sanh. Tâm Hạnh của Bồ Tát Quan Thế Âm là:

*Trên luôn cầu giác ngộ,
Dưới nguyện độ chúng sanh.*³

Trong buổi tưởng niệm ngày thành đạo của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hôm nay cũng là kỷ niệm lần thứ 22 ngày thành lập Phòng khám bệnh Phước thiện của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, đạo muội kính mời quý vị cùng đạo muội tìm hiểu một trong những câu chú niệm để chiêm cảm lòng từ bi cứu khổ cứu nạn của Đức Quan Thế Âm là Lục Tự Đại Minh Thần Chú, đạo Cao Đài gọi tắt là Lục Tự Chơn Ngôn, là một trong bốn

câu thần chú tương truyền là do Đức Quán Thế Âm Bồ Tát lưu lại để giúp chúng sanh tu hành đạt thành chánh quả gồm có: Bát Nhã Tâm Kinh, Đại Bi Thần Chú, Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn Và Chuẩn Đề Thần Chú.

Đạo muội kính mời quý vị cùng đạo muội tìm hiểu câu Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn là câu thần chú bao gồm sáu chữ “OM MANI PADME HUM” với nội dung sau:

- Ý nghĩa của Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn.
- Phương pháp trì niệm Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn.
- Tác dụng của Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn.
- Kết luận.

Ý NGHĨA OM MANI PADME HUM

Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn – Om Mani Padme Hum là một câu thần chú tiếng Phạn, phiên âm ra tiếng Việt bằng nhiều câu sau đây:

- Ân ma ni bát di hồng
- Om ma ni bát mê hồng
- Ớm ma ni bát rị hồng

được xem là thần chú quan trọng và lâu đời nhất của Phật giáo Tây Tạng để cầu nguyện Đức Quán Thế Âm Bồ Tát (Avalokiteshvara).

“Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn”: Chân ngôn sáng rõ bao gồm sáu chữ, trong đó, AUM (OM, AN, UM) là một tiếng thiêng liêng đã có từ 1.200 năm TCN, không chỉ trong Bà La Môn giáo (Ấn Độ giáo), Phật giáo, mà còn ở

nhiều giáo phái khác, nên có hàng trăm ý nghĩa khác nhau:

• AUM là tượng trưng cho năng lượng của vũ trụ, là sự sống vĩnh cửu, là định luật phổ biến, là ánh sáng hiện hữu khắp nơi, là nhịp điệu vũ trụ, là sức mạnh sáng tạo, là biểu hiện cụ thể của Chân Như, là tinh hoa con người và vạn hữu, v.v.

Theo Thông Thiên Học, chữ OM được đặt ở phần trên cùng của Ấn Tín hay con dấu của Thông Thiên Học để chỉ Thượng Đế Ba Ngôi, tương đương với OM là chữ Ngôi Lời trong tiếng Hy Lạp hay Logos. Om là chữ sáng tạo, bảo tồn và chuyển hoá trọn vẹn khôn, là âm Thượng đế phát ra và vang vọng muôn thuở...⁴

Ứng dụng vào nhơn thân, các giáo phái, cụ thể là Mật tông của Phật giáo hay Yoga của Ấn Độ giáo còn cho rằng OM tương ứng với luân xa thứ 7 ở trên thóp đỉnh đầu của mỗi người.

Luân xa (Chakra): Trong tiếng Sanskrit, luân xa mang ý nghĩa là bánh xe hay vòng

4. Nguồn: <http://phungsutheosophia.org/Web%20pages/antinhoi.html>



HÌNH CHỮ OM.

3. “Thượng cầu Giác Ngộ. Hạ hóa chúng sanh.” Tham khảo “Minh Đức Thanh Lương”, Bồ Tát Đạo, 1999, tr.412.

tròn; Âm Hán Việt gọi là luân xa. Luân xa là điểm chứa năng lượng sống của con người, là những tụ điểm của chân khí quy tụ về để vào tuỷ xương sống. Chức năng của luân xa là xoay tròn để thu hút năng lượng sống từ vũ trụ để giữ cân bằng cho sức khỏe, tâm linh, lý trí và tình cảm của con người.

Từ luân xa 1 ở cuối đường xương sống, tương ứng với huyết Vĩ Lư (với nhiều tên gọi khác nhau: Là cánh cửa của Brahma hay còn gọi là Bà Mẹ của vũ trụ vì tương ứng với hành Thổ, còn gọi là Hỏa Xà hay Lửa Tam Muội), vượt qua 4 luân xa vùng bụng dưới, vùng bụng, vùng ngực, nơi cổ, theo dọc đường tuỷ sống, đến luân xa 6 ở vùng giữa trán và luân xa 7 Sahasrara là luân xa cuối cùng. Mỗi luân xa có mỗi màu khác nhau, tương ứng 7 sắc cầu vồng của ánh sáng mặt trời: Đỏ, Cam, Vàng, Lục, Lam, Chàm, Tím, gọi là Quang phổ và tương ứng với các nguyên tố Đất, (Thổ Đại) Nước (Thủy Đại), Lửa (Hỏa Đại), Gió (Phong Đại), (Hư) Không (Không Đại), Thức (Thức Đại) và Kiến (Kiến

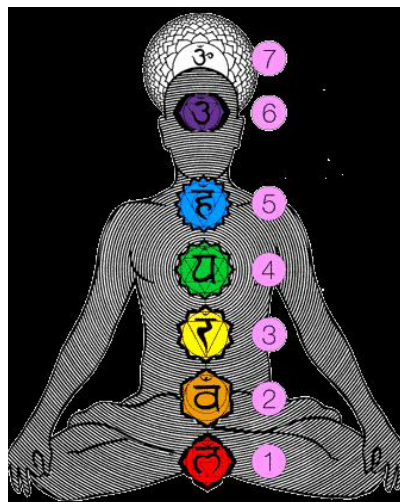


Đại), theo tỉ trọng từ nặng đến nhẹ, từ trọng trực đến khinh thanh. Đặc biệt luân xa 7 Sahasrara chứa đủ 7 màu của bảy sắc cầu vồng và chứa đủ các nguyên tố của 6 luân xa trên. Sahasrara hay bông hoa Sen nghìn cánh, được gọi là Thượng Đế Huyết (Brahma's cave = Brahmarandhra), chính là nơi mà nhà đạo sĩ Yogi sống kết hợp với Thượng Đế. Theo y học (tương ứng Não thất Ba = Third Ventricle).⁵

- MANI: Viên ngọc Như ý hay Ngọc Bửu Châu Anh Lạc của Đức Bồ Tát Quán Âm (Chenrezig), tượng trưng cho lòng từ bi, tình yêu thương của Bồ Tát đối với chúng sanh.

Mỗi người đều có viên ngọc quý, ngọc đây không phải là viên ngọc bình thường mà là ngọc của “con Người”, Phật giáo gọi là xá lợi. Xá lợi là sự kết tinh, kết quả của quá trình

5. Tham khảo Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, Tinh Hoa Các Đạo Giáo, NXB Hưng Giáo Văn Đông.



HÌNH 7 LUÂN XA TÍNH TỪ DƯỚI LÊN.

công đức tu luyện của hành giả nên Mani còn dịch nghĩa là phương tiện tu thân, khẩu, ý của mỗi người để chuyển hóa từ thân, khẩu, ý của phàm phu, tục tử thành thân, khẩu, ý của bậc giác ngộ.⁶

Mani – “Ngọc Người” đồng nghĩa với Tam Bửu là Tinh, Khí và Thần hiệp nhất sẽ kết Đơn hay Thánh thai của Lão giáo, Nho giáo, Cao Đài giáo, v.v. Như vậy, tu luyện ngọc Mani chính là quá trình luyện mạng của Lão giáo, Cao Đài giáo...

- PADME: Chữ e trong Bát mê là nhị trùng âm của a và i. a là nguyên âm tiền tố. i là biến tố chỉ vị trí. Cho nên Bát mê dịch là ở trong hoa Sen.

Theo Hòa Thượng Tuyên Hóa: “Padme hay “Bát Di” vốn nên đọc là “Bát Đạc Di,” dịch là “quang minh viên giác”; cũng dịch là “liên hoa khai,” tức là diệu tâm của Bồ tát Quán Thế Âm, diệu tâm ấy viên mãn đầy đủ, vô ngại.”⁷

Hoa Sen còn tượng trưng cho sự thanh tịnh và trí tuệ. Trí tuệ giúp khai mở tình thương và tình thương giúp khai mở Trí tuệ.

Theo Ấn Độ giáo và Phật giáo, hoa Sen có rất nhiều ý nghĩa thiêng liêng, Padme – hoa Sen tượng trưng cho bản

6. Tham khảo Sa môn Thích Thông Bửu, Kinh Pháp Hoa-Phẩm Phổ Môn, 2000.

7. Nguồn : gnuhel.wordpress.com/.../ lục-tự-dại-minh-chan-ngon-thàn-chú-mant... Lê Minh Hưng.

tính thật (chân tính) mà bần thế gian không vấy bẩn được. Lá Sen phẳng, nổi lên trên mặt nước và không ướt, tượng trưng cho sự giải thoát, sống trong thế gian mà không bị lây nhiễm. Hoa Sen còn tượng trưng cho sắc đẹp và tính thánh của các thần linh. Hình ảnh hoa Sen đã gắn liền với huyền thoại khi thái tử Tất Đạt Đa vừa sinh ra, Ngài đã đi bảy bước và từng đóa Sen nở thơm nức mùi hương theo bước chân Ngài và cũng là hình ảnh luôn gắn liền với Đức Bồ Tát ngồi hoặc đứng trên tòa Sen.

Trong lĩnh vực khoa học, ngoài vẻ đẹp tinh khiết, bình dị của hoa Sen, mỗi bộ phận của cây Sen còn chứa đựng nhiều tính năng kỳ diệu trong các liệu pháp trị bệnh, được chế tạo thành dược phẩm, chế biến thành những món ăn, hay thức uống có tác dụng tốt giúp sức khỏe cho mọi lứa tuổi và làm tăng cường vẻ đẹp cho phụ nữ. Hương Sen nhẹ nhàng và thanh khiết, người Ấn Độ sản xuất nước hoa có hương hoa Sen. Lá Sen vị đắng, tính ôn, có tác dụng thăng dương, chỉ huyết, an thần. Ngó Sen và tinh dầu của Sen còn dùng dưỡng da, tăng cường sức sống tế bào, giúp da dẻ hồng hào, nâng cao thể lực. Gương Sen là nơi chứa hạt Sen có tác dụng trị bệnh phụ nữ. Tim Sen vị đắng tính hàn, trị sốt cao mê sảng, huyết áp cao, v.v.

Chúng ta có thể rút ra bài học từ sự cống hiến của cây Sen trong cuộc sống nhân loại. Chính sự cống hiến cho nhau sẽ từng bước phát triển tấm lòng từ ái, tâm bi mẫn của Đức Bồ Tát trong mỗi chúng ta. Trong Cao Đài giáo, chính là quá trình rèn luyện tác phong đạo hạnh của người tu, còn gọi là công trình, hay tu tánh.

- HÙM: là trạng thái bất nhị không thể phân chia, là sự hợp nhứt giữa Mani và Padme nghĩa là sự hợp nhứt giữa trí huệ và tâm từ bi của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm.

Hùm còn là tiếng tán thán từ thường dùng trong nghi lễ cúng.

Toàn câu thần chú có nghĩa là: Ôi! Hạt minh châu trong đóa Sen, cầu chư Thần, Thánh, Tiên,

Phật hộ trợ. Hay: Ôi! Chân Tâm, Phật Tánh trong lòng ta.

PHƯƠNG PHÁP NIỆM LỤC TỰ ĐẠI MINH THẦN CHÚ

Thần chú này tiêu biểu tâm đại từ, đại bi của chư Phật, chư Bồ Tát, tiêu biểu là Đức Quán Thế Âm, vị Phật mà lòng từ bi đã ăn sâu vào tiềm thức của dân Tây Tạng. Tín đồ Phật giáo Tây Tạng thường tụng niệm ngày đêm để được chư Phật phò trợ tu hành tinh tấn, khi thác được lên tòa Sen ngọc báu, vãng sanh về cõi tịnh độ. Mỗi lần niệm phải đủ 108 lần mới có công hiệu. Họ niệm thần chú hoặc bằng cách phát âm to lên, hoặc niệm thầm cho riêng mình nghe, hoặc niệm trong tâm trí, hoặc nhìn câu chữ của thần chú trong các tấm bia dựng trên đường.

Đối với Ấn Độ giáo, trong pháp môn Kriya Yoga – một phương pháp thúc đẩy sự tiến hóa của con người bằng cách chuyển vận luồng sinh lực cơ thể qua 7 luân xa và đi theo một vòng tròn tương đương với 12 cung Hoàng đạo, tượng trưng vũ trụ tiểu thiên địa của con người. Khi tham thiền hành giả Yoga tuân hành kỷ luật của thân xác, kiểm soát tư tưởng và tham thiền về Thánh ngữ AUM. Các đạo sư Yoga xem Thánh ngữ AUM tức là danh từ sáng tạo, là sự rung động, là tiếng động cơ của vũ trụ, của Thượng Đế trong lúc tham thiền. Hành giả Yoga sẽ có lúc nghe được âm thanh vắng vắng của Thánh ngữ AUM vang lên từ chỗ sâu thẳm của nội tâm thanh tịnh của mình, đó là lúc ý đã tiếp xúc với cõi thiêng liêng.⁸

Phật giáo gọi chữ OM là Nhất tự Đà la ni. Đà la ni hay Đà ra ni do chữ Phạn Dharani phiên âm, dịch là Tổng trì, Năng trì hay Năng già nghĩa là dùng một chữ, một câu mà tóm thâu cả vô lượng công đức, bảo vệ những chuẩn tử tốt, ngăn chặn những niệm tưởng đen tối, trợ duyên giúp cho tâm người tu hành khỏi vọng động.⁹

8. Tham khảo “Các Bậc Chân Sư Yoga Ấn Độ”, Nguyễn Hữu Kiệt dịch từ nguyên tác Autobiographie d’un Yogi.

9. Tham khảo “Minh Đức – Thanh Lương, Bồ Tát Đạo Hay Con Đường Lý Tưởng”, 1999.

Phật tử niệm “OM MAMI PADME HUM” ít nhất hai thời mỗi ngày, nếu được thì tứ thời, nhứt là giờ Tý. Trì niệm đến khi nào mỗi thời công phu cảm thấy thân tâm nhập trạng thái thanh tịnh, hợp nhất được sáu âm, đặc biệt là hai âm tiết OM tượng trưng cho dòng điện trí tuệ, tỏa ánh sáng màu vàng và HUM tượng trưng cho dòng điện tình cảm, tỏa ánh sáng màu xanh, là thời kỳ đạt đỉnh cao của sự hợp nhứt trí tuệ và từ bi, hợp nhứt với dòng từ điển của vũ trụ đồng thời hòa nhập vào tâm chú Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn của Đức Bồ Tát.¹⁰

Ở Tây Tạng, Nepal, Ấn Độ, và Ladakh đã có một truyền thống tốt đẹp lâu đời là thực hiện khoá nhập thất Đức Phật Quán Âm Bi Mẫn và trì tụng 100 triệu thần chú Om Mani Padme Hum. Khoá nhập thất lần đầu tiên được tiến hành ở Tây phương, tại Viện Quán Thế Âm (Chenrezig) do hội FPMT (Hội Bảo vệ Truyền thống Đại thừa) tổ chức mỗi năm một lần. Mỗi hành giả có thể tham gia nhập thất toàn khoá trì niệm Thần chú Sáu – Âm, có thể tham dự hai tháng, một tháng, một vài tuần hay ít nhứt chỉ nhập thất một tuần. Trong thời gian nhập thất, trì tụng Om Mani Padme Hum là một phương pháp giúp chuyển hoá và thể nhập tâm hành giả thành Bồ Đề Tâm như Đức Quán Thế Âm.

Tại Solu Khumbu trong rặng Hy Mã Lạp Sơn (Himalayas) ở Nepal, có những người mặc dù họ mù chữ thậm chí không biết đến vần abc, nhưng với một lòng sùng tín vĩ đại đối với lòng bi mẫn của Đức Quán Thế Âm, nên đời sống của họ luôn gắn liền với việc trì tụng Om Mani Padme Hum. Họ trì tụng với lòng thành kính, với một trái tim nồng nhiệt, với ước mong chuyển hoá được tâm thức mình thành trái tim từ ái của Đức Bồ Tát.¹¹

10. Tham khảo Sa môn Thích Thông Bửu, Kinh Pháp Hoa – Phẩm Phổ Môn, 2000.

11. Nguồn: <http://amitabhahospice.org/hospice/compassion.php>

TÁC DỤNG CỦA THẦN CHÚ LỤC TỰ ĐẠI MINH

Trì niệm Lục Tự Chơn Ngôn là một phương pháp đơn giản nhưng có khả năng vén màn tâm tối, thanh tịnh hóa tâm thức để giải trừ những nghiệp lực mà hành giả đã từng tích tập trong A Lại Da Thức hay Hàm Tàng Thức, không chỉ trong đời này mà còn trong nhiều đời trước.

Thần chú chính là chất xúc tác để khởi động tâm đại từ bi của Đức Quán Thế Âm, chuyển hóa các phiền não của chúng sanh thành tâm thanh tịnh và trí tuệ của Ngài. Kinh Lăng Nghiêm cũng nói:

“Mẫu nhiệm thay là âm thanh siêu việt của Quán Thế Âm. Đây là âm thanh tối sơ của vũ trụ... Đó là tiếng thì thầm âm i của thủy triều trầm lắng. Tiếng mẫu nhiệm ấy đem lại giải thoát bình an cho tất cả hữu tình đang kêu cứu trong cơn đau khổ, và đem lại một sự an trú thanh tịnh cho tất cả những ai đang tìm sự thanh tịnh vô biên của niết bàn.”

Mỗi âm tiết của Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn đều có tác động ảnh hưởng thanh tịnh hóa bản thân và trí tuệ của hành giả.

OM thanh tịnh hóa bản thân; MA thanh tịnh hóa lời nói; NI thanh tịnh hóa tâm thức; PAD thanh tịnh hóa những cảm xúc mâu thuẫn; ME thanh tịnh hóa điều kiện ẩn tàng; HUM thanh tịnh hóa tấm màn che phủ trí tuệ.

Đồng thời thần chú này cũng tác động mạnh mẽ giúp chúng ta hoàn thành tâm hạnh của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát thể hiện cụ thể qua thực hành Lục Độ Ba La Mật gồm bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, v.v.

- OM giúp hoàn thành hạnh bố thí. Hạnh Bồ Tát là bố thí mà không bố thí, vì người cho không cần biết đối tượng mình cho, người nhận không hề biết ai cho mình, như khi cho đường vào ly nước, đường tan một cách tự nhiên; Nước không biết nhờ đường mà ngọt, đường cũng không biết vì mình mà nước ngọt.

- MA giúp hoàn thành hạnh trì giới. Hạnh Bồ Tát là trì giới một cách tự nhiên, Bồ Tát sống

trong lý Đạo “Quan Thiên Đạo, chấp thiên hành” (Âm Phù Kinh) noi theo Đạo Trời mà hành Đạo nên mình là giới, giới luật là mình, ví như cá sống trong nước, rất ung dung tự tại.

- NI giúp hoàn thành hạnh nhẫn nhục, nhẫn nhục một cách tự nhiên ví như dùng lửa tam muội thiêu đốt ngã mạn và những tánh xấu của con người, là thể hiện sức mạnh vạn năng của tâm hồn cao cả.

- PAD giúp hoàn thành hạnh tinh tấn, tinh tấn một cách tự nhiên: Vô kỹ, vô cầu, vô công, vô danh, làm không cố chấp vào kết quả, không sợ thất bại thì tự nhiên sẽ tinh tấn.

- ME giúp hoàn thành hạnh thiên định, thiên định một cách tự nhiên: “một hô, một hấp, cái khí của người chẳng có bao giờ là không cùng trời đất tương thông”.¹² Khi hít vào là Chơn Không, bản lai chẳng có vật. Khi thở ra là Diệu Hữu, các sự vật đều rõ ràng, sống động muôn màu muôn vẻ, không cùng tận. Chơn Không, Diệu Hữu là hai mặt âm dương của bản thể Đạo.

- HÙM giúp hoàn thành hạnh trí tuệ. Trí huệ một cách tự nhiên: thấy rõ tự tánh của vạn pháp, soi sáng Bát Nhã Chơn Như.

Có thể nói Lục độ mà không phải Lục độ mới là Lục độ.

Lục độ Ba La Mật tương ứng với Tam Công của đạo Cao Đài.

- Bồ thí là Công quả.
- Trì giới, Kiên nhẫn, Tinh tấn là Công trình.
- Và Thiên định, Trí huệ là Công phu.

Mỗi âm tiết của lục tự là một bài cầu nguyện chiêu cảm sự thanh nhã của thân, khẩu, ý, phẩm chất, tâm thức và hoạt động của chư Phật. Và cũng liên quan đến sáu vị Phật:

- OM: liên hệ đến Bảo-Sanh Phật (Ratnasambhava);
- MA: Bất-Không-Thành-Tự Phật, (Amaghasiddhi);

12. Tham khảo “Dưỡng Chơn Tập – Trời Đất, Bạch Tản Lão Nhơn”, Dịch giả Nguyễn Minh Thiện, 1956, tr.10.

- NI: Kim Cương Trì/Phổ-Hiền Bồ Tát (Vajradhara);

- PAD: Lô-Xá-Na Phật (Vairocana);
- ME: A-Di-Đà Phật (Amitabha);
- HUM, A-Súc-Bệ Phật (Akshobya).

Kết quả của việc niệm thần chú sẽ giúp hành giả đóng sáu cánh cửa tái sinh đau khổ của vòng luân hồi: cõi trời, cõi thần, A-tu-la; cõi người; cõi súc sanh; cõi ngựa quỷ, cõi địa ngục.¹³

LỤC TỰ CHƠN NGÔN THEO ĐẠO CAO ĐÀI

- OM: Là Nê Hườn Cung, tương ứng với luân xa 7 Sahasrara, là nơi ngự của Đức Cao Đài, là Thiên môn của con người. “Cao Đài là Tâm của vũ trụ, là Thần, cái có tên mà không tên, vì muôn loài vạn vật đều sanh ra bởi đó, mà đó không bởi đâu sanh.”¹⁴ Cao Đài là chỗ Trời người hiệp một.

- MA NI: là Thiên Địa Chi Tâm của Đức Bồ Tát.

Đức Bồ Tát dạy: “Bần sĩ trải vô lượng kiếp vào ra cõi thế, với mọi hình thái, mọi danh từ để cứu khổ, cứu nạn chúng sanh trong vòng hóa sanh, sanh hóa. Sự cứu khổ cứu nạn đối với chúng sanh không phải là phép lạ phù linh chi chi ngoài vòng Đại Đạo như thế nhân hằng vọng tưởng mê đời. Trái lại chỉ có một lẽ nhiệm mầu duy nhất là Đạo, là tâm đạo và tâm gồm đủ thiên địa vạn vật, có thể tài thành vũ trụ hay tác Phật tạo Tiên. Tất cả đối với chúng sanh vạn hữu đều không còn cái chi ngoài lẽ Đạo.”¹⁵

Thiên Địa Chi Tâm là Tâm Trời Đất, cũng là Tâm của chúng sanh. Vũ trụ chỉ có một Tâm, Bồ Tát là nguyên lý trung hòa, là Hoàng Cực để đưa Thượng Đế đến với con người và con người trở về Thượng Đế bằng Quán Tâm Pháp hay Lục Tự Chơn Ngôn để chúng sanh lắng nghe và ngộ được âm thanh nội tại, trong đó OM là ngôi "Lời" của Thiên Chúa giáo, là tiếng nói của Chơn Tâm theo Phật giáo, là tiếng nói

13. Nguồn: Yangsi Sangpo Biên tập lại theo: vi.wikipedia.org.

14. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, CQPTGL, 29-8 Quý Hợi.

15. Đức Quan Âm Bồ Tát, 03-9 Giáp Dần (17-10-1974).

vô thình của Đức Cao Đài, là đạo tự hữu nơi mỗi người để tiến vào cuộc sống mới trong sự bình an, thanh tịnh trong vòng tay Đấng Đại Từ Phụ, Từ Mẫu.

- **BÁT ĐI:** là Trí Bát Nhã, là Đại trí của Đức Quan Thế Âm.

- **HỒNG:** Là sự hòa hợp Đại trí và Đại bi. Đại trí thì sáng soi (Chiếu), còn Đại bi thì lặng lẽ (Tịch). Chiếu – sáng soi là dương, Tịch – thanh tịnh là âm. Chiếu tức là Tịch, Tịch tức Chiếu, tuy hai mà một, viên dung trong lý Đạo.

“Trong đạo Cao Đài, hai phép bí tích: Giải Oan và Tắm Thánh, khi vị Chức sắc hành pháp chụp 5 ngón tay lên mỏ ác của người được giải oan hay tắm thánh, gọi là ấn Ngũ Hành Sơn, thì niệm câu thần chú: “*Úm ma ni bát rị (đi) hồng*”¹⁶... Lục Tự Chơn Ngôn còn là Thần chú để hỗ trợ tịnh viên trong giờ công phu tu tịnh.

KẾT LUẬN

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là biểu tượng cho nguyên lý tình thương. Niệm Lục Tự Đại Minh Chơn Ngôn là tiếng gọi của tình thương, Tình thương là sự cảm ứng, là cầu tha lực trong tự lực.

Tha lực là vì tình thương mà Đức Bồ Tát đến với chúng ta. Tâm đại từ đại bi của Bồ Tát đã hòa nhập vào tâm chúng sanh, vì Quán Âm là Quán Âm trong trong tâm chúng sanh, mà chúng sanh là chúng sanh trong tâm Quán Âm nên với đại nguyện còn chúng sanh đau khổ Ngài không nhập Niết Bàn đã thể hiện biện chứng pháp của tình thương, Quan Âm là chúng sanh để chúng sanh sẽ trở thành Quan Âm.

*Dầu cho vạn khổ thiên lao,
Trải vô lượng kiếp ra vào thế nhân.
Ở trần mà chẳng nhiễm trần,
Mười hai đại nguyện trải thân độ đời.*¹⁷

Tự lực vì khi yêu đối tượng nào là mình khám phá mình trong đối tượng đó. Kính yêu Đức Bồ

Tát, mỗi khi chú niệm Lục Tự Đại Minh Thần Chú, chính là lúc hành giả chuyên tâm nhớ đến đức tính từ bi sẵn có nơi tâm mình. Lòng tin tưởng của hành giả kết hợp đức từ bi của Đức Quan Âm, đồng thời Ngài cũng giao cảm với đức tính từ bi nơi tâm hành giả.

Lòng chí thành chí kính tâm niệm thần chú là nhân, bi nguyện độ chúng sanh sâu rộng của Đức Quán Thế Âm là duyên, nhân duyên hội ngộ tức thì có sự cảm ứng lành.

Đức Bồ Tát dạy: “*Chư hiền cầu xin ân điển thiêng liêng phù trợ, đó là thiện niệm thích hợp với lòng bác ái, từ bi của người tu. Nhưng đó chỉ là nhờ vào tha lực. Điều cần yếu là tự mình chư hiền phải làm lấy mới đem lại hiệu năng như mong ước.*”¹⁸

Mỗi ngày người Phật tử niệm Lục Tự Chơn Ngôn cũng như tín đồ Cao Đài niệm danh hiệu Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, chính là phương pháp rèn luyện chánh niệm, đồng thời tự nhắc nhở, Đấng Cao Đài, Phật, Chúa, Lão, Khổng đều ngự trong thiện tâm của mỗi chúng ta. Các Đấng là Phật, Tiên đang hiện thể, còn mỗi nhân sanh là Phật, Tiên trong tiềm thể. Điều quan trọng là mỗi chúng ta có tinh tấn tu luyện để chuyển hóa từ tâm phàm phu thành Chơn Tâm, từ trí phân biệt, chấp ngã thành Trí Huệ Bát Nhã để tiến hóa thành Phật, Tiên như lời Đức Phật dạy: “*Phật là Phật đã thành và chúng sanh là Phật sẽ thành*” hay không?

Đó là câu hỏi mà mỗi hành giả tự trả lời và câu trả lời cụ thể được chứng minh bằng công đức tu hành của mỗi người, nguyện thực hành theo tâm hạnh của Đức Bồ Tát.

Kính chúc quý vị thọ nhiều hồng ân của Đức Bồ Tát, gia đình an vui, hạnh phúc trong tình thương của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Đạo muội xin chân thành cảm tạ sự lắng nghe của quý vị.

Rất lòng thành tín. ■

16. Tham khảo Nguyễn Văn Hồng, “Tự Điển Cao Đài.”

17. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-3 Quý Sửu (18-7-1973).

18. Minh Lý Thánh Hội, 02-4 Kỷ Dậu (17-5-1969).

KHÁI LƯỢC VỀ QUYỀN PHÁP

■ THIÊN HẠNH

Quyền pháp là một trong các chủ điểm giáo lý đặc thù của đạo Cao Đài. Tuy Đạo lý nhiệm mầu bất tử bất biến từ vô thi đến vô chung, nhưng lý Đạo vẫn luôn biến dịch để thích ứng với mọi hoàn cảnh đổi thay từ ngoại giới. Đó là đặc tính tùy duyên theo hoàn cảnh nhưng bất biến với lý Đạo. Vì thế, các tôn giáo có thể chưa từng đề cập đến từ ngữ “quyền pháp”, cũng không có nghĩa là nội dung của từ ngữ này không hàm chứa trong giáo lý của tôn giáo từ xưa đến nay. Bởi lẽ, không có một khái niệm giáo lý hay chánh pháp nào lại không xuất phát từ nguyên lý của Đạo cả. Trong Tam kỳ Phổ độ, quyền pháp được nêu lên nhằm nhấn mạnh đến sứ mạng thiên ân của con người và sứ mạng của tôn giáo trong công cuộc xây dựng thực thể Đạo cứu thế nhằm thực hiện hai mục đích là thế đạo đại đồng và thiên đạo giải thoát.

Các nội dung về đề tài quyền pháp bao gồm: Khái niệm của quyền pháp với hai nội dung là quyền pháp Đạo và điểm quyền pháp. Sự vận động của quyền pháp theo hai chiều ra đi từ Thượng Đế đến vạn loại và chiều trở về từ vạn loại hiệp nhất cùng Thượng Đế. Điểm tương đồng và dị biệt giữa quyền pháp và đạo pháp. Sứ mạng quyền pháp đối với tôn giáo và con người trên hai phương diện nhân sinh và tâm linh. Ứng dụng của quyền pháp trong việc tu học hành đạo nơi tịnh thất và người tín hữu Cao Đài.

1. KHÁI NIỆM

1.1. QUYỀN PHÁP ĐẠO

Quyền pháp có nhiều định nghĩa rất đa dạng và phong phú. Quyền có nghĩa là năng lực của một chủ thể tác động lên đối tượng, pháp là

phương tiện chủ thể sử dụng để thực hiện cái quyền năng đó. Như vậy, khi bàn đến quyền pháp tức nhiên có liên quan đến hai nhân tố là chủ thể tác động và đối tượng thọ nhận, trong đó điểm cốt lõi chính là phương tiện mà chủ thể sử dụng quyền năng lên đối tượng được gọi là “pháp”. Do đó, các định nghĩa của quyền pháp, suy cho cùng, xoay quanh ý nghĩa của “pháp” trong mối liên hệ giữa chủ thể và đối tượng trong hai chiều ra đi và trở về.

Trước tiên, quyền pháp có nghĩa là Đạo, là Thượng Đế. Đạo là nguyên lý vận hành trong Càn khôn Vũ trụ, hiện hữu trong tất cả các sở vật thực tại từ lớn nhất là Trời Đất cho đến nhỏ nhất là côn trùng, thảo mộc, khoáng sản, trong đó có con người. Đặc tính của Đạo là: vô vi, vô thể, vô tướng, vô danh, vô thi, vô chung, duy nhất, hằng hữu, hằng thường, bất biến, v.v. Tuy nhiên, Đạo có thể cảm nhận được, hiểu được, thấy được do pháp. Do đó, pháp chính là hiện thực hóa của Đạo. Pháp có các đặc tính là: hữu vi, hữu thể, hữu tướng, hữu danh, hữu hạn, sinh diệt, biến đổi, vô thường, khả biến, v.v. Mặt khác, Đạo cũng là Thượng Đế vô thể. Như vậy, quyền pháp chính là Đạo, là Thượng Đế. Đây là bản thể của pháp hay quyền pháp.

Quyền pháp cũng có nghĩa là gương máy thiên cơ thúc đẩy cơ hóa dục của Tạo hóa (sáng tạo, bảo tồn và hủy diệt) theo hai chiều thuận nghịch từ Thượng Đế đi ra vạn hữu và vạn hữu trở về hiệp nhất cùng Thượng Đế. Đây là sự vận động của Đạo.

Ngoài ra, quyền pháp cũng có nghĩa quy tắc điều hành cho có trật tự điều hòa. Trong vũ trụ càn khôn, quyền pháp chính là Thiên luật hay Thiên điều. Trong đạo Cao Đài, quyền pháp là Pháp Chánh Truyền và Tân Luật, hay còn gọi

là quyền pháp đạo luật. Trong Cơ Quan, quyền pháp là Thánh Dự Quy Điều và các Thánh giáo của Ôn Trên. Đây là nguyên lý của của Đạo.

Mặt khác, có thể hình dung Thượng Đế như đại dương tình thương hay “Cha của sự thương yêu”, con người là tiểu thiên địa, nên cũng là những giọt tình thương trong đại dương tình thương. Quyền pháp là Thấy, nên quyền pháp cũng là tình thương. Song, con người có thực hiện tình thương lẫn nhau mới có thể mang lại sự sống an vui vĩnh cửu. Cho nên, quyền pháp cũng là tình thương và sự sống. Đây chính là đặc tính của quyền pháp.

Khi đề cập đến đặc tính, Quyền pháp hay Quyền pháp đạo có cùng một ý nghĩa. Cho nên, Quyền pháp đạo cũng là tình thương và sự sống.

Như vậy, quyền pháp tuy mang tính nhưt quán vì xuất phát từ nguyên lý bất biến của Đạo nhưng thể hiện ra các định nghĩa khác nhau do “pháp” mang tính tùy duyên: Khi nói đến bản thể (thể), quyền pháp là Thấy, là Đạo. Khi luận về sự vận động (tướng), quyền pháp là guồng máy sanh hóa vũ trụ vạn vật theo hai chiều ra đi và trở về. Khi nói đến nguyên lý vận hành (tượng), quyền pháp là quy tắc luật lệ chi phối từ vũ trụ cho đến con người. Khi bàn đến đặc tính (dụng), quyền pháp là tình thương và sự sống.

Suy cho cùng, quyền pháp do cốt lõi của nó là “pháp” xuất phát từ nguyên lý tuyệt đối là “Đạo”, nên biểu hiện ra rất nhiều ý nghĩa khác nhau tùy theo hoàn cảnh. Tuy nhiên, các định nghĩa vừa nêu vẫn mang tính chất căn bản nhất.

1.2. ĐIỂM QUYỀN PHÁP

Theo định nghĩa, quyền pháp có nghĩa là Thượng Đế, là Đạo. Điểm quyền pháp là cái điểm Đạo được phú bẩm cho các sở vật thực tại. Chính nhờ có điểm quyền pháp hay điểm Đạo của Thượng Đế mà các sở vật thực tại có sự sống mẫu nhiệm và quyền năng vô biên của Thượng Đế tiềm ẩn nội tại. Do có điểm quyền pháp nên các sở vật thực tại có thể liên lạc với nhau theo chiều ngang và thông công cùng Thượng

Đế theo trục thẳng đứng. Cũng chính có điểm quyền pháp nối kết từ sở vật thực tại với trung tâm thần lực vô cùng vĩ đại của guồng máy thiên cơ nên nhất cử nhất động, mọi tư tưởng lời nói hành động của con người đều được ghi chép tội phước một cách phân minh không hề sơ sót. Con người cũng nhờ điểm quyền pháp này mà trực nhận được Thượng Đế hằng ngự trị trong tâm khảm để nghe được, hiểu được vô tận tâm kinh vốn dĩ là tiếng nói của Thượng Đế.

Điểm quyền pháp lớn nhất chứa đựng trước thời kỳ tạo Thiên lập địa, chính là ngôi Thái Cực, hay Thượng Đế. Điểm quyền pháp trong thực vật là sanh hồn. Điểm quyền pháp trong trứng gà hay động vật sanh hồn (đối với trứng gà, sanh hồn còn được gọi là ngôi gà). Điểm quyền pháp nơi con người là linh hồn, tiểu linh quang, chơn tâm, Phật tánh, v.v. Đây chính là điểm Đạo của Thượng Đế phú bẩm cho con người.

Về mặt hậu thiên, điểm quyền pháp của đạo Cao Đài (Tam đài) là Hiệp Thiên Đài. Bởi vì, do có Hiệp Thiên Đài qua hình thức cơ bút mới có trụ tướng và luật lệ của đạo như Tòa thánh, Hội thánh, Thánh thất, Thánh tịnh, Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, v.v. Về mặt tiên thiên, điểm quyền pháp của đạo Cao Đài lại là Bát Quái Đài. Bởi vì, Đức Chí Tôn tượng trưng cho Bát Quái Đài trực tiếp nắm giữ chánh pháp của Đại Đạo.

Mặt khác, trong bất cứ một tập thể nào từ loại sinh vật cho đến con người, điểm quyền pháp tập trung vào một vị trí cao nhưt nắm giữ vai trò chỉ huy, điều hành, cai quản tập thể đó. Có như vậy, tập thể mới hoạt động một cách trật tự, nhịp nhàng phục tùng sự dưới sự chỉ huy. Ngược lại, nếu tập thể không có người đứng đầu chỉ huy, mỗi người thực hiện theo ý kiến riêng của mình sẽ làm cho trật tự rối loạn. Thí dụ như trong một đàn cừu phải có một con cừu đầu đàn chỉ huy, trong một gia đình phải có một người đứng đầu làm chủ gia đình, trong một tổ chức tôn giáo phải có một vị làm chủ. Điểm quyền pháp này nhằm xác lập sự chỉ huy trong một tập thể.

2. VẬN ĐỘNG CỦA QUYỀN PHÁP

Quyền pháp là guồng máy thiên cơ vận động theo hai chiều đi ra và trở về. Chiều ra đi cũng chính là chiều li tâm hay hướng ngoại theo quy luật “nhứt bốn tán vạn thù”. Chiều trở về lại là chiều quy tâm hay hướng nội theo quy luật “vạn thù quy nhứt bốn”. Chiều đi ra từ Thượng Đế để các sở vật thực tại (trong đó có con người) thực hiện cơ tiến hóa và chiều trở về hiệp nhứt cùng Thượng Đế để thành tựu chu kỳ tiến hóa đó.

2.1. RA ĐI

Trong chiều ra đi, Đức Thượng Đế với tư cách là chủ thể sử dụng quyền năng của Đấng Tạo Hóa trước đối tượng là chúng sanh; trong đó, cái pháp mà Thượng Đế chấp trì chính là luật Thiên điều hay guồng máy Thiên cơ để sanh hóa muôn loài vạn vật từ khoáng sản, thú cầm cho đến con người. Đây cũng là chiều “nhứt bốn tán vạn thù”; từ Thái cực sanh lưỡng nghi, Lưỡng nghi sanh Tứ tượng, Tứ tượng sanh Bát quái.

Thượng Đế đã ban cho tất cả muôn loài vạn vật điểm Đạo bất tử bất biến, nhiệm mầu vô biên. Đây chính là Thượng Đế tính ẩn tàng trong muôn loài vạn vật. Nhờ cái điểm Đạo minh linh bất diệt này mà Thượng Đế luôn hiện hữu và kiểm soát toàn bộ quá trình tiến hóa của con người. Nơi thảo mộc chỉ có sanh hồn, thú cầm có thêm giác hồn, và đến con người có thêm linh hồn.

Chiều ra đi xuất phát từ Thượng Đế nơi cõi Vô sanh bất diệt đến các sở vật thực tại là chúng sanh nơi cõi thế gian sinh diệt là phân nửa của một đại chu kỳ vận hành của quyền pháp do Đức Chí Tôn là Đấng toàn tri toàn năng cai quản.

2.2. TRỞ VỀ

Trong chiều trở về, chúng sanh (trong đó có con người) quay trở về cùng khối Đại linh quang để hoàn tất chu kỳ tiến hóa tại thế gian. Trong chiều quy tâm này, thực vật và thú cầm sinh tồn tiến hóa một cách thụ động và tự nhiên. Đến con người, sự tiến hóa mang tính chủ động và

tích cực, do có trình độ tiến hóa cao nhứt so với muôn vật. Con người được ban quyền pháp để sử dụng quyền năng của một sinh vật tối cao nơi thế gian hay tiểu thiên địa chấp trì cái pháp là luật đời, luật đạo và thiên lý lưu hành trong nội thân để tiến hóa trong vô lượng kiếp. Đích điểm của chu kỳ tiến hóa, con đường quy nguyên là con người trở về cùng Thượng Đế, tiểu linh quang hiệp nhứt cùng khối Đại linh quang. Đây cũng là chiều “vạn thù quy nhứt bốn”. Chiều quy nguyên này chính là chuyển từ Bát quái hậu thiên trở về Bát quái Tiên thiên, hay từ Hoàng Cực trở về Thái Cực.

Mặt khác, con người được Đức Thượng Đế phú bẩm điểm tiểu linh quang, mà đặc điểm của nó là “ở Thánh không tăng, ở phàm không bớt” nên con người có thể giao cảm, tiếp xúc và thông công trực tiếp với Thượng Đế.

Chiều trở về từ sở vật thực tại nơi cõi gian để hiệp nhứt cùng Thượng Đế nhằm thành tựu phân nửa đại chu kỳ còn lại của quyền pháp. Đây chính là động năng quy định bởi luật Thiên điều mà con người noi theo, tuân thủ để có thể hiệp nhứt cùng khối Đại linh quang.

3. QUYỀN PHÁP VÀ ĐẠO PHÁP

Quyền pháp và đạo pháp có một có một điểm chung là “pháp”. Như đã trình bày, Đạo là bản thể duy nhứt, hằng hữu hằng tại, hư linh huyền nhiệm, vô thi vô chung, hằng thường bất biến. Đạo là nguyên lý tuyệt đối chi phối khắp cả càn khôn thế giới, từ cõi nhứt nguyên thanh tịnh cho đến thế giới nhị nguyên đối đãi. Pháp là hiện thực hóa của Đạo, hữu hạn hữu giới, biến dịch vô thường, chỉ hiện hữu nơi thế gian. Pháp là phương tiện để đạt được lý siêu mầu của Đạo. Do đó, nhờ pháp mà con người mới cảm nhận được, mới thấu hiểu được sự hiện hữu hằng tại huyền nhiệm của Đạo. Quyền pháp và đạo pháp có những điểm tương đồng và dị biệt.

3.1. TƯƠNG ĐỒNG

Quyền pháp và đạo pháp đều có chung một

xuất phát điểm, đều từ một nguyên lý duy nhất là Đạo. Do đó, quyền pháp và đạo pháp có cùng một bản thể là Đạo, là Thượng Đế. Cho nên, về phương diện này, quyền pháp chính là đạo pháp.

Quyền pháp là guồng máy thiên cơ vận hành theo hai chiều từ Thượng Đế ra đi hay phóng phát đến các sở vật thực tại, và chiều ngược lại từ các sở vật thực tại (trong đó có con người) quy nguyên hay trở về đích điểm xuất phát ban đầu là Thượng Đế hay Đạo. Trong khi đó, đạo pháp là phương tiện giúp cho con người trở về hiệp nhất với Đạo hay Thượng Đế. Như vậy, quyền pháp và đạo pháp có trùng hợp chiều quy nguyên xảy ra nơi cõi dục giới này.

Như đã trình bày, đặc tính của quyền pháp là tình thương và sự sống; trong đó, quyền là tình thương và pháp là sự sống. Khi chủ thể sử dụng quyền năng dựa vào cái pháp là tình thương, tức là phù hợp với đạo lý thì quyền đó mới chính danh, mới có giá trị, sẽ mang lại sự sống an vui, vĩnh cửu. Ngược lại, chủ thể chỉ sử dụng cái quyền lực hay quyền hành nơi thế gian. Theo cách hiểu tương tự, đặc tính của đạo pháp cũng là tình thương và sự sống.

3.2. DỊ BIỆT

Quyền pháp và đạo pháp có điểm dị biệt là khi thực hiện quyền pháp cần phải có chủ thể và đối tượng; trong khi đạo pháp chỉ cần có một trong hai nhân tố chủ thể hoặc đối tượng. Thật vậy, khi thực hiện quyền pháp, chủ thể trực tiếp sử dụng quyền năng để thực hành cái pháp đối với đối tượng. Trong khi đó, đạo pháp chỉ thực hành bởi chủ thể hoặc đối tượng mà thôi.

Mặt khác, quyền pháp có hai chiều ra đi từ Thượng Đế và trở về hiệp nhất cùng Thầy; trong khi đạo pháp chỉ có một chiều quy nguyên phục nhất từ tiểu linh quang trở về cùng Đại linh quang.

Quyền pháp đưa ra giải pháp trực tiếp để chủ thể vận dụng cái pháp là đạo luật đối với đối tượng nhằm điều hòa guồng máy cho có trật tự, có tình thương và sự sống an vui. Trong

khi đó, đạo pháp đưa ra giải pháp gián tiếp để chủ thể tự hoàn thiện bản thân bằng cách thực hành cái pháp.

4. SỨ MẠNG QUYỀN PHÁP

Khi đề cập đến chiều quy nguyên phản bốn, thiết tưởng cũng cần minh định sứ mạng quyền pháp. Mặc dù quyền pháp có nghĩa là guồng máy, là động năng thúc đẩy các sở vật thực tại (Thiên địa vạn vật) để thành tựu cả hai chiều ra đi và trở về. Việc thực hiện sứ mạng quyền pháp có liên hệ với con người và tôn giáo.

4.1. TÔN GIÁO

Bất cứ một tôn giáo nào được mệnh danh là chánh giáo đều có sứ mạng quyền pháp là đưa con người trở về cùng Thượng Đế. Sứ mạng của tôn giáo gồm hai phương diện là nhân sinh và tâm linh. Nói cách khác, tôn giáo góp phần xây dựng con người mới để từ đó hình thành xã hội đại đồng thánh đức và đồng thời giúp con người tiến hóa tâm linh ngõ hầu giải thoát tại chốn này và siêu xuất thế gian. Tuy nhiên, có những tôn giáo chú trọng về lĩnh vực nhân sinh thế đạo, và có tôn giáo đặt nặng lĩnh vực thiên đạo giải thoát. Ngoài ra, cũng có những tôn giáo như Cao Đài giáo thực hành sứ mạng cả hai phương diện nhân sinh và tâm linh.

Về phương diện nhân sinh, sứ mạng quyền pháp của tôn giáo là sứ mạng nhân hòa dựa trên ba tiêu chuẩn là nhân bản, an lạc và tiến bộ. Tạo thế nhân hòa nhằm xây dựng xã hội đại đồng thánh đức tại thế gian.

Về phương diện tâm linh, sứ mạng quyền pháp của tôn giáo là sứ mạng đạo pháp nhằm giúp con người giải thoát tại thế gian và siêu xuất thế gian, trở về cùng Thượng Đế.

Ngoài ra, các tôn giáo còn có một sứ mạng đặc biệt quan trọng là tự mình vươn lên khỏi tầm mức giới hạn của tôn giáo để đạt đến tầm mức Đại Đạo. Khi ấy, các tôn giáo sẽ trở thành một “thực thể Đạo cứu thế”. Đây chính là sứ mạng quy nguyên tôn giáo. Muốn đạt được

viễn đích đó, mỗi tôn giáo thực hiện sứ mạng quyền pháp được quy định bởi tôn chỉ mục đích của chính tôn giáo đó nhằm tạo được “mẫu số chung” của một nền chánh giáo nơi thế gian.

Hơn thế nữa, trong Tam kỳ Phổ độ, con người có một điểm phúc vô cùng lớn lao là cùng thực hiện chung sứ mạng Đại Đạo với các Đấng Thiêng Liêng nơi cõi vô hình. Do sự cộng thông sứ mạng rất đặc biệt này tạo nên sự gắn bó rất mật thiết và mẫu nhiệm chưa từng có từ xưa đến nay giữa con người và Thượng Đế, cũng như giữa con người và chư Phật, Tiên, Thánh, Thần. Nhờ có phương tiện cơ bút mà con người có thể thông công, liên lạc với các Đấng Thiêng Liêng. Mặt khác, khi tâm linh tịnh khiết, vô dục vô niệm; con người cũng có thể trực tiếp thông công, giao cảm với Đấng Thiêng Liêng qua “đài Hiệp Thiên” của mỗi người mọi lúc mọi nơi.

4.2. CON NGƯỜI

Trong chiều trở về để quy nguyên hiệp nhứt cùng Thượng Đế, sứ mạng quyền pháp của con người nơi thế gian nhằm thực hiện cơ tiến hóa về nhân sinh và tâm linh.

Về phương diện nhân sinh thuộc về thế đạo, sứ mạng quyền pháp chính là sứ mạng vi nhân nhập thế tích cực, bao gồm: tu thân, tề gia, trị quốc và bình thiên hạ. Tu thân bao gồm học hành và rèn luyện về thể dục, đức dục và trí dục để con người trở thành một công dân tốt, có ích cho xã hội. Tề gia gồm việc lập gia đình, giáo dục con cái. Trị quốc và bình thiên hạ được hiểu là làm việc để mưu sinh, giúp đỡ tha nhân, xây dựng xã hội đại đồng, nối liền tình huynh đệ giữa “bốn biển chung nhà, năm châu chung chợ”.

Về phương diện tâm linh thuộc về thiên đạo, sứ mạng quyền pháp chính là sứ mạng thiên ân hay sứ mạng đại thừa để tự độ và độ tha hay tự giác và giác tha. Con người đem đạo vào đời, tu học hành đạo, cứu thế độ nhân để tự giải thoát cho bản thân và cứu độ tha nhân. Ngoài ra, con người còn thực hiện tánh mạng song tu để trở về cùng Thượng Đế.

Con người được Thượng Đế phú bẩm hai phần là tâm (tánh, thần, phần dương) và thân (mạng, khí, phần âm) thuộc về Tiên thiên. Song, khi con người sanh nơi cõi thế gian thuộc Hậu thiên, nên tâm và thân tiên thiên được chuyển đổi thành tâm và thân hậu thiên. Như vậy, sứ mạng quyền pháp của con người nơi thế gian là chuyển hóa từ phần hậu thiên sang tiên thiên. Đây chính là song tu tánh mạng vậy.

5. ỨNG DỤNG CỦA QUYỀN PHÁP

Quyền pháp nếu không ứng dụng hữu hiệu trong việc điều hành guồng máy đạo sự của đơn vị thánh thất, thánh tịnh (tịnh thất) hay ứng dụng được trong việc tu học hành đạo của mỗi tín đồ Cao Đài, thì cũng chỉ là lý thuyết suông mà thôi, không mang lại giá trị thực tiễn.

5.1. TINH THẮT

Người tín hữu Cao Đài mỗi ngày đọc ngũ nguyện, trong đó câu nguyện thứ năm ghi: “Ngũ nguyện thánh thất an ninh”. Đây là lời cầu nguyện chí thành của non người lên Đức Chí Tôn ban ân và hộ trì cho thánh thất được bình an để thực hành thánh sự được hanh thông, mang lợi lạc đến cho bá tánh chúng sanh.

Ngoài Tòa thánh Hội thánh, tịnh thất cũng là Thánh thể của Đức Chí Tôn tại thế gian. Tín hữu Cao Đài đến tịnh thất để tu học, hành đạo trong sự thương yêu, hòa ái, nâng đỡ lẫn nhau. Tịnh thất chính là nơi an lạc nhất, cõi tịnh độ thu nhỏ, nơi thắt chặt tình huynh đệ để mọi người tín hữu đến đây có cảm giác như mình đang trở về và an trú trong ngôi nhà “Bạch Ngọc Kinh” tại thế gian. Muốn được vậy, quyền pháp tại các tịnh thất cần phải nghiêm minh. Sự nghiêm minh của quyền pháp tại các tịnh thất, thiết tưởng cần hội đủ một số điều kiện căn bản như:

- Tuân thủ triệt để luật lệ của đạo gồm có: Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, đạo quy, nội lệ.
- Điểm quyền pháp của các tịnh thất là vị đứng đầu như Đầu họ đạo, Chánh hội trưởng, Trưởng ban cai quản cần có đủ tâm, hạnh, đức, tài lãnh

đạo chỉ huy sao cho bốn đạo cảm phục, vâng lời. Chức sắc đứng đầu các tịnh thất thực hiện cái quyền bằng tình thương (chứ không phải quyền lực) mới mang lại sự sống an vui tại tịnh thất.

- Việc sắp xếp vị trí các chức sắc, chức việc, bốn đạo tại nơi chánh điện cũng như nơi hành sự cần theo đúng trật tự, phân minh.

- Các tư kỳ phạm từ cấp lãnh đạo, chức sắc, chức việc cho đến bốn đạo cần thực hiện đúng phần hành sự của mình, không xen vào phận sự của người khác sẽ gây kháo đảo trong tập thể.

- Các tư kỳ phạm thực hành giới luật gồm Ngũ giới cấm và Tứ đại điều quy. Sự nghiêm trì giới luật nhằm tạo thành “mẫu số chung” của từng người tín hữu để hòa nhập cùng một khối “thương yêu” trong đại chúng.

- Tịnh thất là trường giáo đạo hướng dẫn tín đồ. Ban cai quản tạo môi trường tu học hành đạo “bận rộn” với các sinh hoạt giáo lý, công quả phước thiện, tu học cúng kính, công phu tịnh luyện để tạo ra sự sống năng động tại các tịnh thất. Bởi lẽ, quyền pháp là tình thương và sự sống.

Sự thể hiện quyền pháp nơi tịnh thất rất đa dạng nên cần hài hòa trong việc thực thi quyền pháp giữa các mối quan hệ: giữa chức sắc đứng đầu và ban cai quản, giữa ban cai quản và ban trị sự, giữa ban cai quản/ ban trị sự với bốn đạo. Điểm cốt lõi nhất trong việc hành sự quyền pháp nghiêm minh giữa các cấp chính là tâm thanh tịnh thì chấp pháp mới phù hợp đạo lý, đúng với thiên cơ; tự nhiên quyền năng sẽ thể hiện. Kết quả là tịnh thất sẽ được an bài tình thương chân thành và sự sống an vui, tình huynh đệ chan hòa thân thiết, đạo sự hanh thông phát triển. Ngược lại, khi tâm vọng động, việc chấp pháp sẽ thiên lệch độc đoán; quyền năng trở thành quyền lực, tập thể kháo đảo, phiền não phát sinh, đạo sự trì trệ.

5.2. CON NGƯỜI

Tịnh thất có an ninh thì mỗi tín hữu trong tịnh thất đó sẽ an lạc, hạnh phúc. Mặt khác, mỗi

tín hữu có trách nhiệm tu học tinh tấn, chu toàn phận sự để góp phần vào việc thực hiện quyền pháp nghiêm minh tại tịnh thất. Việc ứng dụng quyền pháp nơi con người tập trung vào việc tu học và công phu của bản thân; trong đó, giữ được và duy trì tâm thanh tịnh lại là yếu tố quan trọng nhất.

Khi tâm thanh tịnh vô dục vô niệm, pháp tự khắc sẽ tùy duyên, tùy cảnh mà phát sinh. Đây chính là việc ứng dụng nguyên lý “tâm không thì pháp sanh, tâm động thì pháp diệt đảo”. Tuy nhiên, pháp tùy duyên mà phát sinh nhưng lại mang yếu tố “bất biến”, là luôn xoay quanh từ trường đạo lý. Khi pháp biểu hiện đúng đạo lý, tự nhiên quyền sẽ xuất hiện. Đây là điểm rất ráo nhứt của quyền pháp vậy.

Có một điều khá lý thú là việc ứng dụng quyền pháp đến các đối tượng bên ngoài lại đòi hỏi con người phải quay vào bên trong để định tâm. Điều này cũng giống như người xưa thường khuyên con người cần dụng cái bất biến để hóa giải với thiên vạn biến nơi cõi thế gian. Cái bất biến đó chính là tâm thanh tịnh.

Muốn đạt đến tâm thanh tịnh cần phải có công năng đại định. Muốn đạt đến công năng đại định hay trạng thái vô niệm, cần thực hành chánh niệm. Bởi lẽ, con người nương tựa, mượn lấy chánh niệm để đạt đến vô niệm. Cho nên, chánh niệm tức là vô niệm. Có nhiều phương pháp thực hành chánh niệm như: cúng tứ thời, đọc kinh trì chú, đọc thánh giáo, trì niệm danh hiệu Đức Chí Tôn, thiền định công phu, nghe thuyết minh giáo lý và học tập Thánh giáo, tham dự đạo đàm, tu học các khóa bồi dưỡng giáo lý, tham dự khóa tịnh liên hoàn mừng 8 hàng tháng, đợt tịnh bốn mùa hằng năm, v.v. Bởi lẽ, khi thực hành những phương pháp trên mà thân tâm hiệp nhứt với nhau, tức là đã thực hành công phu. Đây chính là thực hành rất ráo phương tu của đạo giải thoát là: Niệm (thực hành chánh niệm) – Định (tâm thanh tịnh) – Huệ (trí huệ bát nhã). Thật vậy, niệm sanh định, định sanh huệ.

Việc ứng dụng quyền pháp sẽ trở nên sáng tỏ khi con người giải quyết được điểm cốt lõi của nó. Thêm một sự lý thú nữa là giữa quyền pháp, minh triết và công năng đại định lại có mối liên hệ rất mật thiết với nhau. Tuy là ba phạm trù, nhưng thật ra chỉ từ một phạm trù duy nhất mà thôi. Tuy một phạm trù mà bao gồm cả ba. Chỉ cần đạt được một phạm trù, tất yếu sẽ đạt được cả ba. Một phạm trù đó chính là công năng đại định. Từ “định” (tâm thanh tịnh) sẽ phát sinh “pháp” (tùy duyên mà ứng hóa theo đúng đạo lý) tức là quyền pháp. Mặt khác, từ “định” sẽ phát sinh “huệ” (minh triết).

Việc ứng dụng thành tựu quyền pháp nơi con người sẽ tác động tích cực đến việc hài hòa quyền pháp tại tịnh thất hay bất kỳ tập thể tôn giáo nào. Các tịnh thất thực hành quyền pháp bằng cách tuân thủ

TẠM KẾT

Quyền pháp là một trong các chủ đề giáo lý đặc thù của đạo Cao Đài nhằm nêu lên phương tiện đạo lý, còn gọi là “pháp” mà chủ thể chấp trì nó để thể hiện cái “quyền” hay quyền năng lên đối tượng khác. Vì thế, cái “pháp” đặc thù này được gọi là “quyền pháp”. Do “pháp” biểu hiện vô cùng phong phú tùy theo duyên mà khởi phát, nhưng tựu trung vẫn không ra ngoài điểm Đạo duy nhất, bất biến, nhiệm mầu.

Quyền pháp có các ý nghĩa tùy theo thể, tướng và dụng. Bản thể của quyền pháp là Đạo, là Thượng Đế. Hình tướng của quyền pháp là guồng máy vận động của vũ trụ theo hai chiều thuận nghịch và là quy tắc luật lệ để guồng máy đó vận hành. Cái dụng của quyền pháp là tình thương và sự sống. Tất cả sở vật thực tại đều được phú bẩm điểm Đạo, Thượng Đế được gọi là điểm quyền pháp.

Quyền pháp vận động theo hai chiều thuận nghịch; chiều thuận từ Thượng Đế đi ra hóa sanh vạn hữu và chiều nghịch từ vạn hữu trở về hiệp nhất cùng Thượng Đế.

Quyền pháp và đạo pháp có sự tương đồng và

dị biệt. Quyền pháp và đạo pháp giống nhau về bản thể do cả hai đều phát xuất từ một nguyên lý duy nhất là Đạo tùy duyên ứng hóa ra các “pháp”. Còn điểm khác biệt là quyền pháp đòi hỏi việc thực hành cần có hai nhân tố là chủ thể ban phát và đối tượng thọ nhận, trong khi đạo pháp chỉ cần một trong hai nhân tố là đủ.

Sứ mạng quyền pháp có liên hệ đến con người và tôn giáo. Sứ mạng quyền pháp của tôn giáo nhằm đến hai phương diện nhân sinh và tâm linh, tương ứng với sứ mạng nhân hòa và sứ mạng về đạo pháp nhằm đạt đến mục tiêu thể đạo đại đồng và thiên đạo giải thoát. Ngoài ra, tôn giáo còn có sứ mạng đặc biệt quan trọng là vươn lên khỏi hình thức tôn giáo để trở thành thực thể Đạo cứu thế. Sứ mạng của con người chính là sứ mạng vi nhân thuộc phần nhân sinh thể đạo gồm: tu thân, tề gia, trị quốc và bình thiên hạ (với ý nghĩa trong bối cảnh xã hội ngày nay). Ngoài ra, con người còn có sứ mạng thiên ân hay sứ mạng đại thừa để tự độ và độ tha.

Quyền pháp được ứng dụng rất sinh động trong việc tu học, hành đạo của người tín hữu Cao Đài và điều hành guồng máy của các thánh thất, thánh tịnh. Con người thực hành quyền pháp bằng cách mượn các hình thức chánh niệm như: cúng tứ thời, trì niệm danh hiệu Đức Chí Tôn, thiền định, đọc thánh giáo, tu học, v.v. để đạt đến tâm vô niệm hay tâm thanh tịnh. Đây chính là quá trình chuyển hóa từ niệm (chánh niệm) đến định (chánh định), và định sanh huệ (trí huệ bát nhã). Ngoài ra, con người cũng có thể thực hành quá trình chuyển hóa từ giới (trí giới) đến định (chánh định), và định sanh huệ. Quyền pháp tại các tịnh thất đặt trọng tâm việc tuân thủ Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, đạo quy, nội lệ. Các tư kỳ phạt từ vị chức sắc cao nhất cho đến người tín hữu giữ đúng và chu toàn phận sự được giao phó. Quyền pháp nghiêm minh thì đạo sự mới hanh thông phát triển, tình huynh đệ chan hòa thân thiết, sự sống an vui vĩnh cửu. Có như vậy, tịnh thất mới thật sự là thánh thể của Đức Chí Tôn tại thế gian.

TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO

1. Quyền là hình thức thể hiện cái pháp trước đối tượng. Pháp là thể hiện trước bản thân.¹

2. Quyền pháp là Thấy, là Đạo. Nhắc lại Đạo chứ không là tôn giáo.²

3. Quyền pháp là cơ, là lý là phương định đưa tuyệt đối vào sở vật tương đối, chuyển vô thường giả tạm vào siêu nhiên bất diệt.³

4. Quyền pháp là tình thương, là sự sống. Có tình thương thì quyền mới có giá trị. Có pháp độ thì sự sống mới an vui và vĩnh cửu.⁴

5. Quyền pháp đạo là tình thương và sự sống. Có năm được quyền pháp thì đạo mới khai, có tình thương sự sống mới hòa bình an lạc.⁵

6. Sở vật thực tại rất to tát trước thời tạo Thiên lập Địa là ngôi Vô Cực Diêu Trì, và điểm quyền pháp được chứa đựng làm ngôi Thái Cực, là Thấy.⁶

7. Có quyền không pháp không đưa con người đi về đâu, trái lại sẵn sàng xô ngã con người vào lạc lâm vào u tối. Có pháp ắt sẽ có quyền.⁷

8. Sở vật thực tại được tạo thành và biến sanh đều do quyền pháp.⁸

9. Quyền pháp là cơ, là lý là phương định đưa tuyệt đối vào sở vật tương đối, chuyển vô thường giả tạm vào siêu nhiên bất diệt.⁹

10. Hiệp Thiên Đài nắm giữ quyền pháp. Nhờ đó là mà có tòa thánh, hội thánh, thánh thất, thánh tịnh, Tân Luật Pháp Chánh, và truyền lưu giáo lý Đại Đạo.¹⁰

11. Tam Kỳ Phổ Độ Thấy phải trao cho chư hiền, cho dân tộc nẩy một quyền pháp đạo để lập thành quyền pháp đạo thực thể thuần chánh để cứu thế.¹¹

đến hai chữ quyền pháp.¹²

12. Đạo là khả năng tâm linh thiên phú cho bất cứ cá nhân nào trong xã hội. Pháp là tùy hoàn cảnh, tùy cá nhân mà con người ấy phô diễn tổ chức và phơi bày trước ánh sáng một vấn đề gì trong tập thể nhân sinh.¹³

Đạo thấy được do Pháp. Pháp ẩn chứng siêu việt linh hoạt được do Đạo.¹⁴

13. Tất cả những gì mà hình dung được, mà nhận thức được đều là pháp.¹⁵

14. Đại Từ Phụ nắm quyền pháp mới chuyển cơ sanh hóa vạn vật vũ trụ. Con người nắm được quyền pháp mới chuyển đưa vật loại vào thiên lý và chuyển Thiên lý vào vật loại.¹⁶

15. Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp nẩy thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo Cứu Thế trong Tam Kỳ Phổ Độ.¹⁷

16. Tam Kỳ Phổ Độ Thấy phải trao cho chư
(XEM TIẾP TRANG 48)

1. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 19-9 Mậu Thân (09-11-1968).

2. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

3. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

4. Đức Hưng Đạo Đại Vương, Minh Lý Thánh Hội, 06-7 Quý Sửu (04-8-1973).

5. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

6. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

7. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 19-9 Mậu Thân (09-11-1968).

8. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

9. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

10. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

11. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

12. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 19-9 Mậu Thân (09-11-1968).

13. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 19-9 Mậu Thân (09-11-1968).

14. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 19-9 Mậu Thân (09-11-1968).

15. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 19-9 Mậu Thân (09-11-1968).

16. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

17. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

C húng ta đang ở trong thời Hạ nguơn mặt pháp, là thời điểm sắp giáp mỗi tuần hoàn vũ trụ, để bước sang một chu kỳ mới. Đây cũng là giai đoạn rực sáng của nền văn minh nhân loại, với những thành tựu khoa học kỹ thuật đạt đến đỉnh cao, nhưng trái đất này đang trong tình trạng mong manh với vô vàn đe dọa chực chờ, không ai đoán được số phận của nó sẽ ra sao. Con người đang nỗ lực tiến đến sự khám phá vũ trụ với hy vọng sẽ tìm được nơi trú ẩn mới trước khi quả địa cầu này rơi vào cơ tận diệt do bởi sự tàn phá hủy hoại của chính con người.

Bức tranh toàn cầu hiện tại là hai gam màu tương phản, bên cạnh những quốc gia với nền văn minh chói lọi, mức sống dư thừa xa xỉ, vẫn còn đầy dẫy những đất nước nghèo đói, lạc hậu với hình ảnh những con người đói khát đắm chìm trong tận cùng khốn khổ. Cùng một dân tộc, nhưng bên cạnh phần đất Hàn Quốc phát triển vượt bậc về kinh tế, là một phần lãnh thổ Triều Tiên dân chúng thiếu thốn, đói nghèo, chỉ vì nhà nước chỉ lo mở rộng quân sự, chiến tranh. Trong cùng một quốc gia, dù cường quốc số một về kinh tế như Hoa Kỳ, vẫn không ít người lang thang không nhà, cô đơn đói lạnh, ngửa tay xin từng đồng bố thí của khách qua đường trên những đường phố ngập tràn ánh sáng, cũng như những hình ảnh chết vì công lạnh ở nhiều nơi tại các quốc gia văn minh Châu Âu. Sự phân hóa trầm trọng giữa hai cực giàu nghèo trên hành tinh này đã cho thấy sự bất công trong thế giới loài người vẫn chưa tìm thấy lối thoát.

Tôn giáo vẫn hiện hữu trong đời sống nhân sinh, nhưng con người vẫn còn đang ngỡ ngàng niềm tin trước những chuyển biến trong buổi hoàng hôn nhân loại. Trong bối cảnh đen tối đó, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đấng Chủ tể Càn Khôn khai mở, nhưng không phải để làm giàu thêm

cho kho tàng tôn giáo của nhân loại, mà như lời Đức Vạn Hạnh Thiển Sư đã khẳng định:

“Đạo Cao Đài không phải thiết lập một tôn giáo, mà là cố gắng sao các tôn giáo hiệp làm một, chẳng những tạo cho tổ chức nơi mình một địa vị, mà làm cho tất cả các tổ chức thành một địa vị cao quý ở cõi đời này và nơi Thiên quốc, Niết bàn. Chắc sau ngày Đạo thành, không còn có cái danh nào cả.”

Thánh giáo Cao Đài xác nhận, việc mở Đạo của Đức Chí Tôn là để nhắc nhở con người trả lại cho tôn giáo chức năng cao quý của nó, để mỗi tôn giáo đều đạt được mục tiêu cứu đời, chuyển loạn thành trị nơi cõi thế gian, đồng thời giúp con người giải thoát tâm linh, thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử, trở lại với cội nguồn là nơi vô sanh vô diệt. Thánh ý đó đã được thể hiện qua tôn chỉ đạo Cao Đài: “Tam giáo quy nguyên, Ngũ chi phục Nhất”

Theo cách hiểu thông thường, “Tam giáo quy nguyên” là ba nền tôn giáo Nho Thích Lão trở lại nguồn cội là Thượng Đế, vì mỗi vị Giáo Tổ đều là sứ giả của Thượng Đế cho xuống trần phù hợp với trình độ tiến hóa của nhân loại theo từng thời kỳ lịch sử và hoàn cảnh địa lý khác nhau để giáo hoá chúng sanh, dẫn dắt con người vượt ra khỏi biển khổ trầm luân. Nhưng nếu hiểu chính xác sâu xa hơn, “quy nguyên” là trở về chân lý bất biến hằng hữu, là cái chung nhất của mỗi tôn giáo đã được người tín đồ Cao Đài nhắc đi nhắc lại mỗi ngày trong bài “Khai kinh” khi cúng Tứ thời: *“một cội sanh ba nhánh in nhau”*.

Chỗ gọi là “in nhau” đó, không phải chỉ là làm lành lánh dữ, mà là chỗ có thể giúp cho con người tìm thấy kết quả cuối cùng là chúng Đạo, đạt cơ siêu xuất thế gian. Đó là TRUNG ĐẠO.

1. Đạo Học Chí Nam.

I. TRUNG ĐẠO – CON ĐƯỜNG CHUNG NHẤT CỦA TAM GIÁO

1. KHỔNG GIÁO

Với lời dạy về thuyết Trung Dung của Đức Khổng Tử truyền trực tiếp cho môn đệ là Tăng Tử được cháu nội của Ngài là Tử Tư soạn viết thành quyển Trung Dung. Trong phần đề tựa, ông Châu Hy viết: *“Bất thiên chi vị Trung; bất dịch chi vị Dung. Trung giả, thiên hạ chi chính đạo; dung giả, thiên hạ chi định lý.”* Tạm dịch nghĩa: “Hễ cái tâm không chệnh bên này, không lệch bên kia. Ở được mức giữa thì gọi là Trung; còn như giữ thường thường một mực, không hay đổi thì gọi là Dung. Trung là con đường ngay mà tất cả mọi người đều phải theo, Dung là cái lẽ định sẵn quản trị tất cả mọi người.”

Đức Khổng Tử dạy: “Bực quân tử tức là hạng người có đạo đức thì giữ được Trung dung; còn kẻ tiểu nhân, tức là hạng người kém đạo đức thì trái với Trung Dung (Quân tử Trung dung, Tiểu nhân phản Trung dung) Bực quân tử giữ được đức Trung Dung là bất kỳ giờ phút nào cũng giữ gìn cái tâm ở mức giữa, không chệnh, không lệch, không bị hoàn cảnh cám dỗ nhờ theo sát đạo lý; còn kẻ tiểu nhân trái với đức Trung Dung là vì cái tâm chệnh lệch, cái tánh tách khỏi đạo, chạy theo lòng tư dục nên không biết kiêng dè sợ sệt chi cả.” (*“Quân tử chi Trung dung giả, quân tử nhi thời trung; tiểu nhân chi phản Trung dung giả, tiểu nhân nhi vô kị dạn giả.”*).

Trong cách xử thế, Đức Khổng Tử dạy: “Ở ngôi vị trên, người chẳng cậy thế lực mà đè ép bóc lột kẻ dưới; ở địa vị dưới, người chẳng trèo đèo, chẳng tâng bợ kẻ trên. Tự mình giữ tâm ý cho đoan chánh, nét hạnh cho ngay thật, chẳng xin xỏ, nường cậy ai, ắt không sanh ra việc giận hờn. Trên chẳng trách Trời, dưới không phiền người. Cho nên bực quân tử ăn ở một cách bình dị để chờ mạng Trời. Còn kẻ tiểu nhân vì cái tâm thiên lệch chẳng hiểu mạng Trời, cho nên làm những việc nguy hiểm để cầu may.” (*“Tại thượng vị bất lạng hạ; tại hạ vị, bất viên thượng.”*

Chính kỹ, nhi bất cầu ư nhơn, tắc vô oán. Thượng bất oán Thiên, hạ bất vuơ nhơn. Cổ quân tử cư dị, dĩ sĩ Mạng. Tiểu nhơn hành hiểm dĩ kiếu hãnh.”).

Quyển Kinh Dịch, xuyên suốt 64 quẻ dạy “con người cái đạo biết tiến biết thoái, biết giữ cho còn, biết làm cho mất”, chỉ không ngoài vấn đề Trung Chánh. Bởi vì, trong vạn sự, vạn vật, không có sự thật gì là không trung, không có sự vật gì là không chánh, nghĩa là ngay trong sự bất trung bất chánh đều đã có sự Trung Chánh của nó. Trung Chánh nói nôm na là sự quân bình, chính nhờ sự mất quân bình mà ta thấy rõ luật công bình của Trời Đất.

Trung Đạo, theo Khổng giáo cũng chính là sự “thành thật”. Thành thật là gốc và ngọn của mọi vật. Nếu không có cái đức Thành thật, thì không có vật chi cả. Cho nên bực quân tử quý trọng lòng thành thật hơn hết. Sự thành thật tự nhiên vốn là đạo Trời (*“Thành giả, vật chi chung thủy. Bất thành vô vật. Thị cố quân tử, thành chi vi quý. Thành giả, thiên chi Đạo giả.”*). Trung đạo theo Nho giáo, còn là sự hết lòng hết dạ với người... Việc gì mình không muốn người ta làm cho mình, chớ đem việc ấy mà làm cho người.

2. PHẬT GIÁO

Lý Trung đạo là một phát hiện được Đức Phật tìm thấy sau những biến cố quan trọng trong cuộc hành trình tìm về giải thoát của Ngài. Ngài đã dặn dò:

“Này các Tỳ kheo, có hai điều thái quá, người xuất gia không nên theo, một là mê đắm dục lạc, hạ liệt, phàm phu, không xứng Thánh hạnh, không thiệt lợi đạo. Hai là tu khổ hạnh, khổ đau, không xứng Thánh hạnh, không thiệt lợi đạo. Này các Tỳ kheo, chính nhờ từ từ bỏ hai điều thái quá này, Như Lai giác ngộ Trung Đạo.”

Để không rơi vào hai cực đoan, Phật đã chỉ ra con đường Bát Chánh Đạo là 8 điều chánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh tinh tiến, chánh niệm và chánh định. Đây chính là con đường Trung Đạo của phái Tiểu thừa.

Còn con đường Trung đạo giải thoát là con đường thể nghiệm chân lý thực tính đó là duyên khởi Tánh Không của phái Đại thừa, đem đến pháp nhãn trí huệ, đưa lại an tịnh, thượng trí chứng Niết bàn, ra đời sau khi Phật nhập diệt 500 năm, và 100 năm sau nữa thực sự hưng thịnh với bộ Trung Quan Luận do Sư Long Thọ là Tổ thứ 14 của Thiên tông An Độ viết với tư tưởng nhấn mạnh ý nghĩa Trung Đạo: “*Có hai chân lý mà đức Phật đề cập là chơn lý tương đối thực nghiệm và chơn lý tuyệt đối. Chơn lý tương đối dành cho bậc hạ căn, chơn lý tuyệt đối dành cho bậc thượng căn. Người không hiểu hai chân lý này không thể nói là người thâm hiểu lý vi diệu thâm thâm của Phật.*”

Nguyên lý Trung đạo đã được Bồ tát Long Thọ xây dựng lại trên cơ sở Bát bất (Tám không): không sinh không diệt, không nhất không khác, không thường không đoạn, không đến không đi, lấy Thập nhị nhân duyên làm khởi điểm, với chủ trương cho rằng vạn sự vạn vật đều do Tâm mà có, ngoài Tâm không có sự vật gì là thật cả. Cho nên Bản thể là hiện tượng, hiện tượng là bản thể; Sinh tử là Niết bàn, Niết bàn là sinh tử nghĩa là Phiền não tức Bồ đề. Do đó người tu theo Đại thừa thực hành Trung đạo chính là thực hiện cái Tâm Bình Đẳng được nói đến trong các kinh Pháp Hoa và Hoa Nghiêm. Người tu được Tâm Bình Đẳng tức là đã xem ta và người với vật như nhau, thì không còn chỗ thân chỗ thù, nên không còn “giới sát”; không còn phân chia Nhơn Ngã, của người của ta, nên không còn trộm cắp, không cần phải “giới đạo”...

Trong kinh Đại Niết bàn có viết: “*Kiến nhất THIẾT KHÔNG, bất kiến BẤT KHÔNG, bất danh TRUNG ĐẠO; nãi chí kiến nhất thiết vô NGÃ, bất kiến NGÃ giả, bất danh TRUNG ĐẠO. TRUNG ĐẠO giả, danh vi PHẬT TÁNH.*” Có nghĩa: Thấy tất cả đều là KHÔNG, mà chẳng thấy cái CHẴNG KHÔNG thì chẳng gọi là TRUNG ĐẠO. Thấy tất cả là vô NGÃ mà chẳng thấy có NGÃ cũng chẳng gọi là TRUNG ĐẠO. TRUNG ĐẠO ấy gọi là PHẬT TÁNH.

Cả hai phái Tiểu thừa và Đại thừa đều dạy về

Trung Đạo, nhưng đối với Tiểu thừa, Niết Bàn khác với sinh tử, nên giải thoát ly thế gian tướng. Còn Đại Thừa cho rằng, Niết bàn và thế giới hiện tượng thực tế chỉ là một, là hai mặt của một cái duy nhất, nên giải thoát không ly thế gian tướng. Niết bàn theo kinh Bát Nhã, chính là niềm an vui tự tại. Như vậy, trong khi Tiểu thừa chỉ có thể phủ định mà không thể thừa nhận, còn Đại thừa vừa có thể phủ định, vừa có thể thừa nhận; cũng như, không còn chỗ nào gọi là phủ định, cũng chẳng còn chỗ nào gọi là thừa nhận. Đến chỗ đó, tức là đến cảnh giới BÌNH ĐẲNG BÁT NHỊ, là nơi không còn có gì gọi là phiền não, là bồ đề, là địa ngục, là thiên đường, là chúng sinh, là Phật, là vạn pháp, là chân như, là sinh tử, là Niết bàn nữa. Mà phiền não tức bồ đề, địa ngục tức thiên đường, chúng sinh tức chư Phật, vạn pháp tức chân như, sinh tử tức niết bàn.

Đức Lục Tổ Huệ Năng nói: “*Đừng nghĩ đến Thiện, đừng nghĩ đến Ác, chính trong lúc đó hiện ra cái bản lai Diện Mục tức Phật tánh của mình.*” Phật giáo Đại Thừa cho rằng nếu ác nghiệp là cái dây xích bằng sắt, thì thiện nghiệp chính là cái dây xích bằng vàng, cho nên dù bằng vàng hay bằng sắt cũng vẫn là cái dây xích để mà trói buộc, đều không thể dùng nếu như muốn đi đến giải thoát.

3. LÃO GIÁO

Thay thuật ngữ Trung Đạo là Đạo mà theo Đức Lão Tử là gượng đặt, còn gọi là HƯ VÔ. Với đạo Lão, Hư Vô là nơi giải quyết được tất cả mọi tranh chấp mâu thuẫn trên cõi đời này “*Đạo vô vi nhi bất vi*” nghĩa là thấy dường như Đạo bất động (không làm gì cả) mà thực sự không một việc gì không do nó mà ra. Hư Vô gồm nắm tất cả mọi mâu thuẫn trong thái hòa, chứ không phải tranh chấp và thủ tiêu lẫn nhau, vì cái Chân nằm trong cái Giả, cái Hư nằm trong cái Thực... do bởi Hư Vô hay Đạo lúc không tên, nó là Gốc của Trời Đất. Khi có tên, nó là Mẹ của muôn loài “*Vô danh thiên địa chi thủy. Hữu danh, vạn vật chi mẫu.*”

Đạo Đức Kinh dạy nơi chương Hai: “Có và Không cùng sinh ra nhau. Khó và dễ cùng tạo thành nhau. Dài và Ngắn cùng so sánh nhau. Cao và Thấp cùng phân biệt nhau. Am thanh và Tiếng nói cùng hòa với nhau. Trước và sau cùng theo nhau.” (“*Hữu Vô tương sinh. Nan dị tương thành.. Trường Đoản tương hình. Cao Hạ tương khuynh. Am Thanh tương hòa. Tiên Hậu tương tùy.*”). Chính vì vậy mà: “Nói nhiều, lời sẽ can, lẽ sẽ hết. Không bằng giữ lấy đạo Trung.” (“*Đa ngôn sở cùng, bất như thủ trung.*”).

Theo Đức Lão Tử, đối với Trời, Trung đạo thể hiện qua việc Trời Đất không tư vị vật nào cả, mà ban phát đều cho tất cả, không vì ghét, vì thương, mà vận hành một cách tự nhiên: “*Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sở cấu.*” Bất nhân là không có lòng nhân theo như quan niệm con người tức là có chủ tâm, có sự chọn lựa theo ý thức, có sự phân biệt để ban phát ân huệ.

Với người, Lão giáo chủ trương: “Nơi ở thì chọn đất lành. Lòng dạ thì khéo giữ thâm trầm. Xử thế thì hợp lòng nhân ái. Nói năng thì trọng thành tín. Xử việc nước thì hợp đạo trị quốc. Làm việc thì chuộng khả năng. Hành động thì hợp thời cơ.” (“*Cư thiện địa. Tâm thiện uyên. Dữ thiện nhân. Ngôn thiện tín. Chính thiện trị. Sự thiện năng. Động thiện thời.*”); “vì không tranh giành nên không bị oán trách.” (“*Phù duy bất tranh cố vô ưu.*”).

Nơi chương chín quyển Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử dạy con người phải biết dừng đúng lúc, không nên tham cầu, theo đuổi bất cứ việc gì vượt quá mức giới hạn, không nên kiêu căng, tự mãn, và nên tập biết đủ, biết tự chế và sống điều độ. Đó chính là tinh thần cốt lõi của Trung Đạo.

Tóm lại, Trung Đạo là cái Lý duy nhất không chỉ của tam giáo mà là vạn giáo cho nên luận về Trung Đạo, cho dù ba nền tôn giáo Nho Thích Lão có cách lý luận và cách gọi khác nhau nhưng tựu trung cũng không ra ngoài hai chữ TRUNG NHẤT mà trong Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Thượng Đế đã nhắc lại:

- *Nho giáo gọi là chấp trung quán nhất.*

- *Thích giáo gọi là bảo trung quy nhất.*
- *Đạo giáo gọi là thủ trung đắc nhất.*

Như vậy, cũng là Trung Đạo, là con đường cứu khổ, là chân lý cứu độ tuyệt đối đã được thể hiện qua sự chứng nghiệm của các vị Giáo tổ ở vào những thời điểm khác nhau trong lịch sử, nhưng vẫn còn mãi giá trị cho đến ngày nay. Tuy nhiên, do mỗi tôn giáo có cách diễn tả khác nhau, đòi hỏi con người bước vào cửa Đạo phải tận lực suy tầm nghĩa lý với một tâm chí đại hùng đại lực mới có thể hiểu thấu tận cùng ý nghĩa, và phải trả bớt nợ nghiệp tiền khiên mới mong thực hiện được một cách rốt ráo, cho nên trải qua thời gian, người theo Tam giáo thì nhiều mà người chứng quả như lông rùa sừng thỏ.

Đến nay, một chu kỳ vũ trụ đã sắp khép lại, các tôn giáo hiện hữu vẫn chưa thể làm trọn vai trò của con thuyền đưa khách tục về bến Đạo, nên Đức Thượng Đế phải lâm phạm gióng lên hồi chuông tận độ, nhắc lại chân lý TRUNG ĐẠO chính là đạo đạo trở lại quê xưa nhà cũ một cách cụ thể dứt khoát: “... *Tự thế, nguyên gốc nó là tự do, mà đồng hóa cùng hiện tượng, thì tự thế cũng phải chung chịu sự sanh diệt cùng vạn hữu chúng sanh. Vậy tự thế phải biết quay về ngôi xưa vị cũ. Mà quay về bằng cách nào?*”

Bằng “TRUNG ĐẠO”, nghĩa là bất thiên bất ý, không thái quá, không bất cập. Nói một cách khác, là bằng “Hoàng Cực Đại Trung”.²

“Tự thế” đây chính là con người, là chủ thể tự do, đứng trong thế Tam tài, đồng đẳng cùng Trời Đất, có đủ quyền năng quyết định số phận của chính mình. Con người phải biết rằng mình có cùng bản thể với Vũ Trụ, xuất sanh từ ngôi Thái Cực trọn tốt trọn lành, được tham gia cùng Tạo Hóa trong công cuộc lập đời nơi chốn hữu hình và chỉ hoàn thành sứ mạng khi quay về nơi bến khởi. Và để quay về, chỉ có phương cách duy nhất là “Trung Đạo” với ý nghĩa rất đơn giản: “*bất thiên (không thiên lệch) bất ý (không dựa dẫm), không thái quá, không bất cập.*”

2. Đạo Học Chỉ Nam.

Nếu như trong Nhứt và Nhị kỳ Phổ Độ, các vị Giáo Tổ dạy Đạo còn mang tính ẩn áo, đòi hỏi người học Đạo phải chuyên tâm suy nghiệm chân lý thì đến Tam Kỳ Phổ Độ, là thời đại con người chỉ tin những điều có thể chứng minh bằng khoa học thực nghiệm, Đức Chí Tôn vì đức hạo sanh mở cơ tận độ, đã mở toang cánh cửa huyền vi của Tạo Hóa để con người nhìn thấy sự thật mà mau bước tìm nẻo tu hành, tránh đường tận diệt. Do vậy mà con người mới có cơ hội hiểu được cội nguồn của vũ trụ để nhận ra chính mình.

II. TẠI SAO CON NGƯỜI PHẢI THỰC HÀNH TRUNG ĐẠO?

TRUNG ĐẠO LÀ CỘI NGUỒN, BẢN THỂ CỦA ĐẠO

Một câu hỏi người tín đồ Cao Đài thường gặp: Đức Mẹ trong Cao Đài là ai? Có phải là Đức Quan Âm? Có phải là Đức Mẹ Maria? Thậm chí người ta hiểu theo cách hậu thiên, có phải là vợ của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế?

Đối với tín hữu Cao Đài nói riêng, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ nói chung, Đức Mẹ là Đức Phật Mẫu dưới danh xưng Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu, mà theo lời dạy của Đức Di Lạc Thiên Tôn: “*Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu là danh xưng của một Đấng, nhưng ứng hiện qua hai trạng thể khác nhau:*

– *Vô Cực Từ Tôn tức là linh lực Tiên Thiên Khí buổi sơ khai.*

– *Diêu Trì Kim Mẫu là hình ảnh của ngôi Âm ứng hiện phương Tây thuộc Kim.”*

Khi học Dịch lý, ngôi Khôn Đạo cũng được mừng tượng là Đức Từ Tôn, nhưng Đức Di Lạc Thiên Tôn đã phân biệt: “*Các môn đồ từ lâu gọi Đấng Vô Cực là phần Âm theo kinh sách thời cổ, có đúng không? Cười... Cười... trong khi thực chất Đấng Vô Cực là Tiên Thiên Khí chưa phân Âm Dương. Khá hiểu, khá tâm, khá đào sâu trí não để tường, khá vượt ra ngoài tư tưởng kẻ khác.”*

Đức Vạn Hạnh Thiên Sư diễn tả: “*Lúc ban sơ,*

ngôi Vô Cực này còn nằm trong thể tiềm tàng nên trống không, im lìm lặng lẽ, không gợn mây hào. Khởi kỳ thì, Vô Cực gom tụ chơn nguyên làm một điểm tại trung tâm, nên Dịch gọi là Thái Cực(...) Tuy có hai tên Vô Cực và Thái Cực, nhưng không phải là hai ngôi riêng biệt, mà đó chỉ là hai trạng thái của một tự thể.”

Bàn về tính danh và hình dung Vô Cực, từ trước tới nay, trong tâm tưởng những người môn đệ của Đức Cao Đài đều gắn chặt hình ảnh của một Đấng Từ Mẫu đối với danh xưng Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu. Nhưng qua các đoạn Thánh giáo trên, Vô Cực như ý kiến của Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ trong quyển Dịch Kinh Yếu chỉ: “*Vô Cực đứng về phương diện lý thuyết dĩ nhiên là bất khả tư nghị nên không thể nào hình dung, mô tả, bất kỳ là bằng từ ngữ, bằng độ số, hay bằng hình tượng.”*

Vô Cực chính là nguồn gốc của Thái Cực, như trong ĐTCG đã giải thích: “*Trước khi chưa định ngôi Thái Cực thì trong khoảng không gian ấy còn đương mịt mịt mờ mờ với khí Hồng Mông (...) Không gian ấy tức là Vô Cực (khoảng trống không quang tử). Trong Vô cực ấy lại có một Nguyên Lý Thiên Nhiên tuyệt diệu tuyệt huyền, rồi lại có thêm một cái Nguyên Khí Tự Nhiên nữa. Lý với Khí ấy tức Âm với Dương trong buổi hồng nguyên thời đại. Lý với Khí ấy lại lần lần ngưng kết với nhau mà đông tụ lại lâu đời nhiều kiếp mới thành ra một khối linh quang rất đủ đầy các sự tốt đẹp. Chừng đúng ngày giờ khối ấy mới nổ tung ra (...) bèn có một điểm linh quang từ trong tiếng nổ ấy văng ra (...) Ấy chính là ngôi chúa tể của càn khôn vũ trụ đã biến hóa ra vậy; mà vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực.”*

Tuy nhiên, Thánh giáo cũng đã xác nhận: “*Vô Cực chưa phải là bản nguyên tự thể của Vũ Trụ. Vô Cực hay Thiên, hay Pháp, hay Đạo là Thiên tắc, Thiên điều. Nó là cái luật mà vũ trụ và vạn pháp phải theo nó. Đó là cái khuôn đúc nên con hình Kiền Khôn vạn hữu. Luật ấy rất linh động, ẩn ký vào tâm tư người vật đất trời. Cũng như một quốc gia, một thế giới, đều có một bản hiến*

*chương, một bản công pháp, để nhân dân, nhân loại theo luật ấy mà thi hành.*³

Từ những lời Thánh giáo này, có thể hiểu được trước khi chưa phân định trời đất, vạn vật là khoảng không gian mịt mịt mờ mờ với khí Hồng Mông, trong đó hai năng lực Âm Dương còn trong tình trạng hỗn độn, cứ đun đẩy, đập đổi qua lại không ngừng cho đến điểm cực tuyệt đối, tột đỉnh của sự quân bình, thì phát ra tiếng nổ mà khoa học ngày nay gọi là Big Bang, và hình thành nên một khối linh quang tuyệt diệu tuyệt huyền, rực rỡ uyên nguyên toàn chân toàn bích với đầy đủ trọn vẹn sự tốt đẹp mà Thánh giáo đã xác nhận: “*Ấy chính là ngôi chúa tể của càn khôn vũ trụ đã biến hóa ra vậy; mà vũ trụ từ đây mới bắt đầu có ngôi Thái Cực.*”

Cái chỗ quân bình tuyệt đối để kết thành khối Đại Linh Quang tức là ngôi Trung Đạo, cho nên Ông Trên dạy: “*Một vật hỗn nhất trong Hư Vô đương vươn lên hiện thể. Đó là Thái Cực mà các tôn giáo gọi chung là Trời, hay Thượng Đế, hay Thái Cực, là nguồn sống tự do chân thật tồn tại. Tự thể đó nối liền với tự nhiên và đương nhiên, vô và hữu, là ngôi Đại Trung, chuyển thân ứng hóa trong mỗi vật, mỗi hình, đâu đâu, ở đâu và lúc nào cũng hiện diện.*”⁴

Còn cái quy tắc, cái nguyên lý vận hành của hai năng lực Âm Dương để thúc đẩy tiến đến chỗ chí cực chí trung chính là Vô Cực, đã được Thiêng Liêng khẳng định trong Đạo Học Chí Nam: “*Vô Cực hay Thiên, hay Pháp, hay Đạo là Thiên tắc, Thiên điều.*” Vô Cực không chỉ là nguyên tắc vận hành của buổi Tiên Thiên Hồng Mông để tạo nên ngôi Thái Cực Đại Trung, mà còn là “*cái luật mà vũ trụ và vạn pháp phải theo nó.*” Cho nên, khi ngôi Thái Cực phóng phát để làm công việc hóa sanh vũ trụ, vạn vật thì Vô Cực cũng vẫn là phương cách vận hành điều động Âm Dương để biến từ Vô ra Hữu, và những Tiểu Linh Quang được phân chiết từ khối Đại

Linh Quang, là những phiên bản có đầy đủ tính chất Trung Đạo của bản thể ban đầu, do bởi luật tắc huyền nhiệm là Vô Cực.

Nói dễ hiểu hơn, nơi đâu có Thái Cực là nơi đó có Vô Cực. Thái Cực là bản thể, Vô Cực là tác năng “*vận chuyển hóa thành chúng sanh*”. Điều này đã lý giải điều Đức Mẹ đã dạy: “*Mẹ là trong sự sống và cả sự chết*” hay “*nơi đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ*”, chỉ vì Vô Cực là hiện thân của cái Tự Nhiên làm nên Trung Đạo, là sự cân bằng của Âm và Dương. Thánh giáo dạy:

“*Tự Nhiên hay Thiên Lý, Vô Cực, Pháp là một nghĩa như nhau. Song không phải nhận hiểu như thể nhân: hiến chương, luật tắc là bản giấy mà người cầm quyền lấy đó để giữ nước yên dân. Mà phải nhận rằng: Vô Cực là Thái Cực, Thiên và Đế là một. Nên trên đã nói “một vật Hỗn Nhứt (Thái Cực) nằm trong Hư Vô (Vô Cực).*”⁵

Và cũng chính vì vậy mà Ông Trên đã dạy không nên xây dựng ngôi Diêu Trì bửu điện song song cùng với Thánh thể của Đức Chí Tôn, là sai lý Đạo, do ngôi Thái Cực là bản thể, có thể hiểu như là nguyên liệu, còn Vô Cực là quy luật, là cách để tạo thành chúng sanh vạn hữu.

VẠN HỮU VÀ CON NGƯỜI LÀ SẢN PHẨM CỦA THƯỢNG ĐẾ TẠO NÊN TỪ TRUNG ĐẠO

Ngôi Thái Cực Đại Linh Quang với bản thể cực Trung đã phóng phát bằng cách phân chia Lương nghi, rồi Tứ tượng rồi Bát Quái, phân định Trời Đất, tức là phóng đưa hai năng lực Âm Dương vào trong vũ trụ, và Âm Dương lại đun đẩy, đập đổi không ngừng vận hành theo lý Vô Cực tạo thành muôn loài vạn vật. Bản thể Thái Cực là Đại Trung thì khi phóng phát hóa sanh cõi hữu giới hữu hình cũng đầy đủ tính chất toàn chân toàn mỹ của ngôi Trung Đạo, cho nên thế giới này đẹp đẽ vô cùng với biết bao nhiêu kỳ quan trong vũ trụ.

“*Trung là một thể hỗn nhiên thanh tịnh, là nòng cốt cho tất cả. Trời đất tuy bao la, vạn vật*

3. Đạo Học Chí Nam.

4. Đạo Học Chí Nam.

5. Đạo Học Chí Nam.

đủ loại, vô cùng phức tạp, âm dương có đổi thay, biến hóa muôn nghìn vạn trạng thần diệu cách nào, hay vật bé nhỏ như mây bụi đầu lông, thời gian có chớp nháng từng một sát na, cũng không thể tách rời đạo Trung. Mà có như thế, được như thế, Trung trùm khắp vũ trụ mầm sống, vẫn không còn của bất cứ một hình tượng nào, một di động mống khởi nào, nên nói: “Trung là nòng cốt, là vĩ đại.” (...)

Bởi vì: “Trung đây có thể nói là một định luật điều lý nguyên ủy, nằm trong vạn sự vạn vật, không một thế lực nào ngăn cản, hay đi ngược nó được. Trung có thể là một luật tắc, một cái gì mẫu nhiệm điều khiển vũ trụ Kiên Khôn.”⁶

Con người là sản phẩm hoàn hảo nhất của Tạo Hóa được đặt vào vị trí cao trọng giữa Trời và Đất (thể hiện ngôi Trung) để nhận sứ mạng lớn lao là thay Trời tiếp tục lập đời nơi cõi thế gian như lời Thánh giáo: “Người là một địa vị quan yếu vô cùng, giữa lưỡng gian. Người là chủ sự quân bình, lợi dụng được thiên thời địa lợi, làm cho vũ trụ vạn vật hanh thái, an lạc, mỹ miều. Đây cũng nên nhắc lại quyền tối thượng. Trời Đất đặt vào con người một địa vị thiêng liêng. Nếu như bản biết vun trồng, nguồn sống của con người biết khai thông, biết phát triển thì người giàu mạnh sáng sủa, khác chi Trời Đất, mặt nhật, mặt nguyệt.”⁷

Nhưng rồi con người vì mê đắm vật chất, để lòng tham dục lấn áp lãng quên trách nhiệm cao quý của mình đã được Tạo Hóa phó giao là quản cai muôn loài vạn vật, và càng tiến bộ, con người càng thiên lệch, xa rời đạo Trung vốn ẩn tàng trong thiên nhiên, không chỉ tàn phá môi trường, làm mất sự cân bằng sinh thái tự nhiên, mà còn đánh mất nhân bản, hủy hoại làm xiêu vẹo ngã nghiêng cái mà Thượng Đế đã chia cho con người, và kết quả con người sống giữa trần gian với thể xác bị đọa đày trong vòng sinh lão bệnh tử, còn linh hồn triển miên lặn hụp trong vòng quả nghiệp luân hồi.

6. Đạo Học Chỉ Nam.

7. Đạo Học Chỉ Nam.

III. CON ĐƯỜNG PHỤC HỒI TRUNG ĐẠO CỦA ĐỨC CAO ĐÀI

Giáo chủ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đức Thượng Đế, Đấng Toàn Tri, Toàn năng đã hóa sanh muôn loài vạn vật, điều phối cả vũ trụ càn khôn. Ngài chính là biểu hiệu của tột đỉnh Trung Đạo. Trong vị thế Vô ngã, Ngài là năng lực vĩ đại tuyệt diệu tuyệt huyền bao trùm khắp cả Tam Thiên thế giới, Tứ đại bộ châu. Trong vai trò hữu ngã, Ngài hiện thân vừa là hình ảnh một Tiên ông hiền hòa nhân ái sẵn sàng nâng đỡ, cứu nguy con người, vừa là hình ảnh của một vị Cha già khoan dung nhân hậu sẵn sàng tha thứ lỗi lầm cho đàn con mê muội. Vừa là ngôi Thái Cực trọn tốt trọn lành, vừa là một đấng Thánh Hoàng quyền uy chấp chưởng, Ngài muốn cho nhân loại hiểu rằng tôn giáo Cao Đài do Ngài khai sáng trong cơ Phổ Độ Kỳ Ba là một sự tái lập phục hồi con đường Trung Đạo đã bị con người làm nghiêng ngả do bởi tham dục vô minh, Ngài thị hiện với loài người trong kỷ nguyên tận độ không bằng hình tượng của cõi thế gian mà bằng biểu tượng Thiên Nhân, như một cái nhìn xuyên suốt từ hữu đến vô, không nơi nào là không thấy.

Vì con người đã đi quá xa nguồn cội, đến nỗi tôn giáo cũng đã quên mất nẻo về với Đạo, để mãi mê lẫn quẩn trong vòng hình danh sắc tướng. Sự ra đời của tôn giáo Cao Đài cốt chỉ cho con người phương cách lấy lại sự cân bằng giữa linh hồn và thể xác bằng con đường tu Tánh luyện Mạng, đồng thời phục hồi đạo Trung trong mọi sự, mọi vật hiện hữu chốn thế gian, để xoay chuyển thế đời khỏi cơ tận diệt. Vì vậy, Cao Đài chủ trương Tâm Vật bình hành, con người phải biết quý trọng thân xác vì nhờ nó mà con người mới có điều kiện tu hành tiến hóa tâm linh như lời của Đức Vạn Hạnh:

“Linh hồn tạm mượn thể xác nơi cõi sắc giới này cũng ví như con ốc mượn hồn, đừng nên chấp cái vỏ ấy rồi làm trở ngại bước đường tiến hóa. (...) Tạm mượn chỗ giả để gây dựng cái cơ, đừng

quan niệm rằng chỉ cực đoan theo cái chơn rồi
phế tất cả cái giả. Nếu vậy là thả mỗi bắt bóng.”⁸

Cao Đài giáo cho rằng: sự nghèo khó lẫn sự
dư thừa vật chất đều là những môi trường tạo
sự bất ổn cho con người, đều là những cản trở
cho việc tu hành nếu thiếu căn trí, không tự sửa
mình, nên con người phải biết tự điều chỉnh để
phục hồi trạng thái quân bình cho chính mình
cho dù ở trong hoàn cảnh nào.

“Đừng tưởng đang sống trên vinh hoa phú túc,
được phương tiện dễ dãi mà hành đạo và đánh
thức được Thánh tâm đâu nghe. Nếu thiếu căn trí,
không khắc kỷ phục lễ, thì miếng đất phì nhiêu kia
là những phân bón tốt cho loại ký sinh trùng, là
những hố sâu để làm mờ chôn những nguyên căn
xuống trần còn tham vọng, thích thụ hưởng vật
chất đam mê. Còn những người thiếu mọi phương
tiện cũng là những trở ngại rất lớn, nếu thiếu căn
trí, lại nêu lên những từ ngữ : tại vì, bởi vì, lý do,
v.v. Bao nhiêu thì giờ dành nhốt hết vào trong sự
sống tạm bợ mà đành đánh mất sự sống vĩnh cửu.”⁹

Chính từ trên nền tảng Tâm Vật bình hành,
Đức Thượng Đế Cao Đài đã xây đắp một nền tôn
giáo hướng đến mục tiêu vừa phục vụ đời sống
nhân sinh vừa phục vụ lãnh vực tâm linh con
người, dẫn nhân loại tìm đến chỗ đại đồng nơi
cõi hữu vi, đồng thời mở ra con đường đưa tâm
linh con người trở lại cảnh vô vi hằng thường
bất biến, tức giải thoát khỏi luân hồi sanh tử.
Nói khác đi, cứu cánh Thế Đạo Đại Đồng và
Thiên Đạo Giải Thoát là kết quả chứng ngộ con
đường Trung Đạo của con người

Thực hành Trung Đạo trong pháp môn Tam
công, Công quả để trả nợ tiền khiên, để tạo âm
chất, làm tròn sứ mạng vi nhân, dứt khoát mọi
hệ lụy nơi cõi trần gian giả tạm, phải trên tinh
thần vô công, vô kỷ, vô cầu, vô lợi, vô danh,
tức động cơ phát xuất từ tấm lòng muốn làm
ích lợi cho tha nhân, cho xã hội, chứ không gì
lợi ích riêng tư của cá nhân. Công trình là tu

thân, hoàn thiện hóa bản thân, mà cốt lõi ở chỗ
giữ lòng ngay thẳng, trung thực, không vì bất
cứ một áp lực nào mà thay đổi, trên đường tu
hành luôn giữ sự khiêm tốn, luôn lắng nghe để
phục thiện, giữ tâm chuyên nhất, một lòng làm
theo lời dạy của Ông Trên, không đứng núi này
trông núi nọ với mong vọng tạo Phật tác Tiên,
chứng quả tại tiền. Cuối cùng, Trung Đạo trong
Công phu là cố gắng trì hành đều đặn mỗi ngày
4 thời Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu là những thời điểm thể
hiện tính Trung đạo; nơi ngồi tịnh phải thoáng
khí vệ sinh; y phục lúc tu tịnh phải chỉnh tề để
giữ lễ với Thiên Liêng (có Thần hộ mạng canh
giữ); và không để hôn trầm hay phóng tán, tập
trung phối hợp Thần – Khí đạt đến ngôi Hoàng
Cực Đại Trung, đoạt cơ mầu nhiệm, như lời
Thánh giáo: “Hoàng Cực nơi người là trung tâm
mầu nhiệm đồng thể cùng Trời Đất, đồng nhứt
với Tâm chư Tổ chư Phật. Người nương đó mà
chứng quả vô lậu, thoát kiếp luân hồi, đoạn diệt
vô minh, thành ngôi đại giác.”

IV. THỰC HÀNH TRUNG ĐẠO

1. ĐỨC THÀNH TÍN

Ông Trên dạy trong Đạo Học Chỉ Nam:

“Muốn chứng ngộ đạo Trung, không ngoài sự
chánh tâm thành ý. Chuyên nhứt ở đạo Trung,
thì Trung cho thấy quyền năng phép lạ. Trung
không nghĩa quân bình mà thôi, Trung là cho ta
thấy một sự rộng lớn bao hàm ở đâu và lúc nào
cũng giữ được điểm then chốt làm căn bản cho
Trời Đất muôn loài.

Hễ thấy được cái Trung, dầu ở địa vị nào, nó
cũng hoàn toàn chơn thiện như quả Kiền có sáu
hào đều có cái Trung của nó. Nên người quân tử
đặt mình ở đâu cũng đều hợp đạo, mà khó là ở
công phu suốt Tánh.”¹⁰

Nhưng để:

“(…) Tận được tánh, thấu được mạng, hoàn
phục đạo trung không ngoài sự phát triển đức

8. Thánh giáo sưu tập (08-4 Canh Tuất 1970).

9. Đức Cao Triều Trực (09-9 Canh Tuất 1970).

10. Đạo học chỉ nam.

*Thành. Thành là mấu chốt đạt Đạo. Thành thì Minh, Minh tức Thành. Minh Thành gốc là đẹp sạch lòng tư dục, chơn thật lòng mình, không để ngoại vật che mờ, thì tuệ tâm chói lợi. Thành Minh là thuần nhất Thiên lý chi tâm.*¹¹

Như vậy, để thực hành Trung Đạo, điều kiện tiên quyết là con người phải có Đức Thành. Thành chính là mấu chốt đạt Đạo đã bao hàm trọn vẹn ý nghĩa trong câu kinh thứ nhất của bài kinh nhật tụng đầu tiên của người Cao Đài “Đạo gốc bởi lòng Thành Tín Hiệp.” Lòng Thành Tín tức Tâm chuyên nhứt trước sau như một không thay đổi.

2. TU THÂN

Để thực hành đạo Trung, con người phải tu thân sửa mình, khắc kỷ phục lễ, tập tành sống Đạo, lúc nào cũng giữ ở mức vừa phải trong mọi sinh hoạt đời sống để giữ gìn thân xác cho khỏe mạnh, ăn uống điều độ, không ăn quá no, không để quá đói, áp dụng phép dinh dưỡng theo khoa học, mùa nào thức nấy, nghỉ ngơi hợp lý. Không hủy hoại thân xác, phí phạm sức khỏe cho những ham muốn hưởng thụ thấp hèn. Làm kiếm tiền để tự nuôi sống bản thân, gia đình và góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội nhưng phải biết tiết chế để có cuộc sống mực thước hợp thiên nhiên, không vì giàu sang mà bất chấp lẽ phải, đạo lý.

Phải biết định hướng cuộc đời mình, chọn lựa kỹ càng mục tiêu tiến bước, không mong vọng trèo cao. Phải tập có ý chí dũng cảm, không phó thác cuộc đời cho số mệnh, luôn phấn đấu khắc phục khó khăn ngoại cảnh. Nếu gặp cản trở trên đường đời: tiền tài, danh vọng, học lực, nghề nghiệp... phải tự kiểm xét lại khả năng của mình, xem chỗ nào khiếm khuyết để sửa đổi, bổ khuyết. Lúc trẻ dẫu nghèo khó cũng đừng bôn chôn, mà cố gắng học hỏi, trau dồi tài đức, chờ cơ hội thuận tiện, chọn một nghề tốt đẹp, thuận đạo lý để cuộc sống lâu dài bền bỉ.

Phải biết đề phòng lo xa, phải bình tĩnh để ngăn chặn những điều bất lợi có thể xảy ra, đồng thời lúc nào cũng đề chừng bản thân, để tránh xa điều ác, điều quấy, rèn luyện bản thân, không từ nan bất cứ điều thiện nào dù là nhỏ. Luôn luôn tôn trọng lẽ phải, lẽ công bằng.

Làm việc gì cũng xét nét xem đúng Thời, cần phân hoàn cảnh riêng của mình, không đua đòi, không tài chọn việc nhỏ vừa sức mình. Trên đường danh lợi phải biết dừng chân đúng lúc, luôn luôn nghĩ đến lợi ích chung của nhân quần xã hội. Tiến hành mọi việc trong đời một cách tiệm tiến, từ dễ đến khó, như làm giàu tích tiểu thành đại, nếu không dễ bị sa vào con đường bất chính. Luôn tỉnh tâm, không để những chuyện huyền hoặc xa vời chi phối, dễ bị sa lún vào mê tín. Để làm được điều này, con người phải ngày ngày học hỏi đạo lý như lời Đức Vạn Hạnh:

*“Chư đạo hữu! Đã sinh được làm người ở cõi vô thường này, con người hằng chung đụng với mọi phúc tạp trong nếp sống. Do đó, tâm tư con người cũng phải chịu ảnh hưởng một phần lớn bởi sự phúc tạp đó. Thế nên, người tu hành cần phải học hỏi đạo lý để phân định được cái chân cái giả, lẽ thiệt, lẽ hư, điều chánh, điều tà, sự thiện, sự ác. Có chịu khổ công học hỏi suy nghiệm phân tích rõ rệt để tìm lẽ chánh mà lánh điều tà, tìm lẽ chơn mà xa điều giả. Tìm lẽ thiệt mà xa điều hư và để làm sự thiện mà xa sự ác, ví như người tìm vàng trong giữa lòng đất cát. (...) Sự tu học luôn luôn phải được liên tục trong nhứt nhứt thường hành, thời thời luyện tập, ví như pháp luân thường chuyển tiếp nối...”*¹²

Phải luôn tâm niệm cuộc sống trần gian là cõi tạm mà đời sống con người là một mắt xích trong chuỗi tiến hóa không ngừng để quay về với nội tâm, trực diện với chơn tâm để nhìn ra lẽ thật của cuộc đời. Từ đó, tập cho mình một cuộc sống thoải mái giản dị, từ tốn, cố gắng dung hòa mọi dị biệt để tạo tinh thần hòa hiệp.

11. Đạo học chỉ nam.

12. Thánh giáo sư tập (25-9 Canh Tuất).

3. XỬ THỂ

Trong cuộc sống, dù tu hành chúng ta cũng không thể tách rời khỏi môi trường xã hội cộng đồng, ngược lại phải nhập thể, sống hài hòa với người thế gian; do vậy phải có một phương cách xử thế hợp với Trung Đạo. Như đã nói, Trung Đạo không dạy con người không thiên tả cũng không thiên hữu, không có nghĩa vừa làm điều thiện vừa làm điều ác, hay ngược lại điều ác không làm mà điều thiện cũng chẳng làm, mà Trung Đạo chính thực là con đường đạo lý phải theo để đạt đến Lý nhứt nguyên, không còn có sự phân chia thiện ác, vì cái ác không còn tồn tại để thấy điều thiện. Do đó mà Đức Lão Tử đã dạy phép xử thế:

– Thực hành Trung Đạo, con người phải dùng chữ Lễ để đối xử với nhau, lúc nào cũng giữ sự khiêm tốn với tha nhân, khi đắc thời cũng không cao ngạo, lúc thất thế cũng chán nản buồn rầu. Luôn tự xét mình trước khi bắt lỗi, chỉ trích người khác. Can đảm nhận lỗi lầm, sửa sai chính mình, với người phải giữ trọn chữ Tín. Sống trong tập thể phải tự khép mình vào kỷ luật sinh hoạt chung, cố gắng sống Hòa với mọi người, khéo nhẫn nhịn, đừng vì hơn thua mà dẫn thân vào đường kiện cáo (vô phúc đáo tụng đình), không làm điều trái pháp luật để bị họa. Phải giữ lòng ngay thẳng, không dùng thủ đoạn với người để trục lợi. Phải biết che giấu bớt cái khôn ngoan hiểu biết của mình trước kẻ tiểu nhân đang thẳng thắn; nhưng cũng cần có lòng khoan dung độ lượng với kẻ khác, không nên phán xét người qua hành động bên ngoài. Phải có kiến thức, biết xã giao, nhún nhường để thu phục nhân tâm, phải biết cách dụng nhân như dụng mộc, và luôn quan tâm đến công lao của kẻ khác.

– Lúc gặp hiểm nguy, khó khăn, bình tĩnh thích ứng với hoàn cảnh, tìm phương khắc phục. Khi gặp những việc trái lòng, quay về nội tâm tu đức, dốc hết tinh thần đi tìm đạo lý suy xét nguồn cơn. Lúc chiến thắng không tự mãn, mà phải duy trì sự cố gắng không ngừng để giữ vững sự thành công. Sống trong tập thể, phải khép mình trong kỷ luật, chấp hành những quy

định, lễ lối của tập thể, quan tâm chia sẻ với người cùng trong tập thể.

– Phải ý thức trách nhiệm của một con người, cụ thể là bốn phận của người công dân có trách nhiệm với đất nước, đồng bào mình, để chia sẻ giúp đời, không đứng bên lề xã hội, mặc cho nỗi khổ n khổ của đồng loại trong khi mình sống xa hoa sung sướng.

– Luôn mở rộng cõi lòng để vượt qua mọi thành kiến phân biệt giai cấp, tôn giáo, dân tộc để tiến đến chỗ đại đồng nhân loại. Nhưng cũng không quên cội nguồn dân tộc để dự phần vào công cuộc bảo tồn và phát huy truyền thống ông cha, tức là làm sống lại tinh thần Nhân bản theo Giáo lý Đại Đạo.

4. CÔNG PHU

Là phương tiện tối ưu để cho con người nhận chân thực giả cuộc đời mà thực hành Trung Đạo một cách rọt ráo. Những giờ phút công phu chính là những giờ học của linh hồn mà sẽ giúp con người nhận được đâu là chỗ Trung chánh phải theo như lời xác định của Đức Vạn Hạnh:

“Sự tu học về nội tâm có liên tục thì sự phát triển tâm linh bén nhạy, dụng cụ đo lường chơn giả thiết hư thiện ác mới chính xác, thời sự thành công đắc quả trong kiếp người tu học mới được trọn vẹn thâu ngắn khoảng đường luân hồi chuyển kiếp.”¹³

Công phu không những giúp cho con người có được sự sáng suốt nhận ra chân giả thiện ác trong cuộc đời, mà công phu còn đưa con người đến chỗ giao cảm cùng trời đất tức là chứng được đạo Trung.

“Vũ trụ bao la, âm dương thần diệu mặc trắc thế nào, cũng nằm trong gang tấc. Muốn dịch sử cuộc biến hoá, tưởng cũng chẳng khó nào, là vì mình chứng được đạo Trung. Mà Trung là Thể, chủ gốc nguồn điều lý quân bình, nằm trong muôn sự muôn vật. Tu chứng được Trung thì đạo Tánh Mạng hiển hiện, cùng với Trời Đất không hai.”

13. Thánh giáo sư tập (25–9 Canh Tuất).

V. KẾT LUẬN

Nếu trong buổi hồng môn hỗn độn, Lý Vô Cực vận hành đáp đối Âm Dương tạo nên một ngôi Thái Cực Đại Trung tuyệt diệu tuyệt huyền để làm cội nguồn phóng phát hóa sanh vạn hữu, thiết lập một chu trình tuần hoàn vĩ đại với giai đoạn "Nhứt bốn tán vạn thù" của các Tiểu Linh Quang, thì con người, như lời xác nhận của Đức Vạn Hạnh, là những "Tiểu Thiên Địa đã có những tiềm năng Tạo Hóa phát ban", phải biết vận dụng luật tắc Thiên điều để tự điều khiển guồng máy nhân thân đạt đến ngôi vị Hoàng Cực Đại Trung, hoàn thành sứ mạng "vạn thù quy Nhứt bốn", tức trở về hiệp một cùng khối Đại Linh Quang.

Tam Kỳ Phổ Độ là cơ hội ngàn năm một thuở cho con người thoát khỏi bánh xe luân hồi, bởi vì trên dòng tiến hóa của vũ trụ, sự tiến hóa của con người về nẻo siêu xuất thế gian vô cùng khó khăn vì không chỉ một chiều tiến đến làm người như muôn loài vạn vật, vì con người cứ tạo nghiệp quả, xuống lên, lên xuống trong nẻo lục đạo luân hồi, mà có khi phải thoái hóa trở lại kiếp mang lông đội sừng. Thánh giáo đã chỉ ra điều này:

"Từ vật chất đến con người, tuy chuỗi đời dài dần vật, nhưng chỉ có một chiều. Ngặt đến người thăng hoa mà trở thành Tiên Phật, lại là cái khó khăn. Khó khăn vì con người giàu lý trí, tự do lựa chọn, nên có thể hướng về phần lý trí, thì còn chật hẹp và lạc lăm sa ngã, nên có tánh tự phụ mà phân cách giữa ngã và nhơn. (...) May gặp được Đạo pháp thì có thể tu một kiếp là chứng Đạo thành Phật, mà nhập vào Niết bàn. Bằng không gặp một nền đạo thì phải trải qua hằng hà sa số kiếp, mà lần lên nấc thang tiến hóa, từ Tứ Đại Bộ Châu đến Tam Thiên đại thiên thế giới, từ thất thập nhị địa cầu rồi lên Tam thập lục Thiên, mới vào được Bạch Ngọc Kinh mà hiệp một cùng Đạo."¹⁴

Do vậy, đã được may duyên hạnh ngộ đạo Trời, thì phải quyết tâm tu nhứt kiếp, ngộ nhất thời, vượt khỏi vòng cương tỏa của quả nghiệp luân hồi, trầm luân khổ ải, và con đường duy

nhất để được chứng quả vô sanh nơi Thiên quốc là giữ và hành đạo Trung Nhứt như lời nhắn nhủ của Đức Từ Tôn:

*Con hỡi đường nào đạt đạo cơ?
Chỉ đường Trung Nhứt phục nguyên sơ.
Ngàn xưa Giáo Tổ đều do đó,
Chúng quả độ đời tỉnh giấc mơ.*

Xin nguyện cầu cho tất cả những môn đồ của Đức Cao Đài được vững vàng trên đường Trung Đạo để cùng đốt ngọn tâm đăng mở lối cho nhân loại thoát nẻo vô thường, tìm lại cội nguồn hạnh phúc.■



THÁNH GIÁO

Thanh Thiếu Niên là mầm non,
Nhờ phân nước đủ đâm con mọc chồi.
Trên đường đạo nghiệp trò ơi,
Trải bao gian khổ nên người thánh nhân.
Hữu duyên hữu phước hữu phần,
Sẵn khuôn sẵn rập tiến thân dễ dàng.
Phận em nương bóng Cơ Quan,
Thủy nguyên mộc bốn bảo toàn uy danh.
Xuất thân từ gốc hiền lành,
Hoa xinh do cội do cành mà ra.
Danh từ nên khá thông qua,
Đừng cho tâm bận ý tà lẫn xen.
Sáng tạo là tuổi thanh niên,
Hằng say tín cẩn trò tiên mới rằng.
Bấy đời lưới rập bủa giăng,
Nương theo bóng Đạo lần phăng tiên phù.
Tuổi xanh quan niệm chữ tu,
Cho thông chánh lý để bù tuổi xanh.
Gia công nghiên cứu thực hành,
Tự tu tự tiến cho thành người tu.
Tu tâm tu hạnh phá ngu,
Tu tài tu đức công phu để gì.
Nào đâu tu ở bề ngoài,
Đừng cho ý nghĩ lệch sai mới rằng.

ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐỆTKPĐ, CQPTGL, 15-4
NHUẬN GIÁP DẪN (05-6-1974).■

14. Đạo học chỉ nam.

NGƯỜI TÂN TÍN ĐỒ cần biết về TAM ĐÀI (2)

■ HUỆ NHÂN

Tam Đài là tên gọi riêng trong tôn giáo Cao Đài, chỉ Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài và Bát Quái Đài. Kỳ trước, chúng tôi đã trình bày về phương diện Hệ thống tổ chức Tam Đài. Hôm nay xin nói về kiến trúc xây dựng Tam Đài một ngôi Thánh đường Cao Đài giáo. Chúng ta đây ai cũng đã nhiều lần nhìn tổng thể xây dựng một Tòa Thánh hay một Thánh thất, Thánh tịnh, tất cả đều tuân theo một khuôn mẫu nhất định, gồm: Mặt tiền là Hiệp Thiên Đài, hai bên Hiệp Thiên Đài là lầu chuông (Lôi Âm Cổ Đài, bên phải) và lầu trống (Bạch Ngọc Chung Đài, bên trái). Kế tiếp là Cửu Trùng Đài, nơi chư chức sắc và đạo tâm quỳ cúng, hướng về Bát Quái Đài có nóc tròn cao bên trên. Bát Quái Đài là nơi thờ Thiên Nhân và chư vị Phật Tiên Thánh Thần. Điều chư đạo hữu chúng ta cần biết trước hết,

đó là: Cấu trúc phân biệt Tam Đài này theo kiểu dáng từ đâu?

Ngay từ thời Khai Đạo, các vị Tiên khai Đạo Cao Đài đã được Ông Trên dạy khá chi tiết về công trình xây dựng Đền Thánh đầu tiên, công trình ấy là Tòa Thánh Tây Ninh ngày nay. Đền ngày mồng 01-12 Bính Dần (1926) tại Chùa Gò Kén, thời điểm này chư tiên khai sắp trả chùa Gò Kén cho Hòa Thượng Như Nhãn, Thầy cho chư vị Tiên khai biết:

“Thái Bạch sẽ lập Thánh thất theo kiểu vở Thiên đình.”

Sau khi mua được đất, kiểu vở, hình dáng ngôi Thánh đường được Đức Lý Thái Bạch dạy ngày 27 tháng Giêng Đinh Mão (1927) như sau:

“Hiệp Thiên Đài tạm phải cất trước Thánh thất tạm (...). Bát Quái Đài, nghĩa là nhà tròn có 8 nóc (...) tư vuông 27 thước (...) cao từ đất lên thêm 9 thước

(...), kế nữa là Chánh điện bề dài 81 mét, bề ngang 27 mét (...) kế nữa Hiệp Thiên Đài tư vuông 2 tầng, mỗi tầng 9 mét. Hai bên Hiệp Thiên Đài bên mặt thì có Lôi Âm Cổ Đài, bên tả thì có Bạch Ngọc Chung Đài.”

Có lẽ cảm nhận rằng chư Tiên Khai chưa hiểu rõ, Đức Lý dạy:

“Lão phải vẽ mới đặng.

Hộ Pháp, Thượng Phẩm, nội trua này phải cầm một cây viết vào đầu cơ; lấy một miếng giấy lớn vào Điện phò loan cho Lão vẽ.”

(ĐẠO SỬ 2 - TIÊN KHAI HƯƠNG HIẾU BIÊN SOẠN).

Trên thực tế, lúc bấy giờ, chư vị chưa đủ điều kiện xây dựng ngôi Đền Thánh quy mô, mới chỉ tạo được ngôi Thánh thất tạm bằng cây lá, nhưng cũng đủ 3 phần: Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài.

HIỆP THIÊN ĐÀI

Hiệp Thiên Đài là phần mặt tiền của Tòa Thánh (hay Thánh thất, Thánh tịnh) theo lời Đức Lý:

“Hiệp Thiên Đài phải cất trước Thánh thất” và “Hiệp Thiên Đài tư vương 2 tầng”.

Từ trên thờ các vị Tiên khai, Tiên bối trong Hiệp Thiên Đài của Đạo hay của địa phương. Nơi đây xưa kia cũng là chỗ phò cơ bút, còn nay là nơi tịnh dưỡng của chức sắc, chức việc trong Hiệp Thiên Đài. Từ dưới, là khu vực cửa ra vào Thánh đường. Chư chức sắc, chức việc và tín đồ vào cúng kiến lễ bái đều đi ngang cửa này, nam tả nữ hữu phân biệt. Qua cổng Hiệp Thiên Đài này, người đệ tử Cao Đài hiểu rằng: Ta đang bước qua ranh giới Đời và Đạo, đây là cửa Hiệp Thiên dẫn đường vào nơi trân trọng thờ Đức Thượng Đế Chí Tôn, vào đây phải tạm gác bỏ các vương bận trần thế bên ngoài.

Như đã tả, Hiệp Thiên Đài hướng mặt tiền ra cảnh đời; mặt bên kia Hiệp Thiên Đài, trong nội điện, có bàn thờ Hộ Pháp hướng về Đạo, về ngôi thờ Chí Tôn Thượng Đế. Bàn thờ Hộ Pháp trong các Thánh thất, Thánh tịnh và Tòa Thánh (tư gia không có bàn thờ Hộ Pháp), có ý nghĩa giống như trong các chùa Phật và Minh Sư.

HỘ: có nghĩa là che chở, cũng có nghĩa là giúp đỡ. Pháp: là luật lệ, là phương pháp và cũng là những chuẩn mực của việc tu hành.

Vị Phật Hộ Pháp trấn vị trí đó để bảo vệ Pháp đạo, bảo vệ chư tín hữu khi đến lễ chùa không bị sự xâm hại của tà thần; đồng thời hộ trợ thêm (về mặt vô hình) cho tín hữu nào thành tâm cúng Thầy nhưng cơ duyên còn trở ngại.

Bàn thờ Hộ Pháp đạo Cao Đài trước hết có ý nghĩa như vậy, bên cạnh đó chúng ta cần biết thêm:

• Ở cấp Hội Thánh, Đức Hộ Pháp (Hiệp Thiên Đài) có quyền thông công với các Đấng khi cần thiết (theo Pháp Chánh Truyền), Ngài đứng tại bàn Hộ Pháp dâng điển lành lúc chư tín hữu cúng lên Ôn Trên, và đặc biệt là làm trung gian chuyển điển lành từ Đức Từ Phụ xuống cho các hàng con cái đang quỳ trong chánh điện. Ngày

29-01 Mậu Tý (1948), tại Tòa Thánh Tây Ninh, bài giảng của Đức Hộ Pháp có đoạn như sau:

“Mấy em có thấy đâu khi vô Đền Thánh, đền này gọi là Đền Thánh, thì thế nào mấy em phải hiểu. Qua đứng trên ngai lấy hết tư tưởng của mấy em, cái giọng của mấy em cầu kinh, Qua ôm hết dâng lên cho Đức Chí Tôn, dâng đây, không phải là tiếng thường, ấy là cái thiên thiêu, Ngài hưởng rồi, Ngài trả lại cho mấy em cái thiên tinh. Có như vậy thì địa cầu này mới an tịnh, mới thái bình được.”

Trong một đoạn khác, Đức Hộ Pháp cho biết:

“Qua đứng trên Ngai, Qua thấy trên Nê Hoàn Cung của mấy em, nếu định tâm, thì có một hào quang xung lên đều đều, mọi người đều có cả hào quang đó, có một vị Phật ôm hết đem vào Bát Quái Đài, hiệp với đạo hào quang trong quả Càn Khôn đoạn đem trở ra bao trùm chỗ ngôi của mấy em, mà mấy em không thấy được, cho nên khi mấy em hầu lễ, nếu biết hưởng cái ơn Thiên Liêng ban cho đó, thì tinh thần được an tịnh, hạnh phúc biết bao.”

Chính vì vậy, cúng thờ cũng là một pháp môn của đạo Cao Đài.

• Ngày 09-11 Bính Dần, trong thời gian Đại lễ Khai Minh Đại Đạo tại chùa Gò Kén, Đức Lý Đại Tiên Trưởng giáng đàn, dùng cơ bút vẽ mẫu chữ “Khí” theo dạng chữ bùa để chư vị Tiên Khai theo đó phóng lớn (ra cỡ 1,5m x 3m) thêu chữ vàng trên vải nỉ đỏ, treo trên bàn thờ Hộ Pháp. Buổi đó, Đức Hộ Pháp đứng tại bàn thờ này, hai bên là 2 vị Thượng Phẩm và Thượng Sanh.

Tại các Thánh thất, từ đó cũng được lệnh Hội Thánh vẽ chữ Khí để treo trên bàn thờ Hộ Pháp, với tác dụng y như tại Tòa Thánh. Về cấp độ, hình thức, Tòa Thánh có quả Càn Khôn và tượng Hộ Pháp (với chữ Khí như trên đã nói), Thánh thất thờ Thánh tượng Thiên Nhân và chữ Khí. Như vậy, theo lời Đức Hộ Pháp dẫn bên trên, tại các Thánh đường chỉ thờ chữ Khí, vẫn có vị Phật phụ trách tại bàn thờ Hộ Pháp.

CỬU TRÙNG ĐÀI

Vị trí Cửu Trùng Đài nằm giữa cấu trúc Hiệp Thiên Đài và Bát Quái Đài.

Người đệ tử Cao Đài từ chức sắc đến tín đồ đi vào Đền Thánh, từ khi đi qua cổng nơi Hiệp Thiên Đài là đã phân thành hai ban Nam và Nữ. (Nam bên trái, Nữ bên phải lấy theo hướng bàn thờ Chí Tôn nhìn xuống). Đây là một nét đặc biệt của Cao Đài Giáo so với các tôn giáo bạn. Cừu là chín; Trùng là từng lớp, cấp bậc. Cách xếp đặt các vị trí trong Cửu Trùng Đài cũng theo các cấp bậc chức sắc như vậy.

Tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngôi Tòa Thánh đầu tiên của toàn đạo Cao Đài, Ôn Trên đã hướng dẫn xây dựng Cửu Trùng Đài từ dưới lên trên gồm 9 bậc cấp (cửu trùng), thấp nhất là chỗ quỳ cúng của tín đồ, tiếp đến là các bậc cấp cao hơn của: Chức việc, Lễ Sanh, Giáo Hữu, Giáo Sư, Phối Sư, Đầu Sư, Chưởng Pháp, cao nhất là cấp Giáo Tông. Đặc biệt ở bậc thứ 9, phẩm Giáo Tông, có 7 ngai Nhơn Đạo (3 ngai Đầu Sư, 3 ngai Chưởng Pháp và một ngai Giáo Tông). Trên thực tế, còn có phẩm Nữ Đầu Sư nhưng không thấy có ngai ở bậc thứ 9 này, có lẽ do Cửu Trùng Đài Nữ phái được Ôn Trên lập sau (11-01 Đính Mão 12-02-1927), đến nay chưa thấy có Thánh giáo dạy về vấn đề này.¹

Mỗi cấp bậc, từ Lễ Sanh lên đến Chưởng Pháp, theo quy định, chức sắc ở mỗi cấp quỳ cúng theo thứ tự từ trên xuống: phái Thái, phái Thượng rồi đến phái Ngọc.

Ở hầu hết các Tòa Thánh và Thánh thất, Thánh tịnh khác, nền Cửu Trùng Đài không có 9 bậc như ở Tòa Thánh Tây Ninh, nhưng việc phân định vị trí các cấp quỳ cúng cũng tương tự, cấp cao quỳ phía trước (gần Thiên bàn), cấp nhỏ quỳ sau.

Người tín hữu quỳ cúng trong vị trí của mình

1. Cũng xin được nói thêm, ngày 15-5 Kỷ Tỵ (1929) trong buổi hầu đàn tại Tòa Thánh Tây Ninh, Ngài Cao Quỳnh Diêu kính bạch: “Về bảy cái ngai Nhơn đạo, Chưởng Pháp và Đầu Sư đặt ngôi chưởng?” Thấy đáp rằng: “Bảy ngai ấy Thầy lập ra là chỉ để cho mỗi chức sắc lớn biết ngôi vị của mình nơi Bửu điện... lúc hành lễ, nếu chúng nó ngôi đối diện với các môn đệ khác của Thầy mà không chịu thành kính chung của nhơn sanh(...) mất vẻ thành kính của chúng nó (...). Chức sắc đặt ngôi riêng của mỗi đứa là khi nào có hội Tòa Tam Giáo xử các đạo hữu của chúng nó mà thôi.”

nhờ vậy sẽ càng ý thức hơn trong quyết tâm tu tiến của mình; con đường tu hành lúc còn thể xác tại thế gian này cũng là định hướng, quyết định kết quả cho con đường thiêng liêng hằng sống của linh hồn mình. Định hướng đó phải thành nếp suy nghĩ thường ngày.

Nói cách khác, ở mỗi phẩm chức sắc, người đảm trách phải xứng đáng với địa vị của mình, chủ yếu là phần đức độ (trong bốn phần chánh là Tâm Hạnh Đức Tài).

Sẵn dịp nói về các phẩm chức sắc, có lẽ cũng cần nói thêm: đây đó trong Đạo, chúng ta thường nghe phê phán chức sắc này là thể phong, chức sắc kia do Thiên phong. Người tân tín đồ chúng ta phải hiểu rằng: ở nhiều Hội Thánh Ôn Trên đã bế cơ phổ độ từ lâu rồi, không còn cơ bút phong Thánh. Và, ngay cả nếu còn cơ bút, việc phong thăng chức sắc phải áp dụng Luật Công Cử chức sắc Cửu Trùng Đài. Luật này có từ khi Thầy ân ban Pháp Chánh Truyền, theo đó, từ Chức việc lên đến phẩm Giáo Tông đều đã có quy định công cử rõ ràng.

Vị trí của Cửu Trùng Đài là vị trí của hầu hết người tu theo Cao Đài (chỉ một số ít các vị tu bên Hiệp Thiên Đài), mà phẩm cấp tín đồ, trong đó có các vị tân tín đồ, là có số lượng đồng nhất. Càng lên cao, số lượng chức sắc ít dần ở mỗi cấp (theo như quy định trong Pháp Chánh Truyền); thế nhưng, các bậc cấp xây dựng trên nền Tòa Thánh gồm tất cả 9 bậc đều dài rộng bằng nhau. Cho nên trong các cuộc lễ lớn, hàng tín đồ phải chen chúc nhau ở chỗ quỳ của mình mà không thể quỳ phạm lên thêm của phẩm cao hơn, điều này có thể gọi là quyền pháp, và điều này cũng tạo động lực cho một số vị cố gắng tu tiến thêm lên. Tuy nhiên, theo chúng tôi, chúng ta phải cố gắng để xứng đáng với bất cứ vị trí nào của mình trong chánh điện.

BÁT QUÁI ĐÀI

Theo nghĩa trong Kinh Dịch, Bát Quái là giai đoạn ban sơ: “*Dịch hữu Thái Cực, thị sanh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh*

Bát Quái.” Bát Quái nằm trong giai đoạn Tiên Thiên, nhưng là bước đầu trong giai đoạn phóng phát, định danh Trời–Đất (Kiền–Khôn) và các yếu tố căn bản khác (như Nước, Lửa, Gió...). Bát Quái biểu thị phần Tiên Thiên trong Càn Khôn vũ trụ. Và con đường trở về của người tu hành là: “*Nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc Hu.*”...

Nhìn từ bên ngoài, Bát Quái Đài có vách xây theo hình bát giác (tám góc), trên nóc là một bán cầu tròn úp lên trên. Bát Quái Đài là chỗ thờ linh thiêng nhất của đạo Cao Đài. Tại Bát Quái Đài, các Đấng được thờ bằng bài vị, hoặc ảnh tượng, từ dưới lên gồm:

- Đức Khương Thái Công (Khương Thượng Tử Nha) đại diện Thần vị.
- Đức Chúa Jesus Christ đại diện Thánh vị.
- Hàng Tam Trấn Oai Nghiêm:
 - Đức Quan Thánh Đế Quân, Tam Trấn
 - Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Nhị Trấn
 - Đức Lý Thái Bạch Đại Tiên, Nhất Trấn
- Hàng Tam Giáo Đạo Tổ:
 - Đức Khổng Thánh Tiên Sư, đại diện Nho giáo.
 - Đức Lão Tử, đại diện Tiên giáo.
 - Đức Thích Ca Như Lai, đại diện Phật giáo.

Các Đấng được thờ tại Bát Quái Đài tượng trưng các đẳng cấp thiêng liêng gồm Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo; cùng với bảy chiếc ngai Nhơn Đạo (Đầu Sư, Chưởng Pháp, Giáo Tông) thành Ngũ Chi Đại Đạo.

Bên trên bài vị (hay ảnh tượng) các Đấng là Thánh tượng Thiên Nhân, biểu thị Tâm của Trời, cũng là Nguyên Thần của vũ trụ. Là người đệ tử Đức Cao Đài, nhất là tân tín đồ, chúng ta cần nhớ câu Thánh giáo trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (đặc biệt được Thầy nhắc lại trong Đại Thừa Chơn Giáo):

*Nhân thị chủ Tâm,
Lưỡng quang chủ tế,
Quang thị Thân,
Thần thị Thiên,
Thiên giả ngã dã.*

2. Một câu trong bài “Kinh Khi Đã Chết Rồi”.

Chúng ta cũng nên nhớ thêm lời Thánh giáo dạy về Thiên Nhân: “*Trời là Lý, thì Lý ấy rất thông linh bao quát Cn Khôn thế giới. Thấy đư cũ xc phm như cc con m tạo hình thể như cc con, nn chi thờ Thin Nhn l thờ Thấy.*” (ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO).

Cùng với linh vị các Đấng và Thánh tượng Thiên Nhân, còn có hệ thống đèn và lu hương cùng các lễ vật được xếp đặt đúng theo vị trí đã được quy định. Tất cả kết hợp thành tám bản đồ tu hành cho người đệ tử Cao Đài (Về ý nghĩa các nghi thức thờ phượng sẽ được đề cập trong một bài khác). Tuy vậy, chúng tôi thấy cần phải nói thêm về chiếc đèn đặc biệt trên bàn thờ của đạo Cao Đài, đó là đèn Thái Cực.

Đèn Thái Cực được đặt (hay treo) trước Thánh tượng Thiên Nhân, riêng tại các đền Thánh có thờ quả Càn Khôn, đèn Thái Cực được đặt trong tâm quả Càn Khôn (và đúng ra, như lời Thánh giáo, Quả Càn Khôn phải làm bằng thủy tinh, để ánh sáng ấy được nhìn thấy). Đèn Thái Cực luôn luôn được thấp sáng không để tắt. Thầy dạy:

“Ngọn đèn các con thờ chính giữa đó là giả mượn làm Tâm đấng. Phật Tiên truyền đạo cũng do đó, các con thành Đạo cũng tại đó. Nó ngay chính giữa, không lay động, xao xuyến, chiếu soi khắp cả Càn Khôn. Mặt nhật, mặt nguyệt có lúc sáng hồi tối, chớ nó thì giờ khắc nào cũng tỏ rạng. Nhơn vật nhờ đó mà sanh, nhờ đó mà thành, nhờ đó mà an vui. Trời Đất nhờ đó mà quang minh trường cửu, người tu hành nhờ đó tạo Phật tác Tiên, siêu phàm nhập Thánh (...). Lý ấy ở trong Tâm, Tâm an tịnh vô vi, tự nhiên, bất động là chánh đạo.” (ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO)

Vậy nên, bàn thờ Đức Cao Đài có hai biểu tượng về Thượng Đế:

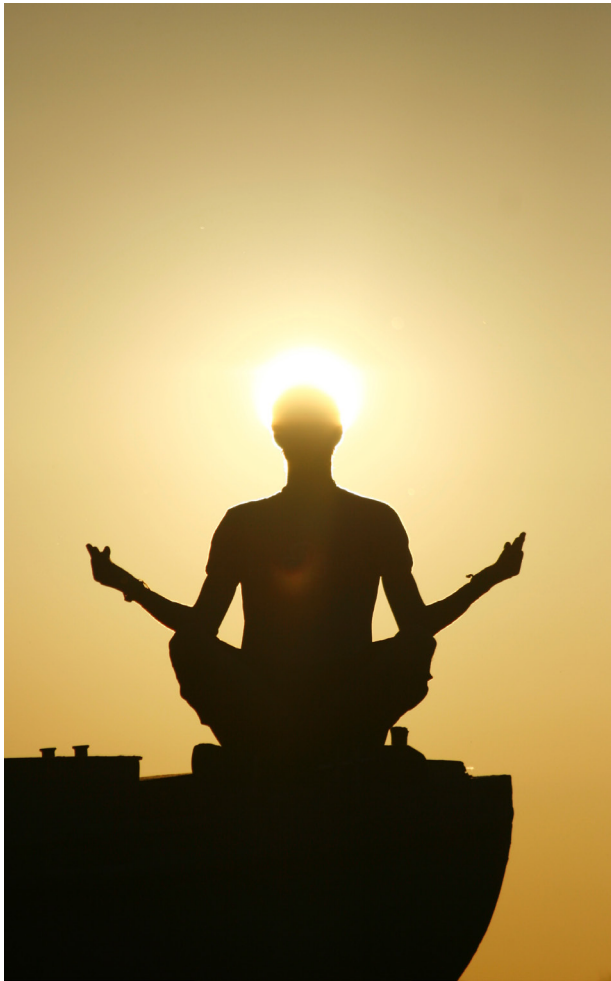
- Thiên Nhân là thể tướng, tượng trưng Tâm của Trời, tạm gọi là Thượng Đế Hữu thể, Hữu tướng.
- Đèn Thái Cực là Lý Nhứt Nguyên, là Đại Linh Quang, tạm gọi là Thượng Đế Vô tướng, Vô ngã.

Thiên Nhân luôn quán sát; Đèn Thái Cực luôn

(XEM TIẾP TRANG 60)

tìm hiểu thêm về CÔNG PHU QUA THÁNH GIÁO

■ ĐẠT TƯỜNG



Công phu là một trong những đề tài đã được đề cập nhiều. Tuy nhiên một sơ đồ tổng quát về Công phu hình như vẫn chưa được phác thảo đầy đủ, những điều kiện Cần đã có nhiều thông tin, nhưng về điều kiện Đủ vẫn còn phải tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu.

Giờ đây chúng ta hãy đi qua vài đoạn Thánh giáo dạy về chủ đề Công phu để so sánh lại với kiến thức mà mỗi chúng ta đã có bấy lâu nay.

VÀI Ý MỚI VỀ CÔNG PHU

1. “Nay chư Thiên ân và các con cháu đang trên đường Đại thừa thực hành Thiên đạo thì cần phải tu công hạnh làm trước. Con đường chúng đạo gần nhất là con người hoàn mỹ trong đời sống xã hội nhưn sanh, sống giác ngộ vui tươi, sống ích nhưn lợi vật trong mọi hoàn cảnh, mọi phạm vi của mình. Đó là chứng đặc hiện tiên.

Sự chứng đặc này đòi hỏi một công phu luyện kỹ thuần thành, không phải là chỉ đá hóa vàng, đời non lấp biển, mà chỉ cần biến mọi tình thức vọng niệm thành chơn thiện mỹ để làm tròn bốn phận một đời người, thì “tánh không” do đó mà phát hiện cho đến ngày nhập thế hư vô.

Đó là sự chứng đạo của hàng Phật Tiên.”¹

Đọc đoạn Thánh giáo này, chúng ta không thấy có hình tượng chi của việc ngồi thiền, luyện công... nhưng “Sự chứng đặc này đòi hỏi một công phu luyện kỹ thuần thành... “tánh không” do đó mà phát hiện.”

Điều này có gợi ý cho thấy những gì trong sự hiểu biết về Công phu của chúng ta như bấy lâu nay là chưa đầy đủ hay không? Các huynh tỷ có thấy đây là một vấn đề đáng để thảo luận chứ?

2. Mỗi khi ngồi tịnh, chúng khởi đầu với bài kinh có câu khởi đầu: “Tham thiền giao cảm Phật Tiên.” Lâu nay, đa số chúng ta đều hiểu “tham thiền” là công phu tịnh luyện.

Nhưng khi nghiên cứu Đại Thừa Chơn Giáo,

1. Đức Bảo Hòa Thánh Nữ, Vĩnh Nguyên Tự, 27-9 Nhâm Tuất (12-11-1982).

chúng ta thấy có một yếu tố liên kết giữa Công trình với Công phu là “tham thiền”. Đức Chí Tôn giải thích rất rõ:

“Người tu hành cần nhứt là phép tham thiền đặng tâm cái lý đạo cao siêu của Tạo Công đặt bày trên mấy cõi Hư Linh ngộ cho thấu triệt đến cả cõi nguồn nguyên thì.

Không tham thiền định trí thì làm sao đoạt nổi Thiên cơ, hiểu điều mắc mỏ cho được? Thế nên người tu, hay người không tu, mà muốn hoá thông sự vật, tham cứu uyên nguyên thì làm sao cũng phải tham thiền... chẳng gia công nghiên cứu, tham khảo suy tâm cho tận cùng đảo đẽ, thì làm sao trực giác được cái nguyên lý của Đạo? Muốn đạt đến chỗ đó, mà còn phương pháp nào khác hơn “Tham Thiền” nữa đâu?

Không “tham thiền” thì làm sao mở mang trí hóa để đạt cho thấu cái lẽ hư vô huyền diệu? Nhưng phương pháp tham thiền rất là khó lắm. Trước hết cần phải chú cái tâm vào một tư tưởng nào cho cao thượng, rồi mới lấy cái tư tưởng thanh quang ấy mà nghĩ ngợi cho cùng, xét suy cho tột thì huệ tâm tự phát, trực giác tự khai, chừng ấy chơn lý mới hiện ra, ra một cách rõ ràng minh bạch.

Nhưng hễ muốn tham thiền cho kết quả thì phải lo nhập định cho hẳn hoi. Nhập định là cốt để cho tâm thần an ổn, nghĩ ngợi hầu có sửa mình mà trừ khử các bệnh do trong cốt tủy và diệt xong cả mấy mối loạn của thất tình lục dục khiến xui khuấy rối đêm ngày. Rồi gom các tư tưởng vào nơi khối óc, đừng cho nó tưởng nhớ bá vớ những điều không tốt, lại ráng gắng công tập luyện nó sao cho dần dần trở nên thuần túy tinh anh. Mà phải nuôi cái tư tưởng ấy cho cao thượng trọn lành mãi mãi, đừng để ngoại vật lẫn vào báo hại với tâm hồn xao động...

Hễ nhập định đặng như vậy thì tham thiền mới thấy kết quả tốt đẹp phi thường.”²

Một khi đã định được và tham thiền thì dòng tư tưởng được tập trung không xa lìa trong bất cứ hoàn cảnh sinh hoạt nào của hành giả. Lúc

bấy giờ dù đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, nghỉ, v.v. tất cả đều ở trong trạng thái thiền – tâm thanh tịnh tư duy hầu đạt đến chân lý giải đáp công án. Đây là hình thức chánh niệm.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ CÔNG PHU CÓ HIỆU QUẢ

▪ *“Điểm đích trước tiên của người tu luyện công phu là lấy sự thanh tịnh làm tông... Thanh tịnh là giữ cho tâm đừng xao, ý đừng động để noi theo cái lý vận hành của Trời Đất giáng thẳng mà sống...”³*

Những ai dự định sẽ tiến đạo lên cấp phải “trường trai tuyệt dục” thì đoạn Thánh giáo sau đây rất cần thiết cho sự hiểu biết hầu áp dụng thực hành cho bản thân trên đường tu tiến để có được sự thanh tịnh thường xuyên trong tâm, làm nền tảng cho công phu tu luyện.

“Sự sa đọa hay bị rút gân nhứt của hành giả là: – tâm còn luyến ái – tâm còn vọng tưởng – tâm còn cố chấp.

• *Tâm luyến ái thê nhi tôn tử làm mất thể thống người Thiên ân đã xuất gia. Nay sợ trước khí của người khác không dám đến gần mà vì lòng luyến ái lại vào chỗ ô uế sanh dục làm mất ánh Thiên quang của Huyền khiếu,*

• *Hay bị quyến rũ bởi tâm vọng tưởng danh vị lợi quyền làm cản ngăn bước tiến trên đường sứ mạng Đại Thừa.*

• *Tâm còn mê chấp hay phân biệt, ích kỷ hẹp hòi, làm tổn thương tâm tử huệ của người tu.”⁴*

Như thế đoạn Thánh giáo trên cho thấy “tuyệt dục” cần được hiểu ý nghĩa đúng với bản chất của nó. Việc không còn có mối quan hệ phụ gôn gũ hay lòng luyến ái thê nhi chỉ mới là điều kiện cần, còn điều kiện đủ phải được hiểu rộng hơn nữa: lòng dục là sự vọng tưởng danh vị lợi quyền hay tâm còn mê chấp, ích kỷ hẹp hòi, còn ôm chặt lấy tư hữu mà không biết dùng nó để thi ân tế chúng.

Đức Như Ý dạy:

3. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 29-4 Nhâm Tuất (22-5-1982).

4. Đức Bảo Hòa Thánh Nữ, Vĩnh Nguyên Tự, 27-9 Nhâm Tuất (12-11-1982).

2. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, đàn 5 Novembre 1936 (22-9 Bính Tý).

“Người tu hành phải thật chơn tu, nhắm vào mục đích giải thoát, đừng luyến tiếc sự vật hữu hình mà thoái hóa luân hồi. Đã gọi là vô thường thì có gì là trường cửu.

Giữ phương tiện cộng đồng thì chẳng hoài công. Ôm chăm tư hữu thì uổng sanh một kiếp... Muốn độ đời cần vong kỷ, bố thí, trợ nghèo, giúp khó là phương pháp bảo toàn tự thân.”⁵

Có một lần, Đức Ngô Đại Tiên nhắc:

▪ “Bạch Lương Ngọc!⁶ Hiền đệ công phu kết quả nhưng công quả công đức còn ít, phải cố gắng bồi đắp thêm kẻo trễ.”⁷

Vậy người tu đúng với tinh thần Đại Thừa, cần hiểu rằng: bên cạnh việc buông bỏ lợi danh quyền chức trong cả hai môi trường đời và đạo, còn phải vong kỷ bố thí cho tha nhân và hướng tới không còn tư hữu bất cứ thứ gì.

Tài liệu Đại Đạo Sử Cương của Hiền Tài Trần Văn Rạng thuộc Tòa Thánh Tây Ninh⁸ cung cấp cho chúng ta những thông tin xác nhận điều kiện khởi đầu để được Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thân nhận vào nhập tịnh tu luyện ở Hội Thánh Tây Ninh:

“Năm 1929, Đức Hộ Pháp lập Khố Hiền Trang mở Phạm Môn cho những ai đủ cơ duyên vào tu luyện (phải để lại chức sắc áo mão ở ngoài). Những ai muốn vào nhập tịnh phải qua khâu xét chọn “cân Thần” của Đức Hộ Pháp. Chỉ có những người đạt tiêu chuẩn mới được thân nhận.”

Nói theo ngôn ngữ Dịch học, để đạt đến “tuyệt dục” thì cần phải đạt đến “tâm vô vọng”. Có được như thế thì mới đạt được “Thiên Địa chi tâm” để huyền đồng cùng Trời Đất!

Những ai đã bắt đầu tiến đạo lên đến cấp “tuyệt dục” phải thông suốt lý đạo này để không rơi vào hoàn cảnh: “Tâm thức thì sáng nhưng ý thức còn u tối.”

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 11-11 Kỷ Mùi (28-12-1979).

6. Đầu Hộ Đạo – Tịnh chủ Vĩnh Nguyên Tự.

7. Đức Ngô Đại Tiên, Minh Đức Tu Viện, 06-7 Nhâm Tuất (24-8-1982).

8. Hiền Tài – Cao học Sử, Trưởng Nhiệm Văn Hóa Ban Thế đạo Tòa Thánh Tây Ninh.

KHÔNG KHINH THƯỜNG ĐẠO PHÁP

C1. Trước khi bước vào Sơ thiền Tâm pháp, đạo hữu cần hiểu rõ để xây đắp nền tảng vững vàng:

“Nay chư đệ muội muốn vào hàng Thiên Đạo, xin vào lớp dự bị để học tu, phải thông qua giới điều quy luật.

– Trước biết có thân phải báo đáp ơn sanh dưỡng, xử tròn nhiệm vụ làm người.

– Biết có tâm này phải chí thành giác ngộ, có ý chí kiên trì giải thoát để vào đường Thiên Đạo.

Đó là điều kiện tối thiểu để bước vào hàng dự bị và tiến lên hàng Thiên Đạo.

Bản Đạo mở lòng bác ái cho chư hiền đệ hiền muội có thời gian để kiểm điểm thân tâm, cố gắng thực hành lời dạy trên để bước vào hàng Thiên Đạo. Bằng chưa thì hãy tạm dừng chân và cố gắng tiếp tục rèn luyện xem xét thân tâm để làm tròn bốn phận rồi sẽ bước sau.

Chớ nên vì sở thích, ham muốn riêng tư, để đuôi mà phạm tội.

Chư hiền đệ hiền muội! Ôn Thiên bủa khắp, cửa Đạo thênh thang, thuyền pháp sẵn sàng rước đưa người giác ngộ, chớ vội bước sang ngang e rằng lọt vào lòng đáy sâu biển khổ. Bản Đạo đâu mở lòng tận độ, nhưng cũng không thể dùng thần thông quảng đại mà phạm luật Thiên điều.”⁹

C2. Người tu ở bậc thượng thừa, siêng năng trì hành đầy đủ thì công đức rất lớn như ý nghĩa chữ “Đại thừa” là cỗ xe lớn. Nhưng nếu ngược lại, có sự biếng lười, sẽ bị đánh tụt hạng như lời Thánh giáo sau:

“Trên đường tánh mạng song tu, nếu là một hành giả có quyết tâm giải thoát thì phải luôn luôn bước tới không ngừng nghỉ, nếu dừng bước là thoái bộ. Càng tới càng thấy khó khăn hơn, như học trò lên lớp, như thí sinh vào trường.

Nếu sơ tâm ắt bị đánh rớt. Nhưng cái rớt của trường đời còn có thể ngồi lại một năm để rồi thi lại, còn đối với trường đạo có khác một điều: hễ lên thang Đại Thừa mà rớt thì phải bị xuống.

9. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-12 Đinh Tỵ (1978).

- *Lần thứ nhất phải tắm gội ba năm.*
- *Lần thứ hai phải nhơn lên ba nữa tức là 9 năm mới phục hồi được.*
- *Nếu phải bị lần thứ 3, người hành giả sắp đến đích mà bị rớt thì không được nhơn lên nữa, mà phải đợi đến thất ức niên sau mới có cơ hội phục hoàn chánh vị.*

Đó là nói hàng nguyên nhân có căn trí, có công phu dày dặn.

Còn hàng hóa nhân mà biết giác ngộ tu công luyện kỹ cũng được ban ơn tiến hóa hoặc vào Thượng Ngươn Thánh Đức để tu thêm, hoặc chứng quả vào hàng nhơn tiên, địa tiên, thần tiên...¹⁰

Như vậy, người đã bước lên hàng Công phu Đại thừa phải ý thức sâu sắc những điều kiện tương ứng cần phải có theo cấp bậc để “luyện kỹ” gìn giữ đức hạnh cũng như nghiêm chỉnh thực hành hầu đáp ứng giới luật Đại thừa “hễ lên thang Đại thừa mà rớt thì phải bị xuống”.

TẠM KẾT

1. Nhìn với góc độ dung hòa Tam Giáo Đạo của Cao Đài giáo, chúng ta có thể liên kết một số thông tin về Công phu:

- “*Biến mọi tình thức vọng niệm thành chơn thiện mỹ*” tương ứng với việc “*Tôn tâm dưỡng tánh*” của Thánh Đạo.
- “*Song tu tánh mạng*” tương ứng với việc “*Tu tâm luyện tánh*” của Tiên Đạo.
- “*Tham thiền tịnh định*” tương ứng với “*Minh tâm kiến tánh*” của Phật Đạo.

Nhờ Thánh giáo, chúng ta được mở rộng tầm nhìn, trong hình thức Công phu cũng có hai mặt âm dương động tịnh: tham thiền chánh niệm và tịnh tọa vô niệm; có tiệm tiến và đốn ngộ. Các thông tin này đều có mối liên quan chặt chẽ trong việc hình thành một hệ thống lý luận Đại Đạo về đề tài Công phu.

2. Một số Thánh giáo vừa trích dẫn giúp cho chúng ta dè dặt cẩn trọng dọn mình rà soát lại

tâm hạnh đức của mình trước khi quyết định bước thêm bước nữa lên bậc thang cao hơn của đường tu giải thoát hầu tránh mắc lỗi với Ôn trên.

3. Qua đề tài Công phu, chúng ta có thể suy luận ngay rằng chủ đề Tam Công cũng cần được cập nhật theo thời gian một số thông tin mới khám phá được trong quá trình nghiên cứu Thánh Ngôn, Thánh giáo. Qua đây cho thấy, có vẻ như chúng ta đang ở trong trạng thái chủ quan nghĩ rằng những đề tài giáo lý căn bản đã hoàn chỉnh nhưng thực tiễn lại cho thấy còn rất nhiều điều Ôn trên đã dạy nhưng sự học hỏi, nghiên cứu của chúng ta vẫn còn có những hạn chế.

Những lời Thánh giáo hôm nay được nêu lên, cho thấy vẫn còn những lỗ hổng trong tri thức của chúng ta về những vấn đề căn bản của giáo lý! Đây là một tiếng chuông cảnh báo cho những nhân viên phổ thông giáo lý, đừng ngủ quên trên những thành quả đã đạt được. Trái lại cần phải luôn tỉnh thức, nỗ lực, tận tụy, say sưa trên đường học hỏi nghiên cứu giáo lý. Nhất là với những ai có trách nhiệm “*tư duy giáo Đạo*” trên đường sứ mạng phổ thông giáo lý Đại Đạo.■



Các cháu phải cố gắng tu bồi công quả hành đạo để có nhiều âm chất, trước là cứu độ gia quyến thoát khỏi nạn tai trong hồi loạn lạc, kế đó là cứu độ Cửu Huyền Thất Tổ và cũng là phương tiện giúp cho chơn linh mình được siêu thoát sau ngày rũ bỏ phần nhục thể. Đừng bao giờ quan niệm rằng mình hành đạo là giúp cho người này người khác là tổn công tổn của. Phải hiểu rằng hành đạo là làm cho chính mình, cho gia đình quyến thuộc mình. Tu bồi âm chất là của quý đem gởi nhà băng thượng giới, trộm cướp không lấy được, chiến tranh không tàn phá được tài sản quý vô giá đó.

ĐỨC NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN, 03 - 7 - 1969.■

10. Đức Bảo Hòa Thánh Nữ, Vĩnh Nguyên Tự, 27-9 Nhâm Tuất (12-11-1982).

ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT

với hạnh nguyện
cứu vớt chúng sanh



■ XUÂN MAI

Phật tử thường nghe nhắc đến Kinh Địa Tạng. Kinh Địa Tạng Bốn Nguyện là một bộ kinh nói về công đức, oai lực của Bồ Tát Địa Tạng, thường được các chùa theo khuynh hướng Đại Thừa khai tụng trong suốt tháng bảy, đặc biệt là vào dịp lễ Vu Lan, tức là mùa báo hiếu cha mẹ, tổ tiên.

Còn trong Cao Đài giáo, Kinh Đưa Linh Cữu có câu:

Nam Mô Địa Tạng thi ân,

Đưa đường Thiên cảnh, lánh gần Phong Đô.

Trong Kinh Cầu siêu có nhắc đến Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát,

Bồ từ bi tế bạt vong hồn.

Cứu khổ nàn Thái Ất Thiên Tôn,

Miền âm cảnh ngục môn khai giải.

Ý nghĩa: Bức Thánh lớn là Địa Tạng Vương Bồ Tát có lòng thương yêu chúng sanh và lúc nào cũng muốn giúp chúng sanh thoát khổ. Xin Đức Thái Ất Thiên Tôn cứu giúp để vượt qua các tai nạn khổ sở, xin khai mở và bỏ đi các cửa ngục nơi cõi Âm phủ.

SƠ NÉT KINH ĐỊA TẠNG

Kinh Địa Tạng do Đức Phật Thích Ca diễn thuyết tại cung trời Đao Lợi, tức là tầng trời thứ hai trong sáu tầng trời của cõi Dục giới, nơi mà Thánh Ma Gia, thân mẫu của Đức Phật đã thác sanh về đây sau khi hạ sanh Đức Phật được 7 ngày. Trước khi nhập Niết Bàn, vì cảm ơn đức sanh thành, Đức Phật đã diễn thuyết kinh Địa Tạng tại pháp hội ở cung trời này. Như vậy, Kinh Địa Tạng ra đời trước tiên là do lòng hiếu thảo của Đức Phật đối với bậc sanh thành, Ngài đã tưởng nghĩ đến mẹ khi biết rằng mình sẽ không còn trụ thế bao lâu nữa nên đã lập pháp hội tại cung trời Đao Lợi để độ thoát cho thân mẫu. Đây là một pháp hội vô cùng quan trọng vì có sự hiện diện đông đủ của chư Phật khắp mười phương thế giới. Việc diễn thuyết kinh Địa Tạng trong pháp hội này vì thế mang một ý nghĩa vô cùng lớn lao. Trong pháp hội này Ngài vì thân mẫu mà thuyết pháp nhưng động cơ chính vẫn là lòng từ bi đối với chúng sanh ở cõi ta bà, đặc biệt đối với những chúng sanh đầy tội khổ, khó khai hóa mà Ngài biết chắc chắn là

sẽ “*bị đọa vào đường dữ, chịu nhiều sự thống khổ*”, vì thế trong pháp hội này Ngài đã phó chúc cho Bồ Tát Địa Tạng nhiệm vụ: “*gắng độ chúng sanh trong cõi ta bà đến lúc Phật Di Lặc ra đời, đều đặng giải thoát, khỏi hẳn các điều khổ, gặp Phật...*”¹

Nội dung chính yếu của Kinh Địa Tạng xoay quanh đạo hiếu, nói lên những bốn phận, nghĩa vụ của người sống đối với người đã quá vãng, cũng như nêu bật những tội phúc quả báo ở kiếp sống bên kia để người Phật tử nương theo kinh này thành tâm cầu nguyện sự gia hộ của Bồ Tát Địa Tạng, quyết tâm tu tập, lập công bồi đức hầu độ thoát cho chính mình, cho người thân cũng như tất cả chúng sanh đã quá vãng khỏi rơi vào các đường ác.

TIỀN THÂN CỦA BỒ TÁT ĐỊA TẠNG

Bồ Tát Địa Tạng là một vị Đại Bồ Tát thường được nhắc nhở đến trong rất nhiều kinh điển Đại thừa vì công năng, oai lực của vị Bồ Tát này vô cùng lớn lao. Ngài là nơi nương tựa, nguồn an ủi của những oan hồn vất vưởng không nơi nương tựa đến những linh hồn vì ác nghiệp bị giam giữ và bị trừng phạt tận các tầng địa ngục. Tên gọi của Ngài cũng đã mang một ý nghĩa như thế. Địa là đất cũng có nghĩa là dày chắc, Tạng là cất giấu, chứa đủ. Danh hiệu của Ngài hàm ý rằng Ngài là đại địa bao la, nơi ẩn chứa những kho tàng quý giá, tức thiện căn. Bồ Tát Địa Tạng vì thế như là hình ảnh của một người mẹ thiên nhiên ôm ấp, bảo bọc, che chở tất cả muôn loài không phân biệt. Chẳng thế mà Đức Thế Tôn đã lên tiếng tán dương: “*Địa Tạng! Địa Tạng! Thân lực của ông không thể nghĩ bàn, đức từ bi của ông không thể nghĩ bàn, trí huệ của ông không thể nghĩ bàn, biện tài của ông không thể nghĩ bàn.*”

Bồ Tát Địa Tạng đã đại nguyện: “*Địa ngục chưa trống không, tôi quyết chưa thành Phật; Chúng sinh độ hết rồi, tôi mới chứng Bồ Đề.*”²

1. Kinh Địa Tạng, Quyển Thượng, Phẩm Thứ Hai: Phân Thân Tập Hội.

2. Trong Thập Nhị Bộ Kinh có phần Bốn Sự, ghi chép những sự việc xảy ra trong đời quá khứ.

Do lời đại nguyện này, Đức Thượng Đế phong Ngài làm U Minh Giáo chủ (hay Phong Đô Đại Đế), cai quản cõi U Minh Địa phủ (cũng gọi là cõi Phong Đô). Thời Tam kỳ Phổ độ, Đức Chí Tôn đại khai ân xá, giải tán Địa ngục, phóng thích các tội hồn, cho đi đầu thai trả quả. Đức Chí Tôn lập ra một cõi mới là cõi Âm Quang để các linh hồn tội lỗi đến đó xét mình và học Đạo, nhận biết lỗi lầm của mình mà ăn năn sám hối, cầu khẩn Đức Chí Tôn cứu rỗi. Do đó, Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát trở thành Giáo chủ cõi Âm Quang, giáo hóa các nam tội hồn; còn các nữ tội hồn thì có Thất Nương Diêu Trì Cung đến giáo hóa.

Bồ Tát Địa Tạng đã phát hạnh nguyện từ bi đồng mãnh muốn cứu vớt tất cả những khổ đau của chúng sanh, đặc biệt là những chúng sanh đang chịu khổ nạn trong địa ngục. Vì chúng sanh ở cõi ta bà này phần đông đều vô minh, quen theo thói làm ác, duyên ác luôn tăng trưởng, thỉnh thoảng có người phát tâm lành, nhưng không bao lâu liền thoái thất, cũng vì lẽ đó mà Bồ Tát Địa Tạng phân thân Ngài ra trăm nghìn ức thân để tùy duyên hóa độ chúng sanh hầu làm cho chúng sanh được giải thoát, trong đó một vài kiếp nổi bật của Bồ Tát Địa Tạng đã được Đức Phật nhắc lại trong Kinh Địa Tạng Bốn Nguyện như sau:

– Vị Trưởng giả dưới thời Phật Sư Tử Phấn Tấn Cự Túc Vạn Hạnh Như Lai: Trong kiếp này Ngài là một vị Trưởng giả, đã lập nguyện độ thoát tất cả chúng sanh bị khốn khổ mới chứng thành Phật đạo.

– Hiếu nữ Bà La Môn dưới thời Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật: Trong kiếp này Ngài là một thiếu nữ Bà La Môn hết lòng sùng kính Tam Bảo nhưng bà mẹ lại là một người mê tín tà đạo khinh chê Tam Bảo. Vì ác nghiệp này mà sau khi chết bà đã bị đọa vào địa ngục. Tuy không biết mẹ mình thác sanh về nơi nào nhưng Thánh nữ biết rằng với những tội lỗi mà bà đã gây ra, chắc chắn sẽ bị đọa vào con đường ác. Là một người con hiếu thảo, đau lòng vì thương nhớ mẹ, Thánh nữ đã tu tạo phước lành và cầu khẩn oai lực của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Phật giúp đỡ. Nhờ đó mà

thân mẫu của bà chẳng bao lâu sau đã được vãng sanh lên cõi trời. Từ đây Thánh nữ lập nguyện: *“Tôi nguyện từ nay chí đến đời vị lai những chúng sanh mắc phải tội khổ, thì tôi lập ra nhiều phương thuốc làm cho chúng sanh đó được giải thoát.”*

– Dưới thời Phật Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai: Trong kiếp này Ngài là quốc vương của một nước nhỏ, thương yêu dân như con, luôn thực hành mười hạnh lành làm lợi ích cho nhân dân. Tuy nhiên dân chúng của vương quốc này tánh tình rất ngang ngược, hung ác. Do đó Ngài đã phát nguyện rằng: *“Nếu chưa độ hết những chúng sanh tội khổ đều đặng an vui chúng quạ Bồ Đề, thời tôi nguyện chưa thành Phật.”*

– Hiếu nữ Quang Mục dưới thời Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai: Cũng như câu chuyện của Thánh nữ Bà La Môn, Quang Mục là một thiếu nữ rất hiếu thảo đối với mẹ. Sau khi mẹ mất, nàng bần khoản không biết mẹ mình nay đã thác sanh về đâu. Nhờ lòng hiếu thảo và công đức cúng dường một vị La Hán đầy phước đức, Quang Mục biết được mẹ đang chịu khổ nạn tại địa ngục do hai tội ác giết hại sanh vật và chê bai mắng nhiếc người khác gây ra lúc còn tại thế (địa ngục: là chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề làm những điều ác mà tùy nghiệp chiêu cảm ra những địa ngục như thế).³ Do phước lực của nàng và oai lực của Phật Thanh Tịnh Liên Hoa Mục Như Lai, bà mẹ sau đó đã thoát khỏi cõi Âm Quang, đi đầu thai vào làm con của người đầy tớ trong nhà Quang Mục chịu kiếp hạ tiện cho đến năm 13 tuổi mới được vãng sanh về cõi trời. Khi biết được như thế, nàng nuôi dưỡng và săn sóc đứa con nít ấy kỹ càng và khi đến 13 tuổi nó chết, nàng thương xót và chôn cất một cách tử tế như mẹ vậy. Nàng Quang Mục vì thương mẹ mà đã phát nguyện rộng lớn như sau:

“Từ ngày nay chí về sau đến trăm ngàn muôn ức kiếp, trong những thế giới nào mà các chúng sanh bị tội khổ nơi địa ngục cùng ba ác đạo, tôi

nguyện cứu vớt chúng sanh đó, làm cho tất cả đều thoát khỏi chốn ác đạo: địa ngục, súc sanh, và nga quý, v.v.

Những kẻ mắc phải tội báo như thế thành Phật cả rồi, vậy sau tôi mới trở thành bậc Chánh Giác.”

Trong những câu chuyện về tiền kiếp của Bồ Tát Địa Tạng được Đức Phật nhắc lại ở trên, hai kiếp sanh với đại nguyện nổi bật nhất vẫn là kiếp sanh làm thiếu nữ hiếu thảo hết lòng cứu mẹ. Qua tiền thân trong khi hành bồ tát đạo của Bồ Tát Địa Tạng, phát thệ nguyện cứu khổ chúng sanh, chúng ta thấy hạnh nguyện vĩ đại của Ngài. Hạnh nguyện nổi bật đó không ngoài hai điểm là: tinh thần hiếu đạo và hạnh nguyện tận độ chúng sanh. Nếu Ngài Mục Kiền Liên nhờ thần lực chú nguyện của chư tăng mười phương sau ba tháng an cư kiết hạ để độ thoát được mẹ, được tôn xưng là đại hiếu thì việc thể hiện hiếu đạo của Bồ Tát Địa Tạng rộng sâu hơn, cứu độ cha mẹ bằng việc phát đại nguyện tận độ tất cả chúng sanh khổ nạn. Phải chăng Đức Phật muốn nói lên tinh thần hiếu đạo của chư Phật Bồ tát có khác hơn so với hàng Thanh Văn, Duyên Giác tu theo Tiểu thừa và mong mỏi chúng sanh nên thực hành tinh thần báo hiếu tối thượng này.

Có câu: “Nhơn sanh bách hạnh hiếu vi tiên”, tất cả con người ai ai cũng đều phải trọn hiếu đạo làm đầu thì mới đặng tác Tiên tác Phật. Chữ Hiếu như thế, rất quan trọng đối với mỗi người chúng ta. Biết thương yêu mẹ mới biết thương yêu chúng sanh. Hiếu được những nỗi khổ mà mẹ đang chịu đựng mới có thể hiểu được những nỗi khổ của chúng sanh. Từ đó mới phát đại nguyện cứu vớt chúng sanh.

BỔN PHẬN BÁO HIẾU CHA MẸ

Chúng ta, những người hiểu Đạo, những hiểu tử, có ai không nghĩ về mẹ. Nhưng làm thế nào để giúp mẹ, để cứu vớt những người thân trong lúc lâm chung hay đã qua đời? Kinh Cầu siêu (Cao Đài), Kinh Địa Tạng (của Phật giáo) cùng với công năng, oai lực của Bồ Tát Địa Tạng sẽ giúp ta thực hiện được điều đó:

3. Kinh Địa Tạng, Quyển Thượng, Phẩm Thứ Năm: Danh Hiệu của Địa Ngục.

CẦU SIÊU

Là cầu nguyện cho vong linh được siêu rỗi, thoát qua cảnh đọa đày ở chốn Âm Quang. Khi đọc kinh cầu siêu với tâm thành cầu cho vong linh của đạo hữu mới lia trần không sa vào Phong Đô để được nghe kinh hầu tự chuyển tâm, thức tỉnh. Do vậy nên đọc ngay khi vong linh vừa trút hơi thở sau cùng thay vì khóc thương tiếc.

– Phút lâm chung: Đây là giây phút hệ trọng nhất của một linh hồn sắp giã từ cõi thế, khi mà tất cả những ham muốn, dục vọng của cả một đời người tích tụ lại thành một năng lực quyết định cho hướng đến của kiếp tương lai. Giống như sĩ tử trong kỳ thi cuối cùng, đây chính là thời điểm thử thách, cân lường thiện nghiệp, ác nghiệp của một đời người trước khi chuyển kiếp. Trong lúc này, Đức Phật cho ta biết: *“Thần thức của người chết đang hôn mê, mờ mịt, những quỷ thần, ma đạo đòi lúc còn biến hình ra cha mẹ, những người thân thuộc để lôi kéo họ vào ác đạo, ngay cả đối với những người đã tạo nghiệp lành trong hiện thế.”*⁴ Cho nên vai trò của người thân lúc này rất quan trọng. Họ phải ở bên cạnh người sắp lâm chung, liên tục trì tụng kinh cầu siêu, niệm danh hiệu Đức Chí Tôn làm sao cho thấm được vào thần thức người chết, như vậy các ma quỷ, ác thần mới lui tan đi chỗ khác.

Trong nghi thức cầu siêu, với những đạo hữu giữ được “thập trai” trở lên, bài Cầu Siêu phải được đọc trước bài “Cầu hồn” (*“vì sợ e cho vong hồn đạo hữu phạm thệ mà đi xuống Phong Đô nên phải tụng (...) trước, hầu cho vong hồn hồi dương đặng rỗi thì tụng tiếp bài “Ba mươi sáu cõi Thiên Tào” đặng vong hồn hưởng phép siêu thăng tịnh độ. Phải tụng xen kẽ như vậy cho đủ ba lần.”*)⁵

– Đối với những vong đã sa vào cõi Âm Quang nay nhờ sự cầu nguyện qua bài kinh này mà được ra khỏi nơi tối tăm đó để nghe kinh (thí dụ: Kinh Di Lạc v.v.) hầu tự mình thức tỉnh,

chuyển tâm, sám hối ăn năn đặng có thể siêu thoát. Bài kinh này rất thông dụng trong nghi thức tang lễ, khi làm cầu siêu cứu vớt, cũng như dùng đọc trong mỗi kỳ đàn sóc vọng hàng tháng tại nhiều Thánh sở và đặc biệt trong mùa cầu siêu Vu Lan tháng bảy.

Đức Quan Thế Âm dạy về sự cần thiết phải tụng kinh Cầu Siêu và Di Lạc Chơn Kinh:

“(...) Bản nữ đến để đòi lời cho thiện nam Cát hiểu lẽ huyền vi nơi lạc cảnh. Mỗi chơn linh khi đã mãn căn quy hồi Thiên giới đều phải đến nơi Nghiệt Cảnh Đài đặng ôn lại tội phước đã tạo nên. Khi về đến đó rồi thì một mảy gì cũng không thể giấu đặng.

Bao nhiêu kiếp đều diễn ra trước mắt, rồi tự mình định lấy phận mình, chớ chẳng ai hành phạt hay thăng thưởng. Đó là tòa phán xét lương tâm. Ông tòa lại chính là bốn nguyên chơn linh của mình. Vì có, cơ thường phạt thiêng liêng không một ai có thể kêu rên bởi lẽ bất công hết thảy. Như vậy thì nhũ mẫu của thiện tín cũng ở trong khuôn luật ấy.

*Bản nữ vì cảm thương lòng thành kính của thiện tín mà chỉ dẫn cho đôi điều. Từ đây, thiện tín khá luôn luôn tụng Di Lạc Chơn Kinh cho người, phải luôn tụng Cầu Siêu và Cầu Hồn đặng rửa bớt sự nặng nề cho vong linh. Còn âm chất thì càng nhiều lại càng hay, phương độ rỗi ấy là nhờ nơi lòng hiếu nghĩa của thiện tín mà làm giảm bớt phần nghiệt chướng nơi cõi thiêng liêng cho nhũ mẫu của thiện tín.”*⁶

LÀM NHIỀU ÂM CHẤT VÀ TU TỊNH ĐỂ HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC CHO CHA MẸ

Ngày xưa, khi Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa hoàng pháp, Ngài đến gặp vua Lương Võ Đế. Trong lúc luận bàn đạo lý, nhà vua hỏi: “Trăm một đời cất chùa, độ tăng, bố thí, cúng dường, đúc chuông, tạo tượng, ấn tống kinh sách, như vậy có được công đức gì chẳng?”

4. Kinh Địa Tạng, Quyển Trung, Phẩm Thứ Tám: Các Vua Diêm La khen ngợi.

5. Chú thích bài Cầu Siêu trong quyển Kinh Lễ – Tây Ninh.

6. Đức Quan Âm, TNST III số 67, Thanh Trước Đàn, 30–3 Tân Mão (05–5–1951).

Tổ Bồ Đề Đạt Ma trả lời một cách rõ ràng rằng: “Những việc làm ấy thực không có công đức gì cả!” Vấn đề này làm cho nhiều người thắc mắc, không biết tại làm sao như vậy lại không có công đức gì cả. Bởi vì, theo lịch sử ghi chép lại thì vua Lương Võ Đế xây cất hàng trăm ngôi chùa, độ tăng chúng tu hành rất đông, thiết trai bố thí, cúng dường, đúc chuông, tạo tượng, ấn tống kinh sách nhiều vô số kể. Nhà vua suy nghĩ làm như vậy tức nhiên được rất nhiều công đức, nhưng không ngờ khi đem vấn đề này ra hỏi, Tổ Bồ Đề Đạt Ma trả lời: “Không! Tại sao vậy?” Có người không hiểu giáo lý nên giải thích là: Vua Lương Võ Đế không đích thân ra “công” thực hiện những việc làm đó, chỉ sai người khác làm, nên không có “công đức” gì cả!

Đức Lục Tổ Huệ Năng cũng dạy: “Quả thực là không có công đức gì cả.” Vua Lương Võ Đế vì không biết Chánh pháp, nên lầm lẫn hai chữ “công đức” và “phước đức”! Vì tuy là những việc làm “bên ngoài” có ích lợi cho mọi người, nhưng là những việc làm cầu phước, nên gọi là phước đức. Phước đức có công năng giúp chúng ta giảm thiểu nghiệp chướng, tiêu trừ quả báo, để được tai qua nạn khỏi, để được may mắn và sung sướng trên đường đời, để bớt chướng ngại trên đường đạo, chứ không giúp chúng ta thoát ly khỏi vòng trầm luân sanh tử. Nghĩa là con người hưởng phước vẫn còn trong lục đạo luân hồi. Khi thụ hưởng hết phước rồi cũng có thể bị đọa lạc để đền trả quả báo nếu có gây thêm nghiệp ác.

Khi làm công quả cầu phước, tâm tham lam, sân hận, si mê bên trong chẳng những không giảm bớt mà lại có chiều hướng tăng thêm, vô minh phiền não không tan biến chút nào mà lại có phần dày đặc hơn. Vì chấp chặt mình đã làm được bao nhiêu việc ích lợi như vậy, để có mấy ai làm được như mình, nên tâm cống cao ngã mạn. Những việc làm khác như góp phần ấn tống kinh sách cho người khác đọc, còn mình thì không đọc, góp phần bố thí cúng dường, giúp đỡ người hoạn nạn, nghèo khó, nhưng không

hiểu ý nghĩa cao cả của những việc làm đó, lại sanh tâm cầu mong được Thiên vị ở cõi thiên đàng sau này. Tất cả những việc làm đó chỉ tạo nên phước đức mà thôi.

Nếu như bố thí, cúng dường mà tâm không mong cầu gì cả, thi ân bất cầu báo đáp, cúng chùa để chùa có thêm phương tiện sinh hoạt ích lợi cho mọi người, giúp người để cho người qua cơn khó khăn, túng thiếu, không dẫn đo, không suy nghĩ, không tính toán gì thêm nữa, làm vì thấy việc nghĩa nhân cần thiết khởi phát tận đáy lòng thành, chúng ta sẽ bớt đi tâm tham lam, bòn sẻn, tăng trưởng tú vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. Như vậy, những việc làm đó vừa ích lợi cho người, vừa ích lợi cho mình. Nghĩa là vừa được phước đức vừa được công đức.

Chúng ta cố gắng làm tất cả những việc thiện, những việc ích lợi cho người khác, nhưng đừng ghi nhớ, đừng chấp chặt vào những việc ích lợi đã làm, làm với tâm vô tư, vui vẻ cởi mở thì tâm ý của chúng ta sẽ được bình an, thanh tịnh. Đó là tu tâm dưỡng tánh, đó là điều cốt yếu các đấng Phật Tiên muốn dạy. Như vậy, công đức là công tu tập có ích lợi cho chính mình và cho cả chúng sanh như giữ gìn giới luật, tu tập thiền định, hướng dẫn nhưn sanh đồng tu học trên đường đạo hạnh với tâm đức từ bi của Bồ tát hạnh... Công đức có năng lực giúp chúng ta vượt qua bể khổ sông mê, chóng đến bờ giác ngộ và giải thoát. Công đức giúp con người chuyển hóa tâm tánh từ phàm phu tục tử trở thành Bồ tát, thành Phật.

“(...)Nhưng thiện tín cũng nên biết rằng, khi đã độ rồi được vong linh kẻ tội lỗi thì âm chất của thiện tín cũng đã sang bớt cho vong linh ấy chút ít rồi. Như vậy, thiện tín cần phải lập công đức thêm đặng đền bù vào chỗ đã mất. Đó là chỉ nói về sự độ rồi vong linh của kẻ thân thuộc mà thôi (...)

*Chư thiện tín khá lưu tâm mà giữ cho tròn âm đức nghe. Bản nữ kiếu. Thăng.”*⁷

7. Đức Quan Âm, TNST III số 67, Thanh Trước Đàn, 30-3 Tân Mão (05-5-1951).

Lời dạy trên nhắc nhở chúng ta luôn ý thức cố gắng lập thêm công bồi thêm đức và càng làm âm chất nhiều hơn nữa trong mùa cầu siêu cứu độ các vong linh và cứu huyền thất tổ. Phần âm chất chỉ bị hao hụt khi dùng cứu được cứu huyền thất tổ. Còn công đức dùng hồi hướng cho chúng sanh thì không hề sụt giảm trái lại còn được vô lượng (công đức toạ thiên lớn biết bao).

Biển khổ mênh mông, ở đâu có khổ đau, ở đấy có địa ngục; ở đâu có ác tâm, ở đấy có địa ngục..., địa ngục trần gian ở chung quanh ta với những đồng nghiệp, người thân trong gia đình quyến thuộc kình chống nhau biến đời sống ta thành cõi địa ngục, địa ngục cũng ở ngay chính trong ta với tâm si mê, hận thù, chấp ngã. Trong ý nghĩa về địa ngục như thế, chúng ta hiểu rằng: nếu không có tâm đại từ đại bi, thì không thể nào giải thoát chúng sinh ra khỏi mọi loại địa ngục. Sống và học theo hạnh Bồ Tát Địa Tạng là tình nguyện dẫn thân vào chỗ khó khăn, làm những việc khó làm với tinh thần ban vui cứu khổ; biến cải môi trường sống chung quanh từ phiền não, sân hận, đố kỵ mù quáng của địa ngục thành an vui bình yên, đạo đức; hy sinh vì mọi người, chớ đỡ và bao dung như hạnh của đất để mảnh đất tâm ta an lạc. Có nghĩa là chúng ta đang chuyển hóa tâm thức của mình, rồi sau đó mới chuyển hóa mọi người chung quanh ra khỏi sáu đường luân hồi như Bồ Tát Địa Tạng có thể chớ đỡ, bao dung và chuyển hóa tất cả.

Bồ tát hạnh trong mùa báo hiếu Vu Lan là siêu độ hương linh cho tất cả các đẳng vong hồn, là mở cửa địa ngục xóa tội cho mọi loài chúng sinh trong sáu cõi trong đó có cứu huyền thất tổ. Điều quan trọng hơn nữa là chính chúng ta cũng phải thực hành rất ráo công phu thiền định, hồi hướng công đức cho cha mẹ, tu học và hành đạo gắn liền với sứ mạng Đại Đạo đó là cách tốt nhất để thực hiện hiếu nghĩa. Đây là hiếu hạnh như lời Phật dạy: *“Cùng cực điều thiện, không gì hơn chữ hiếu. Cùng cực điều ác,*

không gì hơn bất hiếu.” Đạo hiếu được thể hiện không chỉ trong một mùa Vu Lan, hay ngày lễ Khánh đản Đức Bổn tôn Đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát (30 tháng 7 âm lịch) mà phải thể hiện suốt cả cuộc đời của mỗi con người, và nhất là tận tâm phụng dưỡng cha mẹ chu đáo khi cha mẹ còn tại thế, giúp mẹ cha hướng đến chánh pháp, đó là truyền thống đạo đức Đông phương, là nét đẹp rất văn hóa và nhân bản riêng có của người Việt mà ai ai cũng cần ý thức gìn giữ và phát huy như lời Đức Chí Tôn đã dạy:

*“Chỉ có xứ Việt Nam còn duy trì được sự tôn sùng tổ phụ theo tục lệ cổ truyền... Ý Thầy muốn nó được giữ nguyên thể như vậy mãi.”*⁸ ■

8. Đức Chí Tôn, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, tr.121, đàn năm 1926.

Khái lược về Quyền pháp

(TIẾP THEO TRANG 23)

*hiển, cho dân tộc nầy một quyền pháp đạo để lập thành quyền pháp đạo thực thể thuần chánh để cứu thế.*¹⁸

*17. Lễ thật nầy cũng là tình thương, như Thầy đã nói: Thầy là Cha của sự thương yêu. Các em nên nhớ là sự thương yêu, chớ không phải chữ thương yêu. Sự thương yêu nơi đây chỉ cho việc làm thực tế, làm bằng tay chân, bằng tâm trí chớ không phải làm bằng miệng bằng lời, vì miệng và lời xưa nay đã được thiên hạ làm nhiều lắm rồi, cả những đại dương không nơi đủ chất. Thế mà con người vẫn đau khổ, trần ai vẫn tao loạn, chỉ vì con người không nhận lấy lễ thật để làm bằng sự thật.*¹⁹ ■

18. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Nam Thành Thánh Thất, 01-01 Kỷ Dậu (17-02-1969).

19. Đức Văn Hương Thánh Mẫu, HQS, 12-10 Tân Hợi (29-11-1971).

THÔNG CÔNG

(TIẾP THEO CDGL 114)

■ ĐẠT TƯỜNG

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu Tiên gia tức “cơ bút” để dạy Đạo. Đây là một vấn đề vừa huyền diệu, vừa tế nhị. Vài câu chuyện còn được lưu truyền cho đến hôm nay cho chúng ta thấy kỷ luật nghiêm túc luôn được Ôn Trên áp dụng với Đồng Tử.

ĐỒNG TỬ

Chìa khóa của việc dạy Đạo này là Đồng Tử. Đồng Tử không phải là bộ phận thu và phát sóng hoàn toàn mang tính cơ khí như các bộ phận tương ứng của chiếc radio, mà Đồng Tử vẫn còn là một con người mặc dù có duyên phần đặc biệt nên khả năng tiếp dẫn thiêng liêng có hơn nhiều người bình thường khác. Cho nên phần mang tính “con người” phàm thế của Đồng Tử đôi khi cũng trở dậy một khi vẫn còn mang xác thân tứ đại giả hiệp.

GIỮ VỆ LỜI NGUYỄN

Vì thế, Ôn Trên đã dùng bài kệ để nhắc nhở Đồng Tử mỗi khi hành sự. Nam đồng có bài kệ riêng, nữ đồng cũng vậy, và đều phải đọc lời kệ mỗi lần, trước khi lập đàn, chứ không lập kệ có tính chung chung. Thí dụ vài câu trong bài kệ của đồng nữ:

*Nếu con trẻ vì thân thích thuộc,
Để tâm phàm rọi đuốc Thần Tiên;
Mà không tiếp dẫn Thiêng Liêng,
Ý phàm cãi lệnh, đọa miễn trăm luân.*

Những dòng sau đây ghi lại một trường hợp Ôn Trên buộc lòng phải thi hành hình phạt với Đồng Tử phạm Thiên điều.

“Một đàn nọ, mọi người đều chuyên tâm tu trì cẩn mẫn. Một ngày kia, các vị tu học hết sức hoang mang khi nghe Đồng Tử phát biểu:

– Từ trước tới giờ, tôi làm thi phú không đó.

Sau mấy ngày cầu nguyện xin Ôn Trên soi xét, các vị tu học quyết định mời Đồng Tử đến để trao đổi:

– Anh nói từ trước đến giờ thi phú là do anh làm! Chúng tôi đã cầu nguyện Ôn Trên. Lát nữa lên Bửu điện, anh hãy xoè tay như thế này cách cây bút năm tấc. Anh ngoắt, Ôn Trên sẽ chứng minh có sự hiện diện của các Ngài bằng cách cho cây viết chạy đến tay anh và dạy việc.

Tất cả hồi hộp, khăn áo lên bửu điện. Vị Đồng Tử ngồi vào ghế, đặt tay lên bàn, cây viết để cách năm tấc. Sau khi mọi người thành tâm cầu nguyện, vị Pháp Đàn nói: “Anh hãy ngoắt tay đi.” Mọi người hồi hộp im lặng theo dõi.

Cây viết chòi từ từ lăn lại tay Đồng Tử, rồi Đồng Tử tự viết ra giấy:¹

“Giáo Tông trực tiếp lai đàn. Sắc lệnh: Đồng Tử phạm Thiên điều, trong vòng bảy ngày sẽ trục hồn.”

Sau đó, việc phải đến đã đến.”

Câu chuyện nhắc nhở chúng ta phải giữ vệ lời nguyện: “*Như sau có lòng hai, thể Thiên tru địa lục.*”²

■

Đoạn Thánh giáo sau đây của Đức Hộ Pháp Huệ Đức (thuộc Hội Thánh Tiên Thiên) sẽ giúp chúng ta tin rằng câu chuyện ở trên là có thật:

“Còn lãnh vực phụ trách đàn cơ, trong đó gồm

1. Đây là hình thức “chấp bút”. Xin xem tiếp nơi mục 3b-Chấp Bút

2. Theo lời kể của Đạo Trường Huệ Chiếu Quang – Pháp Đàn Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất, Huệ Ý ghi.

có Pháp Đản, Đồng Tử, Độc Giả, Điển Kỳ, mà nhất là Đồng Tử và Độc Giả phải cần học hiểu đạo hạnh của Bộ Phận Thông Công.

Thứ nhất là tránh ý niệm, và tác phong của người lãnh nhiệm vụ thông công giữa hai cõi vô hình và hữu chất. Đừng bao giờ nghĩ rằng mình là con cưng của Thượng Đế, của Phật Tiên Thánh Thần, đừng tưởng đặc ân điển huệ luôn luôn được điểm nhuận suốt đời mình rồi lắm lúc nảy ra ý nghĩ đó là của tài năng sáng kiến mình mà ra.

Những tấm gương bại hoại đã diễn ra trong giới Hiệp Thiên Đài từ lâu nay, Tệ Huynh tưởng lại cũng là những tấm gương sáng cho đàn sau soi lấy.

May phúc nhiều kiếp trước có tu, kiếp này Thượng Đế ban cho bản thể và tâm hồn có một điểm sáng hầu ăn khớp và móc nối với những lần điện Thiêng Liêng để làm phương tiện lập công bồi đức vượt bực. Nếu không biết giá trị trọng dụng, trái lại tự mãn tự đắc tự kiêu rồi tự cho mình là Phật là Tiên là Thánh là Thần, không sớm thì chầy những đặc ân ấy sẽ bị rút lại. Một khi những điển huệ bị rút lại, đời mình ắt không được bảo đảm về mặt vô hình hoặc hữu chất.

Các em Đồng Tử, Độc Giả hãy ôn lại nhìn xem những gương đã qua. Cũng thời hành sự, nhưng tại sao có em trước kia về mặt vật chất, nghèo xơ nghèo xác, sau này được tươi sáng khả dĩ bảo đảm cho một nếp sống tươi đẹp của người tu hành.

Trong lúc đó, cũng có những em từ chỗ được đàn anh trợ giúp, gia đình ấm no, lại trở thành nghèo xơ nghèo xác, đến nỗi phải làm việc trái Đạo để nuôi thân, rồi kết quả lại có những em không bảo toàn được sinh mạng.

Tóm lại, đời một người hành sự trong giới thông công, thì công cũng cao mà tội cũng lớn, do nơi quan niệm sai lầm hoặc đứng đắn của mình.”³

3. Đức Hộ Pháp Huệ Đức, Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đỉnh Mùi (23-10-1967).

Chúng ta hãy xem tiếp một câu chuyện nữa liên quan đến Đồng Tử.

CHUYỆN XẢY RA TẠI NHÀ CỦA ÔNG GIÁO ĐỒ (CHÂU THÀNH TÂN AN)

“Một đêm nọ, có lẽ vào khoảng 1936-1938, tại nhà ông Giáo Đồ có lập đàn cơ. Có mặt trong buổi ấy, ngoài số đông tín hữu địa phương, có bác sĩ Nguyễn Văn Nhã và ít anh em mộ điệu ở Sài Gòn. Thêm vào đó có một cậu trạc độ trên 20 tuổi, Đồng Tử hành sự tại đàn cơ Tân Trụ. Đồng Tử này đã bị Ôn Trên cấm nường cơ trong một tháng tại đàn Tân Trụ. Vì thế mà đương sự rối rãnh mới đến dự đàn.

Lúc đầu ông Giáo làm chủ đàn chọn hai Đồng Tử âm dương của đàn nhà nường cơ. Cơ lên nhưng diễn rất yếu, cơ viết rất khó khăn. Được một lúc thì cơ ngưng. Nhân dịp ấy, ông chủ đàn thay Đồng Tử. Ông mời Đồng Tử đàn Tân Trụ vào nường cơ.

Tưởng rằng bị cấm nường cơ tại đàn Tân Trụ nhưng có thể nường cơ ở nơi khác, nghĩ vậy nên Đồng Tử nói trên chấp cơ ngay. Cơ vừa lên chuyển động được vài lần là Đồng Tử buông cơ ngã ngửa ra, bất tỉnh, mặt mày tái ngắt. Mọi người xúm lại khiêng Đồng Tử để nằm trên bộ ván bên cạnh. Đồng Tử thêm thiếp, thở hơi hóp mà thôi. Nhiều người hầu đàn đâm ra lo sợ tự bảo: không khéo rồi mình lại dính líu vào một vụ án mạng chẳng chơi.

Ông chủ đàn bèn dùng cặp Đồng Tử nhà trở lại. Khi cơ lên, Đức Lý Giáo Tông giáng đàn. Ông chủ đàn bạch: “Xin Đức Giáo Tông từ bi tha tội cho Đồng Tử”. Đức Lý nói: “Hồn gã xuất du thiên ngoại, không hề chi. Cứ để gã yên.”

Nói thế rồi Đức Lý bèn tiếp tục dạy việc nọ việc kia cho chú tín hữu địa phương. Công việc kéo dài có hơn một tiếng đồng hồ. Khi gần thặng, Đức Giáo Tông dạy đem chung bạch thủy lại cho Ngài họa phù và dạy đem cho Đồng Tử vừa bị phạt uống. Sau đó Ngài thặng.

Ông chủ đàn lật đật đem nước phép đổ vào

miệng Đồng Tử. Vài phút sau Đồng Tử tỉnh lại và rất ngạc nhiên mà thấy mình đang ở trong tình trạng đặc biệt ấy.⁴

■
Đoạn Thánh giáo sau đây là một thí dụ về trường hợp Đồng Tử được cho tạm nghỉ một thời gian.

*Trấn Tinh Tử từ đây ráng tịnh,
Chớ vọng tâm mới định chơn thần;
Phò loan minh bởi an thân,
In vào trí não khó phân Thiêng Liêng.
Được lệnh nghỉ tạm yên một lúc,
Đến khi nào tánh tục thuận dương;
Mới ra hành sự khá tường,
Vây hiển đệ hãy thường thường tâm tu.⁵*

Như trên đã nói, Đồng Tử là bộ máy để Thiêng Liêng mượn dạy Đạo, bên cạnh việc tự khử trừ lưu thanh qua chay lạt, thanh tịnh thì mọi người cũng cần phải hiểu để giúp giữ gìn trung tâm điểm của Bộ máy Thông công. Như đoạn Thánh giáo chúng ta đã xem ở trên: sau mỗi lần hành sự, Đồng Tử bị hao hụt Thần. Do đó nếu thường xuyên sử dụng Đồng Tử làm bộ máy trung gian để tiếp diễn của những chơn linh chưa đặc vị sẽ làm hao mòn bộ máy của Đồng Tử.

Thí dụ sau cho chúng ta thấy:

“Chánh, con rể ôi! Bốn mạng thiêng liêng của con Thiên Tinh chiếu rõ.

(...) Vì con vọng tấu ngày nhị thập, cầu xin lên Đức Ngọc Đế ban truyền theo lời nguyện vọng của con nên Đông Nhạc Đại Đế thừa sắc đem hồn cha về đó vậy.

Đồng Tử để dạy Đạo, nếu mỗi khi hồn nhập cơ lâu ngày hư đồng hiểu chằng con?”⁶

ĐỒNG TỬ HOÀN THÀNH SỨ MẠNG

Sau một thời gian dài công quả phò cơ chấp

bút, Đồng Tử sẽ được ban ân hoàn thành nhiệm vụ, có thể được chuyển thành Độc Giả hay rời khỏi Bộ Phận Thông Công. Thí dụ:

– Trường hợp của Đồng Tử Hoàng Mai:

“Về phận sự của Đồng Tử Hoàng Mai. Trong chu kỳ đệ nhất 12 năm đã hành xong phận sự. Hôm nay Mẹ đến để ban ơn và chuyển nhiệm vụ khác cho Đồng Tử Hoàng Mai. Trước kia Mẹ theo lệnh của Ngọc Hư Cung đến truyền giao nhiệm vụ cho nó, nay đã công thành quả mãn, Mẹ ban ơn Hoàng Mai được nghỉ một thời gian không báo trước, nhưng vẫn giữ nhiệm vụ Độc Giả trong Hiệp Thiên Đài khi Ôn Trên cần đến.

Chắc các con ngạc nhiên lắm. Con ôi!

TIẾP BÀI

*Vì Tiên Phật chiết thân xuống thế,
Lập Đạo mẫu phổ tế Kỳ Ba,
Chịu nhiều vạn khảo thiên ma,
Từ Tôn Kim Mẫu xót xa can trường.
Dụng hoa thảo trong vườn Thượng Uyển,
Vật vô hình linh hiển biến thông,
Tùy thời xuống cõi hồng trần,
Giúp người sứ mạng vững lòng tế nhơn.
Vào cõi tục nhiều cơn gian khổ,
Vẫn chưa tròn nguyện nợ còn ghi,
Thương con bản chất ấu nhi,
Thời gian giúp Đạo thực thi can trường.
Công xây dựng cột rường Đại Đạo,
Trải mấy đời thiện thảo chí tâm,
Mẹ dành con trẻ ân thâm,
Trên đường báo hiếu vững cầm tương lai.*

Từ giờ phút này Mẹ thừa lệnh Ngọc Hư Cung ban sắc chỉ cho Hồng Mai thay thế Hoàng Mai. Đặc ân này Hồng Mai phải tịnh dưỡng từ đây đến Trung Thu sẽ thọ lãnh nhiệm vụ và cùng Thanh Thủy thủ cơ. Các con trong bộ phận Hiệp Thiên Đài và Cơ Quan tuân hành sắc chỉ.”⁷

– Trường hợp của Đồng Tử Thanh Thủy:

“Hôm nay Bản Đạo sắp xếp Bộ Phận Thông
(XEM TIẾP TRANG 90)

4. Huệ Lương, trích Cao Đài Giáo Lý số 80 trang 46 năm 1972.

5. Đức Đông Phương Chương Quân, Thiên Lý Đàn, 10–8 Quý Mão (27–9–1963).

6. Chơn linh Lý Vạn Dũ, Thanh Tịnh Đàn–Tiền Giang, 28–5 Tân Mão (02–7–1951) (Sau đặc Phước Đức Chơn Thần rồi thăng lên Phước Đức Chơn Thánh).

7. Đức Mẹ, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01–6 Đinh Tỵ (16–7–1977).

1. NHÂN DUYÊN

Trong cuộc sống hằng ngày con người phải biết tin rằng trên đầu ta luôn có sự dẫn dắt của các Đấng vô hình. Bây giờ ngồi ngẫm lại tôi mới thấy đó là sự thật mầu nhiệm không thể hoài nghi, ít nhất là đối với bản thân tôi. Nếu ai có thời gian để hồi tưởng lại quá khứ của mình chắc cũng sẽ nhận ra điều đó.

Số là tôi thích đọc sách, do đó mỗi khi có dịp là đem sách về, nhất là sách viết về tôn giáo, triết học và nghệ thuật. Tôi thường đọc lướt qua vài trang đầu, xem qua tác giả, mục lục, rồi để dành đọc sau. Vì sách viết về tôn giáo, triết học

thường viết riêng từng phần, từng vấn đề trong một cuốn nên tôi chỉ lựa đọc những mục tôi quan tâm trước chứ không đọc hết từ đầu đến cuối như đọc một cuốn tiểu thuyết.

Trời lại phú cho tôi cái tính ưa phiêu lưu, khám phá, nômina là thích đi du lịch đây đó nên cứ đi hoài, ít có khi ở nhà một chỗ lâu được; thường đi tham quan các danh lam thắng cảnh, thích tận mắt chứng kiến những mảnh đời đa dạng trong thế giới muôn màu quanh ta. Đôi khi cũng kết hợp tham gia vài chuyến công tác từ thiện, tham gia công việc xây dựng Thánh sở hay đi thăm vài đồng đạo đang gặp khó khăn, già cả.

Thỉnh thoảng cũng có những buổi Đạo đàm “bỏ túi” với anh em, hoặc với vài tín đồ của các tôn giáo bạn hay những buổi thuyết trình “chữa cháy” ở bất cứ đâu, trên tinh thần tự phát “biết chi nói nấy”. Cứ mãi miết với số kiến thức khiêm tốn sẵn có mang theo cùng bầu nhiệt huyết của kẻ mới bước đầu giác ngộ. Do đó không còn thời gian để công phu tịnh định, cũng không có thời giờ đọc sách để bổ sung kiến thức, mà kệ sách ở nhà thì ngày càng chật chội hơn, bụi bặm thêm hơn.

Bất ngờ, tôi bị tai nạn khá nặng trên đường đi thăm một đồng đạo ở tận miền Trung xa xôi. Thế là hết, chấm dứt những

■ CÔNG HUY

Đời đã sang trang nhờ ĐẠİ THỪA CHƠN GIÁO

chuyến đi ngang dọc, nhiều tháng phải nằm nhà, buồn, bực bội và hối tiếc về tai nạn đã qua... Thời gian đầu, nhiều bạn bè, đồng đạo gần xa, bà con thân quyến đến thăm, an ủi thật tình nghĩa nhưng rồi cũng qua, nhiều đó không đủ làm vơi đi những cảm giác cô đơn dày đặc đang xâm chiếm cả căn phòng, những lời tự trách mình bất cẩn cứ lẩn quẩn hiện về không chịu buông tha. Thế rồi để quên đi thời gian tù túng nhưng quá ách chậm rãi trôi qua mỗi ngày, tôi lại nhớ đến những cuốn sách hình như đang hờn dỗi đợi chờ tôi trên kệ. Bây giờ thì tôi mới hiểu giá trị của câu nói: “Sách là người bạn trung thành nhất trong đời”. Thế là tôi để toàn tâm cho đọc sách.

Lúc đầu, để tiện cho việc vừa nằm vừa đọc. Tôi chọn những quyển sách mỏng của các tác giả như: HM, HK, PVL, ĐT, DN, TC cùng nhiều tác giả khác viết về tôn giáo và triết học Đông Tây. Đặc biệt là những bài viết ngắn của cụ Phối sư nữa. Nhờ đó tôi có dịp hệ thống lại cho trật tự và lớp lang hơn những kiến thức về giáo lý, thi văn dạy Đạo của các tôn giáo mà tôi đã lượm lặt một cách lộn xộn trước đây. Nói nôm na là giáo lý thì chưa thấm vào đâu cả.

Thế rồi thật tình cờ, lại tình cờ nhưng hình như có chủ ý của vô hình. Tôi nhờ đứa con lấy giùm một cuốn sách cần đọc nhưng nó lại lấy nhầm qua cuốn Đại Thừa Chơn Giáo.

Cầm trên tay, không nỡ bảo nó đổi lại vì đây là cuốn tôi nhớ đã từng lướt qua lâu rồi nhưng hồi đó thấy chưa hiểu lắm và cũng không hợp với cái mình hướng tới. Chần chừ một lúc, thôi thì cứ đọc lại thử sao. Đọc được hơn mười trang, sau bài “Phàm Tự” của cụ Trần Văn Quế và bài “Lời cầu nguyện” của đệ tử phái Chiêu Minh, tôi ngồi dậy, quên mất sự đau đớn, vào bàn ngồi đọc một cách kính cẩn, trân trọng và thích thú, chậm rãi và suy ngẫm. Thỉnh thoảng lại bỏ kiếng nhìn bầu trời bao la qua khung cửa sổ mà nghĩ ngợi mông lung. Đây có thể là bước ngoặt đáng nhớ, một biến cố đã làm thay đổi cuộc sống xưa nay của mình rồi. Đời đã sang trang.

Phải chăng đã đến lúc Thầy chỉ phương cho mình tu tiến? Phải chăng trước khi học lời Thầy dạy, tôi phải kinh qua thực tế đời thường, qua các lần đi tham quan, cứu trợ, giúp đỡ người nghèo... Hay phải đọc nhiều sách của các bậc đàn anh đi trước? Phải chăng cái rủi là mở đầu cho cái may? Phải chăng đã đến lúc...? Tất cả đối với tôi bây giờ là “đều có thể”. Tôi tin như thế.

Trong sự phấn khởi đó tôi xin phép được bày tỏ niềm hoan của mình sau khi đọc “Đại Thừa Chơn Giáo”. Nó đã thật sự làm thay đổi nhận thức và quan niệm sống xưa nay để hướng tới sự thánh thiện và an lạc. Tôi có cảm giác như

được thay một bộ đồ mới hoàn toàn, ung dung, thoải mái đến không ngờ. Tôi đã thực sự bước ra khỏi đống bụi nhùi tự tạo cứ bồi dần theo năm tháng trước đây.

Đã qua đi cái thời sân, si, hỷ, nộ. Bỏ được cái thời ái, ố, lạc, bi, ai. Còn gì đẹp hơn khi được đi trên con đường thênh thang rộng mở, không ân oán, nợ nần. Trời xanh bao la, từng vầng mây trắng xóa, hoa nở rộ ven đường. Nụ cười luôn trên môi của bao người qua lại. Ta đi mà nghe nhẹ nhàng trên từng bước lang thang. Ta cảm nhận được mọi thứ quanh mình đáng được yêu thương. Ta hài lòng với những gì mình đang có, biết chắc chiu từng góc nhỏ chút tình người và tìm lại những tiếng cười mà hôm qua vì u mê lỡ bỏ. Đó là cảm nhận bây giờ tôi đang tận hưởng.

Xin cảm ơn, cảm ơn nhiều lần cuốn Đại Thừa Chơn Giáo đã giúp cho tôi vượt qua bao điều trần trở đã hành hạ tôi vô có từ lâu rồi. Cảm ơn Thầy đã âm thầm dìu con trên đường tu học, dẫn dắt con đi qua góc ngách cuộc đời. Nếu ai hỏi vì sao tính tình tôi thay đổi lạ, mới ngày nào còn ra rả chuyện sáng nắng chiều mưa, mà bây giờ như trời quang mây tạnh. Xin trả lời: Nhờ Đại Thừa Chơn Giáo chỉ dạy tôi mới biết ngộ Đạo vì:

*Đại Thừa căn bản Đạo
huyền thâm*

*Chơn Giáo tâm tu khỏi lạc lầm
Kẻ trí xem qua tăng huệ trí
Người mê đọc đến giảm mê tâm.¹*

Qua bốn câu thơ đầu tiên là Thầy đã khẳng định: Tu theo Đại Thừa Chơn Giáo là tu theo Đạo huyền vi, thâm thâm diệu diệu, không ai có thể hiểu hết được sự huyền diệu của nó nhưng ai cũng có thể hiểu được theo căn trí của riêng mình. Tu theo Đại Thừa Chơn Giáo là càng đọc càng hành trì thì càng bước lên một bước. Kẻ mê thì sáng dần, kẻ trí thì phát thêm huệ trí, cứ thế mà men theo đến chỗ vô vi trên đường phản bổn hoàn nguyên, vạn thù quy nhất.

Vậy tu theo Đại Thừa Chơn Giáo là tu làm sao? Có vô số điều để học và để nhớ.

2. VÀ ĐÂY LÀ NHỮNG ĐIỀU MÀ TÔI TÂM ĐẮC NHẤT

Trước đó, đời tôi cứ bị lôi cuốn, lặn hụp theo từng cơn sóng dữ trần ai, khi buồn khi chợp, lúc buồn, chợt vui dài theo năm tháng mà không biết về đâu giữa bao la ưu tư, khi lo tính, lúc thờ ơ. Rồi không ít lần mang cảm giác bơ vơ, đến khi hoàng hôn lững lờ kéo đến mới chợt nhận ra rằng:

*Hưởng lộc Trời cho mới vững bền,
Tu hành nóng giận giả đà quên!
Giữ tâm thanh bạch, gìn chơn lý,
Tập luyện tánh “KHÔNG” đắp móng nền.²*

Đắp móng nền nhưng đắp từ đâu, đắp như thế nào, âu cũng là điều không dễ. Vì đời là bể khổ, ai mà không biết. Biết làm chi rồi để đó như không phải chuyện của riêng mình. Hoặc vẫn biết để rồi phập phồng lo sợ, lo nguyện cầu, lo xoay sở cho nạn tai qua, mà không biết nghiệp của riêng mình vay vay trả trả. Nói đến đời là nói đến chuyện bao la, đại sự, mình chỉ là thứ yếu giữa mênh mông. Thôi để đó, không

bàn thêm nữa, mặc kệ ai vừa đánh trống lại la làng. Ta cứ sống nhả nhàn theo năm tháng, nhưng vui giữ phận làm người cho xứng đáng trọn hôm nay, Thầy đã dạy:

*Công phu bốn buổi xong rồi
Để giờ tu tịnh đắp bồi linh căn
Xử tròn nợ thế Đạo hằng
Làm ăn cứ việc làm ăn như thường
Nhưng mà đừng có vấn vương
Đừng đem vào dạ, đừng thương ghét người
Đạo càng cao, đức càng tươi
Dầu ai nhục mạ cũng cười làm vui.³*

Nghĩ cũng lạ, vào cái đời mạt kiếp lắm tiện nghi nhưng sinh nhiều phiền não, con người muốn tồn tại phải luôn bon chen, giành giật, sát hại lẫn nhau vì mưu cầu sự sống trong thế chẳng đặng đừng, vậy mà Thầy bảo nhịn làm vui mới hay. Nghĩ cũng lạ, có nhiều người tìm đường tu hành, nhưng cũng lắm kẻ còn tiếp tục lãng xảng. Nhưng nào ai phân biệt được giữa hai bên lẫn thiện, ác, xét cho cùng nào có khác chi đâu. Cũng tranh thủ giật giành, cũng vọng cầu đủ thứ giữa thiên thanh, cũng huênh hoang đây lành kia dữ. Thiên hạ cứ tưởng tu hành là được, ấy là nơi duy nhất an lành để tìm một chỗ nương thân giữa chốn hư hư, thật thật, giả giả, chơn chơn. Nhưng không ngờ giữa trần ai khó đoán, như cơn thủy triều sáng xuống chiều lên. Cứ mãi miết tìm trên kiếm dưới, chọn một Đạo nào cho hết ý mình mong và như thế cứ lòng vòng thay đổi mà quên rằng chân lý đang nằm ở một góc tối trong ta.

*Chớ nên ẩn núp núi xa
Xưa nay các Đạo hiểu ra rất lắm
Đạo đâu? Đạo ở nơi tâm
Thì đâu có phải kiếm tìm nơi xa.⁴*

Đơn giản thế thôi mà xưa nay không ít người đã từng quăng phứt cái nợ đời dang dở, trốn

1. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, Thánh tựa xuất bản kỳ nhì, tr.5.

2. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Đức tin–Đoạn lìa tình ái–Dứt tắt lữ lòng”, tr.116.

3. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Tâm tu chơn đạo–Luyện Đạo tu hành”, tr.136.

4. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Lý Đạo phép tu”, tr.122.

chạy vào nơi hoang tịch, cuối cùng là bơ vơ, rồi ương ương, dở dở. Nhưng cũng có kẻ đã từng bùng khi vào Đạo, hô hào, sốt sắng một thời gian rồi lui dần trong lặng lẽ chẳng ai hay. Ấy cũng là lẽ thường tình nhân thế, nhiều người còn chút thiện căn, đang tìm đường tu thân giải thoát tránh u mê nhưng chưa gặp được mỗi nhân duyên nên Thầy mới dạy:

*Tu chẳng luận sơn xuyên am cốc
Tu cũng đừng tịch cốc hành thân
Tu là tự khí ngưng thân
Tu cho tráng kiện mười phần nhàn thanh
Tu thiêng thị, tu thành mới đúng
Tu tại gia, chẳng dụng của ai
Chữ tu nó chẳng ở ngoài
Tu trong tâm tánh đời mài điểm linh
Tu vụn xử phạt mình cho đúng
Chớ đừng tu ngoài bụng ngoài da
Khăn nu áo trắng nhuộm dà
Rốt cuộc cũng quý cũng ma luân hồi.⁵*

3. TU THEO ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO

Nói vậy chứ khi đã nhận chân được cái Tâm là chúng tử Trời ban nhưng đâu có phải ai cũng gặp thuận duyên, biết hồi hướng mà tu cho cái “tâm” ấy được thanh tịnh, quang minh. Có nhiều người thường nói Đạo nào cũng vậy là để biện minh cho lòng tin vô đích, mơ hồ của mình mà thôi. Muốn đạt đến chân lý cuối cùng, còn phải gian lao mới vượt qua thử thách, phải vững tay chèo tìm cách kìm hãm cái nội tại xúi sai, ngoại lai cám dỗ giữa đời thường vô vàn lộn xộn, thiệt hư. Để đến được với con đường chánh chơn giải thoát, mỗi chúng sanh còn phải mang theo tiến căn, nghiệp trước của riêng mình nữa. Vì không biết luật nhân quả trả vay nên người đời thường hay trách sao có kẻ hữu duyên, người vô phước. Chính vì còn mơ hồ về nghiệp quả ấy nên đường tu ưa vội vã, hơn thua, so bì cao

thấp, trách phạt thân thân giữa thế gian đang là trường thi công quả.

“Vi buổi đời hạ ngưng, cơ tuần hườn dĩ đáo, nên chi Đại Đạo phục hưng, chơn truyền phát khởi. Nhưng cõi trần ai là nơi chung chạ, ngọc trắng cát lấm, vàng thau lộn lạo, chánh hưng tà dấy, phàm thánh lẫn nhau, chưa phân bạch hắc. Phật Tiên giáng thế thì ma quỷ cũng ra đời. Trời độ rồi chúng sanh, quỷ giết giành nhưn loại. Đó là thời kỳ bá đạo cạnh tranh, kẻ hữu phước Trời giành, người vô phần quỷ giết.”⁶

Vì đang sống trong cảnh Trời giành quỷ giết như thế. Thì với những người còn u mê xem đời là vĩnh cửu nên phần chấn, xem đời là cơ hội tiến thân, nên hơn thua lừa lọc mãi trong vòng tranh đấu. Còn với những người có chút thiện duyên thì thấy ê chề cảnh đời thế tục, rồi ngoảnh mặt bỏ đi bên lẽ tự tạo. Nhưng cũng chưa thoát ra được cái vòng lưu luyến, vẫn vương, vẫn tiếp tục giấu kỹ mấy bịnh sân si, hỷ nộ bên mình trên đường tâm Đạo. Nên Thầy mới khuyên:

*Mặc kẻ thế võng dù xe ngựa
Lòng nhiễm trần lo rửa cho ra
Hiệp thành chơn lý tinh ba
Sửa mình nên Đạo ôn hòa thiện lương.⁷*

Hiện nay một số cá nhân theo tôn giáo thường hay lợi dụng đà phát triển tiện nghi vật chất, để phục vụ tham vọng cá nhân, cụ thể hóa phần vô vi ra hữu tướng, thu nhỏ quyền năng Thượng Đế theo cách suy diễn của riêng mình, mà vẽ vời đủ dạng vô minh, ngày càng dẫn dắt chúng sanh đi sai đàng lạc lối, cứ mãi nối tiếp nhau xa rời chơn lý. Đó chính là nguyên nhân Thầy nhập thế lập Tam Kỳ Phổ Độ cứu vớt chúng sanh ra khỏi vòng sa đọa.

“Nguyên Tam Giáo ngày nay đã thất kỳ truyền, tôn chỉ lạc sai, cơ quan xiêu đổ, cho nên tu thì nhiều mà không ai thành chánh quả, vậy nên nay THẦY phải giáng thế mượn xác phàm dạng đem

5. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Hậu Thiên cơ ngẫu-Thầy lược luận chữ Tu”, tr.148.

6. Đức Linh Bửu Thiên Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Khai Kinh”, tr.19.

7. Đức Giác Minh Kim Tiên, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Nền tảng Cao Đài Đại Đạo”, tr.46.

cái tâm pháp bí truyền ấy trao dạy cho chúng sanh để thoát vòng sanh tử.”⁸

Chỉ còn một con đường là tu theo chánh pháp của Thầy, rất bình thường nhưng đó lại là nền móng căn bản không thể thiếu trước khi tính chuyện cao hơn.

*Tu hành giữ mực thường thôi
Đừng bày vẽ lắm mà bôi lem đầy (cười cười)
Các con biết đặng Đạo Thầy
Đạo Thầy không chịu cho ai biết mình
Ở ăn như thể thường tình
Lo tu luyện đạo sửa mình tinh ba
Tu không biểu mặc đồ da
Cạo râu thí phát bỏ nhà lia con
Ông bà cha mẹ đương còn
Phải lo báo đáp cho tròn hiếu trung
Vợ chồng trọn nghĩa thủy chung
Giữ như sen mọc dưới bùn không dơ
Làm như đốt nát đại khờ
Đừng cho kẻ thế rằng nhờ mình tu.”⁹*

Thầy khuyên chỉ “làm như” đốt nát đại khờ mà thôi, chứ không phải “làm thiệt” như vất vơ giữa chợ biết đời là chi. Phải để tâm thanh tịnh, từ bi và sáng suốt nhất mới mong thọ được pháp tu của Thầy, tuy đơn giản trong lẽ thường tình nhân thế nhưng rất hữu ích cho cái hạnh của người tu hạ thừa. Giống như ta đang dọn nền đắp móng trước khi xây cao tầng.

*Đây là hạnh người tu luyện đạo
Đoạn dứt lòng gian xảo kiêu căng
Miệng không hay nói chuyện xằng
Ngồi lê đôi mách cần nhân người ta
Phải nắm giữ “Hiệp Hòa Kiên Nhẫn”
Tịnh tâm lo bốn phận làm người
Lỗi lầm thiên hạ chớ bươi
Xấu xa mê muội đừng cười chê khen
Lần hồi tập cho quen tánh cách
Giữ tắc lòng trong sạch hoàn toàn*

8. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Chỉ ý thuyết minh – Thấy lập Cao Đài Đại Đạo như thế nào?”, tr.36.

9. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Tôn chỉ của Cao Đài Đại Đạo”, tr.57.

*Mặc tình ai thói dọc ngang
Những điều quấy phá chớ mang vào mình.”¹⁰*

Ngày nay không ít đạo hữu làm trò chưa xong mà ưa làm thầy đứng trên bục giảng, ưa chỉ giáo, ưa chứng tỏ, ưa to nhỏ tỉ tê bao nhiêu chuyện bên lề đời sống Đạo mà quên rằng:

*Lỗi mình, mình trước sửa mình
Lỗi người phú có Thần minh chứng lòng.¹¹
Cho nên Thầy cũng bảo:
Nỗi đạo vì đời phải dẫn đờ
Thì sao cho đáng phận làm trò!
Thà nương ngọn phướn vô vi nhỏ
Hơn phát cây cờ dục vọng to.¹²*

Thậm chí người tu Đại Thừa còn phải biết cẩn rằng hạ mình trước những nghịch cảnh trở trêu, phi lý. Phải biết chấp nhận và tin tưởng rằng những sự thể đó như là thứ thối tha sẽ bị phân hủy từ từ theo ngày tháng qua đi. Có như thế mới tìm được chữ hòa không nghịch chống nhau giữa người đồng đạo.

*Cúi lòng khỏi lúc gian nguy
Gặp cơ khảo đảo chịu lý cho qua
Nín nương trên dưới thuận hòa
Nhịn nhường tránh khỏi rầy rà nghịch nhau.¹³*

Chúng ta đã may duyên gặp Đạo Cao Đài, thì phải tuyệt đối tin đó là một ân huệ cuối cùng cho những người hữu phước, hữu duyên mới gặp đặng, không phải ai ai cũng được mời, nhưng buộc phải chịu sự khảo đảo góm ghê.

4. NHỮNG KHÓ KHĂN KHẢO ĐẢO VÀ THỬ THÁCH TRÊN ĐƯỜNG TU HỌC VÀ HÀNH ĐẠO

Trên đây mới chỉ là một phần giáo lý được trích ra tượng trưng thôi, nhưng khi đi vào thực tế

10. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Kiên nhẫn – Hạnh người tu”, tr.66.

11. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Quân tử và tiểu nơn”, tr.63.

12. Đức Đạo Đức Kim Tiên, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, phần “Ấn chứng Thiêng Liêng – Đạo Đức Kim Tiên”, tr.259.

13. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Lý Đạo phép tu”, tr.127.

đời sống Đạo thì chắc gặp phải nhiều trở ngại khó khăn ngoài ý muốn, mà chúng ta thường gọi là khảo đảo, thử thách.

A. Vì dù sống ngoài đời hay trong Đạo con người vẫn luôn có sự tranh giành, mạnh được yếu thua, kết phe, lập phái. Người bình dân chất phát thì tranh nhau bằng xô đẩy tay chân, công khai náo động, trái lại người khôn ngoan trí thức thì điều khiển từ xa, không ra mặt, chẳng ai hay. Do đó khi hiểu Đạo rồi thì không nên hấp tấp bôn ba, buông đó bỏ đặng, mãi chạy lăng xăng theo tà my, suy diễn theo thói đời thường. Trái lại Đạo chỉ cần kiên định; chí thành chí chánh chí chơn, giữ trọn con đường Trung Đạo mà bền tâm, cho đến ngày hội hiệp cùng Thầy.

*Đạo không thấp, không cao chi cả
Đạo không dùng phép lạ hoặc nhưn
Đạo là chí chánh chí chơn*

Toàn năng, toàn thiện là đờn luyện thành.¹⁴

Đây là một ví dụ sự huyền vi của Đại Thừa Chơn Giáo. Thầy nói: Đạo không thấp, không cao chi cả. Không có nghĩa là ở mức thường thường bậc trung. Nếu vội hiểu như thế là chưa đúng. Thầy nói không cao có nghĩa là thấp, mục đích là để khuyến khích người mới học Đạo. Thầy lại nói không thấp có nghĩa là Đạo cao lắm cho các con phải cố gắng nhiều hơn nữa chứ đừng tự mãn trên đường tu học lập công phải giữ ở mọi lúc mọi nơi.

Ngay cả khi quý trước Bửu Điện Chí Tôn phải luôn định tâm hướng nội để tự sửa mình cho ngày càng minh mẫn, tinh ba vì:

*Tôn chỉ Đạo Cao Đài tỏ rõ
Mượn hữu hình bày tỏ chỗ vô
Thiên bàn làm cái bản đồ
Coi ngoài mà biết điểm tô trong mình.¹⁵*

Chứ còn miệng tụng kinh mà hình dung ra đủ thứ, để tư tưởng chạy lung tung khắp cùng

mọi chốn thì chỉ làm mất thời gian của mình mà thôi.

*Nếu tu sớm Sở chiêu Tần
Rộn ràng trí não thì thân còn đâu?¹⁶*

Hằng ngày cũng nên thường xuyên cúng kiếng, toàn tâm toàn ý mà chú tâm suy ngẫm từng lời kinh để bồi lẩn đức tin, đừng đứng núi nầy trông núi nọ. Nhìn vào hình thức khác nhau của các tôn giáo mà so sánh lớn nhỏ, đẹp xấu rồi tìm cách cải cách cho giống người ta, đó là do yếu đức tin. Giáo lý Cao Đài ra đời là sự kế thừa và tổng hợp các chơn lý trước đó của hai kỳ phổ độ, loại bỏ những cải biên sai lệch, thực hiện nguyên lý Tam Giáo quy nguyên, hoàng dương chánh pháp. Thật là hữu phước hữu duyên chúng ta mới được sanh ra nhằm lúc Tam Kỳ Phổ Độ, lại còn may duyên gặp Đạo Thầy, do đó phải hiểu rằng:

*Lâu đời Tam Giáo thất truyền
Ngày nay Đại Đạo dựng giềng quy mô
Chỉ thiếu chỗ hư vô tịch diệt
Khoa bí truyền vốn thiệt cao siêu
Luyện thành bất diệt bất tiêu
Vững vàng bền bỉ tiêu diêu lạc nhàn
Bớ chúng sanh! Linh hoàn chờ trước
Rước những người hữu phước tiên căn
Đời mà cải hối ăn năn
Tu đờn luyện Đạo siêu thăng cõi ngoài.¹⁷*

Do đó chúng ta phải luôn tâm niệm một điều là:

*Trời là một Đấng Cha chung
Kính thờ trọn đạo thì chung đủ rồi.*

B. Đã nhập môn vào cửa Đạo rồi thì phải luôn tìm hiểu, học tập Thánh ngôn Thánh giáo, mới nâng cao hiểu biết để củng cố đức tin cho vững chắc, nhằm giữ cho mình khỏi sự đảo điên, lôi kéo rồi chán nản. Nếu không học tập thì chẳng khác gì như cây đã trồng

14. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Cách thức thờ phượng”, tr.231.

15. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Cách thức thờ phượng”, tr.231.

16. Đức Huệ Mạng Kim Tiên, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, phần “Ấn chứng Thiêng Liêng – Huệ Mạng Kim Tiên”, tr.256.

17. Đức Động Đình Hồ Đại Tiên Trưởng, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài Thánh Tựa, tr.13.

mà không chăm bón. Vì hiện nay không ít những chuyện trái khoáy cứ ngang nhiên tồn tại, thách thức lòng kiên nhẫn của nhơn sanh. Nhưng không phải vì thế mà chúng ta lại hành xử theo cách của đời thường để chấn chỉnh, cản ngăn như vay tiền đem trả nợ, không bao giờ hết nợ. Trái lại chúng ta càng học tập Thánh ngôn Thánh giáo nhiều hơn nữa rồi sẽ thấy, sự việc đó dù có ghê gớm đến chừng nào đi nữa, cũng trở nên thường tình nhỏ nhoi, tự nó sẽ tiêu tan theo lẽ tự nhiên của Trời đất, không cần phải bận tâm quá mức làm trì trệ đường tu. Thầy đã dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

*“Ngôi vị Bạch Ngọc Kinh chẳng ưa chúa kẻ hung hăng mà lạ một điều là kẻ hung hăng đạo đức thường phá cửa lún đặng vào, địa vị phần nhiều đoạt bởi kẻ ấy.”*¹⁸

*“Các con chớ nên phiền hà; chuyện Thánh thất xảy ra, ấy cũng một bước trắc trở trong đường đạo của Thầy. Thầy còn phải đau lòng thay, nhưng cũng là nơi Thiên cơ vậy. Thầy hằng biết công của các con, nhưng Thầy phải cực lòng chịu ý mỗi đứa mà xây đắp nền Đạo, vì vậy mà nhiều sự xảy ra đều do nơi tâm chí của nhiều đứa. Thầy hằng dùng tâm chí của các con mà bố mọi điều thiết yếu trong việc đạo đức. Sự xảy ra nơi Thánh thất, tuy là nơi mỗi Đạo chậm trễ, nhưng cũng do nơi lòng tà vậy của nhiều đứa mà ra, vì tâm trung chánh đáng thì làm cốt cho Tiên Thánh; còn tâm chí vậy tà là chỗ của tà quái xung nhập. Chi chi cứ tưởng có Thầy giúp mà lập xong nền đạo cho các con là đủ. Thầy cũng có phép răn trị kẻ vậy tà. Các con duy có trông cậy nơi Thầy, bước đường cứ thẳng thẳng đi lên tới; đừng gấp quá, mà cũng chớ thối lui, thì một ngày kia sẽ đặng toại kỳ sở nguyện.”*¹⁹

Hiểu được như vậy thì chúng ta sẽ thấy sự

18. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, QI, 1964, đàn ngày 29–9–1926 (23–8 Bính Dần), tr.45.

19. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, QI, 1964, đàn ngày 23–11–1926 (18–10 Bính Dần), tr.60.

binh an trong tích cực để lo tu cho xứng đáng sứ mệnh con cái của Thầy.

Biết chẳng lòng phải dạn lòng

*Thấy chi thời thấy, đừng mong luận bàn.*²⁰

Ngoài ra không ít người vào đạo thường có những suy nghĩ hẹp hòi, tư lợi, hiểu lầm Thần, Thánh nên dễ rơi vào mê tín dị đoan:

Biết bao nhiêu sự sai lầm

Dị đoan bày đặt người thâm thúy rồi

Bóng chàng, đồng cốt gạt đời

Xưng hô Thần Thánh dối lời giả mang

Ứng vào nói chuyện mơ màng

Làm cho phong hóa tội tàn ngăn ngại

Người mê nghe chẳng kịp ngờ

*Tưởng tin nhảm nhí cúng thờ quỷ ma.*²¹

C. Phải thực hành cho đúng những điều Thầy dạy.

Nhiều người vào đạo thường dùng sở năng, sở đoán dùng lý luận sách vở thao thao bất tuyệt về đạo đức làm người, nhưng bản thân thì chẳng thực hành bao nhiêu, có chăng chỉ là hình thức bề ngoài khi phải cần để đối phó mà thôi.

*“Vậy Thầy khuyên các con ráng thành tâm hành đạo mà đạo không phải giữ bằng lỗ miệng không đâu. Thầy thấy nhiều đứa trong các con còn có ý theo đạo đặng toan kế làm nhiều việc chẳng lành.”*²²

Lại có kẻ ham tranh nhận quyền hạn, phẩm vị cho nhiều, cho cao nhưng hằng ngày lại không thật tâm tu luyện, hoàn thành trách nhiệm mà cứ tìm cách thêu dệt, vẽ vời theo cảm tính riêng tư. Thầy cũng biết:

*“Lời đạo đức THẦY truyền là hoát thông chánh đại, làm thì không làm, mà canh cải cho thất lạc hỏng hư đi.”*²³

20. Đức Huệ Mạng Kim Tiên, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, phần “Ấn chứng Thiêng Liêng – Huệ Mạng Kim Tiên”, tr.255.

21. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Thiên đàng địa ngục”, tr.221.

22. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, QI, 1964, đàn ngày 13–12–1926, tr.66.

23. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Chỉ ý thuyết minh”, tr.33.

Thấy sự đời lắm lạc của nhơn sanh, Thầy cũng phải than:

“Than ôi! Điều vui sướng lao trần chẳng ai buộc mà nhiều kẻ tìm tới, mỗi đạo đức trau thân là phương châm thoát tục mà lắm kẻ trốn lánh, bài bác mới Đạo Trời, khua môi, uốn lưỡi, mà tưởng cho mình hơn đặng các phẩm nhơn sanh, chớ chẳng dè là một hình phạt rất nặng nề đã chực chúng nó nơi chốn A Tỳ. Ai đặng phước thêm cao trọng, ai vô phần thì trí não vẫn mơ hồ, nét hạnh đời còn mê muội; biết biết, không không, luật Trời đã định, phần công quả trả cho rồi thì cảnh u nhàn là nơi rước khách tục trong lúc chung quy đó.”²⁴

Cho nên trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển Thầy hỏi:

“Nhiều đứa đi truyền đạo mà trong lòng kính sợ kẻ thọ giáo. Thầy hỏi phải nghịch chơn lý chăng?”

Đó là vì chỉ nói suông theo sách vở mà thiếu sự hành trì. Ngược lại giáo lý chưa thông, hành đạo chưa đủ mà ưa đi thuyết đạo cho nên Thầy nhắc nhở:

Kẻ dốt mà dạy người dốt thì cả hai dẫu nói tới tận thế cũng còn dốt.

Lại thấy kẻ dốt ấy kích bác, trở lại chịu thiệt rằng: “Đạo mình là lắm lạc.” Người truyền Đạo đường ấy có sai chánh lý chăng?

(...)

Vậy Thầy lại thấy một bọn môn đồ, khi đến nói Đạo với kẻ nào thì thẹn thuồng, ái ngại; phải nghịch chánh lý chăng?

Phải, thiếu tư cách đã đành. Mình vì chữ thiện mà dạy người thì giá trị mình đã cao thượng rồi mà còn thẹn nỗi gì?

(...)

Thầy lại thấy nhiều đứa chưa hiểu thấu huyền diệu là gì, bị người chê rồi về còn biếm nhẽ nữa. Phải nghịch chánh lý chăng? Trong phần đông các con, có nhiều kẻ ấy.

Thầy khuyên các con nhớ hoài rằng: Thầy của

24. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, QI, 1964, đàn ngày 06-12-1926, tr.64.

các con là ông Thầy Trời; nên biết một ông mà thôi, thì đủ, nghe à!”²⁵

“Các con hiểu rằng trong “Tam Thiên Thế Giới” còn có quỷ mị chuyển kiếp ở lộn cùng các con thay, hưởng lựa là “Thất Thập Nhị Địa” này sao không có cho đặng.”²⁶

5. KẾT LUẬN

Người tu nào cũng phải gặp nhiều trái ngang, cản trở dưới nhiều hình thức, màu sắc, tình cảm khác nhau. Đó là thử thách cần phải có không sao tránh khỏi. Cho nên Thầy dạy một pháp tu đơn giản nhưng rất hữu hiệu là cứ làm thình mà tu. Vì mình tu cho mình, lập vị cho mình nơi cõi Thiêng Liêng có Thầy chứng chú không phải tu cho người phạm chúng.

Đạo mẫu tóm lại: làm thình

*Làm thình cho trọn môi minh chơn thần.*²⁷

Cái hay cái khó là ở chỗ đã trót làm thình thì làm thình cho trọn, chớ đừng làm thình nơi này nhưng lại lắm lời nơi khác hay phê phán thấp cao. Nên biết rằng Đạo thì vô hạn, đời người thì hữu hạn, rất ngắn ngủi, liệu chúng ta có sống đời đời để “bảo vệ chánh pháp” mãi không mà lo toan, nghĩ ngợi cho mệt trí, chi chi đã có Thầy rồi. Để thời gian đó dành cho công trình tu thân, tịnh định, lập công bồi đức đền bù nợ xưa. Làm thình là biết nhưng không nói, là không bàn chuyện ngoài trách nhiệm, quá khả năng, vô tình phát tán sự sai lầm, tiêu cực không có lợi gì cho nền đạo pháp cũng như cho bản thân lại không vui vẻ gì. Giữ được như vậy thì người tu sẽ không thấy bị lẻ loi đơn độc, trái lại còn nhận được nhiều sự tin yêu nơi đồng Đạo.

Khuyên cùng sanh chúng tu đi

Coi trong phép nhiệm huyền ky thế nào?

25. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, QI, 1964, đàn ngày 29-9-1926, tr.45.

26. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, QI, 1964, đàn ngày 19-12-1926, tr.69.

27. Đức Huệ Mạng Kim Tiên, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, phần “Ấn chứng Thiêng Liêng – Huệ Mạng Kim Tiên”, tr.256.

Chớ dùng luận biện thấp cao

Rồi không phanh luyện phải nhào lộn đa.²⁸

“(…) cứ lo tu tịnh dùng nhiều chuyện lảm lời, tâm kinh điển, đờn thơ, làm cho trí óc mờ hồ lộn xộn.”²⁹

“Đạo mầu một ngày một mở mang rộng lớn, người tu cũng thế. Luyện đờn nấu thuốc không phải một ngày một buổi chi mà thành, phải tận tâm trì chí cứ lo tu gom thần nhập định, bảo tinh, dưỡng khí, tôn thần, lâu ngày tụ kết lại thành nhị xác thân, nhưng phải luyện cho đủ đầy ngày tháng, chớ dùng nóng nảy.”³⁰

Mặc tình những tiếng thị phi

Khó khăn khảo đảo chịu lý mà tu

Làm tuồng như thể đũa ngu

Khờ khờ tai mắt giả mù không nghe.³¹

Trên đây chỉ là những trích đoạn ít ỏi theo sự tâm đắc nhất của riêng tôi trong cái vô cùng của Đại Thừa Chơn Giáo, và dĩ nhiên sẽ còn nhiều người tâm đắc nữa tùy theo căn trí và cảm nhận của riêng mình.

Một khi không còn chia phân rẽ nhánh, không còn thị phi, cố chấp đang len lỏi trong các cấp bậc từ trên cao xuống dưới thấp, không còn ganh ghét ty hiềm trong tình huynh đệ từ lớn đến nhỏ như ngày hôm nay, thì sứ mệnh Cao Đài đẹp biết bao. Nếu mọi người tín đồ ai cũng đều có một phần cảm nhận đặc ý nhất và trì hành theo Đại Thừa Chơn Giáo thì cơ Phổ Độ Kỳ Ba chắc chắn sẽ đạt được điều Thầy hằng mong muốn như lời kinh Cầu An mà chúng ta thường tụng đọc hằng ngày:

Thế gian hưởng phúc đại đồng

Trời Nghiêu, đất Thuấn thuận phong thọ nhàn.³²■

28. Đức Ngươn Thi Thiên Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài Khai Kinh, tr.18.

29. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Nền tảng Cao Đài Đại Đạo”, tr.50.

30. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Nền tảng Cao Đài Đại Đạo”, tr.49.

31. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, Hà Nội: 2011, NXB Tôn Giáo, bài “Dưỡng sanh tánh mạng”, tr.209.

32. Kinh cầu an.

... TAM ĐÀI

(TIẾP THEO TRANG 38)

chiếu soi, không chỉ tại Thiên bàn mà khắp toàn vũ trụ, xuyên suốt cả thân tâm con người chúng ta.

TAM KẾT

Người tín hữu Cao Đài, nhứt là những vị mới nhập môn, cần nên ý thức được sự may duyên của mình khi bước vào điện thờ để cúng Đức Chí Tôn. Bởi vì, tại thời điểm đó, tại vị trí đó, tràn đầy ân điển Thiên Liêng. Phía trước mặt người tín hữu là Thiên Nhân với Thần lực của Đấng Thượng Đế, cùng với ngọn đèn Thái Cực, trực tiếp soi sáng cho mình, khơi động quang năng nơi mình, tạo động lực cho mình tích cực hưởng thượng. Phía sau có bàn thờ Hộ Pháp, Phật Hộ Pháp (thị hiện bằng chữ Khí) bảo vệ mình, đồng thời phản chiếu nguồn sinh khí từ thượng tầng chiếu diệu xuống, nâng đỡ hộ trì mầm sinh khí nơi mình.

Nguồn “Thần-Khí” thiêng liêng ấy kết hợp với nguồn “Thần-Khí” tự bản thân con người khi dâng tụng những câu kinh hướng thượng, “*Nếu định tâm thì có một hào quang xung lên đều đều, mọi người đều có hào quang đó...*” (Lời của Đức Hộ Pháp nêu trên) khiến nên, không gian đó, thời gian đó có luồng từ lực Thiên Nhân Hiệp Nhứt, hết sức huyền diệu, hiếm có trong cõi trần gian này.

Người tín hữu thường xuyên đến chùa thắp cúng kính sẽ nhận được nguồn “Thần-Khí” thiêng liêng hết sức quý giá đó, chỉ với điều kiện là phải thành tâm hướng thượng. Bất cứ ai, khi đã phần nào tự cảm nhận được chút ít nguồn Từ lực này rồi, sẽ thấy ngày càng gắn bó với ngôi Thánh thất, Thánh tịnh thân yêu của mình, và chắc chắn đường tu hành sẽ rất tinh tấn.■



bài học từ NGƯỜI XƯA

■ NGUYỄN ĐỨC HẠP

Một kiếp giáng trần của Đức Quan Thánh Đế Quân tại Trung Hoa vào thời Tam Quốc chính là Quan Vân Trường tự là Quan Vũ. Chúng ta tìm hiểu tiểu sử của nhân vật này. Phải nói rằng Quan Vân Trường đã thành công trong việc vận dụng được Nho giáo vào đạo trị thế. Ngài là người làm xiển dương đạo Nho nhờ quyển Kinh Xuân Thu không lúc nào rời bên mình, cái tinh thần Nho học ấy đã un đúc làm nên con người Quan Vũ – văn võ toàn tài để hậu thế muôn đời sùng bái. Lịch sử của Ngài là những trang lịch sử oai hùng đầy khí

phách đượm nhuần nhân, lễ, nghĩa, trí, tín, năm đức tính cao đẹp thể hiện qua cuộc đời của Ngài.

VỀ ĐỨC NHÂN:

Thuở hàn vi áo vải tại vùng Giải Lương, tỉnh Hà Đông có một tên thổ hào chuyên hiếp đáp dân lành. Với tinh thần diệt gian trừ bạo, Ngài đã giết chết tên ác bá ấy để vỗ an lê thứ.

Với tinh thần ấy, khi nghe giặc Huỳnh Cân (giặc Khăn Vàng) nổi lên quấy nhiễu dân lành Ngài đã kết nghĩa với nhiều anh hùng hào kiệt trong đó có Lưu Bị và Trương

Phi (Đào Viên kết nghĩa) cùng nhau diệt giặc cứu an bá tánh.

Sau khi đại bại trận Xích Bích, bị hỏa công của Khổng Minh (lập đàn cầu gió) giúp Đại Đô Đốc Chu Du của Đông Ngô – Tôn Quyền, khiến 83 vạn quân Tào thảm hại. Tào Tháo chỉ còn vài tàn quân chạy về phía Hoa Dung Đạo. Tại đây gặp phải Quan Vân Trường, dù rằng đã hứa và làm sanh tử trạng với Quân Sư Khổng Minh nếu tha Tào sẽ bị tội chết nhưng Vân Trường vì lòng nhân ái thà cam chịu chết chứ không nỡ giết người sa cơ trong cảnh xác xơ, tươi tả, kêu

gào khóc lóc, xuống ngựa van nài xin tha mạng.

VỀ ĐỨC NGHĨA:

Sau khi giúp Tào Tháo diệt Đông Trác xong, thấy Tào Tháo chuyên quyền chẳng khác gì Đông Trác, nên 3 anh em Lưu Bị bắt binh kéo quân chiếm Từ Châu làm căn cứ địa hầu chống lại quân Tào. Quan Vũ trấn thủ Hạ Bì, Lưu Bị và Trương Phi đóng giữ Tiểu Bái. Tháo cho quân đánh Tiểu Bái, Lưu-Trương thua chạy mỗi người một nơi.

Ở Hạ Bì Quan Vũ cũng thất thủ, nghe Trương Liêu phân bài lễ thiệt hơn nên chịu về dưới trướng của Tào với 3 điều kiện sau: 1-Hàng Hán bắt hàng Tào; 2-Chu cấp lương bổng tử tế và không xâm phạm đến nhị tẩu; 3-Khi nghe tin Lưu Bị ở bất cứ nơi đâu thì lập tức tìm đến.

VỀ ĐỨC LỄ:

Sau khi thu phục Quan Vũ về đầu, Tào Tháo tìm mọi cách để giữ chân người tướng mới. Tào Tháo âm mưu cho Quan Vũ cùng nhị tẩu ở chung một nhà để sau này Quan Vũ không còn mặt mũi nhìn Lưu Bị.

Đêm ấy Quan Vũ cầm đuốc đứng trước cửa suốt đêm để canh hai chị dâu, đến gần sáng đuốc tàn, Quan Vũ vun Thanh Long đao (nặng 82 cân) chém sạt một góc tường để tỏ lòng minh bạch.

VỀ TRÍ:

Thể hiện rõ ở việc Quan Vũ đơn đao phó hội: Khi Quan Vũ đang trấn giữ Kinh Châu nhận lời mời phía Đông Ngô sang phó hội. Phía Đông Ngô đã sắp sẵn cạm bẫy hầu giết Quan Vũ.

Bấy giờ bên Đông Ngô, Lỗ Túc bàn với Lữ Mông dặn Lữ Mông và Cam Ninh lãnh vài ngàn quân chia nhau mai phục nơi bờ sông, nếu thấy Quan Vũ đem binh đội theo thì đổ ra chặn đánh. Còn Quan Vũ không đem quân theo thì cho phục sẵn 50 quân đao phủ sau đình, hễ nghe hiệu lệnh (tiếng tách vỡ) thì nhảy ra giữa tiệc giết chết Quan Vũ.

Giờ hẹn đến, Quan Vũ ngồi trên chiếc thuyền nhỏ, Châu Thương cầm đao đứng hầu, khoảng 10 đại hán cấp mã tấu đứng hầu hai bên. Thuyền cập bến, Lỗ Túc ra đón Quan Vũ vào dự tiệc. Sau một hồi dự tiệc, Lỗ Túc đem chuyện đòi đất Kinh Châu ra nói. Quan Vũ đáp đó là việc của anh Ngài, Ngài không tự ý quyết định được.

Châu Thương đứng hầu phía sau xen vào nói lớn: “Đất đai trong thiên hạ, ai có đức thì được, chứ đâu phải của riêng Đông Ngô mà các ông đòi.”

Quan Vũ vờ tức giận, giật lấy cây thương trong tay Châu Thương mà nạt rằng: “Đó là việc quốc gia đại sự, sao mà dám xen vào hãy xéo ngay cho rảnh.”

Châu Thương hiểu ý, lập

tức lui ra bờ sông, phất cờ đỏ ra hiệu. Quan Bình thấy cờ hiệu, vội lướt thuyền như bay qua sông, đến bờ Đông Ngô để tiếp ứng.

Bấy giờ Quan Vũ đang một mình ở tửu đình, tay mặt cầm đao, tay trái nắm chặt Lỗ Túc, giả say lè nhè nói: “*Hôm nay, Ngài mời tôi sang đây dự tiệc, xin đừng nhắc chuyện Kinh Châu làm mất vui. Tôi say rồi, nếu xảy ra điều gì sẽ tổn thương đến tình cố cựu. Để hôm nào tôi rảnh, tôi sẽ cho người sang mời Ngài qua Kinh Châu họp mặt.*”

Lỗ Túc bị Quan Vũ nắm chặt cánh tay, hồn phi phách tán, không còn biết xoay sở thế nào được nữa. Vân Trường trong tư thế giả say kè chặt Lỗ Túc từ từ đi xuống bờ sông, trong khi Lữ Mông và Cam Ninh đang mai phục nhưng chẳng dám động thủ vì Quan Vũ đang kiểm chế Lỗ Túc bên cạnh.

Quan Vũ bước lên thuyền buông tay Lỗ Túc nói lời từ biệt. Lỗ Túc như người mất vía vừa mới hoàn hồn đứng trân trân nhìn đoàn thuyền của Vân Trường rẽ sóng trở về Kinh Châu.

VỀ CHỮ TÍN:

Là người tướng cầm quân điều khiển thì đương nhiên uy tín của Ngài rất cao rồi. Tuy nhiên, cũng cần phải nêu vài ví dụ điển hình để minh chứng.

Giữ đúng lời cam kết khi

xưa với Tào Tháo, khi nghe tin Lưu Bị ở Bắc Hà vội vàng từ biệt lên đường dẫu muôn trùng hiểm nguy (quá ngũ quan, trăm lục tướng) ở phía trước.

Dù phải hy sinh thân mình một khi đã hứa sẽ sang Đông Ngô phó hội cùng Lỗ Túc, Ngài cũng quyết thực hiện cho bằng được.

Còn biết bao nhiêu bài học về đức tính tốt đẹp và nghĩa khí của Quan Vân Trường nêu gương cùng hậu thế chẳng hạn:

Khi Vân Trường đánh Phàn Thành bị Tào Nhon bắn trúng một mũi tên độc vào cánh tay phải, Thần Y Hoa Đà nghe tin liền tìm đến chữa trị cho người anh hùng trung nghĩa. Sau khi xem xong vết thương Hoa Đà bảo: *“Độc đã thấm vào xương, phải lóc thịt cạo bỏ chất độc rồi rịt thuốc may lại. Xin tướng quân cho phép tôi cột tay tướng quân lại. Chứ nếu trông thấy chắc là đau đớn tướng quân không sao chịu nổi.”* Nghe xong Quan Vũ mỉm cười, bảo Mã Lương bày một tiệc rượu cùng một bàn cờ ra, tay trái thì đánh cờ còn tay phải chìa ra bảo Hoa Đà cứ việc mổ. Nhìn thấy Hoa Đà làm mà rùng mình nhưng Vân Trường vẫn thản nhiên ngồi đánh cờ như không có chuyện gì khiến Hoa Đà hết sức khâm phục.

NGÀI LÀ NGƯỜI AN OÁN RẤT PHÂN MINH

Sau khi thất thủ Hạ Bì về

nương náu với Tào được Tào đổi dãi rất trọng hậu: *“3 ngày dãi 1 tiệp nhỏ, 7 ngày dãi 1 tiệp lớn. Lên ngựa thường vàng, xuống ngựa thường bạc.”*

Để đền đáp lại cho Tào, Ngài đã một mình chém 2 tướng tiên phuông là Nhan Lương và Văn Xú của Viên Thiệu đang vây đánh.

Chúng ta còn học hỏi ở Ngài về việc liêm chính, công tư phân minh.

Khi Ngài được Trần Chấn đưa tin rằng Lưu Bị hiện đang ở Bắc Hà, liền vào báo cho 2 chị dâu hay để chuẩn bị lên đường. Những gì mà Tào Tháo ban cho đều để lại hết, vàng bạc thì niêm phong để hết vào kho, còn cái ấn Hớn Thọ Đình Hầu thì buộc treo lơ lửng nơi xà nhà.

Ngài còn là bậc chính nhân quân tử “không giết người dưới ngựa”.

Khi Vân Trường được lệnh đi đánh Trường Sa gặp phải đối thủ là tướng Hoàng Trung đánh nhau cả trăm hiệp mà sức vẫn cầm đồng. Bỗng ngựa của Hoàng Trung quỵ hai chân trước hất ông ta té ngã. Quan Vũ dùng đao lại và hét: *“Ta tha chết cho người, mau trở về thay ngựa khác rồi ra đây đánh tiếp với ta.”*

(...)

Cuộc đời của Quan Vân Trường là một tấm gương sáng về nhiều khía cạnh để chúng ta noi gương học tập ứng dụng vào cuộc sống. Khi

thoát xác, linh hồn Ngài lơ lửng trên không cứ réo rằng: *“Trả dẫu ta lại cho ta”* và Đức Phổ Tịnh Thiên Sư hiện ra hỏi Ngài: *“Nay mất dẫu Ngài đòi trả, vậy chứ những người đã mất dẫu dưới đao của Ngài thì họ đòi ai?”* Nghe vậy Ngài liền tỉnh ngộ và chịu theo Thiên Sư về Phổ Đà Sơn tu tịnh và đắc quả là Quan Thánh Đế Quân, và đến nay Ngài đã đắc quả vị là Cáo Thiên Cổ Phật. Khi Tam Kỳ khai mở Ngài là một trong những sứ giả Tiên phong của Đức Cao Đài Ngọc Đế, tình nguyện lãnh nhiệm vụ là Tam Trấn Oai Nghiêm đại diện Thánh Đạo. Chúng ta cố gắng nghiên ngẫm những việc làm của Ngài thời xưa để áp dụng vào việc tu thân của chúng ta ngày nay. Bởi chiến thắng vạn hung binh còn dễ, chớ chiến thắng được bản thân thì khó vô cùng. ■



ÁNH THÁI DƯƠNG tỏa rạng biển Đông

■ ĐỒ TẤN THÔNG

Những ngày vừa qua với những buổi sáng bình minh trên Biển Đông làm cho tâm hồn người ra biển đảo Trường Sa lần này khó quên. Mặt trời như vừa nhô lên khỏi nước màu đỏ thắm, nhìn xa, mặt đại dương xanh biếc một màu, những cụm mây bay qua còn quần quýt

với nhau như bức tranh vân cầu, in đậm nét màu thương biển nhớ về đất liền. Ôi! quê hương và Tổ Quốc Việt Nam muôn đời bất diệt.

Vào một buổi sáng đẹp trời, Đoàn chúc sắc Cao Đài, tiến hành lễ cầu siêu tại tượng đài Tưởng Niệm chư Anh Hùng Liệt Sĩ ở huyện đảo Trường

Sa lớn, với sự hiện diện của cả hai vị lãnh đạo huyện đảo Trường Sa và Đoàn công tác số 6 cùng đại diện các tôn giáo bạn. Tất cả mọi người thành tâm nguyện cầu cho những anh hùng liệt sỹ, những người con ưu tú của dân tộc Việt Nam đã nằm xuống vì sự nghiệp bảo vệ



THỦ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ PHẠM DŨNG, TRƯỞNG BAN TÔN GIÁO CHÍNH PHỦ CHỤP ẢNH LƯU NIỆM VỚI CÁC ĐOÀN: PHẬT GIÁO, HÒA HẢO, CAO ĐÀI SAU LỄ CẦU SIÊU CHƯ ANH HÙNG LIỆT SỸ TRÊN ĐẢO TRƯỜNG SA LỚN. (ẢNH: GIÁO SỸ HUỆ Y).

chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ Quốc. Đoàn Cao Đài đã thượng tượng Đức Chí Tôn, Thánh tượng thiêng liêng từ đất liền mang ra biển đảo lần thứ nhất, từ khi mở đạo đến nay mới có mặt trên biển Đông, điều này đã gợi lại trong lòng người tín đồ Cao Đài những năm đầu thế kỷ 20, (1920-1921), Thiên Nhân đã từng xuất hiện nơi biển Đông cho người đệ tử đầu tiên Ngô Minh Chiêu nhìn thấy. Ánh Thiên nhân chiếu sáng, ánh thái dương tỏ rạng, tô thắm cho tinh thần Cao Đài, đã vươn ra xa, đến Trường Sa thân yêu.

Đến nay, cũng đầu thế kỷ 21, (tháng 4 năm 2012), Đoàn Cao Đài lần này đưa Thánh Tượng đến vùng biển đảo, cầu nguyện cho người dân và các vị anh hùng đã mất được trở về với quê hương, và trở thành những phúc thần cứu an cho biển đảo Việt Nam muôn đời trường tồn an thịnh. Đặc biệt, các tôn giáo lớn lần này đều chung lòng cầu nguyện, vừa thể hiện tinh thần Đại Đoàn Kết rất đáng trân trọng của nhân dân Việt Nam, vừa tỏ rõ tấm lòng yêu tổ quốc quê hương. Nhiều anh em Việt kiều ở các nước trên thế giới về đây với đêm nguyện cầu dâng hương hoa đăng trên tàu, trên Biển Đông. Giữa trời sao bao la, ẩn tượng những chiếc đèn hoa chạy dài trên biển nhấp

nhô sóng nước. Đêm biển đảo lắng đọng tiếng kinh cầu nguyện của các tôn giáo, âm vang những lời thơ chúc lành, tiếng hát vang lên bài ca đoàn kết tình quân dân trên tàu đêm biển lặng.

Đạo Cao Đài lần này đã thể hiện tôn giáo nội sinh hơn 87 năm cùng gắn bó với dân tộc Việt Nam, phát nguồn từ ánh thái dương Thiên nhân từng thấy được ở Biển Đông là Dương Đông, huyện đảo Phú Quốc, một biển đảo xinh đẹp của Việt Nam. Đi vào lịch sử đạo Cao Đài khởi nguyên từ Việt Nam, từ ý nghĩa lễ cầu nguyện, có ý thức dâng hương thỉnh anh linh chiến sỹ tử trận nơi đảo Trường Sa và đọc bài niệm hương, hoa đăng, rượu, trà, quả, dâng sớ cầu an, cầu siêu hết sức trang nghiêm thành kính, chúc sức khỏe phục theo phẩm vị hành lễ nhìn lại các bức ảnh lưu lại cho người đi Trường Sa nhiều kỷ niệm một chuyến đi đạo sự lịch sử của đạo Cao Đài đi Biển Đông, Trường Sa Lớn.

Hy vọng những người đạo Cao Đài tiếp bước làm rạng danh Thầy, sáng danh đạo, cũng từ ánh thái dương Biển Đông, nền Đại Đạo Tam Kỳ phổ độ sẽ lưu mãi cho quê hương biển đảo Trường Sa, Hoàng Sa, các đảo đá khác. Một dấu ấn về tâm linh, về tôn giáo dân tộc khởi nguồn từ ánh thái dương Biển Đông Việt Nam tỏa sáng, còn in mãi

gắn với non sông đất nước Việt Nam.

Xem lại những cảm tưởng của người đi lần đầu thăm Trường Sa, đảo Song Tử Tây, các đảo thân thương và xinh đẹp khó quên của đêm ngày Trường Sa gió biển. Nào cây phong ba, nào ngọn đèn hải đăng tỏa sáng về đêm, tượng đài, nhà tưởng niệm Bác Hồ, những ngôi chùa xây dựng khang trang, nào nhà trường dạy trẻ, tất cả là bức tranh trên biển đảo. Cả bãi san hô muôn hình, muôn sắc chen nhau nằm nghe sóng vỗ, phơi mình với nắng như chào đón khách đường xa viếng biển. Khách vội nhật vài mẫu san hô có hình kỳ lạ, để làm lưu niệm cho một chuyến đi. Sau những bữa cơm ngon lành khi chiều về, để rồi đêm đến, được sinh hoạt văn nghệ cùng quân dân trên đảo. Hãy trao tặng cho nhau vài cành hoa biển đảo, nhưng rất thấm tình quê hương đất nước.

Cuộc đi đạo sự diễn ra trên biển đảo, hiểu thêm những cây rau xanh của quê hương luôn luôn là niềm vui cho cuộc sống của quân dân trong bữa cơm chiều và giọt nước ngọt, tách trà, đậm tình quê hương dân tộc.

Chuyến tàu rời khỏi đảo, những cái vẫy tay chào, tiễn đưa, lòng còn lưu luyến biển đảo Trường Sa và ánh thái dương còn mãi...với gió Biển Đông và sóng vỗ trắng xóa, chuyến tàu trở về bến cảng. ■



Thánh sở Cao Đài có nguồn gốc Phật giáo

(*) *Hội Thánh Tiên Thiên*

■ ĐẶT TRUYỀN

Hòa An Phổ Hóa có địa chỉ hiện nay ở ấp Quý Thành, xã Nhị Quý, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Vào hạ bán thế kỷ thứ 19, tại ấp Quý Thành, xã Nhị Quý, huyện Khiêm Ích (Cai Lậy ngày nay), có một tốp trẻ chăn trâu xuất phát từ tâm thành, cùng chơi nắn các tượng Phật bằng đất bùn, rồi cất chòi để thờ, lấy đất bùn nắn lễ vật để cúng dường lễ Phật.

Với tấm lòng trong trắng thành kính của trẻ thơ, các tượng Phật nầy rất linh hiển trong việc tín ngưỡng, nên nhơn sanh đặt tên nơi nầy là chùa Mục Đồng. Tiếng đồn vang xa, nhơn sanh

đến lễ Phật ngày càng đông, nhưng đây chỉ là một cái nhà chòi ộp ẹp, đơn sơ, nhỏ hẹp. Do đó nhơn sanh cùng nhau kê góp công người góp của và ông chủ ruộng cũng hiến 6.000 m² ruộng của mình để cất chùa thờ Phật (trên thửa ruộng 6.000 m² của ông Nội của ông Sáu Nhạn). Sau đó, chùa được đặt tên là Long Phước Tự. Người đầu tiên có công nổi nghiệp tiền nhân và gây dựng chùa là vợ chồng ông Hiệp Đồng Dệt (Nguyễn Văn Dệt) và bà Võ Thị Kiều.

Bình sanh là người mộ giáo, mặc dù ông bà tu theo đạo Phật, nhưng Ông cũng khảo cứu các tôn giáo khác. Nghe nói Đại Đạo Tam Kỳ

Phổ Độ tức đạo Cao Đài mới ra đời, làm lễ khai minh năm 1926, Ông bèn rủ những người mộ giáo như ông Võ Thành Dương và Ông Phạm Văn Chí đến xã Hữu Đạo (nay thuộc huyện Châu Thành) hầu đàn cơ thỉnh Tiên tại nhà ông Phạm Văn Cây. Hôm ấy, ông được Ông Trên điểm danh bằng một bài thi như sau:

THI

*Đệ huynh tương ái nghĩa hòa bình,
ĐỆT thọ cơ linh khá sửa mình,
Tối thượng đạo Trời ai rõ lý,
Phải do lệnh dạy mới khuôn in.*

Khi về nhà, suy gẫm thấy rằng đạo Cao Đài rất mâu nhiệm, huyền vi bí ẩn. Ngày 15-01 Mậu Thìn (1928) Ông đến hầu đàn cơ tại nhà ông Đốc phủ Ca ở Mỹ tho, ngay ngày hôm đó ông xin nhập môn vào đạo Cao Đài theo hệ thống phái Minh Chơn Lý của ông Đốc phủ Ca. Cũng trong năm 1928, ông đã phổ độ được hơn 300 người đạo hữu nam nữ. Ông thành lập Ban trị sự hành đạo tại chùa Mực Đồng gồm có:

1. Nguyễn Văn Dệt, Chánh Trị sự.
2. Lê Văn Thơ, Phó Trị sự.
3. Bùi Văn Sửu, Phó Trị sự.
4. Nguyễn Văn Bộ, Thông sự.
5. Lê Văn Phương, Biên Đạo.

Và 3 vị Minh Sư Võ Thành Dương, Tạ Văn Huấn và Đặng Khánh Vân cùng lo tập đồng nhi, lễ sĩ, lập bộ đạo, phát phái cấp.

Năm Canh Ngọ (1930) có đàn cơ tại Thiên Thai Thánh tịnh ở Láng Biển, xã Mỹ Phước Tây, Cai Lậy – nơi hình thành Tiên Thiên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vào năm 1926 – Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế chuyển cơ bút về xã Tân Hội – Cai Lậy, thành lập Thánh tịnh An Lạc Huỳnh Mi (sau 1975 được làm trường học), ông Dệt đến hầu đàn cơ, được Ông Trên cho một vé thi bài như sau:

*ĐỆT chí dạ nghĩa tình đáng giữ,
Đạo cứu đời có chữ thiện tài,
Gia môn căn bản chờ ngày.
Thầy đà chỉ bảo sớm mai rõ ràng.*

Từ đó ông rất hăng say với Đạo, mỗi đêm ông cùng đạo hữu cầu nguyện Ông Trên chuyển cơ

bút về xã Nhị Quý. Nơi tư gia của ông vào các ngày sóc vọng, các nam nữ trường chay tập họp thường xuyên lễ bái, luận bàn Thánh giáo.

Ngày 29 tháng 10 Nhâm Thân (1932), trong đàn cơ đầu tiên tại xã Nhị Quý, Thầy giảng cơ cho thi bài như sau:

*Nay khai tịnh dạy con lớn nhỏ,
Ráng hết tâm, vàng đỏ đừng màng,
Mau chơn, kịp bước lên thang,
Thầy nguyên độ trẻ rõ ràng chánh chơn.
ĐỆT chí dạ thiết hơn chi trẻ,
Lời hơn thua khuyên trẻ chớ sờn,
Công danh Thầy bố Tòng Dương,
Mượn gia độ thế, con thương nhơn quần.
ĐƯƠNG chí sĩ phụng thuận Tam bửu,
Có Thầy Trời quy hựu Nam bang,
Gìn qua khỏi ách tai nàn,
Rồi sau mới được chốn màn vinh quy
(...)*

*Đêm nay Thấy trỗi giọng đồn,
Nường cơ vui, BỘ thiết hơn con tường.*

Ngày 01 tháng 4 Quý Dậu (1933), đạo hữu nhóm đàn lễ, có Thánh lệnh dạy cất ngôi Thánh tịnh tên là Lục Long Đài ở xóm Vòi, ấp Quý Thành, cách nhà ông Hiệp Đồng Dệt khoảng 50 mét, ông Dệt làm chủ tịnh. Thánh tịnh tuy bằng tre lá nhưng tinh khiết hơn tư gia. Đạo hữu lại càng cầu nguyện xin Ông Trên ban cho cặp đồng tử.

Ngày Rằm tháng 7 Quý Dậu (1933) được lệnh Thầy dạy hầu đàn tại Thánh tịnh An Lạc Huỳnh My. Thầy cho bài thi sau:

*(...)
ĐỆT khẩn cầu đêm thâu lẫm việc,
Do lòng thành hơn thiết sê cho,
Sẵn lòng rước khách xuống đò,
Đưa qua bãi ngạn lần mò vị xưa...*

Nửa tháng sau đó, ngày 01 tháng 8 Quý Dậu (1933), có lệnh của Đức Lý Thái Bạch Kim Tinh dạy đòi các ông Dệt, Dương, Chón, Trần, Bộ, và ông Hành về hầu lệnh tại Thánh tịnh Hiến Thiện Võ (xã Cẩm Sơn-Cai Lậy). Đúng ngày 18 tháng 10 Quý Dậu (1933), Đức Lý Thái Bạch dạy như sau:

THI

ĐÔNG *minh tá cảnh vịnh đôi câu,*
ĐƯƠNG, DỆT *tận cùng hóa phép mầu,*
NGHĨA *dạ lo tròn ơn Lão thường,*
BỘ, HÀNH *hai giả hạn hàn tâm.*

THI BÀI

Lão truyền lệnh liên đài khá hiểu,
NGHĨA *đồng bào một điều thương nhau,*
Xưa kia có gã bá đào,
Cái tình mặn lạt chiêm bao vẫy vùng.
ĐƯƠNG *khá nhớ cho cùng tường tận,*
Chẳng bao lâu bộ tấn khoa đầu,
Em ơi cơ bút hiểu sâu,
Nhớ lời Lão dạy canh trâu tên để.
DỆT *côi tạm phường quê thông thả,*
Thấy thử em chớ khá ưu phiền,
Thành tâm hưởng phúc ân thiên,
Trở về thọ lệnh lập thành cơ mưu.
(...)

Vậy Lão phán lệnh dạy Dương pháp đàn,
Chơn đồng dương, Trộn đồng âm, Hành phò cơ
độc giả, Bộ điển ký, phải ở tại đây 100 ngày để tập
sự, khi thi hành lúng đái dây “Phụng thừa thiên
mạng”, chơn đi giày vô ưu, đầu đội khăn đóng
trắng có thêu 3 vòng vô vi.

Khi mãn hạn 100 ngày trở về thì được lệnh dạy đòi thầy giáo Nghĩa ở Giồng Dứa (Long Định) về giúp việc văn phòng và Tám Oanh về làm điển ký. Thầy cũng chuyển Anh Lớn Thái Đầu Sư Trần Lợi về xã Nhị Quý lo tạo tác Lục Long Đài.

Hình thức Lục Long Đài làm bằng cây Săng, cột vuông, lợp ngói móc có sáu khía, vách bằng đất nhồi rơm, từng trên thờ 8 cái ghế ngồi bằng gỗ (do Thánh tịnh Thiên Thai hiến cúng). Tám cái ghế này gọi là Bát Tiên Ngự Điển. Từng dưới thờ Thầy. Nối theo Lục Long Đài cất cái Cờ Trưng Đài dài 7 căn, cột bằng cây vuông, lợp bằng lá, vách bằng đất nhồi rơm.

Khi tạo tác xong Lục Long Đài, lễ an vị được cử hành trọng thể. Thầy dạy Thất Thánh và Thất Hiến về dự cùng các đạo tâm nam nữ các nơi về dự rất đông đảo. Trong ngày lễ an vị, Thầy phong phẩm hàng Thánh như sau:

1- Giáo hữu Thượng Đương Thanh, 2- Giáo hữu Ngọc Chí Thanh, 3- Giáo hữu Thái Văn Thanh, 4- Giáo hữu Thượng Quý Thanh, 5- Giáo hữu Ngọc Bửu Thanh, 6- Giáo hữu Thái Song Thanh, 7- Giáo hữu Thượng Bộ Thanh, 8- Giáo hữu Ngọc Tuấn Thanh, 9- Giáo hữu Thái Sung Thanh.

Riêng ông chủ tịnh Nguyễn Văn Dệt được phong Giáo sư, một trong số giáo sư đứng đầu trong thất thập nhị Tịnh.

Các chức sắc phẩm Thần như sau: 1- Lễ sanh Thái Tài Thanh, 2- Lễ sanh Thượng Xù Thanh, 3- Lễ sanh Ngọc Đậu Thanh, 4- Lễ sanh Thái Đầu Thanh, 5- Lễ sanh Thượng Chơi Thanh, 6- Lễ sanh Ngọc Hành Thanh, 7- Lễ sanh Thái Huồn Thanh, 8- Lễ sanh Thượng Châu Thanh, 9- Lễ sanh Ngọc Hộ Thanh.

Chức sắc Nữ phái như sau:

1- Giáo sư Hương Kiều, 2- Giáo sư Hương Phụng, 3- Giáo sư Hương Quế, 4- Giáo sư Hương Hộ, 5- Giáo sư Hương Ta, 6- Giáo hữu Hương Khuê, 7- Giáo hữu Hương Đối, 8- Lễ sanh Hương Phải, 9- Lễ sanh Hương Lê, 10- Lễ sanh Hương Năm, 11- Lễ sanh Hương Sang, 12- Lễ sanh Hương Kỳ.

Khi làm lễ an vị xong rồi, Thánh tịnh lo chỉnh đốn lại Ban Trị sự và tạo tác Thiên Phong Đường, Đông Lang, Tây Lang và phòng Trụ.

Tạo tác vừa xong, tiếp được Thánh lệnh Ôn Trên dạy vào ngày 15-16 tháng 2 Ất Hợi (1935) làm lễ Đại hội tên là Bát Tiên Ngự Điển. Khi ấy ông Chủ tịnh mới bạch với Thầy: e rằng bị nhà cầm quyền làm khó dễ mà làm lung lạc lòng tin của đạo hữu. Thầy liền cho ông Dệt một vé thi bài:

Dệt vững lòng họa tai khỏi vương,
Lập thân an Thấy mượn trí con,
Đò Tiên rước khách vẫn còn,
Lo vẫy hiệp bạn chớ mòn tâm chơn.

Vào ngày Rằm tháng 2 Ất Hợi (1935), có Thánh lệnh dạy sáp nhập Thánh tịnh Lục Long Đài với chùa Long Phước Tự. Ông Chủ tịnh bạch tiếp, xin Thầy ban cho hiệu Tịnh vì ngôi Thánh tịnh

chưa có hiệu. Thầy cho hiệu Thánh tịnh tên là Hòa An Phổ Hóa và một vé thi bát cú như sau:

*Hòa thuận công tâm đoạt bửu kỳ,
Hòa bình quốc loạn hiệp nhơn tri,
Hòa đường Tam Giáo câu lừa gạn,
Hòa nhẫn Lạc Hồng học thiện tùy.
Nhẫn chúng đa trung chưa hiểu đạo,
Nhẫn Tâm kiến tánh phá màn bi.
Nhẫn cơn thống khổ xưa tà ám,
Nhẫn việc khó làm mới đại bi.*

Trong cuộc Đại hội này có đủ mặt các Ban Tiên Thiên, Chương Quán, Thất Thánh, Thất Hiền và đạo hữu của thất thập nhị tịnh. Sau khi được ban hiệu Thánh tịnh, Ban Trị sự phân cấp phái đạo cho đạo hữu có đóng con dấu tên Thánh tịnh. Kể từ đó, các xã lân cận đến xin nhập môn vào đạo mỗi ngày một thêm đông. Số tín đồ lên đến hơn 400. Mỗi kỳ đàn lễ sóc vọng cúng kính đều có nhạc lễ đồng nhi. Sau cuộc lễ, nhà cầm quyền Pháp để ý nghi ngờ đạo có ý làm hội kín, nên ra lệnh mỗi lần hội họp cúng kính không được quá 20 người. Nhưng với lòng tin tuyệt đối, mỗi kỳ sóc vọng nào cũng có đông đảo tín đồ làm nhà cầm quyền thêm ngờ vực và lo ngại.

Ông Hiệp Đồng Dệt (tức Nguyễn Văn Dệt) vừa làm chủ tịnh Hòa An Phổ Hóa vừa là chủ chùa Long Phước Tự. Một hôm sẵn dịp ngày nhóm lễ của Ban Trị sự chùa, ông mời bốn đạo bàn việc sửa chữa chùa. Hôm ấy có đủ mặt ban Khánh tiết chùa như các ông Bộ Thâu, Lân, Chơi, Sáu Huồn, Ba Tài, v.v. Sau khi thảo luận ý kiến về việc chùa bị hư quá nặng, nay đã quy Tam Giáo rồi mà ông chủ chùa thì một kiếng hai què, vậy nên sáp nhập chùa và thất lại cho tiện, và nếu quy chung chùa và thất Cao Đài làm một thì ông Huồn sẽ hiến cái nhà ngói của chú là ông Chánh Phước để làm nơi thờ cúng chung.

Sau khi được đa số thống nhất ý kiến gộp chung hai nơi để thờ cúng, và sau khi được nhà cầm quyền cho phép, Ngày Rằm tháng Chạp Ất Hợi (1935) là ngày lễ vọng nhứt, có đầy đủ bốn

đạo Cao Đài và Phật giáo, Ban Cai quản hỗn hợp hai tôn giáo được bầu như sau:

1- Chủ Tịnh: Nguyễn Văn Dệt, 2- Hội Trưởng Nguyễn Văn Thâu (Phật giáo), 3- Phó Hội Trưởng: Phạm Văn Văn (Phật giáo), 4- Phó Hội Trưởng Nguyễn Văn Hộ (Cao Đài), 5- Thủ bản: Phạm Văn Huồn (Phật giáo), 6- Phó Thủ bản Nguyễn Văn Song (Cao Đài), 7- Từ hàn: Nguyễn Văn Nghĩa (Cao Đài), 8- Phó Từ hàn: Nguyễn Văn Bộ (Cao Đài), 9- Nghị viên Nguyễn Văn Tài (Phật giáo), 10- Nghị viên Nguyễn Văn Chơi (Phật giáo), 11- Kiểm soát Phạm Văn Chí (Cao Đài), 12- Kiểm soát Nguyễn Khánh Vân (Cao Đài), 13- Công Viện Trưởng Nguyễn Văn Tân (Phật giáo), 14- Công Viện Phó Lê Văn Vinh (Cao Đài), 15- Công Viện Phó Ngô Văn Giá (Cao Đài), 16- Công Viện Phó Võ Văn Thành (Cao Đài), 17- Công Viện Phó Nguyễn Văn Sửa (Cao Đài).

Khi cử Ban Cai quản hỗn hợp xong, quý ông phân công đi mua cây, đi dỡ Thánh tịnh Hòa An Phổ Hóa dời ra chùa Long Phước Tự, dỡ nhà của ông Sáu Huồn trước đã hứa hiến cúng đem ra chùa để tạo tác thống nhứt.

Đến ngày Rằm tháng 2 Bính Tý (1936), lễ dựng Tam Đài Thánh tịnh được ông Chủ Tịnh và con trai là thầy giáo Tòng đứng ra cầu nguyện. Bát Quái Đài và Hiệp Thiên Đài được lợp bằng ngói móc, Cửu Trùng Đài lợp ngói âm dương. Tầng trên Bát Quái Đài thờ quả Càn Khôn, tầng dưới thờ Phật. Đây là điểm đặc biệt ghi dấu từ chùa Phật của Hòa An Phổ Hóa, một Thánh tịnh có thờ nhiều tượng Phật. Cửu Trùng Đài bên Tả thờ Quan Thánh Đế Quân, bên hữu thờ Quan Thế Âm, chính giữa thờ bàn Hội Đồng. Nơi Thiên Phong Đường, căn giữa thờ quý vị cổ Hòa Thượng và Tiền Khai Đại Đạo, bên tả thờ Nam Thất Tổ bá tánh, bên nữ thờ Cửu Huyền bá tánh. Bảng hiệu đổi tên chùa Long Phước là Thánh tịnh Hòa An Phổ Hóa, thuộc Tiên Thiên Đại Đạo.

Ngày 30, mồng 1 tháng 3 Bính Tý (1936), lễ An vị được tổ chức rất trọng thể, có Thất Thánh, (XEM TIẾP TRANG 86)

PHÙ ĐỔNG

■ VIỆT ĐIỀU

THIÊN VƯƠNG

Vị thiếu niên anh hùng dân tộc ()*

*Đấng Tôn Thần linh hiển, nhân từ (**)*



* Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược. T.P Hồ Chí Minh: Nxb Tổng Hợp, 2005, tr.20.

** Nguyễn Khắc Thuần, Giai thoại dã sử Việt Nam. Hà Nội: Nxb Giáo Dục, 2008, tr.155.

Thế hệ trẻ Việt Nam có một tấm gương sáng chói, đó là Đức Phù Đổng Thiên Vương, vị anh hùng niên thiếu, cũng là vị anh hùng đầu tiên chống xâm lược, bảo vệ đất nước.

Vào thời Hùng Vương thứ 6, giặc Ân sang quấy phá nước ta. Chúng đã phá được ải Bắc và tiếp tục chia mũi tấn công về Phong Châu, thành đô nước Văn Lang. Nhà vua ra lệnh tổng động viên và cử sứ giả đi khắp nơi tìm tướng cầm quân đánh giặc.

Quân ta phải rút khỏi bộ Vũ Định (Thái Nguyên – Cao Bằng) và lập phòng tuyến mới ở bộ Vũ Ninh (Bắc Ninh). Nơi đây ở làng Phù Đổng, có một gia đình chân chất, cửa nhà hiu quạnh. Quá bốn mươi, hai ông bà đến đình cầu tự, mới có được mụn con, đặt tên là Gióng (gánh vác việc nhà, việc nước), nhưng lại không biết nói. Năm có chiến tranh Gióng đã lên mười sáu.

Ngày sứ giả treo bảng cầu hiền tại thành Võ Ninh, Gióng nhận bảng đem về trình cha mẹ. Gióng mở miệng nói câu đầu tiên: *“Xin cha mẹ cho con theo sứ giả về kinh để trừ giặc, cứu dân, giữ nước.”* Hai ông bà ngạc nhiên, vừa mừng, vừa lo. Mừng là con biết nói thành thực như mọi người, lo là không biết con có đủ sức gánh vác trọng nhậm mà người lớn còn chưa biết làm nổi không!

1. Bộ: đơn vị hành chính ở thời Hùng Vương, lúc đó nước ta chia làm 15 bộ.

Sứ giả trấn an: *“Xin ông bà yên tâm, người xưa đã dạy – tài không đợi tuổi.”*

Mẹ Gióng nói: *“Mẹ cầu Trời cho con mã đáo thành công.”*

Gióng tạm biệt cha mẹ, cùng tám người bạn nổi khổ nữa thành “cửu kiệt” theo sứ giả về kinh.

Thành đô Phong Châu khẩn trương trong không khí chiến tranh. Ngoài diễn võ trường, các đội bộ binh đang ôn luyện tác xạ. Kỵ binh chia nhau phòng thủ các nơi. Tin có người thủ bảng chiêu hiền về đến tai nhà vua, Ngài đượm vẻ lo âu khi biết đó là một thiếu niên.

Vừa đến Phong Châu, vua cho vời ngay Gióng và các bạn đến triều kiến. Sứ giả đưa đoàn vào điện Cần Chánh. Đoàn của Gióng bước vào phủ phục định 5 lạy, nhưng mới được hai thì vua miễn lễ. Gióng đứng thẳng, cặp mắt thần oai và nghi biểu đường bệ đã trấn an nhà vua.

Nhà vua từ tốn hỏi: *“Ngoài số binh, lương hiện thời mà sứ giả đã cho tráng sĩ biết, tráng sĩ có cần thêm chi chăng?”*

Gióng thưa: *“Muôn tâu bệ hạ, thần xin năm tấn sắt và thợ rèn giỏi để chuẩn bị việc binh!”*

Nhà vua y tấu, lệnh cho bộ Công phải lo đầy đủ.

Sau năm ngày thực hiện theo sự chỉ dẫn của Gióng, đội thợ rèn đã hoàn thành chín con ngựa máy và giáo sắt. Mỗi lần ngựa máy hí lên là miệng phun đầy khói lửa.

Trong thời gian rèn thiết mã

và chuẩn bị quân lương, nhà vua cho đắp đàn ở phía nam Phong Châu.

Tin có Thần tướng đến phò vua, cỡi thần mã, chẳng mấy chốc đã lan truyền khắp thành đô, quân uy càng thêm hùng tráng. Ngày xuất quân đến, nhà vua trao ấn kiếm, phong Gióng là Bình Bắc Nguyên Soái, tước Phù Đổng Thảo Khấu Tướng Quân, tám người bạn đều được ban là Tiên Phong Tướng Quân và tiến lên đường.

Đến ải quan, tướng trấn thủ ra đón vào doanh trại. Gióng nói với tướng sĩ: *“Ta đã có thần mã thì phải có thần quân. Vậy tướng sĩ trong ngày mai phải tìm lọ nôi (màu đen), quả gấc (màu đỏ), lá giang (màu xanh), củ nghệ (màu vàng) để hóa trang thành thần quân, không được chậm trễ, ngày mốt sẽ giao tranh.”*

Đúng ngày hẹn trong chiến thư, tờ mờ sáng tiếng trống đồng đã vang dội, theo Gióng phân phối: Gióng sẽ đánh chính diện, mỗi bên phải trái trại giặc đều có ba tướng quân đánh vu hồi, và hai tướng còn lại sẽ mai phục trên đường tháo lui của giặc.

Vừa mới dàn quân thì tướng giặc thấy Gióng trẻ người, tưởng rằng non dạ, xông vào đánh ngay. Nào ngờ mới hiệp đầu thì râu tóc hăn đã phát hỏa do ngựa máy hí vang khè lửa. Hăn chưa kịp hoàn hồn thì quân báo phải lui binh về cứu vì bốn cửa trại đều có thần tướng, thần mã, thần quân đốt

trại, chiếm trại rồi. Không còn cách nào nữa, tướng giặc vội quay ngựa tháo chạy ra biên giới, quân giặc cũng vội theo chủ tướng. Gióng cho quân truy kích đến tận ải Bắc mới thôi.

Giặc đã tan, đất nước đã thái bình, Gióng và tám anh em trao lại ấn kiếm, quân, lương cho sứ giả và về lại làng Phù Đổng, Gióng thì phụng dưỡng cha mẹ cùng đồng bạn lại trở về ruộng nương.

Nhà vua thương nhớ Gióng và các bạn, ban lệnh bộ Vũ Ninh lập sinh từ thờ cha mẹ Gióng và cha mẹ các bạn, hàng năm cứ đến mùng 8 tháng tư thì tổ chức Lễ và Hội để tưởng nhớ. Sau khi Gióng mất, nhà vua truy phong là Phù Đổng Thiên Vương.



Một ngàn năm trôi qua, làng Phù Đổng có nho sinh là Đặng Chất, nhà kế bên phủ thờ, đang sôi kinh nấu sử chờ khoa thi. Một sáng sớm, ông thấy một cô gái chạy ra mở lồng gà của nhà bên cạnh lấy một con, rồi chạy về đóng cửa lại.

Bà chủ nuôi gà, đi chợ về thấy mất một con thì mở miệng thóa mạ cả ngày nhưng không ai lên tiếng. Hôm sau ông thấy bà mang xôi chuối vào đền. Lặng lẽ theo dõi, ông nghe bà vãi: “*Con xin Tôn Thần bẻ tay đứa nào bắt gà của con, cho tay chúng nó hết còn nhám nhúa.*” Chờ đợi cả tháng xem có việc gì xảy ra! Không! Chần chừ mãi, ông bậm gan sang cửa đền viết hai chữ “*Bất thiêng*”.

Đêm ấy, sau khi đọc văn bài, ông ngủ quên lúc nào không hay. Chợt có tiếng gõ cửa kêu: “*Quan trạng, quan trạng, tôi là quân của Tôn Thần đây, đêm nay trăng đẹp, Tôn Thần có lời mời quan trạng sang trà đàm.*” Ông thay áo và theo quân sang đền. Quân oai khác hẳn ban ngày, bên trong có tiếng vọng ra: “*Quân đâu mau dàn chào, có quan trạng đến!*” Hai hàng quân cùng vũ khí sáng ngời nghiêm chào từ tam quan đến cổng đền. Một vị phán quan ra cửa mời ông vào. Trên cao Đúc Phù Đổng Thiên Vương an tọa, ông sụp lạy chào. Đúc Tôn Thần mời ông ngồi, dùng một tuần trà rồi nói: “*Hiếu sinh là lòng của Đúc Thượng Đế, kẻ kia vì nghèo quá túng bần mới trộm một con gà nấu cháo*

cho con, luật nhân quả rồi có vay, có trả nhưng hình phạt đâu đến nỗi bẻ chân bẻ tay quá đáng như đứa chủ gà van vái. Ta cầm tòa, sở đây, kẻ không cúng mà làm thiện thì Ta vẫn phò hộ, còn kẻ cúng Ta mà làm quấy chính là làm xấu Ta đó vậy. Hôm nay mời quan trạng sang dùng chút trà để biết có cõi linh thiêng, có luật trời vô hình vậy. Rồi quan Trạng cũng sẽ cầm chính sự, hãy lấy lòng Trời, luật Trời mà chăm sóc dân.” Đấng Tôn Thần mới thêm tuần trà nữa, rồi từ giã, một vị phán quan đưa ông ra cửa. Đội trưởng hàng quân đồng dạc hô: “*Nghiêm!*”. Ông giật mình, áo đầm mồ hôi.

Hôm sau, ông sang đền cùng với hoa quả để sám hối.

Quả thật, năm Tân Sửu (1661), ông Đặng Chất đỗ Trạng Nguyên, làm quan đến chức Tham Tụng (Tể Tướng). Ông sống thanh bạch, luôn tự xét mình và hết lòng phò vua, giúp dân, khi mất được truy tặng hàm Thiếu Bảo.



Cao Đài giáo kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa đạo đức, văn hóa Việt Nam. Tuổi trẻ học gương của người xưa, trọn đạo hiếu, trọn đạo trung để xây dựng tổ quốc ngày càng tươi đẹp, dân giàu, nước mạnh, xã hội đạo đức công bằng dân chủ văn minh.■



THÁNH GIÁO

Hỡi các con thanh niên thiếu nữ.
Một tương lai rạng rỡ huy hoàng,
Khép trong thước ngọc khuôn vàng.
Hong ân Mẹ sẽ sẵn sàng dành cho.
Lời Từ Mẫu dặn dò sau trước,
Để các con tạo phước tạo duyên,
Thu này con nhớ lời khuyên,
Tu thân hành đạo cho yên buổi này.

ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN, THÁNH
THẤT BÌNH HÒA, 28-8 ĐÌNH MÙI (01-10-1967).■

Chữ hiếu TRONG MÙA VU LAN

■ BẠCH TUYẾT



Một năm thấm thoát trôi qua, nay đến tháng 7 mùa Vu Lan lại đến, theo lịch sử Phật giáo gọi là “Vu Lan Bốn” còn đạo Cao Đài gọi là ngày “Chơn giác đồng đăng Thiên hoa đài vị” hay “Trung Nguơn xá tội”. Mùa Vu Lan này nhắc nhở người tín đồ Cao Đài nhớ rằng ở nơi cõi trần gian này, phải thọ bốn đại ân, đó là: ơn Tạo hóa, ơn cha mẹ, ơn quốc gia và ơn dân tộc. Mang ơn thì phải biết tận tâm báo đáp, trung hiếu với người, tận lực để đền đáp ơn nghĩa sâu dày.

Kinh Đại Thừa Chơn Giáo có dạy:

*Trời là một đấng Cha chung,
Kính thờ trọn đạo tận trung
với Người.*

*Linh hồn thọ lãnh của Trời,
Xác hình ta lại nhờ thời mẹ cha.
Mẹ cha sinh sản ra ta,
Nên chi ta phải trọng mà
hiếu thân.*

Mùa Vu Lan Báo Hiếu hằng năm nhằm nhắc nhở những người con ở chốn thế gian này phải lo đến ơn sanh thành dưỡng dục cho cha mẹ, nhứt là cha mẹ tuổi đã về chiều, đừng vì một lý do gì để cho cha mẹ phải ưu tư, buồn phiền lo lắng về mình cả, đó mới thiệt là người con hiếu thảo.

Tiết trời tháng bảy vu lan,

*Dù đi muôn hướng trăm
ngàn trùng dương,*

*Lòng con không khỏi vẫn
vương,*

*Quay về nguồn cội nhớ
thương mẹ hiền.*

Từ ngàn xưa cho đến nay, truyền thống hiếu thảo đối với các Đấng sanh thành đã trở thành một nét đẹp văn hóa của dân tộc Việt Nam. Ánh trăng Rằm của tháng Bảy luôn là hình ảnh tượng trưng cho sự dịu dàng ấm áp, chia sẻ ngọt bùi, thương yêu tha thứ, nó

mang lại cho chúng ta một ý nghĩa thiêng liêng cao cả đối với hai bậc sanh thành, dưỡng dục. Người xưa có câu ca dao đã để lại cho con cháu đời sau như một lời di huấn mà mọi người trong chúng ta phải thuộc nằm lòng:

*Công cha như núi Thái sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong
nguồn chảy ra.*

*Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là
đạo con.*

Không có niềm hạnh phúc nào hơn là còn có mẹ lẫn cha ở trên đời, vì tình thương của mẹ cha dành cho con quá đổi lớn lao, không có gì so sánh và đo lường được. Nhưng ca dao Việt Nam có câu:

*Mẹ nuôi con biển hồ lai láng,
Con nuôi mẹ tính tháng tính
ngày.*

Bởi vì bên cạnh những gương hiếu thảo được người

đòi nhắc nhở khen tặng thì cũng có những người con hư hỏng ngỗ nghịch, làm mẹ phải phiền lòng. Trong kinh Sám Hối có ghi lại những hình phạt nhằm răn đe những người con bất hiếu đối với cha mẹ như sau:

*Con bất hiếu, xay, cửa, đốt, giã,
Mổ bụng ra phanh rã tim gan,
Chuyển thân trở lại trần gian,
Sanh làm trâu ngựa đội mang lòng sừng.*

Nho giáo là nền tảng đạo đức của người Việt Nam, từ ngàn xưa đã dạy về đạo Hiếu. Đệ tử của Đức Khổng Tử, thầy Tăng Tử nói: “*Hiếu dã bách hạnh chi tiên.*” (Hiếu là nét đứng đầu trăm nết).

Trong Phật giáo, hiếu đạo được đề cập đến một cách trọn vẹn và hoàn hảo. Đức Phật dạy trong kinh Nhẫn Nhục: “*Điều thiện tối cao không gì là hiếu, điều ác cùng cực không gì hơn bất hiếu.*”

Kinh Đại Tập cũng có nói: “*Gặp thời không có Phật, khéo thờ cha mẹ tức là thờ Phật.*”

*Kinh Tam Thừa Chơn Giáo có dạy:
Hiếu đạo vốn cang thường số một,
Luận cho thông cho tốt lẽ mẫu,
Để đền đáp lại ân sâu,
Công sanh, công dưỡng dài lâu biết bao.*

Truyền thống Hiếu đạo lưu truyền đời đời, ngày nay chữ hiếu cũng xuất phát từ tấm lòng biết ơn và đền đáp ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ.

Chữ hiếu cao nhất của người tu là độ được cha mẹ theo con đường đạo như thời Đức Phật Thích Ca, sau khi đắc đạo, người trước tiên Ngài độ là cha mẹ giác ngộ tu hành.

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, người tín đồ Cao Đài cũng không đi ngoài chữ Hiếu như đã trình bày ở trên, mà còn tích cực độ dẫn cha mẹ anh em vào con đường tu hành đạo đức.

*Chữ hiếu phải lo vẹn phận người,
Sanh thành đạo trọng há đâu chơi.
Buông trôi ví chẳng tròn như đạo,
Còn có mong chi đến đạo Trời.¹*

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thi văn dạy đạo.

Nếu chẳng may mẹ cha qua đời, là người tín đồ Cao Đài, phải lo làm công quả hành thiện giúp đời để tạo công quả âm chất thì mới có được công đức thật sự để có đủ điều kiện cứu độ cứu huyền thất tổ siêu thăng. Thời kỳ Đại ân xá, một việc làm công quả được nhân hệ số 3. Tháng 7 là tháng cầu siêu độ rỗi các vong linh đang ở cõi địa ngục được nghe kinh mà siêu rỗi, chúng ta hãy tranh thủ đến Thánh thất, Thánh tịnh mỗi đêm để đọc kinh cầu siêu cho các vong linh, trong đó có cứu huyền thất tổ của mình.

Ngày nay, việc cứu độ cứu huyền thất tổ là nhờ kết quả tu hành của mỗi người tại thế gian, là một sự kiện hy hữu cho người tín đồ Cao Đài trong việc tu học hành đạo phụng sự như sanh để tạo công đức sâu dày, vì “Tu là cứu cứu huyền thất tổ” được siêu thăng, không còn luân hồi chuyển kiếp nữa hay là “Nhứt nhưn hành đạo cứu huyền thăng”

Đức Lê Đại Tiên đã dạy tại Ngọc Minh Đài, ngày Rằm tháng 7 năm Bính Ngọ (30-8-1966) như sau:

“Hỡi nầy chư hiền đệ hiền muội! Trên việc tu hành học Đạo, chư hiền đệ hiền muội có hiểu chăng? Ở trong lý siêu hình vạn vật, ví như ngày nay, giờ nầy, theo lịch sử Phật gọi Lễ Vu Lan Bồn, đúng nguyên lý cũng là Trung Nguơn xá tội. Từ nơi cõi địa ngục sang qua cõi hồng trần, đến thượng giới, nghe thì chỉ có thượng, trung, hạ, nhưng phải hiểu là tam thập lục Thiên. Trong các tầng giai đoạn ấy, cũng như sự tu học của chư hiền đệ hiền muội nơi thế gian; vì vậy cho nên có lời rằng: “Tu cứu cứu huyền thất tổ”, hay “Nhứt nhưn hành đạo cứu huyền thăng” là thế ấy.”

Tóm lại, con người nơi cõi thế gian, làm tròn đạo hiếu là bổn phận của con cái đối với các bậc sanh thành, và may duyên được làm người môn đệ của Đức Cao Đài, còn phải nhớ ân trời biển của Thầy Mẹ đã mở mỗi đạo Kỳ Ba Đại Ân Xá, để được tu học, hành đạo làm tròn phần nhân (XEM TIẾP TRANG 87)

vui học

SỬ ĐẠO CAO ĐÀI

Tập 1

■ TRẦN NGỌC TÂM BIÊN SOẠN

KHÔNG BIẾT SỬ ĐẠO CAO ĐÀI LÀ KHÔNG BIẾT NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ

Đạo Cao Đài là một tôn giáo mới, được Đức Chí Tôn khai sáng vào đầu thế kỷ XX tại Việt Nam. Đêm Lễ Giáng Sinh 24-12-1925, Ngài giảng cơ dạy như sau:

■ NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠO BỔ TÁT MA HA TÁT GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân thiên,
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

(THÁNH NGÔN HIỆP TUYỂN, Q1, 1973, TR.5).

Kính thưa quý huynh tử đệ muội đạo tâm thân mến,

Để hiểu biết và thêm lòng yêu mến Đức Thượng Đế và nền đạo Cao Đài, chúng ta cùng vui học qua những câu hỏi trắc nghiệm và ô chữ đơn giản sau đây. Mọi trích dẫn và Thánh giáo đều dựa trên bản Cao Đài Vấn Đáp, Sử Đạo do Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo biên soạn. Kính chúc quý Đạo tâm có được những giây phút vui và bổ ích.■

1. ĐẠO CAO ĐÀI DO AI SÁNG LẬP?

- a. Đức Thích Ca
- b. Đức Khổng Tử
- c. Đức Mahomed
- d. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế

2. NGƯỜI ĐỆ TỬ ĐẦU TIÊN CỦA ĐỨC CAO ĐÀI LÀ AI?

- a. Ngài Lê Văn Trung
- b. Ngài Lê Văn Lịch
- c. Ngài Phạm Công Tắc
- d. Ngài Ngô Minh Chiêu

3. ĐỨC NGÔ MINH CHIÊU QUÊ Ở Đâu?

- a. Long An
- b. Chợ Lớn
- c. Vĩnh Long
- d. Cần Thơ

4. AI LÀ NGƯỜI ĐÃ NHÌN THẤY THIÊN NHÃN ĐẦU TIÊN?

- a. Ngài Lê Văn Trung
- b. Ngài Phạm Công Tắc
- c. Ngài Cao Quỳnh Cư
- d. Ngài Ngô Minh Chiêu

5. VÀ NGÀI ĐÃ VÁI RẰNG: "BẠCH TIÊN ÔNG ĐỆ TỬ RÕ HUYỀN DIỆU CỦA TIÊN ÔNG RỒI. NHƯ PHẢI TIÊN ÔNG DẠY ĐỆ TỬ THỜ... THÌ XIN CHO BIẾN TỨC THÌ."

- a. Chử Thập
- b. Chử Vạn
- c. Thiên Nhân
- d. Thái Cực

6. SAU VỀ SÀI GÒN NGÀI ĐÃ GẶP AI ĐỂ KẾT HỢP MỞ NỀN ĐẠO CAO ĐÀI?

- a. Đức Phạm Công Tắc, Đức Cao Quỳnh Cư
- b. Đức Phạm Công Tắc, Đức Lê Văn Trung
- c. Đức Cao Hoài Sang, Đức Cao Quỳnh Cư
- d. Đức Lê Văn Trung, Đức Ngọc Lịch Nguyệt

7. TÁC GIẢ CỦA BÀI THI LÀ AI?

*Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
 Mi mới vừa lên ước đặng mười.
 Tổng mển lời khuyên bên mộ chếp,
 Tình thương căn dặn gắng tâm đời.
 Bên man đôi lúc trêu hồn phách,
 Côi thọ nhiều phen đặng thành thơ.
 Xót nỗi vợ hiền còn lụm cùm,
 Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.*

- a. Ngài Cao Quỳnh Cư
- b. Ngài Cao Hoài Sang
- c. Ngài Cao Quỳnh Tuấn
- d. Ngài Phạm Công Tắc

8. DI TÍCH LỊCH SỬ SƠ KHAI CỦA NỀN ĐẠO CAO ĐÀI NƠI ĐÂU?

- a. Thiên Lâm Tự, Chùa Giác Hải
- b. Dương Đông Phú Quốc, Vĩnh Nguyên Tự
- c. Tòa Thánh Tây Ninh, Cao Thượng Bửu Tòa
- d. Tất cả đều sai

9. KHI CỰU THƯỢNG VIỆN LÊ VĂN TRUNG VẮNG THÁNH Ý, HIỆP VỚI CHƯ ĐẠO HỮU HẾT 247 NGƯỜI, LẬP TỜ KHAI ĐẠO VỚI CHÁNH PHỦ TẠI NHÀ ÔNG NGUYỄN VĂN TƯỜNG NGÀY 23 THÁNG 8 NĂM BÍNH DẦN (19-9-1926), CÓ BAO NHIÊU NGƯỜI KÝ TÊN THAY MẶT CHO CẢ ĐẠO HỮU CÓ TÊN TRONG TỊCH ĐẠO?

- a. 28
- b. 29
- c. 27
- d. 26

10. NGÀY ĐẠI LỄ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO LÀ NGÀY NÀO? TẠI CHÙA NÀO?

- a. Rằm tháng Tám Bính Dần (1926) Tại chùa Thiên Lâm Tự

- b. Rằm tháng Mười Bính Dần (1926) Tại Vĩnh Nguyên Tự
- c. Rằm tháng Mười Bính Dần (1926) Tại Thiên Lâm Tự (Từ Lâm Tự) Gò Kén.
- d. Tất cả đều sai.

11. CHỦ TRÌ CHÙA GIÁC HẢI VÀ THIÊN LÂM TỰ GÒ KÉN LÀ AI?

- a. Thầy Yết Ma Luật
- b. Thầy Như Nhân
- c. Thầy Yết Ma Nhung
- d. Thầy Thích Minh Châu

GIẢI ĐÁP

1D • 2D • 3B • 4D • 5C • 6A • 7C • 8B • 9A • 10C • 11B. ■



THÁNH GIÁO

Tâm trường ấy trải ra mấy thước,
 Sứ mạng này cố lướt dòng ngân,
 Đường đời can đảm dấn thân,
 Mang theo nhựa sống tinh thần rải ban.
 Đừng thấy ít mà toan ngã dạ,
 Chẳng vì đông hối hả vội vàng,
 Muôn phương muôn thuở cho an,
 Từ tâm đến cảnh chu toàn mới nên.
 Nghìn xưa đó tuổi tên ai đó,
 Hiện giờ đây đã có ai đây,
 Đứng ra xây dựng Đạo Thầy,
 Bằng lòng hy hiến, bằng dây hòa đồng.
 Sự thành bại cùng thông chi sá,
 Lễ dinh hư đông hạ chẳng màng,
 Vai tướng ta liệu cho an,
 Con người đứng nghĩa hành trang đủ đầy.
 Hỡi các em hôm nay hiện diện,
 Lời Tiên Huynh phô diễn cho chung,
 Chung nhau huynh đệ tương phùng,
 Và trong tỷ muội được cùng nhau lo.
 (...)

ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 TÂN HỢI (02-12-1971). ■

NÉT ĐẸP NHÂN VĂN

trong thơ văn Nguyễn Trãi

■ ĐIỀU THUẬN TỔNG HỢP

Nguyễn Trãi, ngoài việc được tôn vinh là một anh hùng dân tộc, Ông còn được tổ chức Unesco tôn vinh là danh nhân văn hóa thế giới. Thế thì điều gì đã khiến ông trở thành một danh nhân văn hóa Việt Nam trên thế giới. Để hiểu được điều đó, chúng ta hãy cùng bước vào vườn thơ văn của Ông

NÉT ĐẸP NHÂN VĂN TRONG THƠ VĂN NGUYỄN TRÃI

Nguyễn Trãi vốn là một người sống trong hoàn cảnh đầy phong ba bão táp vào thế kỷ XV, và đã trực tiếp tham gia vào những biến động của đất nước. Cuộc đời của Ông đầy dẫy những thăng trầm bão táp, nên trong thơ văn của ông đã thể hiện một cách sâu sắc về cuộc đời đầy phức tạp của mình, cùng một tình cảm nhân hậu đối với thiên nhiên, con người mang đậm nét nhân văn cao độ. Ông đã để lại nhiều trước tác văn chương bằng thơ chữ Hán lẫn chữ Nôm thuộc nhiều lãnh vực văn học, lịch sử, địa lý, luật pháp, lễ nghi... song đã bị thất lạc sau vụ án Lê Chi Viên. Các tác phẩm còn lại đến nay của Ông, phần lớn được sưu tập và tập hợp trong bộ *Ức Trai di tập* của Dương Bá Cung, được khắc và in vào năm 1868 đời nhà Nguyễn.

Các trước tác của Ông về thể văn Chính luận có *Quân trung từ mệnh tập*, *Bình Ngô Đại Cáo* và một số bài chiếu, biểu viết dưới thời Lê Thái Tổ và Lê Thái Tông (1433–1442); về lịch sử có *Lam Sơn thực lục*¹, *Vĩnh Lăng thần đạo*

*bi*²; về địa lý có *Dư địa chí*³; về thơ phú có *Ức Trai thi tập*⁴, *Quốc âm thi tập*⁵, *Chí Linh Sơn phú*⁶, *Băng Hồ di sự lục*⁷; ngoài ra Ông còn có một số tác phẩm khác như *Ngọc đường di cáo*, *Thạch khánh đồ*, *Luật thư*, *Giao tự đại lễ* nhưng rất tiếc ngày nay đều không còn. Hầu hết các trước tác của Ông đều biểu lộ tình cảm cao đẹp đối với quê hương đất nước, với con người, với thiên nhiên và hướng con người đến cái thiện, cái đẹp, có giá trị đích thực, cao đẹp trong cuộc sống. Trước tiên là:

1. TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC VÀ CON NGƯỜI

Đối với Nguyễn Trãi, thơ văn là nơi gửi gắm những tình cảm của mình đối với quê hương đất nước, thiên nhiên và con người, là phương tiện để Ông truyền đạt sự đời tinh tế hầu công phá quân giặc bằng ngòi bút chính trị. Chẳng hạn như trong tác phẩm *Quân trung từ mệnh tập*, là tập sách gồm những văn thư do Nguyễn Trãi thay mặt cho Vua Lê Thái Tổ gửi cho các tướng

1. Là quyển lịch sử ký sự ghi chép về công cuộc 10 năm khởi nghĩa Lam Sơn, do vua Lê Thái Tổ sai soạn vào năm 1432.

2. Là bài văn bia ở Vĩnh Lăng – lăng của Vua Lê Thái Tổ kể lại thân thế và sự nghiệp của Lê Thái Tổ.

3. Bộ sách về địa lý học cổ nhất còn lại của Việt Nam.

4. Tập thơ bằng chữ Hán của Nguyễn Trãi, gồm 105 bài thơ, trong đó có bài *Côn Sơn Ca* nổi tiếng.

5. Tập thơ bằng chữ Nôm của Nguyễn Trãi gồm 254 bài thơ, chia làm 4 mục: Vô đề (192 bài), Thời lệnh môn (21 bài), Hoa mộc môn (34 bài), Cẩm thú môn (7 bài). Đây là tập thơ nôm xưa nhất của Việt Nam còn lại đến nay. Bằng tập thơ này, Nguyễn Trãi là người đặt nền móng cho văn học chữ Nôm của Việt Nam.

6. Bài phú bằng chữ Hán, kể lại sự kiện nghĩa quân Lam Sơn rút lên núi Chí Linh lần thứ ba vào năm 1422.

7. Là thiên tản văn bằng chữ Hán do Nguyễn Trãi làm vào năm 1428, kể về cuộc đời Trần Nguyên Đán.

tá nhà Minh trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn từ năm 1423 đến 1427. Trong tập sách này Ông đã dùng văn chương làm vũ khí chiến lược “đánh vào lòng” người. Có thể nói đây là một tập văn chiến đấu “có sức mạnh bằng mười vạn quân”⁸, là một sự kết hợp giữa tư tưởng nhân nghĩa và yêu nước, thương dân. Qua ngòi bút tinh thông, sắc sảo, biến hóa, Nguyễn Trãi đã cho thấy những bức thư của ông là một mắc xích quan trọng trong cuộc luận chiến kéo dài giữa ta và địch. Ông đã thể hiện sự mềm mại, sắc nhọn, nhẹ nhàng mà đánh thép, kết hợp tuyệt diệu giữa lý lẽ thâm thúy, ý nhị, đến gai góc, tài tình bằng một lập luận chặt chẽ, lời lẽ hùng hồn, thể hiện một sự lịch sự nhún nhường, nhưng mang đậm một khí thế áp đảo đối phương, thể hiện một tư thế đứng ở tầm cao, trên kẻ thù và một tư tưởng yêu nước, thương dân sâu đậm. Ví dụ như trong bài “Thư xin hàng”. Bức thư này được viết vào năm Nhâm Dần (1422), khi vua Lê Thái Tổ về núi Chí Linh, bấy giờ lương thảo đã cạn, chỉ còn rau củ và măng tre để nuôi quân, quân sĩ mỗi mệ, vua đành phải tạm hòa hoãn cùng bên cùng bọn Sơn Thọ, Mã Kỳ nhằm mục đích cho quân nghỉ ngơi, rèn luyện chiến cụ, quyền tiền mộ lính hầu chờ dịp khởi nghĩa. Trong thư, Nguyễn Trãi đã nêu rõ tội ác của quân địch và nỗi khổ của nhân dân ta trước gót giày xâm lược của quân Minh, và nêu lên những tấm gương đạo đức của những người làm quan để kẻ địch đồng ý tạm ngưng cuộc chiến, như sau: “Tôi nghe nói: “Sinh đời thái bình, ai chẳng được ở yên; gặp đời Thánh minh, ai chẳng được thỏa sống”. Nay tôi sinh đời bình, gặp thời thịnh, mà lại thường phải than là mất chỗ ở yên là có làm sao? Trước vì tri huyện Đỗ Phú⁹ là người đồng hương, cùng tôi có hiềm khích, nó dứt lốt tham

8. Phan Huy Chú

9. Đỗ Phú là người Hào Lương, gần Lam Sơn, là một tay sai đắc lực của quân Minh. Giữ chức tri huyện, đã dẫn đường đưa quân Minh theo lối tắt đánh úp lên nghĩa quân, lòng bắt gia thuộc của Lê Lợi và của nhiều nghĩa quân, quật mỗ mã tổ tiên Lê Lợi.

chính Lương Nhữ Hốt¹⁰ nói vu cho tôi khinh mạn quan trên, cậy mạnh mà chống lại mệnh trên, nếu không trị trước, tất có lo sau. Nhữ Hốt báo với quan quân binh cùng nội quan Mã Kỳ¹¹ nhân đó cho quan quân đến đánh úp bộ chúng tôi, không kể trẻ già, đều bị chém giết bắt bớ; họ hàng tôi đều tan tác, vợ con tôi đều chia lìa, lại khai quật mồ mã tổ phụ tôi phơi bày hài cốt... Nay nghe quan tổng binh là bực đức lớn ân rộng, tâm như Đặng Vũ¹² dụ địch, chính như Hoàng Bá¹³ dạy dân, thực là dịp cho tôi được đổi lỗi sửa mình. Vậy xin kính sai bọn anh là Lê Vận¹⁴ dâng thư đến viên môn, giải bày oan khổ, cúi xin đại nhân tha cho lỗi đã qua, mở cho đường đổi mới. Nếu được rủ lòng khoan thứ, thật là ơn tạo hóa của Trời Đất vậy.

Ngoài những tác phẩm mang tính chính trị, Nguyễn Trãi còn tiếp thu nhiều nguồn văn hóa tư tưởng trong kinh sách Tam giáo, nhất là Nho giáo, cũng như tinh hoa văn hóa của thời đại Lý – Trần, và những trải nghiệm trong cuộc sống của bản thân mình từ đó dung hòa, nâng cao lên một tầm mức cao đó là luôn gắn liền tâm hồn mình với tư tưởng yêu nước, thương dân, yêu thương con người, thiên nhiên... một cách cao độ để hình thành nên những nét đẹp nhân văn trong thơ văn của Ông.

10. Lương Nhữ Hốt người xã Trào Vịnh, huyện Cổ đảng (sau đổi tên là xã Hội Triều, nay thuộc huyện Hoàng Hóa), là một ngụy quan cao cấp của quân Minh. Hắn trước làm tri phủ Thanh Hóa rồi thăng lên chức tham chính ty bố chính. Chính hắn đã dò la tình hình chuẩn bị khởi nghĩa của Lê Lợi và mật báo cho quân Minh lên đàn áp.

11. Mã Kỳ là một hoạn quan của nhà Minh, khét tiếng tham tàn, bạo ngược. Hắn đã từng giữ chức thái biện sứ chuyên đốc thúc cống phú, vơ vét tài nguyên của đất nước ta. Hắn còn là một võ quan chỉ huy quân Minh ở Thanh Hóa, trực tiếp đàn áp nghĩa quân Lam Sơn.

12. Đặng Vũ: thời Hậu Hán, quân nông dân khởi nghĩa Xích mi vào cửa quan, định đánh phá Trường An, bọn Vương Khuông chống cự không nổi, hết sức dụ dỗ, chiêu hàng được một số nghĩa quân.

13. Hoàng Bá giữ chức thái thú đời Hán được coi là người khoan hòa, nhân chính.

14. Lê Vận vốn họ nhà Trần, là anh vợ của Lê Lợi. Theo Toàn thư thì Lê Lợi phái Lê Vận và Lê Trần mang thư đi giảng hòa.

Quê hương luôn là những gì gần gũi và thiêng liêng nhất của con người; đó cũng chính là nơi xuất phát những tình cảm cao đẹp của Nguyễn Trãi. Tuy phải luôn bận rộn đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho lý tưởng nhân nghĩa, nhưng chưa lúc nào Ông quên cái mảnh đất Côn Sơn¹⁵ muôn ngàn yêu quý đối với Ông với nỗi nhớ thương day dứt về quê nhà:

*“Cố sơn tạc dạ triển thanh mộng
Nguyệt mãn Bình than từu mãn thuyên.”*

(MẠNH HỮNG)

*(Núi cũ đêm qua vẫn vương vào mộng nhẹ
Trăng chửa đầy sông Bình Than, rượu đầy thuyên.)*

Yêu quê hương đất nước, nhà thơ luôn luôn tràn trề một niềm khát vọng là mình phải làm gì cho quê hương đất nước:

*“Gia sơn cách đường nghìn dặm,
Sự nghiệp buồn, đêm trống ba.”*

Nỗi niềm yêu nước, thương dân luôn là điều thao thức khôn nguôi trong thơ văn của Nguyễn Trãi. Ông đã cụ thể hóa mệnh đề trung quân ái quốc của Nho gia vào trong thực tiễn cuộc sống, đó chính là yêu nước. Yêu nước chính là trung với vua, mà hễ yêu nước thì phải yêu dân, vì nước lấy dân làm gốc (quốc dĩ dân vi bản). Tấm lòng yêu nước, thương dân đã được ông thể hiện qua rất nhiều bài thơ và đây là nét ngời sáng trong tâm hồn Nguyễn Trãi:

*“Bui một tắc lòng ưu ái cũ
Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông.”*

(THUẬT HỮNG 5)

Gắn với tình yêu quê hương đất nước là tấm lòng yêu thương con người. Đây là một nét đẹp ngời sáng trong tâm hồn Ông. Trong những năm tháng xa nhà, Ông luôn tha thiết nhớ về quê nhà, về những bà con thân thuộc của mình với nỗi buồn da diết khi không được về thăm mồ mã ông bà nhân tiết thanh minh. Ông nào lòng than thở: *“Thân mình xa ngàn dặm, mồ mã ông bà ở quê không sao giã cỏ thấp hương, Mười*

năm đã qua, những người ruột thịt, quen thân cũ đã chẳng còn ai. Đành mượn chén rượu ép mình uống, không cho lòng cứ ngày ngày xót xa nỗi nhớ quê.” (THANH MINH – dịch).

Ngoài tình yêu quê hương đất nước, và con người thì trong phần lớn thơ văn của Ông gắn liền với thiên nhiên. Đây là điểm nổi bật và sáng tạo tạo nên nét đẹp nhân văn trong thơ văn của Ông. Thiên nhiên là nơi Ông đã đặt tất cả cái hồn, cái tình của mình vào trong đó với một tình cảm nồng hậu, vĩ đại.

2. TÌNH YÊU THIÊN NHIÊN

Có thể nói Nguyễn Trãi là một vì tinh tú của bầu trời văn chương. Với ngòi bút tài ba và tấm lòng yêu thương lớn lao đối với thiên nhiên, Ông đã làm cho cảnh vật thiên nhiên trở nên có hồn, có tình, có ý, có tâm tư và chúng đã biểu lộ những tâm tư một cách kín đáo, triu mến. Thiên nhiên đã trở thành nơi ôm ấp, bao bọc người có tâm hồn thanh cao, yêu đời cho dù đi đến bất cứ nơi đâu, thiên nhiên đều trở thành một nguồn thơ bất tận nên phần lớn thơ văn của Nguyễn Trãi luôn chan hòa một tình cảm sâu đậm với thiên nhiên. Trước vẻ đẹp của thiên nhiên, Ông đã thể hiện những tình cảm của mình một cách hóm hỉnh, tế nhị, sâu sắc trong tình người. Ông yêu thiên nhiên không phải vì ngán ngẫm con đường công danh sự nghiệp mà vì Ông đã đặt trọn tâm mình vào thiên nhiên với một tâm hồn khoáng đạt, đầy lòng yêu thương. Thiên nhiên đối với Nguyễn Trãi luôn vừa là hình ảnh của một người mẹ hiền từ, dịu dàng, thân thiết, luôn mở rộng cánh tay đầy yêu thương triu mến của mình để đón nhận đứa con trở về, vừa là hình ảnh của một người bạn tri âm, tri kỷ để cho ông tâm tình, say ngẫm và bộc lộ những cảm xúc mãnh liệt của một tâm hồn nghệ sĩ. Ông đã xóa bỏ ranh giới, khoảng cách, phân biệt giữa người và thiên nhiên mà đã hòa mình vào đó với một hình ảnh thân tình của tình cảm gia đình sum vầy, nồng ấm yêu thương, mọi người đang quấn quýt bên nhau, “ấp ủ” nhau, khiến cho ta cũng chạnh lòng.

15. Côn Sơn là nơi mà Ông đã từng sống với mẹ tại quê ngoại.

“Cò nằm hạc lặn nên bầu bạn
Ấp ủ cùng ta làm cái, con.”

Điểm hòa hợp tuyệt diệu trong thơ văn của Nguyễn Trãi là giữa thiên nhiên và tâm hồn Ông là một sự gắn gũi, thân thiết, thiêng liêng như tình cảm của con người với con người. Thiên nhiên trong tâm hồn Nguyễn Trãi không chỉ đơn thuần là một thế giới của cỏ cây vô tri vô giác, hay đơn thuần là một đối tượng thẩm mỹ của thi nhân, mà thiên nhiên đó chính là những người bạn chí thân, chí cốt, đồng cảm trong suy nghĩ, chúng có thể chia sẻ mọi nỗi niềm, mọi tâm tư tình cảm, thậm chí cùng chung chí hướng với mình:

“Vượn chim kết bạn non nước quạnh,
Cầm sách cùng nhau ngày tháng trường.”
(TỨC SỰ)

Cũng qua thiên nhiên, Nguyễn Trãi đã phác họa lên lòng tự hào về truyền thống kiên cường của dân tộc chống lại quân ngoại xâm khi đứng trước vẻ đẹp hùng vĩ của cửa bể Bạch Đằng, nơi đã diễn ra những chiến thắng vang dội của Ngô Quyền chống quân Nam Hán và Trần Hưng Đạo đánh tan giặc Nguyên-Mông:

“Gió bắc thổi mặt biển, Thế nước lên cuộn cuộn,
Giương cánh bướm thơ nhẹ lướt qua sông
Bạch Đằng. Như cá sấu bị chặt, cá kình bị phanh,
núi uốn quanh co, như cây giáo chìm, như chiếc
kính gầy, bờ sông lôm chôm.” (BẠCH ĐẰNG HÀI
KHÁU). Hoặc trong bài Côn Sơn ca, Nguyễn Trãi hát về suối, đá, thông, trúc, qua đó Ông thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, và niềm tự hào về cuộc đời thanh cao của mình. Cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp của Côn Sơn đã trở thành tâm hồn của Ức Trai. Với hồn thơ rất đẹp, giàu tính nhân văn, Ông đã để lại dấu ấn đậm đà trong lòng người đọc, đồng thời nhà thơ như chan hòa trong cảnh thiên nhiên tươi đẹp với nhiều màu sắc, âm thanh tươi tắn, rộn ràng như nước chảy, thể hiện một tình cảm thân thiết của mình đối với quê cũ trong những ngày tháng trở về ở ẩn:

“Côn Sơn suối chảy rì rầm
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai
Côn Sơn có đá rêu phơi

Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm
Trong ghềnh thông mọc như nêm
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm
Trong rừng có bóng trúc râm
Dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.”

(CÔN SƠN CA - DỊCH TRONG THƠ CHỮ HÁN)

Qua thơ văn, Ông còn thể hiện một nhân cách thanh cao, trong sạch, gìn giữ phẩm giá của người quân tử trong cuộc sống thanh bần nơi quê nhà. Nhân cách ấy đã được Ông dùng những hình tượng hoa cúc, hoa mai, hoa sen hoặc tùng bách để biểu tượng cho khí tiết của người quân tử, do đó vượt lên trên cả tình yêu, Nguyễn Trãi đã nhìn những loài hoa ấy với tấm lòng trân trọng và thái độ đề cao ca ngợi. Chẳng hạn như Ông đã đặt vào trong hình ảnh hoa cúc cái tâm trong sáng, tinh khiết như ngọc của một con người, là tấm lòng đở đỡ, ngát hương thơm:

“Cõi đông còn thức, xạ cho hương
Tạo hóa sinh thành khác đẳng thường
Chuốt lòng son, chẳng bén tục
Bề tiết ngọc kẻ chi sương
Danh thơm thượng uyển còn phen kịp
Bạn cũ đông ly ất khá nhường.”

(HỒNG CÚC)

Ông đã thể hiện cái khí tiết thanh cao, nhân cách trong sạch của mình qua các vần thơ:

“Phú quý chẳng tham thanh tựa nước
Lòng nào vấy mỡ hơi hơi.”

(NGÔN CHÍ)

Hay:

“Nhất phiến đan tâm chân hống hỏa
Thập niên thanh chúc ngọc hồ băng.”¹⁶

(MẠNH HỮNG 4)

Với một chí khí hào hùng, mạnh mẽ, khẳng khái cùng một nhân cách cao thượng, Nguyễn Trãi luôn có ý thức vươn lên trong cuộc sống, vượt qua mọi thử thách để khẳng định ý chí hào hùng của mình.

16. “Một tấm lòng son như thuốc luyện
Mười năm chúc sạch tựa bầu băng”
(Trần Hà Nam - dịch).

*“Khó khăn thì mặc có màng bao
Càng khó bao nhiêu chí mới hào.”*

Và dù trong bất cứ hoàn cảnh nào ta cũng thấy nhà thơ luôn giữ được phong thái ung dung, tự tại:

*“Đứng đỉnh chiều hôm dặt tay
Trông thế giới phút chim bay
Đạp áng mây, ôm bó củi
Ngồi bên suối gác cần câu
Quét trúc bước qua lòng suối
Thường mai về đạp bóng trăng.”*

Tuy cuộc đời của Ông đầy dẫy những thăng trầm dâu bể với bao đau đớn, bất hạnh đến với mình, nhưng lúc nào Ông cũng nhìn đời bằng con mắt đầy tin yêu, hy vọng:

*“Tuổi cao tóc bạc cái râu bạc
Nhà ngạt đèn xanh, con mắt xanh.”*

Đến với thiên nhiên, Nguyễn Trãi không đơn thuần chỉ là việc chiêm nghiệm, tận hưởng vẻ đẹp của thiên nhiên mà còn là một sự thôi thúc của khát khao, khám phá phát hiện ra những quy luật của thế giới xung quanh để hiểu rõ hơn về con người, về lòng người và thời thế để đúc kết thành những triết lý sống vô cùng quý giá, đồng thời cũng viết về tình cảm nhân văn giữa con người với con người như nghĩa vua tôi, tình cha con sâu sắc:

*“Quân thân chưa báo lòng canh cánh
Tình phụ còm trời áo cha.”*

Những bài thơ của Nguyễn Trãi dù viết về thiên nhiên hay con người đều rất gần gũi trong cuộc sống, nó làm nổi bật hơn về vẻ đẹp nhân bản, nhân văn trong tâm hồn người anh hùng Nguyễn Trãi.

Nguyễn Trãi không chỉ là nhà thơ, nhà văn mà còn là một nhà giáo dục học. Ông đã để lại một số lượng thơ ca rất quý giá ghi lại những bài học, triết lý mà Ông đã từng trải nghiệm và chiêm nghiệm trong cuộc đời của mình để cho người đời sau như chúng ta suy gẫm, học hỏi.

3. BÀI HỌC ĐẠO ĐỨC QUÝ BÁU TRONG CÁC TÁC PHẨM THƠ VĂN CỦA NGUYỄN TRÃI

Nói đến thi văn mang tính giáo dục của Nguyễn Trãi, không thể không nói đến tác phẩm Gia huấn ca với nội dung nhằm hướng đến việc rèn luyện phẩm chất tốt cho con trẻ, vốn là tài sản vô cùng quý giá của gia đình và xã hội. Muốn cho trẻ có được một nhân cách, phẩm chất tốt thì việc giáo dục con trẻ ngay trong gia đình là một việc vô cùng quan trọng, đây chính là trường học đầu tiên của trẻ và ông bà cha mẹ chính là những người thầy mẫu mực dạy cho con cháu những điều hay lẽ phải. Chính vì thế từ xa xưa tác phẩm Gia Huấn ca của Nguyễn Trãi đã được ông cha ta sử dụng để giáo dục, răn dạy và khuyên nhủ con cháu thông qua những lời hay, ý đẹp, nhẹ nhàng, dễ hiểu, dễ nhớ. Trong tác phẩm, Ông đã dạy bảo con người hành tròn Nhơn đạo trên mọi cương vị: làm cha, làm con, làm anh chị, làm chồng làm vợ... và đặc biệt đề cao vai trò hiếu đạo của con người, đó vốn là một truyền thống quý báu của dân tộc ta. Ông dạy bốn phận làm con thì phải:

*“Dù nội, ngoại hai bề cũng vậy,
Đừng thành hanh bên ấy, bên này,
Cù lao đội đức cao dày,
Phải lo hiếu kính đêm ngày khăng khăng.
(...)*

*Đối với anh chị em trong nhà thì:
Đạo em thì phải trông lên,
Đạo chị trông xuống cho êm đẹp chiều.
Miếng bùi ngọt chia đều như một,
Khi nắng mưa ấm sốt đỡ tay,
Với nhau như bát nước đầy,
Lá lành đùm bọc bóng cây rườm rà!”*

Bậc làm cha mẹ, phải chăm nom, dạy bảo con cái ăn ở sao cho có đức, có nhân:

*“Lấy điều ăn ở dạy con,
Dẫu mà gặp tiết nước non chuyển vẫn.
Ở cho có đức có nhân,
Mới mong đời trị được ăn lộc trời.
Phận con gái thì phải có công có hạnh:
Phận làm gái ở cùng cha mẹ,
Lòng phải chăm học khéo học khôn,
Một mai xuất giá hồi môn,*

Phận bổ liễu giá trong như ngọc.”

Ngoài tác phẩm Gia Huấn Ca, Nguyễn Trãi còn có những bài với nội dung phong phú, đa dạng mang một giá trị sâu sắc vượt thời gian nhắm vào các đối tượng ở những cương vị khác nhau, chẳng hạn như đối với bậc làm vua thì Nguyễn Trãi đã có một tinh thần đi trước thời đại, Ông ý thức rõ vua là một người có vai trò rất quan trọng và mọi tư tưởng đạo đức, đường lối của vua đều có ý nghĩa quyết định sống còn đối với vận mệnh của đất nước, của nhân dân; chính vì thế ông thường khuyên nhà vua nên sống vì dân vì nước, nên đem tấm lòng của mình mà coi sóc muôn dân, chăm dân không nên để mất lòng dân và phải biết trân trọng dân, ghi ơn dân vì dân chính là cội rễ, là sức mạnh của dân tộc:

“Đem dân, mưa để mất lòng dân.”

(BẢO KÍNH CẢNH GIỚI, LVII)

Hay: *“Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày.”*

Còn đối với quan lại, là những người giúp vua để chặn dắt muôn dân thì Nguyễn Trãi hướng họ trở thành quan thanh liêm trong sạch, hết lòng phục vụ nhân dân, và phải luôn giữ khí tiết, lấy gương chính trực của Bao Chửng, gương trung trực của Ngụy Trưng để rèn mình đồng thời phải chấp hành tốt công vụ, không được có lòng riêng tư, phải có chí nhân, có như thế lòng quan sẽ vững như chân núi, không sợ bão táp phong ba của thời đại:

“Đạo ta cây bời chân non khỏe

Lòng thế tin chi mặt nước bằng.”

Còn đối với người làm tôi thì phải giữ tròn đạo trung, thực hiện đạo Trung dung đó là phải tùy thời mà trung, chỉ trung với những vị vua nào biết thuận với lẽ trời, hợp với lòng người, biết thực hiện đúng với đạo lý, luôn bên vực, đứng về quyền lợi của nhân dân:

“Văn chương chép lấy, đòi câu thánh,

Sự nghiệp nên gìn phải đạo Trung.”

(BẢO KÍNH CẢNH GIỚI, V)

Còn bốn phận người làm dân thì phải hành tròn Nhơn đạo, trong gia tộc cùng chung dòng máu thì phải biết đùm bọc, thương yêu nhau:

“Yêu trọng người dưng là của cải

Thương vì thân thích nghĩa chân tay.”

(BẢO KÍNH CẢNH GIỚI, XVIII)

Là bậc cha mẹ trong gia đình, thì ngoài việc lo cho đời sống vật chất của con cái còn phải biết làm điều thiện để tích đức cho con cái trong gia đình:

“Ngó cửa Nho, chờ khách đến

Trông cây đức, để con ăn.”

(MẠNH THUẬT, V)

Là con cái trong gia đình thì phải nhớ công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ, phải giữ lòng hiếu đễ: “Thờ cha lấy thảo làm phép” (BẢO KÍNH CẢNH GIỚI, LVII).

Ngoài ra, Nguyễn Trãi cũng luôn xem trọng việc học hành của các thế hệ đi sau vì hiếu học chính là một truyền thống quý báu của ông cha ta qua bao thế hệ. Việc học sẽ đem lại nhiều tác dụng cho mình: học để lập thân, để hiểu biết đạo lý thánh hiền, để tích lũy kiến thức trong cuộc sống, hoàn thiện bản thân mình và sống có ích cho mình, cho mọi người. Vì thế, cho dù có gặp hoàn cảnh khó khăn, ngặt nghèo cũng không được bỏ bê sách vở.

“Con cháu chớ hiểm sớm tối ngặt

Thi thư vật ấy báu nghìn đời.”

(NGÔN CHÍ, X)

Việc thương yêu, hòa thuận, nhường nhịn lẫn nhau cũng được Ông đề cập đến vì theo Ông, mọi việc “dĩ hòa vi quý”, làm người phải ăn ở sao cho có lương thiện, phải biết lấy nhu khắc cương, lấy đức độ đối đãi với mọi người để tránh những điều xung đột:

“Ở thế an nhàn chẳng có sự,

Nghìn muôn tôi nhượng, chớ đua tranh.”

(BẢO KÍNH CẢNH GIỚI, IX)

Trong cuộc sống, con người phải tự mình biết kiểm chế cơn giận, nhẫn nhịn nhau để tạo chữ hòa:

“Giận làm chi, tổn khí hòa

Nhẫn xong thì vạn sự qua.”

(GIỚI NỘ)

Nhưng đồng thời, Ông cũng dạy việc nhường nhịn không có nghĩa là con người nhắm mắt

làm ngơ trước cái xấu, mà phải biết bảo vệ lẽ phải để sống có nghĩa, có nhân và phải biết ăn ở cho ngay thẳng:

“Thấy lợi thì làm cho phải nghĩa

Mùa tà mặt khiến lẫn lòng đăm.”

(BẢO KÍNH CẢNH GIỚI, XLVI)

Có thể nói những lời dạy đạo đức của Nguyễn Trãi qua thơ văn rất gần gũi, giản dị và thiết thực với đời sống con người. Điều đó xuất phát từ kinh nghiệm sống của cá nhân Ông, nên nó có sức thuyết phục rất cao, và những quan điểm giáo dục của Ông là nhằm bảo vệ truyền thống đạo đức của dân tộc.

KẾT LUẬN

Nguyễn Trãi là một bậc anh hùng tài ba lỗi lạc, đồng thời là một thiên tài trong văn học. Ông chính là sự kết tinh những tinh hoa của nhiều thế kỷ. Tư tưởng của Ông luôn đi trước thời đại, và điểm đặc sắc nổi bật trong thơ văn của Ông đó chính là Ông đã kế thừa và vận dụng thơ luật của Trung Hoa để sáng tác những áng thơ văn bằng chữ Nôm thể hiện tiếng nói của dân tộc qua 254 bài thơ trong Quốc Âm thi tập còn lưu giữ đến ngày nay. Đây là tập thơ Nôm cổ nhất hiện còn và là tài sản tinh thần vô giá của dân tộc ta. Những hình ảnh thiên nhiên trong bút pháp thơ Nôm của Nguyễn Trãi có nét khác với thơ chữ Hán ở chỗ nó thể hiện sự trong sáng, tinh tế, giản dị, dạt dào cảm xúc, tràn trề thi hứng với những hiện tượng bay bổng bất ngờ biểu hiện qua thi từ mộc mạc, dân dã, đậm tình dân tộc. Những bài thơ thiên nhiên của Nguyễn Trãi thể hiện lòng lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống. Nó khẳng định chỗ đứng của Nguyễn Trãi ở giữa cuộc đời, trong lòng nhân dân với hình ảnh một con người có cuộc sống thoát tục, tuy vào trường công danh nhưng không vướng bụi trần và tạo nên một nét đẹp nhân văn trong thơ văn. Đồng thời, Ông cũng để lại những bài học quý báu cho chúng ta về nhân sinh và truyền thống làm người thể hiện rõ nét qua tác phẩm Gia Huấn Ca và những bài thơ Nôm trong Quốc Âm thi tập.

Chính vì những đóng góp to lớn của Ông cho nền văn hóa dân tộc và thế giới nên Ông được Unesco tôn vinh là danh nhân văn hóa thế giới, làm nên niềm tự hào cho dân tộc Việt Nam.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Võ Thị Xoan – “Nguyễn Trãi mang theo gì khi đến với thiên nhiên?” (ĐHSH TP. HCM).
- Đinh Thị Thu Phương – “Quốc Âm thi tập – Những bài học đạo đức quý báu.” (ĐHSH TP. HCM).
- PGS.TS. Nguyễn Công Lý – “Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long và 630 năm ngày sinh của Nguyễn Trãi.” (Khoa Văn học và Ngôn ngữ, ĐH KHXH&NV-ĐHQG TP.HCM).
- “Thơ Nguyễn Trãi” (TÀI LIỆU INTERNET, 22-9-2007).
- Nguyễn Trãi (WIKIPEDIA).
- “Quần trung tử mệnh tập” (TÀI LIỆU INTERNET, 09-02-2011).
- “Nguyễn Trãi: Sự hội tụ của tinh hoa văn hóa thời Lý-Trần” (TÀI LIỆU INTERNET, 14-7-2011).
- Báo Quân đội nhân dân – “Thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi” (26-5-2011).
- Trần Hà Nam – “Thơ thiên nhiên trong Ước trãi thi tập và Quốc âm thi tập”.
- “Gia Huấn Ca – Nguyễn Trãi và Gia pháp – Gia lễ” (TÀI LIỆU INTERNET).
- “Bàn về tư tưởng Nhân nghĩa của Nguyễn Trãi” (TÀI LIỆU INTERNET).
- Nguyễn Duy Cách – “Nguyễn Trãi – Danh nhân văn hóa thế giới: Anh hùng dân tộc Việt Nam”.
- “Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi trong Bình Ngô Đại cáo” (TÀI LIỆU INTERNET).
- “Phật kinh trong thơ văn Nguyễn Trãi và Nguyễn Du” (TÀI LIỆU INTERNET, 16-01-2012).
- “Ba danh nhân văn hóa thế giới người Việt Nam” (TÀI LIỆU INTERNET, 01-02-2010).
- Tiến sĩ Nguyễn Danh Bình – “Nguyễn Trãi” (TÀI LIỆU INTERNET).
- Lương Minh Cù, Nguyễn Thị Hương – “Về tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi” (TÀI LIỆU INTERNET, 25-11-2010).■



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

CỦA PHÒNG KHÁM BỆNH PHƯỚC THIỆN

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Từ 01-6 Tân Mão 2011 đến 01-6 Nhâm Thìn 2012.

■ KIM TRINH

BAN BIÊN TẬP: Do Đạo tỷ Kim Trinh đọc tại buổi lễ kỷ niệm ngày thành Đạo của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và kỷ niệm 22 năm ngày thành lập Phòng Khám bệnh Phước thiện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo (1990-2012) •

Hôm nay, ngày 19-6 Âm lịch, như lệ hàng năm, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo thành kính thiết lễ Kỷ niệm ngày thành đạo của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và Kỷ niệm 22 năm hoạt động của Phòng Phước thiện Cơ Quan.

Trong bầu không khí thiêng liêng đầy ân điển, chúng tôi xin đại diện Phòng Phước thiện Cơ Quan trân trọng kính chào và chúc sức khỏe quý quan khách, quý đạo tâm về dự lễ.

Thưa quý vị,

Năm Canh Ngọ 1990, được sự chỉ đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và sự ủng hộ nhiệt tình của chánh quyền địa phương, Phòng Khám bệnh Phước thiện đã được thành lập và khai trương vào ngày lễ thành đạo của Đức Bồ Tát.

Từ đó, từ những buổi đầu còn sơ khai, rồi nhờ sự giúp đỡ của quý vị ân nhân, Phòng Khám bệnh Phước thiện đã từng bước trưởng thành và đạt được kết quả như ngày hôm nay.

Qua 22 năm, một chặng đường dài với nhiều lo lắng ưu tư, và cũng không biết bao nhiêu niềm vui khi được chia sẻ cùng bệnh nhân những ngày tháng tật bệnh khó khăn. Giờ đây nhìn lại những

ngày qua với những ưu khuyết điểm, chúng tôi có được kinh nghiệm cho những ngày sắp tới. Điều chắc chắn rằng chúng tôi sẽ vững đức tin và mạnh tiến trên con đường mình đã chọn.

Thưa quý vị,

Thời gian qua, Phòng Phước thiện hoạt động điều hòa, khám bệnh, cấp thuốc, cấp gạo miễn phí, cấp quần áo cho những người neo đơn, xây nhà tình thương, tặng học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học và những công tác xã hội khác.

Nhờ vào sự quyết tâm và bền chí của toàn thể nhân viên, chúng tôi cảm thấy vững lòng trong công việc, tạo được niềm tin cho bệnh nhân và chánh quyền địa phương.

Để có được kết quả ngày hôm nay, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của quý Đạo trưởng, quý Đạo tử Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, quý vị ân nhân đạo hữu xa gần, quý đồng nghiệp đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian dài. Xin cảm ơn chính quyền địa phương đã tạo mọi điều kiện thuận lợi và dễ dàng cho chúng tôi.

Năm nay, chúng tôi có thêm 1 bác sĩ vừa tốt nghiệp sẽ đóng góp công quả vào việc khám bệnh trong tương lai.

Hiện nay, về:

Nhân sự: Phòng Khám bệnh Phước thiện có 3 bác sĩ và 6 nhân viên, làm việc mỗi tuần 3 ngày vào buổi chiều thứ Ba, thứ Năm, và thứ Bảy.

Hoạt động của Phòng khám:

- Khám bệnh, cấp thuốc, cấp gạo miễn phí, cấp quần áo cho các bệnh nhân neo đơn;
- Khám sức khỏe cho các đạo hữu.

Năm 2011, vào dịp lễ Vu Lan, Tết Nguyên Đán, chúng tôi tặng quà cho bệnh nhân gồm: 52 thùng mì, 150 gói sữa bột, 220 chai nước tương, 573 hộp trái cây xay dinh dưỡng.

Năm qua Phòng Phước Thiện đã thực hiện:

- Tổng số buổi khám: 142 buổi;
- Tổng số bệnh nhân: 2.812 người;
- Tổng trị giá thuốc cấp miễn phí: 64.598.201 đ;
- Tổng số gạo: 835 kg gạo.

Ngoài ra, trong năm qua, Phòng Khám bệnh Phước thiện Cơ Quan có giúp:

- Trường Vừa Học Vừa Làm phường Nguyễn Cư Trinh 1.837.000 đ tiền thuốc;
- Trường Tình Thương Fatima: 1.480.000 đ tiền thuốc;
- Thánh tịnh Tân Minh Quang: 1.647.115 đ tiền thuốc;
- Thánh thất Bàu Sen: 439.000 đồng tiền thuốc;
- Thánh tịnh Ngọc Minh Đài: 1.950.000 đ tiền gạo;
- Hợp tác với Tổ Từ thiện Bảo Hòa;
- Nấu cơm miễn phí cho các bệnh viện: 7.800.000 đ tiền gạo.

Như vậy, trong năm 2011:

- Tổng số tiền thuốc ủng hộ các đơn vị bạn: 6.529.230 đ;
- Tổng số tiền gạo: 9.750.000 đ.

Ngoài ra, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã chung tay với Phường Nguyễn Cư Trinh:

- Xây 1 nhà tình thương trị giá 15.000.000 đồng;
- Tặng 2 học bổng Nguyễn Thị Minh Khai.

Chương trình theo dõi, chăm sóc sức khỏe cho các vị lãnh đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đang được tiến hành.

Kính thưa quý vị,

Chúng tôi luôn ước mong được phục vụ bệnh nhân ngày càng hữu hiệu hơn. Cầu nguyện Đức Quan Thế Âm hộ trì cho chúng đệ tử được vững vàng trên đường phục vụ nhưn sanh.

Một lần nữa, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, Ban Lãnh đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo và quý vị ân nhân.

Xin cảm tạ sự hiện diện của quý Thiên phong Chúc sắc, quý vị đại diện tôn giáo bạn, quý vị ân nhân, quý đạo tâm đã mang đến cho chúng tôi niềm vinh dự và tình cảm thấm thiết ngày hôm nay.

Xin kính chúc toàn thể chư vị hiện diện được nhiều sức khỏe, thân tâm an lạc và được sự hộ trì của Đấng Từ Bi.

Trân trọng kính phúc trình.■

TÔI VỀ THẬT

■ CÔNG HUY

Tôi về Thật,
 Không chỉ vì tu theo Đạo.
 Còn vì em mặc chiếc áo trắng dài bay,
 Như vẫy gọi trong ngày đàn lệ,
 Và nụ cười mang Thánh thể thấy hay hay.
 Tôi về Thật,
 Để tỏ bày lòng ngưỡng mộ,
 Thượng Đế trên cao, vô số các Thiên thần
 Nào ai biết
 Cũng một phần nhờ em đó nhé,
 Tiếng kinh cầu nghe tha thiết giọng nam ai.
 Khi trầm, bổng nhẹ nhàng thư thái,
 Lúc khoan thai, thoát tục giữa vô thường.
 Tôi về Thật
 Theo tiếng gọi “Tình thương và lẽ thật”.
 Dẫu vô hình vô sắc lẫn vô thanh.
 Và trân trọng mong manh tà áo trắng
 Báo tin mừng Chơn Giáo đã hoàng khai.■

LẶNG LẼ



■ HỒNG PHÚC

Tôi vẫn khách đường xa nơi quán trọ
 Đếm tháng ngày lặng lẽ chốn trần gian
 Đời miên man cô độc với mây ngàn
 Không một bóng thoáng qua tình tri kỷ.
 Không thể có giữa cuộc đời vị kỷ

Tình tri âm trên vạn nẻo về nguyên
 Chỉ mang thêm hành lý nổi muộn phiền
 Vì mỗi khách lữ hành riêng quả nghiệp.
 Trong lặng lẽ hư không bùng thông điệp,
 Bước hoàn nguyên không chia sẻ được đâu
 Với Thiêng Liêng, từng giây phút nguyện cầu
 Cho tâm sáng nhận suối nguồn vũ trụ.
 Sống trung chánh là những gì cần đủ,
 Để nhận ra từng ngõ ngách quy nguyên;
 Đùng phí công trong ngã mạn cầu tìm
 Đường thiên lý ngút ngàn sương ảo ảnh
 Đếm nhịp thở trên bước về nẻo Thánh
 Phút công phu là trở ngược thời gian
 Để linh hồn tìm lại thuở hồng hoang
 Cho tình thức lùi xa chìm hư ảnh.■

Thánh tịnh An Hòa Phổ hóa...

(TIẾP THEO TRANG 69)

Thập Nhị Thời Quân đến làm lễ khai đàn, lập đàn cơ và phong chức sắc cho những vị có tên như sau:

NAM PHÁI:

1- Giáo hữu Ngọc Phát Thanh, 2- Giáo hữu Ngọc Hộ Thanh, 3- Giáo hữu Thái Huệ Thanh, 4- Lễ sanh Thái Ổi Thanh, 5- Lễ sanh Thái Giá Thanh, 6- Lễ sanh Thái Thàng Thanh, 7- Lễ sanh Thượng Tỏ Thanh.

NỮ PHÁI:

1- Giáo hữu Hương Hiển, 2- Giáo hữu Hương Thuận, 3- Giáo hữu Hương Xuân, 4- Giáo hữu Hương Nguyên.

11 vị chức sắc trên đây ở xã Bình Trưng và

sau này là chức sắc của Thánh tịnh Hòa Phương Nhơn Sĩ (hiện nay thuộc huyện Châu Thành).

Sau khi tạo dựng xong Tam Đài, tiếp theo là xây dựng Đông lang, Tây Lang bằng cây săng trắng do bà Cả Thơ ở xã Phú Phong hiến cúng.

Lúc này là thời kỳ Tiên Thiên Đại Đạo hoàng khai nên lần lượt trong 72 Thánh tịnh được lệnh dạy khai mở nhiều đại hội như Cửu Huê Đẳng, Đào Viên Đại hội, Đại hội Bình Linh, Bình Dương, Long Hoa và Đại hội Long Vân.

Ngày 22-11 Kỷ Mão (01-01-1940), nhân Đại hội Long Vân Đệ Thập Nhất tại Thánh tịnh Tây Tông Vô Cực, một quyết định lịch sử được đề ra theo hướng hòa hiệp giữa các chi phái, thống nhất dùng kinh nhật tụng của bảy phái hiện diện (Minh Thiện, Tiên Thiên, Hậu Giang, Trung Thành (Truyền Giáo sau này), Ban Chính Đạo, Bạch Y Liên Đoàn và Nữ Phái (Nữ Chung Hòa Phái). Phái Tiên Thiên do quý Ngài Nguyễn Tấn Hoài và Nguyễn Bửu Tài đại diện ký với nội dung: “A- Ngày thường và đại lễ phải đọc 4 bài kinh cũ bằng Hồn tự: a) Xưng tụng Đức Đại La Thiên Đế, b) Xưng tụng Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, c) Xưng tụng Đức Đạo Tổ, d) Xưng tụng Đức Văn Tuyên Khổng Thánh.

B- Khi có ngày vía Thầy, Đức Diêu trì Kim Mẫu, Tam Giáo, Tam Trấn cùng Đức Gia Tô

thì sẽ đọc một trong mười bài kinh Nôm.” Từ đó việc dùng kinh nhật tụng của các phái Cao Đài hầu hết đều giống nhau và Thánh tịnh Hòa An Phổ Hóa của Tiên Thiên Đại Đạo cũng đồng hưởng ứng theo quyết định chung.

Từ ngày thành lập đến nay, Thánh tịnh Hòa An Phổ Hóa trải qua các đời Hội Trưởng như sau:

1. Giáo sư Nguyễn Văn Dệt, Chủ tịch.
2. Giáo hữu Nguyễn Văn Thâu, Hội Trưởng.
3. Giáo hữu Nguyễn Văn Hộ, Hội Trưởng.
4. Giáo hữu Nguyễn Khánh Vân, Hội Trưởng.
5. Lễ sanh Ngô Duy Khuê, Hội Trưởng.
6. Giáo hữu Võ Văn Thuần, Hội Trưởng.
7. Giáo hữu Nguyễn Văn Song, Hội Trưởng.
8. Giáo sư Nguyễn Văn Chuộng (Ba Bộ), Hội Trưởng.
9. Giáo sư Ngô Duy Châu, Hội Trưởng.
10. Giáo sư Lê Văn Thành, Hội Trưởng 1970-1975
11. Giáo sư Nguyễn Văn Bé, Hội Trưởng 1975-1995.
12. Giáo hữu Huỳnh Văn Phiến, Hội Trưởng 1995-2000.
13. Giáo hữu Ngô Duy Trưng, Hội Trưởng 2000-2010.
14. Giáo hữu Nguyễn Văn Tèo, Hội Trưởng 2010-2015.

(Dựa theo tài liệu ngày 06-7-2011 của tu sĩ Nguyễn Văn Mến.)■

CHỮ HIẾU TRONG MÙA VU LAN

(TIẾP THEO TRANG 74)

đạo và tiến thêm bước nữa là học phần Thiên đạo đại thừa, để trở về cõi thiêng liêng hằng sống. Người tu phải hiểu cho được đạo lý: Linh hồn thọ bẩm của Trời ban, còn thân xác do mẹ cha tạo thành. Vì vậy, phải biết ân Trời, và biết quý sanh mạng này, nhờ thân xác này mà ta có thể tu hành, để tiến hóa trở về nguồn cội.

Trong mùa Vu Lan này, nếu ai có diễm phúc còn cha còn mẹ thì hãy nhớ câu ca dao:

*Mẹ già ở túp lều tranh,
Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.*

Hoặc là:

*Dây bầu dây mướp cùng leo,
Sớm hôm nuôi mẹ, giàu nghèo sá chi.*

Nếu cha mẹ không còn, cố gắng tích cực siêng năng đi cúng cầu siêu cho các vong linh, trong đó có cả cữu huyền thất tổ của mình. Đó là ta đã góp phần thực hiện chữ Hiếu vậy.■

Mấy ai biết rằng, cách xa nửa vòng trái đất, tên tuổi của vị vua anh minh Trần Nhân Tông đã được đặt tên cho một viện nghiên cứu đặt tại thành phố Boston, Hoa Kỳ.

Viện được thành lập do một nhóm nhà nghiên cứu tại Trường Đại học Harvard, một trong những cái nôi của trí tuệ nước Mỹ và do Giáo sư Thomas Patterson làm chủ tịch. Điều gì khiến vị giáo sư này quyết định trở thành chủ tịch Viện Trần Nhân Tông (Tran nhan tong Academy)? Giáo sư Thomas Patterson cho biết: “Khi được mời giữ vai trò lãnh đạo tại Viện Trần Nhân Tông, tôi đã chấp nhận với tất cả sự nhún nhường. Nhiều năm trước, tôi là một người lính Mỹ tới Việt Nam và tôi đã đem lòng yêu đất nước, con người và lịch sử của Việt Nam. Đó là thời điểm lần đầu tiên tôi nhận biết về Trần Nhân Tông, vị vua đã hoàn thành được điều mà nhiều người không làm được: chiến thắng quân Mông Cổ trong thế kỷ XIII. Tuy nhiên, mãi đến năm 2010 tôi mới có được một sự hiểu biết đầy đủ về tầm vóc của ông khi tôi cùng vợ đến viếng Yên Tử ở Quảng Ninh. Chính vào thời điểm này tôi bắt đầu ngưỡng mộ sự hy sinh lớn lao của

ông đối với đất nước. Tôi rất vinh dự khi được đóng góp một phần nhỏ trong việc thúc đẩy di sản Trần Nhân Tông để lại, thu hút sự quan tâm của mọi người ở Việt Nam và nơi khác”.

Giáo sư Thomas Patterson hiện là Giám đốc nghiên cứu Trung tâm Shorenstein thuộc Đại học Harvard, được đánh giá là Trung tâm nghiên cứu Báo chí, Chính trị và Chính sách công uy tín trên toàn cầu, nơi thu hút được nhiều nhà lãnh đạo truyền thông, nhà báo nổi tiếng thế giới về đây nghiên cứu. Trung tâm Shorenstein cũng là nơi tổ chức các giải thưởng báo chí lớn như Goldsmith và các hội nghị Theodore H. White nổi tiếng thế giới về báo chí và chính trị.

Mục đích dài hạn mà Viện Trần Nhân Tông Academy đề ra gồm 1-Tổ chức nghiên cứu về Trần Nhân Tông theo chuẩn mực quốc tế, đồng thời xuất bản các kết quả nghiên cứu, các ấn phẩm về Trần Nhân Tông bằng nhiều loại hình, 2-Thúc đẩy, ứng dụng những tư tưởng nhân ái, giàu trí tuệ của Phật hoàng Trần Nhân Tông vào cuộc sống, 3-Quảng bá những giá trị tư tưởng và sự nghiệp vĩ đại của Trần Nhân Tông trên toàn thế giới.

■ V.T. ST.

Viện Trần Nhân Tông TẠI HOA KỲ



Trước mắt, trong giai đoạn 2012–2017, viện này dự kiến tổ chức Giải thưởng quốc tế Trần Nhân Tông về Hòa giải và Yêu thương hằng năm. Nhân dịp công bố giải thưởng này, dự kiến vào tháng 9 tới đây sẽ tổ chức Hội nghị quốc tế Trần Nhân Tông tại Boston.

Ý TƯỞNG VỀ MỘT VIỆN TRẦN NHÂN TÔNG

Thật ra ý tưởng thành lập Viện Trần Nhân Tông do nhà báo Nguyễn Anh Tuấn, cựu Tổng biên tập VietnamNet, đề xuất từ năm 2009. Sau đó được cụ thể qua buổi trình diễn nhạc giao hưởng chủ đề “Hòa giải và yêu thương” ngày 22-4-2010 tại Nhà hát Lớn của thủ đô Hà Nội. Hiện nay ông Tuấn đang làm công việc nghiên cứu tại Trung tâm Báo chí, Chính trị và Chính sách công Shorenstein – Đại học Harvard. Ông cho biết, sáng kiến thành lập Viện Trần Nhân Tông và Giải thưởng quốc tế Trần Nhân Tông về Hòa giải và Yêu thương của ông đã nhận được sự ủng hộ của các giáo sư có uy tín tại Đại học Harvard.

Vào ngày 16-2-2011, tại Hà Nội, một hội nghị về vấn đề này cũng được tổ chức với sự có mặt của nhiều học giả trong đó có cựu Tổng thống Latvia Vaira Vike-Freiberga. Chính Giáo sư Thomas Patterson là người đề xuất ý tưởng và phương án để Viện Trần Nhân Tông triển khai xây dựng bảo tàng Trần Nhân Tông ở Hà Nội. Ông cũng động viên vợ là nhà làm phim tài liệu có uy tín ở Mỹ bà Lorie Conway sang Việt Nam làm phim tài liệu về vua Trần Nhân Tông.

Giáo sư Thomas Patterson cho biết nhiều bạn



PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG.

đồng nghiệp của ông ở Harvard cùng với một số nhà báo lớn ở Mỹ rất trân trọng và sẵn sàng đồng hành cùng Viện Trần Nhân Tông, bởi tư tưởng, minh triết và sự nghiệp của Trần Nhân Tông thực sự là một giá trị rất quý không chỉ của dân tộc Việt Nam mà còn của cả nhân loại.

Như vậy, cùng với Hòa nhạc Trần Nhân Tông chủ đề Hòa giải và Yêu thương được tổ chức hằng năm vào tháng 8 tại Boston, Viện Trần Nhân Tông đã nhận được sự đồng hành của một số nhà lãnh đạo có uy tín, của các học giả lớn ở Harvard và vùng Boston, cùng với tâm huyết của các nhà khoa học, nhà văn hóa tại Việt Nam như Nhà văn hóa Việt Phương, Giáo sư Hoàng Tụy, Giáo sư Phan Huy Lê, Phó Giáo sư Trần Ngọc Vương...

GIẢI THƯỞNG TRẦN NHÂN TÔNG – GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ MANG TÊN VỊ VUA VIỆT

Ngày 19-6 vừa qua, Viện Trần Nhân Tông chính thức công bố Giải thưởng quốc tế và Hội nghị Trần Nhân Tông về hòa giải yêu thương tại trang web Tranhantongprize.org. Sự kiện này sẽ được tổ chức vào ngày 22-9 tới đây tại Đại học Harvard, Hoa Kỳ. Giáo sư Thomas Patterson làm Chủ tịch giải thưởng này.

Giải thưởng sẽ được xét chọn hằng năm cho những người bằng hành động, ảnh hưởng của mình có những đóng góp nổi bật cho sự nghiệp hòa giải và yêu thương nhân loại, xây dựng tình hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc, tôn giáo giải quyết các mối xung đột, chấm dứt chiến tranh,



những người đóng góp to lớn trong việc gìn giữ và bảo vệ môi trường sinh thái trên thế giới.

Hội đồng cổ vấn giải thưởng bao gồm nhiều nhân vật uy tín như bà Vaira Vike-Freiberga, cựu Tổng thống Latvia; ông Michael Dukakis, cựu Thống đốc bang Massachusetts; bà Ann Mc Daniel, Phó chủ tịch thường trực Washington Post; bà Robin Sproul, Phó chủ tịch – Giám đốc chi nhánh Washington DC, ABC News; ông Phil Barboni, Chủ tịch và Giám đốc điều hành Global Post và nhiều học giả trong nước.

Nói về ý nghĩa của giải thưởng Trần Nhân Tông, Giáo sư Daniel Shapiro, của Trường Luật Harvard so sánh: “Một năm thế giới mất đi 3.000 tỉ USD để giải quyết những vấn đề như chiến tranh, bạo loạn, xung đột, thiên tai. Nếu thế giới ngăn chặn được thì sẽ tiết kiệm được một khoản tiền lớn để đầu tư vào kinh tế và giải quyết được những vấn đề lâu dài của nhân loại”.

Nhạc trưởng Charles Ansbacher của dàn nhạc giao hưởng Landmark Boston cũng đã nhiệt tình tham gia vận động ủng hộ giải thưởng, mà cụ thể là tổ chức các buổi hòa nhạc “Hòa giải và Yêu thương” và mời vị nhạc trưởng nổi tiếng ở châu Âu Daniel Barenboim làm Đại sứ Giải thưởng Trần Nhân Tông.

Sau buổi hòa nhạc lần thứ hai hồi tháng 8-2011, mới đây Viện Trần Nhân Tông đã phối hợp với Dàn nhạc Landmark Boston và Quỹ văn hóa Free for All Concert (Quỹ Âm nhạc Miễn phí cho mọi người) tổ chức buổi hòa nhạc “Hòa giải và Yêu thương” lần thứ ba vào ngày 11-7-2012 tại Boston với sự tham dự của hơn 10.000 người. Dịp này nhạc trưởng Armand Diangienda người Congo đã nhận lời làm đại sứ Quỹ Trần Nhân Tông tại châu Phi.

Hiện nay, địa chỉ Trannhantong.net đã được rất nhiều người trong cũng như ngoài nước truy cập, đây vừa là cổng thông tin hoạt động của Viện Trần Nhân Tông vừa là một diễn đàn giữa những người muốn đến với viện. Tại cổng điện tử này bước đầu đã có các tư liệu giới thiệu những nghiên cứu, các thành quả trong việc

ứng dụng tư tưởng, giá trị cao quý của Trần Nhân Tông vào cuộc sống, những sáng tác văn hóa nghệ thuật về Trần Nhân Tông. Đây cũng là cổng tích hợp, kết nối tất cả các tư liệu về Trần Nhân Tông. ■

Thông công

(TIẾP THEO TRANG 51)

Công và ban ơn cho các trò đã mãn nhiệm kỳ trong chức vụ Hiệp Thiên Đài.

Chiếu thượng lệnh Đức Vô Cực Từ Tôn Điều Trì Kim Mẫu Bản Đạo ban ơn cho Đồng Tử Thanh Thủy:

THI BÀI

*Hạt giống đạo vun trồng từ nhỏ,
Gội ân lành mới có ngày nay,
Thiên ân thọ sắc Cao Đài,
Mười năm sáu tháng thảo ngay trọn đền.
Mãn nhiệm vụ tuổi tên vẫn để,
Còn đạo tâm thân thể vinh quang,
Sống trong quy luật tạo đoan,
Ân lành vẹn giữ làm đàng tiến thân.
Trước báo đáp hiếu ân trọng đại,
Sau trọn gìn nhân ngãi đạo hằng,
Ngõ hầu bảo trọng nguyên căn,
Trên đường chánh đạo vững vàng tương lai.”⁸*

– Trường hợp Đồng Tử Huệ Thanh:

*“Huệ Thanh đã trọn phần công quả,
Sắc lệnh cho tạo trả nợ luân,
Bấy lâu hiền đệ ôn nhuần,
Tu tâm luyện tánh vẹn tuân phận mình.
Ban ân huệ gia đình sắp lập,
Nghỉ phò loan từ Thập nguyệt lại;
Đôi lời chỉ bảo hôm nay,
Hiền đồ chớ khá lãng quên sau này.”⁹ ■*

(CÒN TIẾP).

8. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 12-7 Quý Hợi (20-8-1983).

9. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Thiên Lý Đàn, 10-8 Quý Mão (27-9-1963).

ĐẬU NÀNH

trong lãnh vực y khoa

Hiện nay, trước tình trạng bệnh nan y đang lan tràn trên thế giới, các khoa học gia đã nghiên cứu đủ mọi phương pháp để phòng chống kể cả áp dụng phương pháp dưỡng sinh, y thuật Đông Phương và dược thảo. Trong quá trình nghiên cứu, các khoa học gia đã để ý tới hai nước Trung Hoa và Nhật Bản.

Phần đông dân chúng trong hai quốc gia này có thói quen tiêu thụ đậu nành và những sản phẩm của đậu nành trong các bữa ăn thường nhật. Nên tỷ số những người mắc bệnh nan y rất thấp so với các nước Tây Phương và Hoa Kỳ.

Vì thế, họ đổ xô nhau đi nghiên cứu về đặc tính của đậu nành để xem có thể ứng dụng vào y dược để điều trị một số bệnh tật hay không. Tháng 9 năm 1996,

hội nghị quốc
tế lần thứ

hai nhằm tổng kết các thành quả nghiên cứu của khoa học gia về công dụng của đậu nành trong lãnh vực y học đã được diễn ra trong 5 ngày liên tục tại Brussels. Hơn 80 khoa học gia đến từ khắp nơi trên thế giới đã lần lượt thuyết trình về những kết quả sâu sắc mới nhất mà họ đã thu được trong lãnh vực y khoa trị liệu. Sau đây chúng tôi xin tóm tắt những thành quả đó và coi như là những tin vui để cống hiến quý vị độc giả.

1. ĐẬU NÀNH CÓ KHẢ NĂNG CHỮA ĐƯỢC BỆNH TIM MẠCH

Hiện nay, nhiều bằng chứng cụ thể cho thấy đậu nành có khả năng làm giảm lượng cholesterol của những người bị bệnh cao mỡ. Những bệnh nhân này nếu để lâu sẽ dẫn đến bệnh tim trầm trọng và có nguy cơ bị chết bất đắc kỳ tử vì mạch máu bị nghẽn hay tim bị kích ngất. Thực ra chất Protein trong đậu nành có khả năng làm hạ mức độ hai độc tố LDL Cholesterol và Triglyceride, tác nhân gây ra bệnh cao mỡ. Kết quả này rất khả quan và

công hiệu hơn hẳn việc trị liệu
bằng phương

■ TRẦN ANH KIẾT • V.T. ST.



pháp ăn uống theo quy thức do các chuyên gia y tế ấn định, kể cả việc chữa được các chứng bệnh cao mỡ trầm trọng và bệnh cao mỡ ở trẻ con.

Thêm vào đó, đậu nành còn có khả năng làm tăng lượng HDL cholesterol, một chất hữu ích trong cơ thể có tác dụng để kháng lại hai chất LDL Cholesterol và Triglyceride độc hại kể trên. Ngoài ra đậu nành cũng còn có công hiệu ngăn chặn sự oxyt hóa của chất LDL Cholesterol, không cho chúng có cơ hội chuyển hóa thành những nguyên tố độc hại khác, và phòng ngừa được chứng nghẽn các mao huyết quản.

Isoflavones là một hợp chất thiên nhiên hàm chứa trong đậu nành có cấu trúc hóa học tương tự như kích thích tố nữ oestrogen. Hiện thời người ta chưa chứng minh được chính protein trong đậu nành hay chỉ riêng chất Isoflavones trong protein của đậu nành là có công hiệu chữa các chứng bệnh trên. Tuy nhiên các khoa học gia đều đồng quan điểm rằng đậu nành nói chung có khả năng trị được bệnh tim mạch, đặc biệt là chứng cao Cholesterol trong máu.

2. ĐẬU NÀNH CHỮA ĐƯỢC BỆNH CỦA XƯƠNG

Xưa nay, các chuyên gia y tế đều công nhận calcium có khả năng phòng ngừa được bệnh xương xốp (osteoporosis), thường xảy ra trong giới phụ nữ trọng tuổi. Bệnh này cũng có xảy ra cho nam giới nhưng với một tỷ lệ thấp hơn.

Ngoài ra sự ăn uống theo quy thức cũng có khả năng làm cho xương được rắn chắc. Tuy nhiên các nghiên cứu gần đây cho thấy những người thường ăn đậu nành như dân chúng Nhật Bản cũng ít khi mắc phải bệnh xương xốp.

Người ta thí nghiệm trên loài chuột bằng cách cho chúng ăn toàn đậu nành không những ngăn chặn được chứng thoái hóa calcium của xương mà còn làm cho xương được rắn chắc. Isoflavones trong đậu nành là một chất có tính năng động có tác dụng giống như oestrogen ngăn ngừa được chất men tyrosin kinase làm cho xương bị xốp và dễ gãy. Nó cũng còn trợ giúp cho tế bào xương hình thành vững vàng.

Một cuộc thí nghiệm khác được thực hiện bằng cách cắt bỏ noãn sào (buồng trứng) của chuột cái để cho nó không sản xuất ra kích thích tố oestrogen nữa, rồi cho chúng ăn toàn bằng đậu nành. Chất Isoflavones trong đậu nành vẫn ngăn chặn được sự thoái hóa của xương và làm cho xương luôn luôn khỏe mạnh.

Những nghiên cứu gần đây cho biết những phụ nữ sau thời kỳ tắt kinh, mỗi ngày dùng bột hay sữa đậu nành thường xuyên thì mật độ khoáng chất trong xương vẫn duy trì ở mức độ bình thường.

Hiện nay tại Úc Châu xưởng bào chế dược phẩm đã sản xuất ra thuốc bằng đậu nành để cho người phụ nữ trong tuổi tắt kinh sử dụng hằng ngày rất tiện lợi.

3. ĐẬU NÀNH CÓ THỂ PHÒNG CHỐNG ĐƯỢC BỆNH UNG THƯ

Qua những nghiên cứu gần đây, các khoa học gia ghi nhận những người thường dùng đậu nành hoặc các sản phẩm của đậu nành trong khẩu phần ăn uống hằng ngày ít có nguy cơ bị bệnh ung thư nhũ hoa, tử cung, ruột già và niếp hộ tuyến. Các nghiên cứu khác được thực hiện trên cơ thể súc vật bằng cách gây cho chúng bị nhiễm bệnh ung thư rồi dùng chất genistein hàm chứa trong đậu nành để chữa trị thì thấy nó ngăn chặn được sự phát triển của bệnh ung thư ruột già, gan và vú.

Người ta còn nghiên cứu bằng cách giả tạo một sự sống như thể trạng thật của một con người đang bị nhiễm bệnh ung thư và đặt trong ống nghiệm. Sau đó họ trích các hợp chất từ đậu nành để chữa trị và đạt được kết quả hữu hiệu. Những hợp chất này còn có khả năng ngăn chặn sự cung cấp máu để nuôi dưỡng một loại tế bào đặc biệt có khuynh hướng hình thành các bướu ung thư.

Hiện nay các thí nghiệm được thực hiện trên cơ thể của loài thú về khả năng chống bệnh ung thư của đậu nành đã thành công một cách tốt đẹp.. Tuy nhiên đối với con người cần phải thực

hiện thêm nhiều cuộc thí nghiệm khác nữa để xác định mức độ hữu hiệu và an toàn rồi mới công bố để sử dụng.

Gần đây khoa học gia Yehudith Birk của trường Đại học Hebrew ở Jerusalem đã thực hiện được một vài phương pháp đáng khích lệ, có thể chữa được bệnh ung thư ở nhiều cấp độ trầm trọng và trong nhiều bộ phận cơ thể khác nhau mà không cần biết bệnh đã phát sinh vì nguyên do gì. Hiện nay Cơ quan Quản Trị Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ đang cho phép áp dụng phương pháp này để điều trị một số bệnh nhân tình nguyện trong bệnh viện để thí nghiệm và kiểm chứng.

Saponin và những hợp chất khác của đậu nành cũng đang được nghiên cứu và áp dụng.

Mong rằng cuộc thí nghiệm này được sớm thành công và sẽ mang lại một tin vui cho nhân loại trên toàn thế giới.

4. ĐẬU NÀNH VÀ BỆNH THẬN

Trong lãnh vực này, người ta nghiên cứu một cách lẻ tẻ và hiện chưa có một kết quả thỏa đáng nào. Song vài thí nghiệm cho thấy đậu nành cũng có ích lợi trong việc chữa trị bệnh thận. Các khoa học gia của Ấn Độ đã chứng minh quy thức ăn uống bằng cách tiêu thụ rất ít chất béo và chất protein rồi phối hợp thêm đậu nành trong khẩu phần hằng ngày có công hiệu giảm được chất cholesterol trong máu.

Các cuộc thí nghiệm khác trên loài chuột chứng minh được chất Genistein trong đậu nành có thể làm cho mạch máu được thư giãn và giảm chế được tốc độ lọc máu của thận, nên tránh được bệnh tiểu đường. Người ta đã trích hợp chất trong đậu nành để tiêm cho những con bò đã bị gây bệnh tiểu đường thì thấy tốc độ lọc máu của chúng trở lại mức độ bình thường.

5. ĐẬU NÀNH VÀ ẢNH HƯỞNG SINH LÝ CỦA PHỤ NỮ

Aedin Cassidy và các khoa học gia của Anh Quốc đã nghiên cứu biết được đậu nành điều hòa

chu kỳ kinh nguyệt của phụ nữ và kiềm chế được sự phát triển quá mức kích thích tố oestrogen của phụ nữ trẻ tuổi. Vì khi kích thích tố này phát triển quá nhiều, người phụ nữ sẽ có xác suất dễ bị bệnh ung thư nhũ hoa hơn.

Đối với những phụ nữ sau thời kỳ tắt kinh, dùng đến 40% đậu nành trong khẩu phần ăn uống hàng ngày sẽ không cần phải uống thuốc hồi phục kích thích tố mà vẫn có thể phòng ngừa được bệnh xương xốp. Nếu cảm thấy ăn uống bất tiện thì có thể dùng oestrogen thiên nhiên được bào chế thành thuốc viên từ đậu nành hiện có bày bán hợp pháp tại các tiệm dược phẩm.

6. ĐẬU NÀNH VÀ SỨC KHỎE CỦA TRẺ CON

Tại New Zealand, người ta thí nghiệm bằng cách nuôi những con vẹt bằng bột đậu nành theo công thức sữa nuôi trẻ con và báo cáo rằng không có ảnh hưởng gì xấu đối với sự sinh sản và cơ quan sinh thực của chúng. Tuy nhiên thí nghiệm ở loài vật có kết quả chưa hẳn sẽ trùng hợp với thí nghiệm ở loài người. Trong thập niên qua, ông Kenneth Setchel, chuyên gia nghiên cứu về đậu nành đã báo cáo rằng trẻ con được nuôi dưỡng với sữa đậu nành có công thức Isoflavones cao vẫn được an toàn. Trong nhiều năm nuôi dưỡng như vậy cũng không có ảnh hưởng gì xấu cho đứa bé cả.

Khoa học gia Alercreutz bảo rằng người Á Châu thường ăn uống nhiều đậu nành hơn không có ảnh gì bất lợi cho việc sinh sản của họ cả. Chất Isoflavones tập trung trong thủy dịch bao bọc chung quanh bào thai tương đồng với mức độ Isoflavones trong máu của một người mẹ bình thường.

Ở Nhật Bản, trẻ con khoảng 4 tháng tuổi là đã cho dứt sữa mẹ và được thay thế bằng sữa đậu nành, được bảo đảm rằng nó sẽ có đầy đủ sức khỏe trong tương lai vào thời kỳ khôn lớn.

Lamartinière đã thí nghiệm bằng cách cho chuột ăn chất Genistein của đậu nành sẽ tránh được bệnh ung thư vú về sau.

Hiện thời người ta vẫn còn nghiên cứu để

xác định rõ ràng vai trò của đậu nành trong việc nuôi dưỡng trẻ con quan trọng như thế nào.

Tóm lại, qua sự trình bày trên đây, chúng ta thấy quả thật đậu nành đã có công hiệu đối với việc phòng ngừa và chữa trị một số bệnh tật. Tuy nhiên vì bản thân nó xuất xứ từ một loại thảo mộc tẩm thường nên trong dân gian ít ai để ý tới. Tại Hoa Kỳ, người ta đang nghiên cứu để nắm vững các chứng minh cụ thể về công dụng của đậu nành rồi mới chính thức đưa vào y khoa trị liệu.

Tại Úc Châu tầm mức của đậu nành có khả năng y dược chưa được đặt thành đề tài nghiên cứu quan trọng. Tuy nhiên trong thời gian gần

đây người ta đã bắt đầu sử dụng đậu nành để sản xuất chất oestrogen nhân tạo và được bày bán trong các nhà thuốc tây một cách hợp pháp để cho các phụ nữ trong tuổi tắt kinh sử dụng hàng ngày rất tiện lợi.

Mong rằng trong tương lai, những công dụng khác của đậu nành trong lãnh vực y dược sẽ còn được quảng bá rộng rãi hơn nữa và sẽ mang lại nhiều hữu ích thiết thực trong việc bảo vệ sức khỏe của con người.

Người Á Châu mình đã biết dùng đậu nành để chế biến nhiều loại thức ăn. Tuy không nghiên cứu rõ ràng, nhưng may mắn ngẫu nhiên trùng hợp về giá trị dinh dưỡng đặc biệt của nó.■



THÁNH GIÁO

Nương nhau để tạo nếp đầu tiên,
Cho sử mai sau gọi Thánh Hiền,
Của đạo Cao Đài trong thế kỷ,
Gồm quy Tam Giáo Thích Nho Tiên.

■
Nữ cũng như nam có khác nào,
Cũng người cũng học cũng tài cao,
Chỉ riêng thể chất thì hơi thiệt,
Lập đức thi công rạng má đào.

■
Đường đã vạch rồi cố bước đi,
Nữ nam lớn bé hãy đồng thi,
Đậu hay đỗ bởi do chăm học,
Phúc đã trên ban lại ngại gì.

■
Hiển u tuy có cách nhau xa,
Tình nghĩa thiêng liêng vẫn mặn mà,
Trách nhiệm điểm tô nền Đại Đạo,
Cũng đồng con quý của Trời Cha.
ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, THÁNH THẤT BÌNH HÒA, 28
-8 ĐÌNH MÙI (01 -10 -1967).■

■
THI
Mong rằng tâm chí của Tiên Huynh,

Nam nữ thanh niên tưởng chút tình,
Nơi dấu dạn mình ra giúp đạo,
Dựng đời tân tiến kiếp phù sinh.

HỮU
Sinh ở trong đời có mấy ai,
Ngàn năm, muôn tuổi sống lâu dài?
Loanh quanh mấy chục rồi buông rũ,
Còn lại nắm mồ bãi cỏ đây.

NGÂM
Danh đời danh đạo cũng danh,
Hôi thơm tốt xấu dĩ lành khác nhau.
Cảm tình mấy đoạn vừa trao,
Các em chung trí cùng nhau tiến hành.
Giã từ lời chót đàn anh,
Phiêu phiêu tiên cảnh mây lành đời chơn.
ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, THÁNH THẤT BÌNH HÒA, 15
-9 ĐÌNH MÙI (18 -10 -1967).■

■
Le lối trời đông ánh đạo vàng,
Hỡi người tuổi trẻ chí hiên ngang,
Lên đường sứ mạng đôi vai gánh,
Gánh Đạo vào đời thế mới an.
ĐỨC CAO TRIỀU PHÁT, NAM THÀNH THÁNH THẤT,
23 -8 CANH TUẤT (22 -9 -1970).■

Bì chay



NGUYÊN LIỆU

(DÀNH CHO 10 NGƯỜI ĂN)

- Nửa kg khoai tây;
- 1 kg củ sắn;
- 5 miếng đậu hủ;
- 1 củ tỏi băm;
- Bột nêm;
- 1 gói bún tàu 50g;
- Nước mắm chay (khoảng ½ chén);
- 6 muỗng đường;
- 1 chén nước;
- 1 trái chanh;
- Tỏi, ớt băm và 1 ít đồ chua.

CÁCH LÀM

Khoai tây bào vỏ, cắt sợi nhỏ, ngâm nước, vớt ráo rồi đem chiên vàng, vớt ra thau.

Củ sắn lột vỏ rửa sạch cắt sợi, lớn hơn khoai tây, kể cho một ít muối vào trộn đều chờ một chút, vắt cho hết nước, bắc chảo lên, cho 3 muỗng súp dầu, cho tỏi băm vào xào hơi vàng,

kể cho củ sắn vào xào cho thấm, cho 1 muỗng bột ngọt vào, cho thấm, tắt lửa. (Hoặc củ sắn cắt miếng đem chiên vàng, rồi cắt sợi cũng được).

Cho củ sắn vào thau chung với khoai tây đã chiên. Đậu hủ trắng, xẻ mỏng chừng 1cm, đem chiên vàng, vớt ra để nguội. Kế đó xẻ đôi miếng đậu hủ đã chiên, cắt sợi nhuyễn. Bắc chảo lên bếp, cho 2 muỗng súp dầu ăn và 1 muỗng tỏi băm nhuyễn vào xào cho hơi vàng, cho đậu hủ vào xào đều, cho 1 muỗng súp bột nêm vào, xào cho ráo, tắt lửa múc ra thau để nguội.

Trộn bún tàu: bắc nồi nước lên bếp đợi sôi, cho bún tàu vào đợi sôi trở lại rồi tắt bếp, đem đổ bún tàu ra rổ rửa sạch bằng nước lạnh cho nguội để không bị đóng cục, đợi ráo nước cắt khúc dài khoảng 2 lóng tay, trộn thính vào. Trộn tất cả hỗn

hợp lại với nhau cho đều khoai tây, củ sắn, đậu hủ, bún tàu, thêm thính vào là dùng được.

Chúng ta có thể làm nhiều món ăn với bì chay như: cơm tấm bì, bún bì, bánh tấm bì, bì cuốn, ăn với nước mắm, chanh, tỏi, ớt.

CÁCH PHA CHẾ NƯỚC MẮM (KHOẢNG 1 TÔ):

- 1 trái chanh, tỏi, ớt băm;
- 1/3 muỗng cà phê bột ngọt;
- Nửa muỗng cà phê muối;
- 1 chén nước sôi đầy hoặc (nước dừa nấu sôi).

Cho 6 muỗng súp đường vàng vào tô, 1/3 muỗng cà phê bột ngọt, cho nước và non nửa chén nước mắm chay vào khuấy đều cho tan, vắt 1 trái chanh vào bỏ hạt, cho đồ chua, tỏi ớt vào là dùng được. Nếu ăn cơm, thì làm nước mắm mặn hơn một chút. Nếu ăn ít thì chia đôi số lượng trên. ■

TIỂU SỬ
HIỀN HUYNH XỬ LÝ HÀNH CHÁNH VỤ
CHÍ KIÊN – VÕ VĂN LIÊM
(1940–2012)



BAN BIÊN TẬP: 8giờ sáng ngày 01-7-2012 (13-6 Nhâm Thìn), Đạo huynh Chí Kiên, Xử lý Hành Chánh Vụ đã phủi sạch nợ trần, trở về phục lệnh Đức Chí Tôn. Tang lễ được cử hành tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài. Toàn thể nhân viên Cơ Quan đã trang trọng có mặt tiễn hành nghi thức tiễn đưa và Đạo huynh Phó Tổng Thư ký đã đọc phần Tiểu sử cùng quá trình hành đạo của Đạo huynh Chí Kiên với những lời dạy của Ông Trên.

■ HUỆ Ý

Hiền huynh Chí Kiên (thế danh Võ Văn Liêm), sinh ngày 24-02-1940 tại Cần Giuộc – Long An.

Thân phụ là Ông Võ Thành Nhơn, tức Cố Đạo Trưởng Hiệp Lý Minh Đạo Chí Hùng, đặc vị Trường Sinh Chơn Thánh.

Thân mẫu là Bà Trần Thị Nhân, tức cố Đệ nhị Phó Chủ tịch Nữ Chung Hòa Cơ Quan Thanh Hà, đặc vị Nguyệt Quang Tiên Nương.

Hiền huynh là anh cả trong gia đình, các em đều tu học hành đạo chung tại Cơ Quan:

- Võ Thị Ngọc Trinh (Kim Trinh): Vụ phó 1, Vụ Nữ Chung Hòa.

- Võ Thị Kim Nhung (Kim Dung): Giáo Sĩ, Tập đoàn Giáo Sĩ.
- Võ Thành Châu (Huệ Nhẫn): Vụ Phó 1, Văn Hóa Vụ.
- Võ Thị Anh Đào: tịnh viên Cơ Quan.
- Võ Thị Mỹ Liên: nhân viên Cơ Quan.

Hiền huynh kết hôn với bà Nguyễn Cao Ngọc và có 3 người con (1 nữ, 2 nam): Võ Thị Thanh Mai, Võ Chí Trung, Võ Đình Khương.

Hiền huynh nhập môn tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài năm 1964, gia nhập Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo năm 1968 và trường trai từ năm 1982.

Về Đạo Pháp, Hiền huynh lần lượt học:

- Sơ thiền: 1974;
- Thập nhị cảm đoạn: 1981;
- Nội công hấp khí bậc I: 1983;
- Nội công hấp khí bậc II: 1984;
- Nhị cơ: 1986;
- Nhị cơ tiến đạo: 1988.

Trong buổi truy điệu này, chúng ta cùng HỌC LỜI ON TRÊN DẠY HIỀN HUYNH để tô đậm cuộc đời hành đạo của huynh và ghi nhận các kinh nghiệm mà chúng ta rút ra được để bổ sung hành trang cho bản thân.

1. HIẾU ĐẠO:

Điều đơn giản mà không dễ làm là vâng lời cha mẹ dạy để học, tu, làm công quả ở tuổi thanh thiếu niên. Hiền huynh được Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo khen:

*“Võ Văn Liêm: khá khen biết biết vâng lời khuyên nhủ của cha mẹ lê bước đến gần của Thánh, hãy cố gắng thêm lên để được xứng đáng con cháu trong gia đình đạo đức.”*¹

Nội dung cần học là vừa đạo, vừa đời cho đầy đủ mới có thể kế thừa đạo nghiệp Cơ Quan, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy tiếp:

“Đây Bản Đạo dạy về phần thanh thiếu niên: (...) Huệ Thiện, Võ Văn Liêm, Lê Quang Minh, Nguyễn Tấn Phước, Nguyễn Văn Thọ, Ngô Chí

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Nhâm Tý (23-8-1972).

*Đức, Võ Thị Ngọc Trinh, Ngô Thị Chí Phước,... đều là những nhân viên kế tiếp của Cơ Quan cần được hướng dẫn tu học về quy luật đạo lần đời.”*²

2. CHƠI ĐẠO:

Cốt tủy của đời tu là tu tâm pháp, Hiền huynh cũng phát nguyện bước vào chơn đạo, điều trước tiên là phải từng bước chuyển nghiệp và xây nền. Một thuở nào đó Hiền huynh đã từng theo Ngài Thiển sư Từ Đạo Hạnh học đạo, quét lá bồ đề nên kiếp này được Đức Bác Nhã Thiển Sư³ dạy:

“Võ Văn Liêm được may mắn sanh vào khuôn mẫu đạo đức đến giờ này gặp Bản Tăng âu cũng là duyên số định. Bản Tăng khuyên trò hoan hỷ trở về, đến một lúc gần đây sẽ có khóa Sơ toàn dành riêng cho giới trẻ, trò sẽ là ưu tiên được thâm nhận.

Này Liêm, Bản Tăng cũng nói rõ là:

- tuổi trẻ biết tu hành rất quý,
- tuổi trẻ đầy đủ dương khí để tu luyện chóng kết quả thành công,

• nhưng tuổi trẻ cũng dễ dàng sa ngã trước mọi khảo thí của ma vương.

Thời xưa muốn học đạo pháp phải có điều kiện tối yếu như là lập đại hồng thệ, xuất gia tự nguyện...

Thời đại ân xá này không bắt buộc những điều kiện hữu hình đó, tuy nhiên các điều kiện vẫn được triệt để thi hành trong luật vô vi, song được cái may mắn rộng rãi là phân từ cấp bậc ví như Liêm hiện là một thanh niên trong quân ngũ phải cần thọ đạo pháp có một đường lối tu luyện dành cho giai tầng này để vừa tu thân vừa trị thế, vừa độ tha cho đến khi vào đường hoàn toàn giải thoát.

Vậy trò hãy yên lòng chờ đợi, trong khi chờ đợi

- phải tự nguyện sám hối
- và rèn đức nội tâm cho sẵn sàng khi vào cửa huyền công bát nhã nghe. Trò an tọa.”⁴

Phần chơn đạo, Hiền huynh được Ôn Trên chứng chiếu và tiếp tục ban ân:

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15- 4 Quý Sửu (17-5-1973).

3. Hậu kiếp của Ngài Từ Đạo Hạnh.

4. Bát Nhã Tịnh Đường, 21-5 Quý Sửu (21-6-1973).

ĐỨC ĐIỀU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN ban ân:

“Văn Liêm! Con hãy bền tâm hành đạo, đến Đông chí sẽ được ân phước nghe con!”⁵

ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHUÔNG QUẢN ban ân:

“Văn Liêm sẽ là học trò, sẽ dìu dắt hàng binh sĩ trở lại đạo pháp.”⁶

ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHUÔNG QUẢN ban ân:

“Phần Thanh niên: Huệ Thiện, Văn Liêm, Huệ Nhân, Huệ Ý hãy chuẩn bị thọ ân phước nghe.”⁷

ĐỨC NHƯ Ý ĐẠO THOÀN CHƠN NHƠN ban ân:

“Văn Liêm sẽ được ban đạo pháp vào giờ Tý đêm nay về tinh thần.”⁸

Sự chí thành tâm đạo, miệt mài tu công bởi quả của Hiền huynh đã được Đức Tiên Bối Cao Triều Phát ban cho một lời thọ ký:

“Mừng các em Thanh thiếu niên... Từ nay các em sẽ khởi sự tiến thân vào hàng Giáo Sĩ và các em sẽ hoài bão tương lai của những người Tiên bối trong Đại Đạo.

Hỡi các em thân mến! Tiên Huynh để các em tự nguyện ghi tên vào lớp Giáo Sĩ cho toàn thể các cấp chức vụ trong Cơ Quan nói chung, gia đình phụ huynh các em nói riêng được hãnh diện đặt niềm tin trước những người con trai, những đứa con gái chuẩn bị lên đường phụng Thiên sự dân ở mai hậu, như lời Đức Chí Tôn Từ Phụ đã dạy.

Tiên Huynh cũng bảo trước với các em: Huệ Trung, Quang Phúc, Huệ Nhân, Huệ Ý, Trọng Nguyên, Thị Ân, Kim Nhung, Lập Hạnh. Thanh Sương, Ngọc Sương, Hạnh Diệu, Hạnh Điển, Thị Ngoạn, Anh Đào, Mỹ Liên, Bạch Yến và phần phụ: Văn Liêm, Tấn Trạch, Huệ Minh, Ngọc Trinh, Tôn Thất Quyên, các em là đoàn tiên phong trên con đường nhiều trở ngại, hãy thật tâm nương tựa dìu dắt, nâng đỡ lẫn nhau, anh chị lớn lo cho các em nhỏ tiếp nối tiến hóa để hoàn thành công cuộc phổ thông giáo lý Đại Đạo trong tương lai.

Các em lưu ý điều này là người tu sĩ, giáo sĩ có một giá trị tuyệt đích để tiến đến hàng lãnh đạo nhưng giá trị ấy chỉ dành riêng cho những ai có cơ duyên và tự nguyện trước sự mạng. Như vậy không phải để kiện toàn cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý mà thành phần này phải góp tay vào mục đích tạo điều kiện thể nhen hòa ở xã hội mai sau. Đây chỉ là mong muốn. Hiện thời các em hãy lành mạnh và hệ thống hoá thành phần trong Thanh thiếu niên. Sau mùa thi thì các em nên dự lớp học sẵn có tại Cơ Quan để cầu tiến và đời buổi họp lại giờ sau.

Non sông gấm vóc tư bề,

Hóa hồng chánh đạo phá mê cho đời.”⁹

Diễm phúc của người tu là dù ở đâu, lúc nào cũng được chư Thiên Hộ Pháp ban cho tường quang an toàn che chở để qua được cộng nghiệp lần biệc nghiệp hầu tiếp tục tiến tu. Đức BẢO PHÁP CHƠN QUÂN dạy hiền huynh:

“(…) Võ Văn Liêm, hiền đệ đã được cứu độ khỏi nghiệp tàn phế, thì hãy ráng lập công bởi đức. Bốn Huynh có xin Đức Tôn Sư cho hiền đệ được thọ pháp Sơ thiên để tiến đạo kịp lúc. Nhờ mỗi thời giữ pháp luyện thân như lời dạy.”¹⁰

“Tuy cao thăm thẳm chín tầng,

Ai người thiện nguyện sự mừng liền ban.”

Hân hạnh trong cuộc đời, hiền huynh đã từng được Đức Chí Tôn ban ân:

HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ KIM VIẾT CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT:

“Thầy các con (...) Vậy các con thành tâm nghe Thầy dạy nội bộ Ban Chấn Hành: (...) Trong nhiệm kỳ mới Thầy ban:

(...) Hành Chánh Vụ: Lê Ngọc Lưu, Chí Chơn, Thiện Căn, Võ Văn Liêm, Nguyễn Văn Dũng.”¹¹

Đặc biệt, Đức NGUYỆT QUANG TIÊN NƯƠNG, thân mẫu của hiền huynh, hân hoan khi ban cho lời dạy trong một lần tao ngộ:

5. Vinh Nguyên Tự, 15-8 Quý Sửu (11-9-1973).

6. Vinh Nguyên Tự, 01-10 Quý Sửu (26-10-1973).

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-11 Quý Sửu (09-12-1973).

8. Vinh Nguyên Tự, 02-12 Quý Sửu (25-12-1973).

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Giáp Dần (06-5-1974).

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Tân Dậu (18-5-1981).

11. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 18-02 nhuận Ất Sửu (07-4-1985).

“Mẹ cũng rất vui mừng khi thấy hai con Kim Dung, Võ Văn Liêm nhất tâm hành đạo, còn những đứa kia chờ đến bao giờ?... Đừng nghĩ rằng sắp xếp việc gia đình ổn định sẽ hành đạo. Thời gian sẽ không chờ các con, nghiệp lực sẽ không buông tha các con. Mẹ e rằng một ngày nào đó các con sẽ hối tiếc khi thấy đường công phu chậm bước, và công quả công trình chẳng đến đâu. Mẹ nói ít các con hiểu nhiều.”¹²

Trong tiết Mạnh Xuân năm Nhâm Thân (1992), một niềm vui lớn đến với hiền huynh, ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHUÔNG QUẢN ban Thánh danh:

“Võ Văn Liêm nghe dạy:

*Khen hiền biết giữ dạ trung kiên,
Phục vụ Cơ Quan lập quả duyên,
Hãy cố tịnh tâm kềm hỏa khí,
Tinh thần điếm đạm thọ Thiên ân.
Bản Đạo ban Thánh danh CHÍ KIÊN.*¹³

3. HÀNH ĐẠO:

Hiền huynh lần lượt đảm nhận các chức vụ trong Cơ Quan:

- 1972–1974: Nhân viên Hành chánh;
- 1981: Trưởng ban Kế toán;
- 1982: Phó ban Học hiệu;
- 1983–1984: Trưởng ban Văn thư + Trưởng ban Học liệu;
- 1985–1986: Trưởng Tiểu ban Đặc chương;
- 1987: Trưởng Tiểu ban Văn thư;
- 1990: Hành chánh Vụ phó 2;
- 1991: Trưởng ban Ngoại giao;
- 1992–1994: Ngoại giao Vụ phó 1;
- 1995–1998: Ngoại giao Vụ phó 2;
- 1999–2010: Hành chánh Vụ phó 1;
- 2011– nay: Quyền Xử lý Hành chánh Vụ.

8g00 ngày 01–7–2012 (13–6 Nhâm Thìn) hiền huynh rời cõi tạm này để tiếp tục tu, học, hành đạo ở cõi vô vi trong niềm mến tiếc của đồng đạo và gia đình.■

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17–6 Kỷ Tỵ (19–7–1989).

13. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30–02 Nhâm Thân (02–4–1992).



Thế gian nay đổi mai dời,
Thạnh suy bỉ thối ai người khéo khôn;
Tu sao cứu rỗi linh hồn,
Cửu huyền thất tổ tử tôn nhiều đời;

ĐỨC GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO THÁI BẠCH KIM TINH,
THIÊN LÝ ĐÀN, 20–9 KỶ DẬU (30–10–1969).■

■
Nhờ ơn hiếu tử lấm gia công,
Hành đạo bao năm chẳng ngại lòng;
Mới biết cửu huyền cùng thất tổ,
Nhờ tu cứu vớt đặng môn tông.
ĐỨC NGUYỆT ĐIỆN TIÊN CÔ, THÁNH THẮT TÂN

ĐỊNH, 06–01 BÍNH NGỌ (26–01–1966)■

■
Thanh thiếu niên các trò lập chí,
Học nên người giáo sĩ tương lai,
Phổ thông chơn lý Cao Đài,
Giúp đời nên đạo trong ngoài yên vui.
Đời còn cảnh chia phui khổ nạn,
Lòng dạn lòng cố gắng hy sinh,
Một mai non nước thái bình,
Nên trang hướng đạo đẹp tình thanh cao.
Chia trình độ mà trau đức tánh,
Dụng lý tình mọi cảnh duy thông,
Đỡ nâng anh bé, chị bông,
Nhạc trùng dương trở muôn dòng trùng dương.

ĐỨC GIÁO TÔNG ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG
GIÁO LÝ, 15–01 GIÁP DẦN (06–02–1974).■

■
Thanh thiếu niên trên đàn tu học,
Mầm non này lứa lọc từ lâu,
Các em chớ ngại dài dẫu,
Trước bao cảnh khổ nở nào làm ngơ.
Tuổi xanh chẳng đợi chờ em mãi,
Bóng thiếu quang sớm lại tối qua,
Trường đời học tập chi là,
Cho nên thân thể con nhà Rồng Tiên.

ĐỨC VÂN HƯƠNG THÁNH MẪU, VẠN QUỐC TỰ,
12–8 KỶ DẬU (23–9–1969).■

THEO • DÒNG



21-4 NT (11-5-2012) Thánh thất Thủ đô Hà Nội tổ chức Đại hội nhân sinh IV, nhiệm kỳ 2012-2017 (hình 1).

23-4 NT (13-5-2012) Lễ khánh thành ngôi Tam đài Thánh thất Trung Đức.

26-4 NT (16-5-2012) Lễ đặt viên gạch đầu tiên xây dựng Thánh thất Bình Khánh

08-4 NHUẬN NT (28-5-2012) Họ Đạo Linh Xuân, Quới Điền, Hòa Lợi, Huyện Thạnh Phú, Bến Tre tổ chức Lễ Khánh thành và an vị Thánh tượng Thiên Nhân.

14-4 NHUẬN NT (03-6-2012) Giáo Hữu Thượng Công Thanh, Ban Đại diện Hội Thánh Cao Đài Truyền Giáo và chúc sắc Thái Khỏe Thanh, đại diện Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo thay

mặt các Hội Thánh và tổ chức Cao Đài cùng Đạo trưởng Đạt Trí, Hiệp Lý Minh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo hành lễ viếng linh cửu Cụ Nguyễn Văn Cao, 91 tuổi, nhạc phụ của đạo huynh Thiện Chí, Tổng Thư ký Cơ Quan tại tư gia.

19-4 NHUẬN NT (08-6-2012) Tổ chức Giao lưu các Hội Thánh và tổ chức Cao Đài triển khai nội dung “Bảng ghi nhớ” Hội nghị lần v tại Tổ Đình Chiêu Minh Vô Vi Cần Thơ.

23-4 NHUẬN NT (12-6-2012) Phái đoàn Cơ Quan cùng các Hội Thánh viếng Liên đài Chánh Phối Sư Hương Miên (Nguyễn Thị Miên) tại Hội Thánh Ban Chính Đạo, Bến Tre.

05-5 NT (23-6-2012) Tòa Thánh Long Châu, tỉnh Hậu Giang thiết lễ Thánh Đản Đức Nhị





Thiên Giáo chủ Võ Văn Phẩm và Thánh tịnh Chiếu Minh Ẩn Giáo Cần Thơ cử hành Lễ kỷ niệm Đức Hồng Đức Chơn Tiên.

07-5 NT (25-6-2012) Thánh tịnh Ngọc Nữ Đài, Cần Thơ cử hành Lễ An vị Thiên Nhân.

08-5 NT (26-6-2012) Thánh tịnh Tân Minh Quang tổ chức kỷ niệm Lễ Lạc thành lần thứ 16.

10-5 NT (28-6-2012) Thánh tịnh Ngọc Minh Đài thiết lễ kỷ niệm 78 năm thành lập, đạo huynh Thiện Chí, Tổng Thư Ký Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo được mời thuyết minh giáo lý đề tài “Chân dung người tín hữu Cao Đài” (hình 2).

12-5 NT (30-6-2012) Lễ an vị Long vị Đức Phật Mẫu tại Họ Đạo Long Vân (hình 3).

13-5 NT (01-7-2012) Lễ lạc thành Ngôi Tam đài Thánh thất Tân Định, Q1, TP.HCM.

24-5 NT (12-7-2012) Lễ diếu tang Đạo huynh Tường Chơn tại Minh Lý Thánh Hội (hình 4).

24-6 NT (11-8-2012) Lễ kỷ niệm lần thứ 79 thành lập Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà, trùng dụng ngày Thành đạo Đức Quan Thánh Đế Quân (hình 5).

29-6 NT (16-8-2012) Đại hội tổng kết nhiệm kỳ III (2007-2012) của Ban đại diện Hội Thánh Cao Đài Ban Chính Đạo tại Thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức tại Thánh thất Đô Thành (Hậu Giang).

Cùng ngày, lễ kỷ niệm 66 năm thành lập, 38 năm lạc thành Thánh tịnh Bửu Quang





Đàn trùng tụng Lễ khánh thành Phòng thuốc nam.

02-7 NT (18-8-2012) Lễ kỷ niệm Khánh thành Thánh tịnh Thanh Minh Đền lần thứ 2 tại Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh.

TIN ĐẠO SỰ NỘI BỘ

02-4 NHUẬN NT (23-5-2012) Đạo huynh Hồ Văn Tây, Thánh danh Đạt Nguyễn, Phó Ban Nghi lễ Nội Chánh Vụ Cơ Quan quy vị vào lúc 14 giờ ngày 22-5-2012 (03-4 nhuận NT).

15-4 NHUẬN NT (04-6-2012) Thể theo lời mời của Ban Cai Quản Nguyệt Thanh Quang, Vụ Nữ Chung Hòa đến Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang viếng thăm Thánh tịnh và cùng nhau học tập về Nữ Phái Đại Đạo (hình 6).

19-4 NHUẬN NT (08-6-2012) Đạo tỷ Phạm Thị Mai, Thánh danh Bạch Đức, hiền nội của đạo trưởng Chí Tín, nguyên Phó Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã liễu đạo lúc 17 giờ ngày 06-6-12 (17-4 nhuận NT).

12-5 NT (30-6-2012) Phái đoàn Hội Thánh Cầu Kho Tam Quan tới thăm Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

22-5 NT (10-7-2012) Lễ Tiểu Tường Đạo trưởng Đạt Chơn Võ Nghĩa Hạo, Chương Nghiêm Pháp Quân, được cử hành trang trọng tại Võ Tông Đường, Cần Thơ (hình 7).

19-6 NT (06-8-2012) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo thiết lễ kỷ niệm ngày Thành Đạo Đức Quan Thế Âm Bồ tát và kỷ niệm 22 năm

ngày thành lập Phòng Khám bệnh Phước thiện. Giáo sĩ Hoàng Mai thuyết minh giáo lý đề tài: “*Pháp Quán Thế Âm – Lục tự đại minh chơn ngôn*” (hình 8).

Cùng ngày: lúc 19 giờ Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo điều tang đạo tỷ Nguyễn Thị Châu, Thánh danh Diệu Lộc Hương, thọ 77 tuổi, cựu nhân viên Phòng Khám bệnh Phước thiện Cơ Quan.

TIN GIAO LƯU HỌC TẬP THÁNH GIÁO NỮ PHÁI

01-5 NT (04-5-2012) Tại Thánh thất Thành Công, Giáo sĩ Kim Dung bình giảng bài 7, quyển Lòng Từ Mẫu.

15-6 NT (02-8-2012) Tại Thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà, Giáo sĩ Thanh Bình bình giảng bài 22, quyển Thánh giáo Ất Tỵ (hình 9).

29-6 NT (16-8-2012) Tại Thánh thất Bàu Sen, Giáo sĩ Diệu Như bình giảng bài 22, quyển Thánh giáo Ất Tỵ.

14-7 NT (30-8-12) Tại Thánh tịnh Thanh Tịnh Đền, Giáo sĩ Kim Dung bình giảng bài 6, quyển Lòng Từ Mẫu. ■

CHÚ THÍCH ẢNH

Hình 1: Hội trường Thánh thất Thủ đô Hà Nội.

Hình 2: Hội trường Thánh tịnh Ngọc Minh Đài trong buổi lễ kỷ niệm 78 năm thành lập.

Hình 3: Lễ an vị long vị đức Phật Mẫu tại Điện thờ Phật Mẫu Linh Xuân, họ đạo Long Vân.

Hình 4: Minh Lý Thánh Hội tiếp Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đến điều tang Tường Chơn.

Hình 5: Chánh Hội trưởng Ngọc Xương Thanh trên diễn đàn.

Hình 6: Thánh tịnh Nguyệt Thanh Quang.

Hình 7: Hội đồng gia tộc hành lễ Tiểu Tường.

Hình 8: Đạo tỷ Huyền Như Như Tịnh phát biểu cảm tưởng tại buổi lễ.

Hình 9: Giáo sĩ Thanh Bình tại Hội trường Ngọc Điện Huỳnh Hà. ■